

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**SỔ TAY
CÔNG TÁC ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

NĂM 2019

Phần I
VĂN BẢN QUY ĐỊNH

NGHỊ ĐỊNH
Về việc ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố
và công trình công cộng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này “Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng”.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
(Đã ký)
Phan Văn Khải

QUY CHẾ

Đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP
ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tại các đô thị ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng nhằm góp phần thực hiện tốt công tác quản lý đô thị, quản lý hành chính; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong các hoạt động giao dịch kinh tế, văn hóa - xã hội; đồng thời góp phần giáo dục truyền thống lịch sử - văn hóa dân tộc, nâng cao tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc, tình hữu nghị đoàn kết quốc tế.

Điều 3. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đại lộ là đường phố có quy mô lớn, có ý nghĩa đặc biệt và giữ vị trí quan trọng trong mạng lưới giao thông đô thị, đáp ứng yêu cầu hạ tầng kỹ thuật, thẩm mỹ và cảnh quan đô thị.

2. Đường là lối đi lại được xác định trong quy hoạch đô thị có quy mô lớn về chiều dài, chiều rộng, gồm các trục chính trên địa bàn đô thị, các tuyến vành đai, liên tỉnh.

3. Phố là lối đi lại được xác định trong quy hoạch đô thị, hai bên phố thường có các công trình kế tiếp nhau như nhà ở, cửa hàng, cửa hiệu.

4. Ngõ (kiệt) là lối đi lại nhỏ từ đường, phố vào các cụm dân cư đô thị.

5. Ngách (hẻm) là lối đi lại hẹp từ ngõ (kiệt) vào sâu trong các cụm dân cư đô thị.

6. Công trình công cộng trong Quy chế này bao gồm quảng trường, công viên, vườn hoa, cầu, bến xe, công trình văn hóa - nghệ thuật, thể dục thể thao, y tế, giáo dục, công trình phục vụ du lịch, vui chơi giải trí.

7. Đô thị bao gồm thành phố, thị xã, thị trấn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập. Đô thị được phân thành 6 loại, gồm: đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I, đô thị loại II, đô thị loại III, đô thị loại IV và đô thị loại V.

Chương II

NGUYÊN TẮC VỀ ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

Mục 1. NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 4. Tất cả các đường, phố và công trình công cộng trong thành phố, thị xã, thị trấn được xây dựng theo quy hoạch đô thị, được sử dụng ổn định thì được xem xét để đặt tên.

Điều 5. Không đổi tên đường, phố và công trình công cộng đã có tên gọi quen thuộc, đã gắn bó với lịch sử - văn hóa của dân tộc, của địa phương và đã ăn sâu vào trong tiềm thức, tình cảm của nhân dân qua nhiều thế hệ.

Trường hợp đường, phố và công trình công cộng đã đặt tên mà xét thấy không có ý nghĩa lịch sử - văn hóa, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc, không phải là nhân vật tiêu biểu của đất nước hoặc của địa phương, gây ảnh hưởng, tác động xấu trong xã hội thì phải đổi tên, nhưng cần xem xét thận trọng.

Điều 6. Không đặt tên đường, phố hoặc công trình công cộng bằng các tên gọi khác nhau của một danh nhân trên cùng một địa bàn đô thị. Trong trường hợp đặc biệt thì cần xem xét từng trường hợp cụ thể gắn với các mốc lịch sử cụ thể trong cuộc đời hoạt động của danh nhân để có phương án xử lý phù hợp.

Điều 7. Đô thị loại đặc biệt cần lựa chọn tên các địa danh, tên các sự kiện lịch sử trọng đại, các danh nhân tiêu biểu của cả nước hoặc của thế giới trên mọi lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, nghệ thuật, khoa học, an ninh, quốc phòng... để đặt tên cho đường, phố và công trình công cộng. Các đô thị còn lại, căn cứ vào phân loại cấp đô thị để lựa chọn sự kiện lịch sử - văn hóa, danh nhân đặt tên cho đường, phố và công trình công cộng cho phù hợp; cần ưu tiên lấy địa danh nổi tiếng, sự kiện lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, danh nhân tiêu biểu của địa phương mình để đặt tên đường, phố và công trình công cộng.

Điều 8. Tên danh nhân nước ngoài được xem xét đặt cho đường, phố và công trình công cộng đô thị loại đặc biệt và địa phương, đơn vị gắn liền với những đóng góp to lớn của danh nhân.

Điều 9. Căn cứ vào vị trí, cấp độ, quy mô của đường, phố và công trình công cộng để đặt tên tương xứng với ý

nghĩa của địa danh, tầm quan trọng của sự kiện lịch sử và công lao của danh nhân.

Mục 2. ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, PHỐ

Điều 10. Đường, phố được đặt tên trên cơ sở lựa chọn một trong các tên sau đây:

1. Tên địa danh nổi tiếng, có ý nghĩa và có giá trị tiêu biểu về lịch sử - văn hóa của đất nước hoặc địa phương; địa danh đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân; tên địa phương kết nghĩa hoặc có mối quan hệ đặc biệt.

2. Danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội.

3. Tên di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương và đã được xếp hạng theo quy định của Luật Di sản văn hóa.

4. Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương.

5. Tên danh nhân bao gồm cả danh nhân nước ngoài. Danh nhân đó phải là người nổi tiếng, có đức, có tài, có đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc cũng như của địa phương hoặc có đóng góp đặc biệt cho đất nước, có công lớn trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, phát triển tình hữu nghị giữa các dân tộc, được nhân dân suy tôn và thừa nhận.

Những nhân vật lịch sử còn có ý kiến đánh giá khác nhau hoặc chưa rõ ràng về mặt lịch sử thì chưa xem xét đặt tên cho đường, phố và công trình công cộng.

Điều 11. Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố loại I trực thuộc Trung ương cần quy hoạch đại lộ. Tên đặt cho đại lộ phải là tên sự kiện lịch sử có ý nghĩa đặc biệt quan trọng hoặc tên danh nhân tiêu biểu nhất.

Điều 12. Đường, phố quá dài, căn cứ vào điều kiện cụ thể, có thể phân ra từng đoạn để đặt tên.

Điều 13. Không đặt tên cho ngõ (kiệt), ngách (hẻm). Ngõ (kiệt) được gọi theo biển số nhà đầu ngõ (kiệt), tính từ đầu phố kèm theo tên phố; ngách (hẻm) được gọi theo biển số nhà đầu ngách (hẻm), tính từ đầu ngõ (kiệt).

Mục 3. ĐẶT TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

Điều 14. Việc đặt tên công trình công cộng được áp dụng theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 10 của Quy chế này.

Điều 15. Việc đặt tên công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định. Các công trình công cộng khác ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc đặt tên hoặc ủy quyền cho ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc tỉnh, ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định.

Chương III

THẨM QUYỀN VÀ QUY TRÌNH XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH VIỆC ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

Điều 16. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền quyết định đặt tên, đổi

tên đường, phố; công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng.

Điều 17. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ:

1. Thành lập Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng để giúp ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nghiên cứu xác lập ngân hàng tên; lên danh mục tên các đường, phố và công trình công cộng cần đặt tên hoặc đổi tên; lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn (Hội Khoa học lịch sử, Hội Văn học nghệ thuật...), các tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và các nhà khoa học. Cần công bố công khai dự kiến đặt tên hoặc đổi tên đường, phố, công trình công cộng để nhân dân tham gia góp ý kiến trước khi ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp tại các kỳ họp thường kỳ hàng năm.

Đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng đối với đô thị loại đặc biệt phải lấy ý kiến Bộ Văn hóa - Thông tin trước khi trình Hội đồng nhân dân xem xét ra Nghị quyết.

2. Quyết định đặt tên các công trình công cộng thuộc thẩm quyền. Kiểm tra, đôn đốc việc đặt tên các công trình công cộng đã ủy quyền cho chính quyền các cấp.

Tên công trình công cộng thuộc thẩm quyền của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và công trình công cộng ủy quyền cho chính quyền các cấp cũng phải lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn về lịch sử, văn hóa, các tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể cùng cấp, các nhà nghiên cứu và cơ quan cấp trên trực tiếp trước khi quyết định.

3. Giao trách nhiệm cho các cơ quan chức năng thực hiện việc gắn biển tên đường, phố và công trình công cộng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Nghị quyết về việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có hiệu lực.

4. Chỉ đạo Sở Văn hóa - Thông tin, các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài phát thanh, đài truyền hình...) của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phổ biến, tuyên truyền cho việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; làm rõ ý nghĩa sự kiện lịch sử, giá trị di tích, danh lam thắng cảnh, công trạng của danh nhân được chọn để đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng để mọi người được biết./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
(Đã ký)
Phan Văn Khải

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện một số điều của quy chế đặt tên,
đổi tên đường, phố và công trình công cộng
ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP
ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ**

Thi hành Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng, Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế này như sau:

I. NGUYÊN TẮC VỀ ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỐI VỚI DANH NHÂN CÓ TÊN GỌI KHÁC NHAU (Điều 6 của Quy chế)

1. Trong lịch sử có một số danh nhân có các tên gọi khác nhau (Ví dụ: Nguyễn Huệ, Quang Trung; Nguyễn Sinh Cung, Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh;...), việc đặt tên được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Không đặt tên đường, phố hoặc công trình công cộng bằng các tên gọi khác nhau của một danh nhân trên cùng một địa bàn đô thị, trừ các trường hợp sau đây:

a) Địa phương là quê hương của danh nhân (Ví dụ: Thành phố Vinh có thể đặt tên đường, phố hoặc công trình công cộng bằng tên gọi Nguyễn Sinh Cung, Chủ tịch Hồ Chí Minh).

b) Địa phương gắn bó trực tiếp với các mốc lịch sử cụ thể trong cuộc đời hoạt động của danh nhân (Ví dụ: thành phố Quy Nhơn, thành phố Huế có thể đặt tên đường, phố hoặc công trình công cộng bằng tên gọi Nguyễn Huệ, Quang Trung).

2. Căn cứ vào ý nghĩa lịch sử, loại đô thị, vị trí, quy mô đường, phố hoặc công trình công cộng lớn hay nhỏ để đặt tên cho tương xứng với tầm vóc của danh nhân.

II. ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, PHỐ (Mục 2 Chương I của Quy chế)

1. Từ “đường”, “phố” đã được sử dụng phổ biến ở nhiều nước. Nhiều đô thị ở Việt Nam cũng sử dụng cả hai từ này. Vì vậy, trong quy hoạch các khu đô thị mới và đặt tên đường, phố mới cần căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 3 của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng để xác định cụ thể là “đường” hoặc là “phố”.

2. Không đổi từ “đường” thành từ “phố” hoặc từ “phố” thành từ “đường” đã được viết trên biển tên đường, phố và nhân dân đã quen gọi là “đường” hoặc “phố”, trừ trường hợp thật cần thiết.

III. DANH TỪ CÓ Ý NGHĨA TIÊU BIỂU VỀ CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA, XÃ HỘI (khoản 2 Điều 10 của Quy chế)

Danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội là những danh từ chung như Độc lập, Tự do, Dân chủ, Thống nhất, Giải phóng, Đồng khởi... Những danh từ đó đều có thể sử dụng để đặt tên đường, phố hoặc công trình công cộng.

IV. TÊN GỌI NGÕ (KIỆT), NGÁCH (HẸM) (Điều 13 của Quy chế)

1. Từ “ngõ”, “kiệt”, “ngách”, “hẻm” được sử dụng theo ngôn ngữ của địa phương, nên từng đô thị có thể sử dụng các từ đó theo cách gọi của địa phương mình.

2. Đầu đường, đầu phố là nơi bắt đầu từ số nhà nhỏ nhất.

3. Không đặt tên ngõ, ngách. Ngõ được gọi theo biển số nhà nhỏ giữa hai số nhà đầu ngõ, kèm theo tên đường hoặc phố.

Ví dụ: Ngõ ở giữa số nhà 99 và 101 phố Nguyễn Du được gọi là:

NGÕ 99

PHỐ NGUYỄN DU

Trong trường hợp ngõ đã có tên gọi từ trước ngày Nghị định số 91/2005/NĐ-CP có hiệu lực, tên ngõ đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân mà không gây ảnh hưởng, tác động xấu trong xã hội thì có thể giữ lại tên ngõ.

V. HỘI ĐỒNG TƯ VẤN VỀ ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

1. Thành phần Hội đồng tư vấn gồm đại diện các cơ quan quản lý: Sở Văn hóa - Thông tin, Sở Quy hoạch Kiến trúc, Sở Giao thông Công chính, Sở Tài nguyên và Môi trường; một số nhà nghiên cứu về các lĩnh vực có liên quan.

Hội đồng tư vấn do Sở Văn hóa - Thông tin làm cơ quan thường trực, Tổ thư ký gồm thành viên của các cơ quan có liên quan.

2. Hội đồng tư vấn có nhiệm vụ:

a) Tổng kiểm kê tên các đường, phố và công trình công cộng của các đô thị thuộc tỉnh, thành phố đã được đặt tên. Mỗi đô thị có hồ sơ riêng và tên được xếp theo loại (tên địa danh; danh từ có ý nghĩa tiêu biểu; tên di tích lịch sử - văn hóa - danh lam thắng cảnh; tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng tiêu biểu; tên danh nhân); mỗi loại tên được xếp theo thứ tự A, B, C.

b) Phát hiện những tên đường, phố trùng nhau, chưa đúng hoặc chưa hợp lý để đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét trình Hội đồng nhân dân cho sửa hoặc thay đổi.

c) Căn cứ vào các quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng để nghiên cứu xác lập ngân hàng tên (danh mục tên được lựa chọn, lưu trữ) để có thể sử dụng lâu dài cho việc đặt tên đường, phố và công trình công cộng cần đặt tên ở các đô thị của tỉnh, thành phố. Ngân hàng tên này cũng được xếp loại như nêu tại điểm a, khoản 2, Mục V, kèm theo hồ sơ đầy đủ của mỗi tên được đưa vào danh sách.

d) Lựa chọn những tên phù hợp trong ngân hàng tên dự kiến đặt tên đường, phố hoặc công trình công cộng để Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét trình Hội đồng nhân dân tại các kỳ họp.

VI. HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN VỀ DỰ KIẾN ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

1. Tổ chức hội nghị gồm đại diện các cơ quan và các nhà khoa học về các lĩnh vực có liên quan để lấy ý kiến.

2. Công bố công khai dự kiến đặt tên hoặc đổi tên đường, phố, công trình công cộng để nhân dân tham gia ý kiến.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phải lấy ý kiến Bộ Văn hóa - Thông tin về dự kiến đặt tên, đổi tên công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng, tên đường, phố trước khi trình Hội đồng nhân dân thành phố.

Hồ sơ gửi tới Bộ Văn hóa - Thông tin (Cục Di sản văn hóa) gồm:

- Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố;
- Tóm tắt ý nghĩa của tên dự kiến đặt cho đường, phố, công trình công cộng; mô tả tóm tắt về quy mô của đường, phố hoặc công trình công cộng đó;
- Sơ đồ vị trí đường, phố, công trình công cộng dự kiến đặt tên.

Cục Di sản văn hóa có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ và trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin để có văn bản trả lời trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ; trường hợp cần kéo dài thời gian cũng không quá 15 ngày.

VII. BIỂN TÊN ĐƯỜNG, PHỐ

1. Kích thước: Hình chữ nhật 75cm x 40cm.

Đối với đô thị loại nhỏ, kích thước biển có thể nhỏ hơn, nhưng phải đảm bảo thống nhất kích thước biển trong cùng một đô thị.

2. Màu sắc: Xanh lam sẫm; đường viền trắng rộng 0,5cm cách mép ngoài của biển từ 3cm đến 3,5cm, bốn góc đường viền uốn cong đều vào bên trong.

3. Chất liệu: Sắt tráng men hoặc nhôm lá dập, sơn chất liệu phản quang.

4. Chữ viết trên biển:

Kiểu chữ: Chữ in hoa không có chân, màu trắng; từ đường hoặc phố ở dòng trên, từ tên đường hoặc tên phố ở dòng dưới và có cỡ chữ to hơn từ đường hoặc từ phố. Đô thị nào có lô-gô thì thể hiện lô-gô màu trắng lên góc cao bên trái biển.

5. Vị trí gắn biển:

- Biển được gắn ở đầu, ở cuối đường, phố và ở các điểm giao nhau với đường, phố khác.

- Biển được gắn trên đầu cột sắt đường kính tối thiểu 10cm, được chôn vững chắc, khoảng cách từ mặt đất đến đầu cột cao khoảng 250cm, vị trí cột ở gần mép góc vuông vỉa hè của hai đường, phố giao nhau; hai biển tên hai đường, phố giao nhau gắn vuông góc với nhau trên một cột. Tại nơi gắn biển có cột điện ở vị trí thích hợp thì biển có thể được gắn trên cột điện đó.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các địa phương cần phản ánh về Bộ Văn hóa - Thông tin để kịp thời nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Phạm Quang Nghị

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đề án đặt tên, đổi tên đường
và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ
đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa Thông tin hướng dẫn một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 549/TTr-SVHTTDL ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2020.

Điều 2.

- Giao Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Giám đốc các Sở, ban ngành liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện triển khai thực hiện Đề án. Trong quá trình thực hiện, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, theo dõi, báo cáo và đề xuất giải pháp điều chỉnh, bổ sung kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

- Giám đốc các Sở, ban ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện Đề án để đạt được mục tiêu đề ra.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Công an thành phố, giám đốc các sở, thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Tô Minh Giới

Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2009

ĐỀ ÁN

**Đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng
trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2020**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 5 năm 2009
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

Phần mở đầu

CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa Thông tin hướng dẫn một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 22/2007/QĐ-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2007 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 104: 2007 “Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế”;

Căn cứ Quyết định số 2412/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Hội đồng Tư vấn về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 1046/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Tổ Thư ký của Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 56/2008/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định về đánh số và gắn biển số nhà;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố năm 2007.

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

Đường và công trình công cộng (CTCC) là một bộ phận hợp thành, gắn bó mật thiết với quá trình phát triển đô thị. Hiện nay, trên địa bàn thành phố Cần Thơ có tất cả 638 đường các loại, trong đó có 152 đường đã được đặt tên, còn 486 đường chưa được phân loại để đặt tên. Thành phố có 510 CTCC, gồm 291 trường học, 21 bệnh viện, 130 cầu, 46 chợ, 22 sân vận động... Phân nhiều các CTCC chưa được đặt tên hoặc được gọi theo tên của đơn vị hành chính.

Hệ thống đường và CTCC trên địa bàn thành phố qua nhiều thời kỳ đặt, đổi tên, đã từng bước ổn định, góp phần đáp ứng yêu cầu quản lý đô thị, quản lý hành chính; tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong các hoạt động giao dịch

kinh tế, văn hóa xã hội; góp phần giáo dục truyền thống lịch sử văn hóa dân tộc, nâng cao tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc; tên đường và CTCC được đặt và sử dụng ngày càng quen thuộc, ăn sâu vào tiềm thức, tình cảm của các tầng lớp nhân dân thành phố.

Tuy nhiên, việc đặt tên đường và CTCC thời gian qua chưa theo kịp với tốc độ đô thị hóa và phát triển của hệ thống giao thông. Nhiều tuyến đường và CTCC được xây dựng hoàn chỉnh nhưng chưa được đặt tên; một số tên không còn tương xứng với quy mô của đường hoặc bất hợp lý về độ dài, ngắn, nhưng chậm được sửa đổi; việc sử dụng các địa danh, sự kiện lịch sử, danh nhân, anh hùng... tại chỗ để đặt tên đường và CTCC cho thành phố còn ít. Tồn tại trên có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do thành phố chậm thực hiện Đề án đặt tên, đổi tên đường và CTCC, gắn với xây dựng Ngân hàng tên đường và CTCC; chưa đưa việc đặt tên, đổi tên đường và CTCC trở thành việc làm thường xuyên, nề nếp, khoa học, đáp ứng kịp thời tiến trình đô thị hóa.

Phần thứ hai

NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU

I. NGUYÊN TẮC CHUNG:

1. Tất cả các tuyến đường và CTCC trong thành phố được xây dựng theo quy hoạch đô thị, được sử dụng ổn định thì được xem xét để đặt tên.

2. Không đặt tên đường hoặc CTCC bằng các tên gọi khác nhau của một danh nhân trên cùng một địa bàn quận, huyện, trừ các trường hợp sau đây:

- Địa phương là quê hương của danh nhân.

- Địa phương gắn bó trực tiếp với các mốc lịch sử cụ thể trong cuộc đời hoạt động của danh nhân.

3. Ưu tiên lấy địa danh nổi tiếng, sự kiện lịch sử, văn hóa, danh nhân tiêu biểu của địa phương để đặt tên đường và CTCC.

4. Tên danh nhân nước ngoài được xem xét đặt cho đường và CTCC ở địa phương gắn liền với những đóng góp to lớn của danh nhân.

5. Căn cứ vào vị trí, cấp độ, quy mô của đường và CTCC để chọn tên đặt tương xứng với ý nghĩa của địa danh, tầm quan trọng của sự kiện lịch sử và công lao của danh nhân.

6. Không đổi tên đường và CTCC đã có tên gọi quen thuộc, đã gắn bó với lịch sử - văn hóa của dân tộc, của địa phương và đã ăn sâu vào tiềm thức, tình cảm của nhân dân qua nhiều thế hệ. Trường hợp đường và CTCC đã đặt tên nhưng xét thấy không có ý nghĩa lịch sử - văn hóa, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc, không phải là nhân vật tiêu biểu của đất nước, địa phương, gây ảnh hưởng, tác động xấu trong xã hội thì phải đổi tên, nhưng cần xem xét thận trọng.

II. MỤC TIÊU:

Nhằm đáp ứng yêu cầu quy hoạch, phát triển chung của thành phố theo hướng văn minh, hiện đại; góp phần quản lý đô thị một cách khoa học, tạo điều kiện thuận lợi trong mọi hoạt động kinh tế - văn hóa - xã hội - an ninh - quốc phòng của toàn thành phố, đề án này cần đạt các mục tiêu sau:

1. Xác lập và thống nhất quan điểm, nguyên tắc chung về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố.

2. Xây dựng quy trình cụ thể về đặt tên, đổi tên đường và CTCC trên cơ sở tuân thủ quy định của Nhà nước, nâng cao trách nhiệm quản lý của chính quyền địa phương và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

3. Xây dựng Ngân hàng tên đường và CTCC đảm bảo tính khoa học, được lưu trữ, khai thác bằng công nghệ thông tin để sử dụng lâu dài, làm cơ sở cho việc đặt tên, đổi tên đường và CTCC trên địa bàn thành phố;

4. Tôn vinh các danh nhân, anh hùng dân tộc tiêu biểu, các sự kiện lịch sử... nhằm giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc qua các thời kỳ dựng nước và giữ nước, nâng cao tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc, tình đoàn kết hữu nghị quốc tế.

5. Thể hiện rõ những nét đặc trưng độc đáo mang tính truyền thống của vùng đất Tây Đô, đồng thời góp phần tạo nên diện mạo mới của đô thị trung tâm vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Phần thứ ba

NGÂN HÀNG TÊN, PHƯƠNG PHÁP ĐẶT TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

I. NGÂN HÀNG TÊN ĐƯỜNG VÀ CTCC:

Ngân hàng tên đường và CTCC (sau đây gọi tắt là Ngân hàng tên) của thành phố được xây dựng trên phần mềm vi tính dưới dạng Chương trình quản lý cơ sở dữ liệu mở, có thể bổ sung.

Hệ thống tên đường và CTCC của thành phố trong Ngân hàng tên được xếp theo thứ tự của từ điển, bao gồm bốn loại:

- **Địa danh:** tên một địa điểm, vùng đất nổi tiếng, có ý nghĩa và có giá trị tiêu biểu về lịch sử - văn hóa của đất nước hoặc của Cần Thơ; địa danh đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân; tên địa phương kết nghĩa hoặc có mối quan hệ đặc biệt với Cần Thơ.

- **Mỹ từ:** những danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội, có ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình hình thành, xây dựng và phát triển thành phố, của đất nước như: độc lập, tự do, dân chủ, hòa bình, thống nhất, chiến thắng...

- **Sự kiện:** tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc của địa phương.

- **Danh nhân:** gồm danh nhân lịch sử, danh nhân cách mạng, danh nhân văn hóa, kể cả các danh nhân nước ngoài, là những người nổi tiếng, có đức, có tài, có đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, cũng như của địa phương hoặc có đóng góp đặc biệt cho đất nước, có công lớn trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, phát triển tình hữu nghị giữa các dân tộc, được nhân dân suy tôn và thừa nhận, là tấm gương sáng cho các thế hệ đi sau học tập, noi theo.

Danh nhân có nhiều tên gọi khác nhau thì chọn tên thông dụng, được nhiều người biết đến để đưa vào Ngân hàng tên.

Những nhân vật lịch sử còn có ý kiến khác nhau hoặc chưa rõ ràng về mặt lịch sử thì chưa xem xét đặt tên cho đường và CTCC; đồng thời khi lựa chọn đưa vào Ngân hàng tên phải theo các nguyên tắc sau:

- Có hồ sơ tiêu sử rõ ràng và được các tài liệu lịch sử cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố ghi nhận.

- Được lập đền thờ, tạc tượng ghi công, hoặc đã được đặt tên ở các tỉnh, thành trong nước.

1. Phân nhóm trong Ngân hàng tên:

- Các địa danh, mỹ từ, sự kiện và danh nhân trong Ngân hàng tên sẽ được phân chia thành 04 nhóm. Việc phân nhóm chỉ mang tính tương đối, Hội đồng tư vấn sẽ quyết định tùy theo trường hợp cụ thể khi đặt tên.

Nhóm I: địa danh, mỹ từ, sự kiện và danh nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tiêu biểu nhất hoặc có tầm ảnh hưởng quốc tế.

Nhóm II: địa danh, mỹ từ, sự kiện và danh nhân có ý nghĩa quan trọng hoặc tiêu biểu, có tầm ảnh hưởng quốc gia hoặc khu vực liên quốc gia.

Nhóm III: địa danh, mỹ từ, sự kiện và danh nhân có ý nghĩa quan trọng, có tầm ảnh hưởng trong vùng, miền của đất nước.

Nhóm IV: địa danh, mỹ từ, sự kiện và danh nhân có ý nghĩa, có ảnh hưởng tại địa phương, thành phố hoặc các tỉnh, thành trong cả nước.

2. Các loại Ngân hàng tên: Ngân hàng tên cũ, Ngân hàng tên mới và Ngân hàng tên đang tra cứu bổ sung.

a) Ngân hàng tên cũ:

Gồm những tên địa danh, mỹ từ, sự kiện, danh nhân đã được đặt cho đường và CTCC trên địa bàn thành phố, có tóm tắt tiểu sử, nội dung, ý nghĩa và một số hình ảnh minh họa, có thể hiện vị trí trên bản đồ hành chính phục vụ cho việc tra tìm, quản lý và giáo dục truyền thống.

b) Ngân hàng tên mới: dùng để đặt cho đường và CTCC mới xây dựng.

Ngân hàng tên mới gồm những tên địa danh, mỹ từ, sự kiện, danh nhân được cập nhật, tra cứu từ những nguồn tư liệu cấp quốc gia, cấp tỉnh, thành phố hoặc đã được đặt tên ở các thành phố lớn trong nước. Tên địa danh, mỹ từ, sự kiện, danh nhân trước khi chính thức đưa vào Ngân hàng tên, phải lấy ý kiến của các nhà khoa học lịch sử và nhân dân, sau đó mới được Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và CTCC thành phố nhất trí thông qua. Bước đầu Ngân hàng tên của thành phố tập hợp được 300 mục tên mới, có tóm tắt tiểu sử, nội dung và ý nghĩa; số lượng tên sẽ tiếp tục được bổ sung hàng năm.

c) Ngân hàng tên đang tra cứu bổ sung:

Gồm những tên được đề cử bổ sung nhưng chưa có tiểu sử rõ ràng, chưa được công bố trong các tài liệu lịch sử, văn hóa cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố; hoặc đang được Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và CTCC thành phố nghiên cứu lập hồ sơ.

(Kèm bảng Phụ lục 1)

II. PHƯƠNG PHÁP ĐẶT TÊN ĐƯỜNG:

1. Phân nhóm đường:

Đường được xem xét đặt tên cũng được phân chia thành 04 nhóm, theo thứ tự ý nghĩa, tầm quan trọng và từ lớn đến nhỏ:

Nhóm I:

a) Đại lộ, các đoạn đường thuộc các tuyến Quốc lộ hoặc đường cao tốc qua thành phố (tối thiểu 4 làn xe, lòng đường rộng tối thiểu 14m).

Đại lộ là đường phố có quy mô lớn, có ý nghĩa đặc biệt và giữ vị trí quan trọng trong mạng lưới giao thông đô

thị, đáp ứng yêu cầu hạ tầng kỹ thuật, thẩm mỹ và cảnh quan đô thị.

Các đoạn đường thuộc các tuyến Quốc lộ hoặc đường cao tốc qua thành phố là đường chuyên dùng cho vận chuyển hành khách và hàng hóa, nối liền khu công nghiệp đến các cảng và đường trục chính, nối liền với hệ thống các đường phố chính đô thị.

b) Đường phố chính đô thị chủ yếu (tối thiểu 6 làn xe, lòng đường rộng tối thiểu 21m).

Đường phố chính đô thị chủ yếu là đường phục vụ giao thông tốc độ cao, giao thông có ý nghĩa toàn đô thị, đáp ứng lưu lượng và khả năng thông hành cao, nối liền các trung tâm dân cư lớn, khu công nghiệp tập trung lớn, các công trình cấp đô thị, nối liền với các đường cao tốc, đại lộ, đường thuộc các tuyến quốc lộ, đường phố chính, đường khu vực.

Nhóm II: Đường phố chính đô thị thứ yếu (tối thiểu 4 làn xe, lòng đường rộng tối thiểu 14 m).

Đường phố chính đô thị thứ yếu là đường phục vụ giao thông liên khu vực có tốc độ trung bình, nối liền các khu dân cư tập trung, các khu công nghiệp, trung tâm công cộng có quy mô liên khu vực, nối liền với các đường cao tốc, đại lộ, đường thuộc các tuyến quốc lộ, đường phố chính, đường khu vực.

Nhóm III: Đường khu vực (tối thiểu 2 làn xe, lòng đường rộng tối thiểu 6m).

Đường khu vực là đường phục vụ giao thông giữa các phường trong quận; nối liền với các đường phố chính, đại lộ, đường thuộc các tuyến quốc lộ, đường khu vực, đường nội bộ.

Nhóm IV: Đường phố nội bộ (tối thiểu 1 làn xe, lòng đường rộng tối thiểu 4m).

Đường phố nội bộ là đường giao thông liên hệ trong phạm vi phường, khu dân cư, khu công nghiệp, khu thương mại; nối liền với các đường phố khu vực, đường phố nội bộ.

(Kèm bảng Phụ lục 2)

2. Đặt tên đường:

Trên cơ sở 04 nhóm đường đã được phân loại theo thứ tự vị trí, tầm quan trọng và từ lớn đến nhỏ, đối chiếu với 04 nhóm tên đường được phân chia theo ý nghĩa, tầm quan trọng từ cao đến thấp của Ngân hàng tên đường. Khi xác định quy mô đường thuộc nhóm nào thì tên đặt phải tương ứng với nhóm tên mà Ngân hàng tên đã phân loại.

Ví dụ: đường thuộc nhóm I thì phải chọn tên tương ứng với nhóm I của Ngân hàng tên.

Đường quá dài, căn cứ vào điều kiện cụ thể, có thể phân ra từng đoạn theo ranh phường, quận để đặt tên. Đường quá ngắn nhưng bề rộng và số làn xe đạt yêu cầu thì vẫn được xem xét để đặt tên.

III. PHƯƠNG PHÁP ĐẶT TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG:

1. Phân nhóm công trình công cộng:

CTCC được xem xét đặt tên gồm: Quảng trường, công viên, công trình văn hóa nghệ thuật, công trình phục vụ du lịch, khu vui chơi giải trí, sân vận động, nhà thi đấu thể thao, bệnh viện, trường học, cầu, chợ, bến xe, bến tàu...

Các công trình công cộng trên được phân theo 04 nhóm:

Nhóm I: Là quảng trường trung tâm, bao gồm: quảng trường chính của thành phố và quảng trường chính của quận, huyện.

Quảng trường trung tâm là không gian trước các công trình kiến trúc cấp thành phố hoặc quận, huyện, là địa điểm tổ chức mít tinh, kỷ niệm, duyệt binh trong các ngày lễ.

Nhóm II: Công viên, công trình văn hóa nghệ thuật, công trình phục vụ du lịch, khu vui chơi giải trí, được xây dựng theo quy mô cấp thành phố hoặc cấp quận, huyện.

Nhóm III: Sân vận động, nhà thi đấu thể thao, bệnh viện, trường học được xây dựng theo quy mô cấp thành phố hoặc cấp quận, huyện.

Nhóm IV: Chợ, cầu, bến xe, bến tàu, được xây dựng theo quy mô cấp thành phố hoặc cấp quận, huyện.

2. Đặt tên công trình công cộng:

- Tên đặt cho CTCC có thể sử dụng các nhóm tên trong Ngân hàng tên, căn cứ vào quy mô của CTCC để lựa chọn tên cho tương xứng.

- Ưu tiên đặt tên danh nhân có công trạng, ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến từng lĩnh vực của CTCC, địa danh nơi CTCC tọa lạc hoặc sự kiện lịch sử có liên quan.

Phần thứ tư

THẨM QUYỀN, QUY TRÌNH ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG VÀ CTCC

I. THẨM QUYỀN ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG VÀ CTCC:

1. Hội đồng nhân dân thành phố có thẩm quyền quyết định đặt tên, đổi tên đường, phố;

2. Hội đồng nhân dân thành phố có thẩm quyền quyết định đặt tên, đổi tên CTCC có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng;

3. Các công trình công cộng khác do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc đặt tên hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định.

II. QUY TRÌNH ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG VÀ CTCC:

1. Thành lập Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và CTCC:

- Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và CTCC cấp thành phố, thành phần gồm đại diện lãnh đạo các cơ quan: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Xây dựng; Viện Quy hoạch kiến trúc; Sở Giao thông vận tải; Sở Tài nguyên - Môi trường; Sở Thông tin - Truyền thông và một số nhà nghiên cứu các lĩnh vực có liên quan. Hội đồng tư vấn do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm cơ quan thường trực. Thành lập Tổ Thư ký giúp việc cho Hội đồng tư vấn gồm cán bộ các cơ quan có liên quan.

- Ủy ban nhân dân quận, huyện thành lập Tổ tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và CTCC gồm lãnh đạo các cơ quan: Ủy ban nhân dân; Ban Tuyên giáo quận, huyện ủy; Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân; Phòng Văn hóa và Thông tin; Phòng Quản lý Đô thị hoặc Phòng Công Thương.

2. Các bước tiến hành để đặt tên, đổi tên:

Bước 1: Hằng năm, Ủy ban nhân dân quận, huyện tiến hành khảo sát các tuyến đường và CTCC trên địa bàn cần đặt tên hoặc đổi tên, tiến hành đo đạc; lên danh mục, phân nhóm các tuyến đường và CTCC cần đặt tên hoặc đổi tên (thể hiện rõ quy mô, vị trí, chiều dài, chiều rộng của tuyến đường và CTCC).

Bước 2: Ủy ban nhân dân quận, huyện chọn tên từ hệ thống Ngân hàng tên đường và CTCC của thành phố để dự kiến đặt hoặc đổi tên cho đường và CTCC trên địa bàn, đảm bảo ý nghĩa của từng nhóm tên phù hợp với quy mô, chức năng không gian của đường cũng như CTCC; lấy ý kiến các tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân trên địa bàn.

Bước 3: Sau khi hoàn tất hồ sơ dự kiến đặt tên, đổi tên đường và CTCC, Ủy ban nhân dân quận, huyện gửi đến Hội đồng tư vấn thành phố để thẩm định.

Hồ sơ gửi Hội đồng tư vấn thành phố (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thường trực Hội đồng) thẩm định gồm:

- Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân quận, huyện;
- Danh mục dự kiến đặt tên, đổi tên đường và CTCC; mô tả tóm tắt về quy mô của đường hoặc CTCC đó;
- Sơ đồ vị trí đường và CTCC dự kiến đặt tên.

Bước 4: Hội đồng tư vấn thành phố sau khi thẩm định, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn, các tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các nhà khoa học, đăng báo công bố công khai dự kiến đặt

tên hoặc đổi tên đường và CTCC để nhân dân tham gia góp ý kiến trước khi Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố tại các kỳ họp thường kỳ hàng năm.

Phần thứ năm

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN:

1. Từ nay đến cuối năm 2009:

- Triển khai đặt tên thí điểm một số tuyến đường mới trên địa bàn quận Ninh Kiều để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết nghị.

- Sơ kết rút kinh nghiệm và triển khai đề án đến các quận, huyện.

2. Từ năm 2009 đến 2010:

- Các quận, huyện tiến hành triển khai việc đặt tên, đổi tên các tuyến đường và CTCC đã được xây dựng hoàn chỉnh trên địa bàn.

- Hằng năm, Ngân hàng tên đường và CTCC được cập nhật, bổ sung tên mới (bao gồm tên địa danh, mỹ từ, sự kiện, danh nhân) để làm phong phú thêm quỹ tên đường và CTCC, đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố.

- Nâng cấp hoàn chỉnh website Ngân hàng tên để sử dụng, truy cập và quảng bá rộng rãi.

3. Từ năm 2010 đến 2015:

Thực hiện hoàn tất việc đặt tên, đổi tên đường và CTCC trên địa bàn thành phố, kể cả ở những quận, huyện

mới chia tách. Đưa việc đặt tên, đổi tên đường và CTCC đi vào nề nếp, trở thành việc làm thường xuyên hàng năm khi có yêu cầu.

4. Từ năm 2015 đến 2020:

Tiếp tục bổ sung, điều chỉnh đề án phù hợp với quy hoạch phát triển của đô thị trung tâm vùng đồng bằng sông Cửu Long; nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hệ thống tên đường và CTCC nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển chung của thành phố theo hướng văn minh, hiện đại, phục vụ tốt yêu cầu về giao dịch kinh tế, văn hóa, xã hội tại thành phố cũng như trong và ngoài nước.

II. KINH PHÍ: 156.000.000đ (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng).

*** Giai đoạn I** (Từ nay đến cuối năm 2009): 66.000.000đ (Sáu mươi sáu triệu đồng), chủ yếu thực hiện các công việc sau:

- Khảo sát, thống kê hệ thống đường và CTCC trên toàn địa bàn thành phố.

- Xây dựng Ngân hàng tên đường và CTCC, bao gồm việc tóm tắt tiểu sử và phân nhóm tên đường và CTCC.

- Thiết lập trang website Ngân hàng tên đường và CTCC.

*** Giai đoạn II** (2009 - 2010): 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), gồm các công việc sau:

- Nâng cấp hoàn chỉnh website Ngân hàng tên đường và CTCC.

- Tăng cường tuyên truyền, quảng bá rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tóm tắt tiêu sử và bổ sung tên mới vào quỹ tên đường và CTCC của thành phố.

- Quản lý, điều hành website Ngân hàng tên đường và CTCC.

* **Giai đoạn III (2010 - 2020):** 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), gồm các công việc:

- Cải tiến, nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hệ thống tên đường và CTCC; quản lý, điều hành, nâng cấp website Ngân hàng tên.

- Cập nhật, bổ sung tên mới vào quỹ tên đường và CTCC của thành phố.

III. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM:

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Là cơ quan thường trực của Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và CTCC thành phố, chủ trì xây dựng kế hoạch triển khai đề án; chịu trách nhiệm quản lý, điều hành website về Chương trình phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu hệ thống Ngân hàng tên đường và CTCC; nâng cấp website để quảng bá rộng rãi trên mạng Internet, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đặt tên đường và CTCC trong toàn thành phố; lập dự trù kinh phí để thực hiện.

- Giúp Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra, đơn đốc việc đặt tên, đổi tên đường và CTCC; chủ trì tiếp nhận và phối hợp thẩm định hồ sơ dự kiến đặt tên, đổi tên đường và CTCC của các quận, huyện.

- Căn cứ tình hình thực tế về quy hoạch phát triển đô thị, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung đề án cho phù hợp với tốc độ đô thị hóa.

2. Các Sở, ban ngành liên quan:

Giao giám đốc sở, thủ trưởng cơ quan, ban ngành: Công an thành phố, Sở Tư pháp, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành có liên quan kết hợp việc gắn biển tên đường được đặt mới với gắn biển số nhà theo Quyết định số 56/2008/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định về đánh số và gắn biển số nhà.

3. Sở Tài chính:

Giao Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, duyệt cấp kinh phí bổ sung hàng năm để triển khai thực hiện đề án; cấp kinh phí nâng cấp và điều hành website Ngân hàng tên đường và CTCC của thành phố.

4. Ủy ban nhân dân quận, huyện:

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện việc đặt tên, đổi tên đường và CTCC trên địa bàn theo đúng quy trình; tiến hành gắn biển tên đường theo quy định, đảm bảo mỹ quan đô thị;

- Hàng năm cập nhật danh mục các tuyến đường và CTCC mới xây dựng để tiến hành đặt tên; đồng thời kiểm tra, rà soát những tuyến đường hoặc CTCC đã được đặt tên nhưng không còn phù hợp với quy hoạch phát triển của đô thị để xem xét đổi tên cho phù hợp;

- Kịp thời báo cáo kết quả, cũng như những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để Hội đồng tư vấn thành phố điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

5. Báo Cần Thơ, Đài Phát thanh - Truyền hình thành phố:

Tăng cường công tác tuyên truyền chủ trương, cũng như dự kiến đặt tên, đổi tên đường và CTCC của thành phố đến các Sở, ban ngành, đoàn thể và nhân dân được biết để tham gia đóng góp ý kiến./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Tô Minh Giới

Phụ lục 1:

MÔ TẢ WEBSITE NGÂN HÀNG TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

Website Ngân hàng tên đường và CTCC được xây dựng gồm 2 phần chính:

1. Hệ thống quản lý CSDL tên đường và CTCC thành phố Cần Thơ:

- Hệ thống này cho phép vừa cập nhật dữ liệu (Thêm dữ liệu mới, hiệu đính dữ liệu cũ và xóa dữ liệu không còn cần thiết sử dụng) và quản trị cơ sở dữ liệu (Phân quyền truy cập cho người sử dụng và bảo mật CSDL).

- Hệ thống này có thể dễ dàng triển khai trong hoạt động thực tế để cập nhật thường xuyên dữ liệu cho CSDL.

2. Hệ thống tra cứu CSDL tên đường và CTCC thành phố Cần Thơ:

- Hệ thống bao gồm các chức năng cho phép người sử dụng:

- + Xem Ngân hàng tên đường và CTCC (Bao gồm tên mới và tên đã được đặt).

- + Xem thực trạng việc đặt, đổi tên cho đường phố và CTCC.

- + Xem nguyên tắc đặt, đổi tên đường phố và CTCC.

- + Xem bảng phân loại đường phố và CTCC.

- Hệ thống này sẽ cung cấp thông tin cơ bản, hỗ trợ cho quá trình đặt, đổi tên đường phố và CTCC đạt hiệu quả tốt.

- Người dùng có thể truy cập CSDL tên đường phố và CTCC thành phố Cần Thơ tại địa chỉ sau: www.CanthoStreet.org.vn hoặc www.tenduongctcc-cantho.org.vn.

Phụ lục 2:
CHIỀU RỘNG MỘT LÀN XE VÀ SỐ LÀN XE
TỐI THIỂU PHẦN LÒNG ĐƯỜNG XE CHẠY
CỦA ĐƯỜNG PHỐ

Loại đường		Tốc độ thiết kế, km/h								Số làn xe tối thiểu	Số làn xe mong muốn
		100	80	70	60	50	40	30	20		
Đường cao tốc đô thị		3,75			3,50					4	6-10
Đường phố chính đô thị	Chủ yếu		3,75		3,50					6	8-10
	Thứ yếu			3,50						4	6-8
Đường phố gom					3,50		3,25			2	4-6
Đường phố nội bộ							3,25	3,0 (2,75)		1	2-4

*** Ghi chú:**

1. Bề rộng làn 2,75m chỉ nên áp dụng vạch làn tổ chức giao thông ở đường, phố nội bộ có điều kiện hạn chế.
2. Các đường, phố nội bộ trong các khu chức năng nếu chỉ có 1 làn thì bề rộng làn phải lấy tối thiểu 4.0m không kể phần rãnh thoát nước.
3. Số làn xe tối thiểu chỉ nên áp dụng trong những điều kiện hạn chế hoặc phân đầu tư; trong điều kiện bình thường nên lấy theo số làn xe mong muốn; trong điều kiện đặc biệt cần tính toán luận chứng kinh tế - kỹ thuật.

(Nguồn: Quyết định số 22/2007/QĐ-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2007 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 104.2007 “Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế”)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền đặt tên các công trình công cộng trên địa bàn thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ Ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 604/TTr-SVHTTDL ngày 19 tháng 4 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định đặt tên các công trình công cộng thuộc phạm vi quản lý, bao gồm:

1. Trường học: Trường Trung học cơ sở, trường Tiểu học, trường Mẫu giáo, trường Mầm non và tương đương;

2. Cơ sở y tế: Trạm y tế xã, phường, thị trấn và tương đương;

3. Chợ: Các chợ hạng III và tương đương;

4. Cầu: có quy mô nhịp chính dưới 30 mét;

5. Công trình văn hóa, công trình thể dục thể thao, công trình phục vụ du lịch, vui chơi giải trí và các công trình công cộng khác có quy mô vừa và nhỏ do cấp quận, huyện quản lý.

Điều 2. Ủy ban nhân dân quận, huyện chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tổ chức triển khai, hướng dẫn quy trình, thủ tục đặt tên công trình công cộng theo đúng quy định pháp luật và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này; định kỳ 6 tháng tổng hợp tình hình thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Hùng Dũng

NGHỊ QUYẾT

Về công trình công cộng thuộc thẩm quyền đặt tên của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về việc quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bến xe khách;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BXD ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 22/2007/QĐ-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2007 của Bộ Xây dựng về việc ban hành TCXDVN 104: 2007 “Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế”;

Sau khi xem xét Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành danh mục công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng thuộc thẩm quyền đặt tên của Hội đồng nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số 618/BC-HĐND-VHXXH ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Ban văn hóa - xã hội; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Các công trình công cộng (quảng trường, công viên, vườn hoa, cầu, bến xe, công trình văn hóa - nghệ thuật, thể dục thể thao, y tế, giáo dục, công trình phục vụ du lịch, vui chơi giải trí) thuộc thẩm quyền đặt tên của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, bao gồm:

1. Quảng trường trung tâm thành phố.
2. Công viên cây xanh, vườn hoa có cấp công trình đặc biệt, cấp I.

3. Cầu đường bộ, cầu bộ hành, cầu đường sắt có cấp công trình đặc biệt, cấp I, sử dụng công nghệ thi công mới, kiến trúc đặc biệt; cầu phao có cấp công trình cấp I.

4. Bến xe ô tô có cấp công trình cấp I; bến xe khách loại 1, loại 2.

5. Trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp chiếu phim, rạp xiếc, vũ trường có cấp công trình cấp I; bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày và các công trình khác có chức năng tương đương có cấp công trình cấp II thuộc thành phố và các ngành quản lý; công trình di tích có cấp công trình cấp II thuộc thành phố quản lý; công trình vui chơi, giải trí, có cấp công trình cấp I; công trình vui chơi, giải trí mạo hiểm có cấp công trình cấp I; cáp treo vận chuyển người có cấp công trình cấp I ở mọi quy mô; tượng đài ngoài trời (không thuộc công trình tín ngưỡng) có quy mô công trình cấp II thuộc thành phố quản lý.

6. Sân vận động, nhà thi đấu, tập luyện và công trình thể thao khác ngoài trời có cấp công trình đặc biệt, cấp I; sân vận động, nhà thi đấu, tập luyện và công trình thể thao khác trong nhà có cấp công trình đặc biệt, cấp I; sân gôn có cấp công trình cấp I; công trình thể thao dưới nước, bể bơi thi đấu có cấp công trình đặc biệt và cấp I.

7. Bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, trung tâm y tế và các cơ sở y tế khác có cấp công trình cấp I.

8. Trường đại học, trường cao đẳng, trường trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề, trường công nhân kỹ thuật, trường nghiệp vụ và các cơ sở đào tạo khác có cấp công trình cấp I.

9. Công trình phục vụ du lịch có cấp công trình cấp I thuộc thành phố quản lý.

10. Trung tâm thương mại có cấp công trình đặc biệt, cấp I; chợ có cấp công trình cấp I.

11. Công trình có yêu cầu kiến trúc đặc thù (không phụ thuộc vào quy mô) bao gồm:

a) Công trình mang tính biểu tượng, công trình điểm nhấn, công trình được xây dựng tại vị trí có ảnh hưởng trực tiếp đến diện mạo cảnh quan kiến trúc của đô thị hoặc các công trình có yêu cầu đặc thù như cửa khẩu quốc tế (đường hàng không, đường thủy), tượng đài, nhà ga đường sắt trung tâm, ga hàng không quốc tế, nội địa; trung tâm phát thanh truyền hình thuộc thành phố quản lý.

b) Công trình giao thông đô thị có yêu cầu thẩm mỹ cao như cầu vượt, cầu qua sông trong đô thị.

c) Công trình là biểu tượng về truyền thống, văn hóa và lịch sử có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với địa phương.

d) Các công trình có yêu cầu kiến trúc trang trọng, thể hiện quyền lực như trụ sở cơ quan Đảng, Nhà nước, trung tâm hành chính - chính trị.

đ) Các công trình do yêu cầu của chính quyền để tạo dấu ấn, góp phần tạo diện mạo, cảnh quan đô thị.

Điều 2.

Ngoài các công trình công cộng được nêu tại Điều 1 của Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quyết định đặt tên theo thẩm quyền quy định.

Điều 3.

Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa VIII, kỳ họp thứ mười bốn thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2014 và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Văn Hiếu

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chí chọn tên,
đưa vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng
thành phố Cần Thơ**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Cần Thơ - Thường trực Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ tại Tờ trình số 3999/TTr-SVHTTDL ngày 20 tháng 11 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí chọn tên, đưa vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Giao Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ có kế hoạch chọn tên, đưa tên vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ, Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) và Quyết định này. Thường xuyên thông tin, tuyên truyền giới thiệu về ý nghĩa của địa danh, mỹ từ, tầm quan trọng của sự kiện và công lao của danh nhân trong Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ để mọi người được biết.

Điều 3. Bãi bỏ Mục I - Ngân hàng tên đường và công trình công cộng, Phần thứ ba của Đề án đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2020, được phê duyệt tại Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Hội đồng tư

vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Văn Tâm

QUY ĐỊNH

Tiêu chí chọn tên, đưa vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ

(Ban hành kèm theo Quyết định

*số: 3605/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2014
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định này quy định tiêu chí chọn tên, đưa vào cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng tên).

Điều 2. Ngân hàng tên được xây dựng trên phần mềm vi tính dưới dạng chương trình quản lý cơ sở dữ liệu mở, có thể bổ sung, điều chỉnh. Địa chỉ trang thông tin điện tử Ngân hàng tên là <https://www.canhostreet.org.vn>.

Điều 3. Tên đưa vào Ngân hàng tên gồm 04 (bốn) loại sau đây:

1. Địa danh: Tên địa phương, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh.
2. Mỹ từ: Từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng.
3. Sự kiện: Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử.
4. Danh nhân: Tên nhân vật lịch sử, danh nhân văn hóa.

Mỹ từ hoặc địa danh kèm với số thứ tự phía sau có thể dùng để đặt tên cho những đường trong khu đô thị, khu dân cư mới xây dựng theo quy hoạch đô thị và khu công nghiệp, khu chế xuất, số thứ tự phải được sắp đặt từ nhỏ đến lớn, theo hướng từ Bắc đến Nam và từ Đông sang Tây.

Điều 4. Danh nhân còn sống hoặc còn có ý kiến đánh giá khác nhau hoặc chưa rõ ràng về mặt lịch sử thì chưa đưa vào Ngân hàng tên. Danh nhân nước ngoài có những đóng góp to lớn gắn liền với sự hình thành và phát triển của thành phố có thể được xem xét, đưa vào Ngân hàng tên.

Điều 5. Không đưa vào Ngân hàng tên các tên gọi khác nhau của một danh nhân, trừ trường hợp danh nhân đó có quê hương hoặc có các mốc lịch sử cụ thể trong cuộc đời hoạt động gắn bó trực tiếp với thành phố. Ưu tiên đưa vào Ngân hàng tên địa danh nổi tiếng, mỹ từ, sự kiện và danh nhân tiêu biểu của thành phố.

Điều 6. Tên trong Ngân hàng tên được phân chia thành 04 (bốn) nhóm, từ nhóm I đến nhóm IV tương xứng với ý nghĩa của địa danh, mỹ từ, tầm quan trọng của sự kiện và công lao của danh nhân, cụ thể như sau:

1. Nhóm I: Địa danh, mỹ từ, sự kiện và danh nhân có ý nghĩa, tầm quan trọng và công lao đặc biệt xuất sắc, có tầm ảnh hưởng quốc tế.

2. Nhóm II: Địa danh, mỹ từ, sự kiện và danh nhân có ý nghĩa, tầm quan trọng và công lao xuất sắc, có tầm ảnh hưởng cả nước và các quốc gia trong khu vực.

3. Nhóm III: Địa danh, mỹ từ, sự kiện và danh nhân có ý nghĩa, tầm quan trọng và công lao đặc biệt tiêu biểu, có tầm ảnh hưởng trong các vùng, miền của đất nước.

4. Nhóm IV: Địa danh, mỹ từ, sự kiện và danh nhân có ý nghĩa, tầm quan trọng và công lao tiêu biểu, có tầm ảnh hưởng trong thành phố và các tỉnh, thành lân cận.

Việc phân nhóm trong Ngân hàng tên chỉ mang tính tương đối, cơ quan có thẩm quyền sẽ quyết định tùy theo từng trường hợp cụ thể cho phù hợp với nhóm đường và công trình công cộng, khi xem xét, đặt tên đường và công trình công cộng.

Chương II

TIÊU CHÍ CHỌN TÊN

Điều 7. Địa danh đưa vào Ngân hàng tên phải đảm bảo một trong các tiêu chí sau đây:

1. Địa danh nổi tiếng, có ý nghĩa và có giá trị tiêu biểu về lịch sử - văn hóa của đất nước hoặc thành phố.

2. Địa danh đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân; địa danh cổ, địa danh hành chính xưa thuộc địa bàn thành phố hiện nay.

3. Tên địa phương kết nghĩa hoặc có mối quan hệ đặc biệt với thành phố.

4. Di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc thành phố và đã được xếp hạng theo quy định của Luật Di sản văn hóa.

Điều 8. Mỹ từ đưa vào Ngân hàng tên phải đảm bảo một trong các tiêu chí sau đây:

1. Từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh như: Hòa bình, Độc lập, Tự do, Dân chủ, Đoàn kết, Thống nhất, Giải phóng, Đồng khởi...

2. Tên các loài cây xanh, hoa, quả và đặc sản tiêu biểu của quốc gia hoặc thành phố.

Điều 9. Sự kiện đưa vào Ngân hàng tên phải đảm bảo một trong các tiêu chí sau đây:

1. Tên phong trào cách mạng, phong trào yêu nước, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc thành phố;

2. Tên các ngày lễ trọng đại của đất nước và quốc tế.

Điều 10. Danh nhân, bao gồm cả danh nhân nước ngoài đưa vào Ngân hàng tên phải đảm bảo một trong các tiêu chí sau đây:

1. Nhân vật lịch sử, anh hùng dân tộc, liệt sĩ cách mạng, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động có thành tích xuất sắc, nổi trội trong kháng chiến chống xâm lược, trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Người nổi tiếng hoặc người giữ vị trí trọng trách quan trọng, có đức, có tài, có đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc cũng như của thành phố, là tấm gương sáng về tài năng và đạo đức, được nhân dân ngưỡng mộ.

3. Người có đóng góp đặc biệt cho đất nước hoặc thành phố trên các lĩnh vực hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật và phát triển tình hữu nghị giữa các dân tộc, được nhân dân suy tôn và nhà nước công nhận.

4. Người có công lớn trong việc khai thôn lập ấp, chiêu dân khai canh lập làng, phát triển kinh tế; tổ sư các ngành nghề truyền thống nổi tiếng của đất nước hoặc thành phố.

5. Mẹ Việt Nam Anh hùng bản thân là anh hùng liệt sĩ, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam có thành tích cống hiến và gắn bó với thành phố.

Điều 11. Tên sự kiện và danh nhân đưa vào Ngân hàng tên phải đảm bảo một trong các yêu cầu sau đây:

1. Có hồ sơ tiểu sử rõ ràng và được các tài liệu lịch sử cấp quốc gia và tỉnh, thành công nhận.

2. Đã được lập đền thờ, tạc tượng ghi công hoặc đã được đặt tên đường và công trình công cộng ở các tỉnh, thành khác trong cả nước.

Chương III

THẨM QUYỀN VÀ QUY TRÌNH ĐƯA TÊN VÀO NGÂN HÀNG TÊN

Điều 12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành, đoàn thể thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện đề xuất tên và nội dung tóm tắt ý nghĩa của địa danh, mỹ từ, tầm quan trọng của sự kiện và công lao của danh nhân đưa vào Ngân hàng tên.

Điều 13. Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố có nhiệm vụ nghiên cứu, thống nhất đưa tên vào Ngân hàng tên.

Điều 14. Hồ sơ, quy trình đưa tên vào Ngân hàng tên:

1. Tờ trình của các cơ quan, đơn vị đề nghị đưa tên vào Ngân hàng tên; kèm theo Danh mục tên được xếp theo từng loại (địa danh, mỹ từ, sự kiện, danh nhân), mỗi loại được xếp theo thứ tự chữ cái (A, B, C) và ghi rõ nhóm tên (I, II, III, IV) đề xuất cho từng tên; Tóm tắt nội dung ý nghĩa

của địa danh, mỹ từ, tầm quan trọng của sự kiện và công lao của danh nhân, gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố đối với các tài liệu tại Khoản 1 của Điều này; trình Chủ tịch Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố xem xét, thống nhất đưa tên vào Ngân hàng tên.

Điều 15. Ngân hàng tên do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trực tiếp quản lý; được nâng cấp, bảo trì và cập nhật thường xuyên để có thể sử dụng lâu dài cho việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Lê Văn Tâm

Cần Thơ, ngày 29 tháng 10 năm 2018

Số: 4323/HD-SVHTTDL

HƯỚNG DẪN

Mẫu biển tên đường và bảng tóm tắt tiểu sử danh nhân

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT, ngày 20/3/2006, của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), về hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng (CTCC) ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, ngày 11/7/2005, của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-UBND, ngày 15/5/2009, của UBND thành phố, về việc phê duyệt Đề án đặt tên, đổi tên đường và CTCC trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2020;

Để phát huy hiệu quả chỉ dẫn giao thông của biển tên đường và góp phần giới thiệu tiểu sử danh nhân đặt tên đường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - cơ quan Thường trực Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và CTCC trên địa bàn thành phố hướng dẫn mẫu biển tên đường và bảng tóm tắt tiểu sử danh nhân đặt tên đường, cụ thể như sau:

I. BIỂN TÊN ĐƯỜNG

1. Quy cách biển

- Chất liệu: Thép lá dày tối thiểu 0,2 cm.
- Kích thước: Hình chữ nhật ngang 75 cm, cao 40 cm; không khung bao.

c) Màu sắc: Nền biển sơn hoặc dán đề-cal phản quang màu xanh lam sẫm; đường viền màu trắng rộng 0,5 cm cách mép ngoài biển 3,5 cm, bốn góc đường viền uốn cong đều vào bên trong.

d) Chữ viết trên biển: Chữ in hoa không có chân, màu trắng trên hai mặt biển; chữ “ĐUỜNG” ở dòng trên, tên đường ở dòng dưới và có cỡ chữ to hơn chữ “ĐUỜNG”; biểu trưng (logo) thành phố Cần Thơ màu trắng trên góc cao phía bên trái biển.

đ) Vị trí gắn biển: Biển được gắn trên đầu trụ, mặt biển song song với đường được đặt tên trên biển; hai biển tên hai đường giao nhau gắn vuông góc với nhau trên cùng một trụ; biển tên đường có quy mô hoặc nhóm tên lớn hơn đặt phía trên, biển tên đường có quy mô hoặc nhóm tên nhỏ hơn đặt phía dưới.

2. Quy cách trụ gắn biển

a) Chất liệu: Thép ống tròn dày tối thiểu 0,14 cm.

b) Kích thước: Đường kính ống 11,4 cm; chiều cao 300 cm tính từ mặt đất đến đầu trụ (cạnh trên của biển).

c) Màu sắc: Thân trụ sơn từng đoạn 30 cm xen kẽ màu trắng, đỏ.

d) Vị trí dựng trụ: Trụ được chôn vững chắc bằng bê-tông ở vị trí gần mép góc vuông vỉa hè của hai đường giao nhau tại đầu, giữa và cuối đường.

II. BẢNG TÓM TẮT TIỂU SỬ DANH NHÂN

1. Quy cách bảng

a) Chất liệu: Thép lá dày tối thiểu 0,1 cm.

b) Kích thước: Hình khối chữ nhật ngang 90 cm, cao 60 cm, dày 12 cm; có khung bao.

c) Màu sắc: Nền dán đề-cal phản quang màu xanh lam sẫm.

d) Chữ viết trên bảng: Hai mặt bảng có chữ viết và biểu trưng thể hiện tương tự trên biển tên đường. Bổ sung nội dung chiều dài và giới hạn đường; năm sinh, năm mất, quê quán và tóm tắt tiểu sử danh nhân; số và ký hiệu nghị quyết đặt tên đường.

đ) Vị trí gắn bảng: Bảng được gắn trên đầu trụ, mặt bảng song song với đường được đặt tên danh nhân.

2. Quy cách trụ gắn bảng

a) Chất liệu: Thép ống tròn dày tối thiểu 0,12 cm.

b) Kích thước: Đường kính ống 90 cm; chiều cao 300 cm tính từ mặt đất đến đầu trụ (cạnh trên của bảng).

c) Màu sắc: Thân trụ sơn từng đoạn 30 cm xen kẽ màu trắng, đỏ.

d) Vị trí: Trụ được chôn vũng chắc bằng bê-tông trên vỉa hè, nơi trang trọng, thông thoáng dễ nhìn, gần trụ biển tên đường.

Tương tự, bảng tóm tắt ý nghĩa địa danh, mỹ từ và sự kiện đặt tên đường có thể sử dụng hình thức bảng tóm tắt tiểu sử danh nhân nêu trên để thực hiện.

Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn về việc thực hiện biển tên đường ngày 21/6/2012 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh khó khăn, vướng mắc; đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để phối hợp nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung./.

(Đính kèm Phụ lục 1 - Mẫu biển tên đường; Phụ lục 2 - Mẫu bảng tóm tắt tiểu sử danh nhân)

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Trần Việt Phương

Phụ lục I
MẪU BIỂN TÊN ĐƯỜNG
*(Kèm theo Hướng dẫn số 4323/HD-SVHTTDL,
ngày 29 tháng 10 năm 2018,
của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Cần Thơ)*

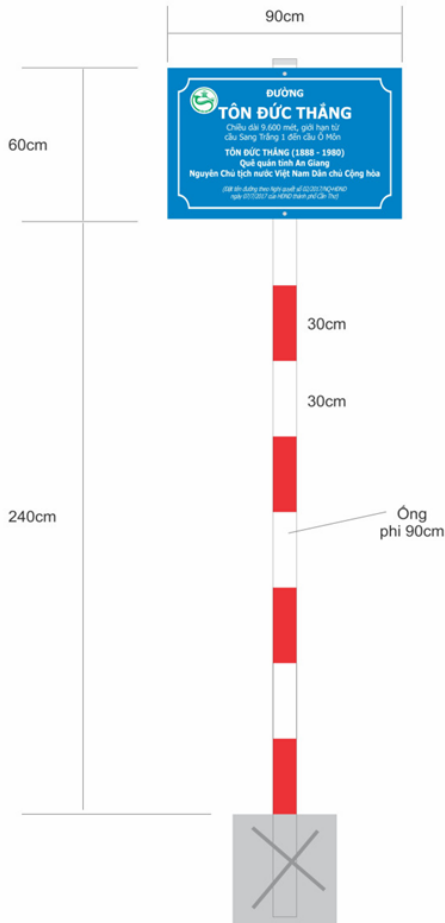


trang này sau 58

Phụ lục II

MẪU BẢNG TÓM TẮT TIỂU SỬ DANH NHÂN

(Kèm theo Hướng dẫn số 4323/HD-SVHTTDL,
ngày 29 tháng 10 năm 2018,
của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Cần Thơ)



QUYẾT ĐỊNH

**Về việc kiện toàn Hội đồng tư vấn
về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng
trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 566/TTr-SNV ngày 06 tháng 12 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố

Cần Thơ (gọi tắt là Hội đồng tư vấn), gồm các ông, bà có tên như sau:

1. Chủ tịch Hội đồng tư vấn

Ông Trương Quang Hoài Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng tư vấn

Ông Trần Việt Thường, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thường trực Hội đồng tư vấn.

3. Các Ủy viên Hội đồng tư vấn

- Bà Hồ Lâm Bạch Vân, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Ông Tổng Hoàng Kha, Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải;

- Ông Huỳnh Văn Sáu, Phó Giám đốc Sở Xây dựng;

- Ông Nguyễn Chí Kiên, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Ông Nguyễn Văn Hồng, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Ông Nguyễn Hữu Thanh Bình, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông;

- Ông Phạm Việt Bắc, Phó Giám đốc Sở Công Thương.

*** Mời tham gia Ủy viên Hội đồng tư vấn**

- Ông Huỳnh Hoàng Mến, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy.

- Ông Đinh Trung Trực, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố;

- Bà Hứa Thị Anh Đào, Phó Chủ tịch Thường trực Liên hiệp các Hội Văn học, Nghệ thuật thành phố.

4. Tổ Thư ký

Các cơ quan, đơn vị là thành viên Hội đồng tư vấn giới thiệu công chức, viên chức tham gia Tổ Thư ký, gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp, trình Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng (khi được ủy quyền) xem xét, quyết định thành lập hoặc điều chỉnh, bổ sung khi cần thiết.

Điều 2. Hội đồng tư vấn có nhiệm vụ sau:

1. Rà soát đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố; tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết nghị đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng theo quy định.

2. Nghiên cứu, bổ sung, hoàn chỉnh Ngân hàng tên đường và công trình công cộng của thành phố, đảm bảo sử dụng lâu dài cho việc đặt tên đường và công trình công cộng theo quy định.

Trường hợp cần thiết có thể mời một số nhà nghiên cứu, chuyên gia và cá nhân có liên quan tham gia thẩm định tên gọi dự kiến đưa vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng của thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc kiện toàn Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Võ Thành Thống

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng tư vấn
về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng
trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 3300/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc kiện toàn Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 187/TTr-SNV ngày 02 tháng 5 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh thành viên Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ (gọi tắt là Hội đồng tư vấn) tại Điều 1 Quyết định số 3300/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể như sau:

1. Ông Dương Tấn Hiền, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, giữ nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng tư vấn (thay

ông Trương Quang Hoài Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố).

2. Ông Huỳnh Trung Trứ, Phó Giám đốc Sở Công Thương, giữ nhiệm vụ Ủy viên Hội đồng tư vấn (thay ông Phạm Việt Bắc, Phó Giám đốc Sở Công Thương).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan và các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Võ Thành Thống

Số: 03/QĐ-HĐTV

Cần Thơ, ngày 16 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Tổ Thư ký giúp việc
cho Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường
và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TƯ VẤN VỀ ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Quyết định số 3300/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc kiện toàn Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 84/TTr-SVHTTDL ngày 08 tháng 01 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ Thư ký giúp việc cho Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ (gọi tắt là Tổ Thư ký), gồm các ông, bà có tên sau:

1. Tổ trưởng:

Ông Lê Thanh Bình, Trưởng phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và Gia đình, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Thành viên:

- Ông Lê Minh Tôn, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Giao thông vận tải;

- Ông Lê Hoàng Nghi, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Ông Nguyễn Hoàng Tuấn, Phó Trưởng phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng;

- Ông Trần Thanh Chánh, Phó Trưởng phòng chính trị tư tưởng, Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Ông Nguyễn Minh Tuấn, Phó Trưởng phòng Kế hoạch tài chính - Tổng hợp, Sở Công Thương;

- Ông Ngô Minh Trung, Phó Trưởng phòng Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và Gia đình, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Bà Trương Ngọc Diện, Phó Trưởng phòng Tổ chức - Pháp chế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Ông Thái Ngọc Anh, Phó Giám đốc Bảo tàng thành phố;

- Bà Nguyễn Huỳnh Tuyết Linh, Phó Giám đốc Thư viện thành phố;

- Ông Hồ Xuân Hải, Chuyên viên phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản, Sở Thông tin và Truyền thông;

- Ông Trần Vũ, Chuyên viên Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và gia đình, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Tổ Thư ký có các nhiệm vụ sau:

a) Nghiên cứu, đề xuất tên gọi dự kiến đưa vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố theo hướng sử dụng lâu dài, trình Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ (gọi tắt là Hội đồng tư vấn) xem xét, quyết định.

b) Lựa chọn tên gọi trong Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ có thể dùng đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng, báo cáo Hội đồng tư vấn nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết nghị.

c) Dự trù kinh phí thực hiện đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng hàng năm, báo cáo Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thường trực Hội đồng tư vấn nghiên cứu, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng tư vấn phân công.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 42/QĐ-HĐTV ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch Hội đồng tư vấn về việc thành lập Tổ Thư ký giúp việc cho Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ**

(Đã ký)

Trương Quang Hoài Nam

Phần II

**CÁC TUYẾN ĐƯỜNG
ĐƯỢC ĐẶT TÊN TRƯỚC KHI
PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN**

Số: 2614 /UBND-VX

Cần Thơ, ngày 03 tháng 6 năm 2014

V/v kiểm kê các tuyến
đường đã được đặt tên

Kính gửi:

- Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện.

Xét Báo cáo số 54/BC-HĐTV ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) về việc kết quả tổng kiểm kê các tuyến đường đã được đặt tên trước khi ban hành Đề án đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố đến năm 2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến như sau:

Thông nhất nội dung báo cáo và kiến nghị đề xuất của Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) tại Báo cáo nêu trên. Giao Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Thường trực Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng) chỉ đạo Tổ Thư ký của Hội đồng tư vấn tiếp tục thu thập tài liệu, biên tập tóm tắt ý nghĩa của địa danh, sự kiện, mỹ từ và tiểu sử danh nhân, cập nhật 134 tên đường đã được đặt trước khi thành phố ban hành Đề án để đưa vào cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng (vào mục “Thực tế đã đặt tên” trong Ngân hàng). Đồng thời, hướng dẫn các sở ngành liên quan và Ủy ban

nhân dân quận, huyện sử dụng đúng tên và giới hạn trong danh sách các tuyến đường đã tổng kiểm kê trong công tác quản lý đô thị, quản lý hành chính và các giao dịch kinh tế, văn hóa - xã hội, để góp phần giáo dục truyền thống lịch sử - văn hóa dân tộc, nâng cao tình yêu quê hương, đất nước và lòng tự hào dân tộc.

Trên cơ sở danh sách các tuyến đường đã tổng kiểm kê và trùng tên nhau trên địa bàn thành phố, yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện nghiên cứu, đề xuất việc dự kiến đặt tên, đổi tên đường gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Thường trực Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng) trong thời gian tới đảm bảo đúng mục tiêu, nguyên tắc của Đề án; hài hòa tỷ lệ các loại tên đường địa danh, mỹ từ, sự kiện và danh nhân qua các thời kỳ dựng nước và giữ nước; ưu tiên lấy địa danh nổi tiếng, sự kiện lịch sử, văn hóa, danh nhân tiêu biểu của địa phương để đặt tên đường và công trình công cộng trên địa bàn.

Nhận được Công văn này, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Thường trực Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng), Thủ trưởng các đơn vị có liên quan phối hợp tổ chức thực hiện./.

**KT . CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lê Văn Tâm

DANH SÁCH

**Các tuyến đường trên địa bàn thành phố Cần Thơ
đã được đặt tên trước khi ban hành Quyết định
số 1500/QĐ-UBND ngày 15/5/2009 của UBND
thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt đề án đặt tên,
đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn
thành phố Cần Thơ đến năm 2020.**

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	GHI CHÚ
A	QUẬN NINH KIỀU							
I	ĐỊA DANH							
1	Điện Biên Phủ	424	5	12	1	IV	Võ Văn Tần - cuối đường	
2	Hậu Giang	380	4-5	12	1	IV	Quốc lộ 1 - cuối đường	
3	Tầm Vu	4.245	5	16- 25	1	IV	Trần Ngọc Quế - 30 Tháng 4	
4	Tân Trào	140	5	10	1	IV	Phan Đình Phùng - Hai Bà Trưng	
II	MỸ TỬ							
1	Hòa Bình	850	29,4	40	6	I	Nguyễn Trãi - 30 Tháng 4	Trùng Thốt Nốt
III	SỰ KIỆN LỊCH SỬ							
1	3 Tháng 2	3.300	30	40	6	I	Mậu Thân - cầu Đầu Sấu	Trùng Ô Môn
2	30 Tháng 4	3.900	27,6-28	40	4	II	Hòa Bình - 3 Tháng 2	Trùng Ô Môn, Thốt Nốt

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	GHI CHÚ
3	Cách Mạng Tháng 8	1.313	12	38-40	2	III	Vòng xoay Bến xe mới - Hẻm 86 Cách Mạng Tháng Tám	Trung Bình Thủy, Ô Môn
4	Đồng Khởi	500	6	12	2	III	Hòa Bình - Ngô Đức Kế	
5	Mậu Thân	2.370	18-24	30-40	4	II	30 Tháng 4 - Nguyễn Văn Cừ	
6	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	427	10	19	2	III	Hòa Bình - Phan Đình Phùng	
7	Xô Viết Nghệ Tĩnh	808	7,6	20	2	III	Hòa Bình - Hoàng Văn Thụ	
IV	DANH NHÂN							
1	Bà Huyện Thanh Quan	154	10	16	2	III	Cách Mạng Tháng 8 - Phan Đăng Lưu	
2	Bà Triệu	180	4	13	1	IV	Ngô Gia Tự - Rạch Khai Luông	
3	Bùi Thị Xuân	354	3	12	1	IV	Phan Đăng Lưu - Đinh Tiên Hoàng	
4	Cao Bá Quát	108	6,2	16	2	III	Phan Đình Phùng - Hòa Bình	
5	Cao Thắng	310	5	10	1	IV	Nguyễn Cư Trinh - cuối đường	

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	GHI CHÚ
6	Châu Văn Liêm	646	14	40	4	II	30 Tháng 4 - Hai Bà Trưng	Trùng Ô Môn
7	Đề Thám	380	6	14	2	III	Hòa Bình - Huỳnh Cương	
8	Đinh Công Tráng	380	6	18	2	III	Nguyễn Ngọc Trai - Nguyễn Văn Trỗi	
9	Đinh Tiên Hoàng	301	10	20	2	III	Hùng Vương - cầu Xô Viết Nghệ Tĩnh	Trùng Cái Răng, Ô Môn
10	Đoàn Thị Điểm	250	4,7	8	1	IV	Cách Mạng Tháng 8 - rạch Khai Luông	
11	Hai Bà Trưng	458	5-14	20	1	IV	Nhà hàng Ninh Kiều - Nguyễn Thị Minh Khai	
12	Hải Thượng Lãn Ông	176	5	9	1	IV	Phan Đình Phùng - Hai Bà Trưng	
13	Hoàng Văn Thụ	749	7	16	2	III	Nguyễn Trãi - Trần Hưng Đạo	
14	Hồ Xuân Hương	240	6	12	2	III	Hùng Vương - Bà Huyện Thanh Quan	
15	Huỳnh Thúc Kháng	931	4	16	1	IV	Trần Hưng Đạo - Mậu Thân	

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	GHI CHÚ
16	Hùng Vương	584	16	30-42,7	4	II	Trần Phú - Trần Hưng Đạo	
17	Lê Bình	380	7	20	2	III	30 Tháng 4 - 3 Tháng 2	Trùng Cái Răng
18	Lê Lai	280	5	14	1	IV	Phan Văn Trị - cuối đường	
19	Lê Thánh Tôn	176	5,5	10	1	IV	Ngô Quyền - Nguyễn Thái Học	
20	Lý Thường Kiệt	208	5	10	1	IV	Ngô Quyền - Ngô Gia Tự	Trùng Cái Răng, Ô Môn
21	Lý Tự Trọng	912	13		2	III	Trần Hưng Đạo - Hòa Bình	
22	Mạc Đĩnh Chi	70	6	19	2	III	Trương Định - cuối đường	
23	Ngô Đức Kế	348	8	26	2	III	Hai Bà Trưng - Hai Bà Trưng	
24	Ngô Gia Tự	422	8	16	2	III	Hai Bà Trưng - Võ Thị Sáu	
25	Ngô Hữu Hạnh	288	6	18	2	III	Hòa Bình - Trương Định	
26	Ngô Quyền	832	11	19	2	III	Hai Bà Trưng - Trương Định	Trùng Cái Răng, Ô Môn
27	Ngô Văn Sở	216	6,3	14	2	III	Hòa Bình - Phan Đình Phùng	

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	GHI CHÚ
28	Nguyễn An Ninh	646	14	40	4	II	30 Tháng 4 - Hai Bà Trưng	
29	Nguyễn Bình Khiêm	127	3,5	12	1	IV	Nguyễn Trãi - Nguyễn Đức Cảnh	
30	Nguyễn Cư Trinh	220	6	18	2	III	Cao Thắng - Nguyễn Văn Trỗi	
31	Nguyễn Du	98	4	6	1	IV	Châu Văn Liêm - Ngô Đức Kế	Trùng Ô Môn
32	Nguyễn Đình Chiểu	188	6,2	11	2	III	Nguyễn Trãi - Ngô Hữu Hạnh	
33	Nguyễn Khuyến	242	7	16	2	III	Ngô Quyền - Đề Thám	
34	Nguyễn Ngọc Trai	170	5	10	1	IV	Mậu Thân - cuối đường	
35	Nguyễn Thái Học	478	14	35	4	II	Hòa Bình - Hai Bà Trưng	Trùng Thốt Nốt
36	Nguyễn Thân Hiến	300	5	12	1	IV	Lý Tự Trọng - cuối đường	
37	Nguyễn Thị Minh Khai	1.172	7	20	2	III	Hai Bà Trưng - Vàm Tham Tướng	
38	Nguyễn Trãi	1.280	11,4	21	2	III	Cách Mạng Tháng 8 - Hòa Bình	Trùng Cái Răng, Ô Môn
39	Nguyễn Văn Cừ	1.288	9	34	2	III	Cách Mạng Tháng 8 - Mậu Thân	Trùng Phong Điền

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	GHI CHÚ
40	Nguyễn Văn Trỗi	320	5	10	1	IV	Nguyễn Cư Trinh - cuối đường	
41	Nguyễn Văn Trường	2.250	4	30	1	IV	Tỉnh lộ 923 - Cầu Ngã Cái	Trùng Bình Thủy
42	Nguyễn Việt Hồng	700	6	12	2	III	Mộ Thân - Phan Văn Trị	
43	Phạm Hồng Thái	114	5,5	10	1	IV	Hòa Bình - Lý Thường Kiệt	
44	Phạm Ngũ Lão	672	10	20	2	III	Cách Mạng Tháng 8 - cuối đường	
45	Phan Bội Châu	136	7,5	34	2	III	Phan Đình Phùng - Hai Bà Trưng	
46	Phan Chu Trinh	136	7,5	34	2	III	Phan Đình Phùng - Hai Bà Trưng	
47	Phan Đăng Lưu	240	6	15	2	III	Bà Huyện Thanh Quan - Bùi Thị Xuân	
48	Phan Đình Phùng	1.140	9,7	17,5	2	III	Hòa Bình - Nguyễn Thị Minh Khai	Trùng Ô Môn
49	Phan Ngọc Hiển	260	7	19	2	III	3 Tháng 2 - Chung cư 3 Tháng 2	
50	Phan Văn Trị	328	12,3	23	2	III	Lý Tự Trọng - 30 Tháng 4	Trùng Phong Điền

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	GHI CHÚ
51	Quản Trọng Hoàng	350	3	10	1	IV	30 Tháng 4 - 3 Tháng 2	
52	Quang Trung	440	24	40	4	II	30 Tháng 4 - Nguyễn Thị Minh Khai	
53	Thủ Khoa Huân	176	5	10	1	IV	Hai Bà Trưng - Phan Đình Phùng	
54	Trần Hoàng Na	800	7	20	2	III	30 Tháng 4 - Tầm Vu	
55	Trần Hưng Đạo	920	17	30	4	II	Cầu Nhị Kiều - 3 Tháng 2	Trùng Cái Răng, Ô Môn
56	Trần Ngọc Quế	830	11	20	2	III	30 Tháng 4 - 3 Tháng 2	
57	Trần Phú	1.160	16-28,5	40	4	II	Bến Phà cũ - Hùng Vương	
58	Trần Quang Khải	290	8	20	2	III	Nguyễn Trãi - Lê Lợi	
59	Trần Quốc Toàn	286	4,8	10	1	IV	Hòa Bình - Hai Bà Trưng	Trùng Ô Môn
60	Trần Văn Hoài	500	28	40	6	I	30 Tháng 4 - 3 Tháng 2	
61	Trần Văn Khéo	800	14	28	4	II	Nguyễn Trãi - Lê Lợi	
62	Trần Việt Châu	640	7,5	20	2	III	Nguyễn Văn Cừ - Phạm Ngũ Lão	
63	Trương Định	300	5,5	12	1	IV	Ngô Quyền - Ngô Hữu Hạnh	

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	GHI CHÚ
64	Võ Thị Sáu	435	5,6	12	1	IV	Nguyễn Trãi - Ngô Quyền	
65	Võ Văn Tần	478	14	35	4	II	Hòa Bình - Hai Bà Trưng	
B QUẬN CÁI RĂNG								
I	ĐỊA DANH							
1	Hàng Gòn	448	5,5	20	2	IV	Quốc lộ 1 - sông Cái Răng Bé	
2	Hàng Xoài	500	3,5	7	2	IV	Quốc lộ 1 - sông Cái Răng Bé	
3	Yên Hạ	854	3,5	7,5	2	IV	Nguyễn Trãi - Lê Bình	
II	DANH NHÂN							
1	Duy Tân	100	5	11	2	IV	Trần Hưng Đạo - Ngô Quyền	
2	Đình Tiên Hoàng	135	5	11	2	IV	Quốc lộ 1 - Ngô Quyền	Trùng Ninh Kiều, Ô Môn
3	Hàm Nghi	100	5	11	2	IV	Trần Hưng Đạo - Ngô Quyền	
4	Lê Bình	760	8	17	2	III	Quốc lộ 1 - Yên Hạ	Trùng Ninh Kiều
5	Lê Thái Tổ	260	5	11	2	IV	Nguyễn Trãi - Lý Thường Kiệt	
6	Lý Thường Kiệt	395	5	11	2	IV	Vô Tánh - Ngô Quyền	Trùng Ninh Kiều, Ô Môn

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	GHI CHÚ
7	Ngô Quyền	280	5	11	2	IV	Nguyễn Trãi - Lý Thường Kiệt	Trùng Ninh Kiều, Ô Môn
8	Nguyễn Trãi	200	10	23	2	III	Quốc lộ 1 - Ngô Quyền	Trùng Ninh Kiều, Ô Môn
9	Nguyễn Việt Dũng	700	7	17	2	III	Quốc lộ 1 - Võ Tánh	Trùng Bình Thủy
10	Trần Hưng Đạo (đoạn 1)	340	5	11	2	IV	Đinh Tiên Hoàng - Nguyễn Trãi	Trùng Ninh Kiều, Ô Môn Sử dụng tên Trần Hưng Đạo cho toàn tuyến
	Trần Hưng Đạo (đoạn 2)	500	5	17	2	IV	Nguyễn Trãi - Lê Bình	
	Trần Hưng Đạo (đoạn 3)	868	15	25	2	II	Lê Bình - Hàng Gòn	
11	Trưng Nữ Vương	165	5	11	2	IV	Quốc lộ 1 - Ngô Quyền	Trùng Ô Môn, Thốt Nốt
12	Võ Tánh	1.480	5	11	2	IV	Quốc lộ 1 - Vàm Ba Láng	

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	GHI CHÚ
C QUẬN BÌNH THỦY								
I	SỰ KIỆN LỊCH SỬ							
1	Cách Mạng Tháng 8	3.2.632	12	40	4	II	Nguyễn Huệ - Cầu Bình Thủy	Trùng Ninh Kiều
II	DANH NHÂN							
1	Bùi Hữu Nghĩa	11.000	6	30	2	III	Lê Hồng Phong - Cầu Bông Vàng	
2	Huỳnh Phan Hộ	1.000	10	20	2	IV	Lê Hồng Phong - Hẻm 22 Huỳnh Phan Hộ	
3	Lê Hồng Phong	6.480	12	40	4	II	Cầu Bình Thủy - Cầu Sang Trảng 1	
4	Nguyễn Thông	1.380	10	21	2	IV	Cách Mạng Tháng 8 - Trần Quang Diệu	
5	Nguyễn Việt Dũng	400	8	18	2	IV	Cách Mạng Tháng 8 - Trần Quang Diệu	Trùng Cái Răng
6	Nguyễn Văn Trường	4.400	4	30	2	IV	Bùi Hữu Nghĩa - Cầu Ngã Cái	Trùng Ninh Kiều
7	Trần Quang Diệu	4.035	12	23	2	IV	Cách Mạng Tháng 8 - Cầu Ván	1.214
				27			Cầu Ván - chợ Ngã Tư	1.392
				30			Chợ Ngã Tư - cầu Bình Thủy	1.429

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	GHI CHÚ
D	QUẬN Ô MÔN							
I	ĐỊA DANH							
1	Bến Bạch Đằng	720	4	8	2	III	Đầu vòm Tắc Ông Thực - hết dây phố 6 căn	Trùng Thốt Nốt Sử dụng tên Bến Bạch Đằng cho toàn tuyến
	Bến Bạch Đằng (nối dài)						Cầu Ô Môn - giáp dây phố 6 căn	
II	SỰ KIỆN LỊCH SỬ							
1	3 Tháng 2	483	7,5	12,7	2	III	Kim Đồng - Huỳnh Thị Giang	Trùng Ninh Kiều
2	26 Tháng 3	1.047	20-22	30-32	2	III	Quốc lộ 91 - Kim Đồng	
3	30 Tháng 4	200	6	10,5	2	III	Trần Hưng Đạo - Bệnh viện Ô Môn	Trùng Ninh Kiều, Thốt Nốt
4	Cách Mạng Tháng 8	130	6	14	2	III	Trần Quốc Toản - Bệnh viện Ô Môn	Trùng Ninh Kiều, Bình Thủy
III	DANH NHÂN							
1	Châu Văn Liêm	450	8	18	2	III	Quốc lộ 91 - Cách Mạng Tháng 8	Trùng Ninh Kiều

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	GHI CHÚ
2	Đinh Tiên Hoàng	68	6-7	9-10	2	III	Trần Hưng Đạo - Bến Bạch Đằng	Trùng Ninh Kiều, Cái Răng
3	Huỳnh Thị Giang	231	7,5	15,5	2	III	Châu Văn Liêm - 26 Tháng 3	
4	Kim Đồng	140	6,5	14,5	2	III	26 Tháng 3 - Cách Mạng Tháng 8	
5	Lê Lợi	470	4	14	2	III	Trần Hưng Đạo - Thánh thất Cao Đài	Trùng Ninh Kiều, Thốt Nốt
6	Lê Văn Tám	170	6,5	14,5	2	III	26 Tháng 3 - Cách Mạng Tháng 8	
7	Lê Quý Đôn	70	30		2	IV	Trần Hưng Đạo - Bến Bạch Đằng	
8	Lưu Hữu Phước	180	7,5	16,5-17,5	2	III	26 Tháng 3 - Châu Văn Liêm	
9	Lý Thường Kiệt	320	4	10-41	2	III	26 Tháng 3 - Bến Bạch Đằng	Trùng Ninh Kiều, Cái Răng
10	Ngô Quyền	140	6	9	2	III	Trần Hưng Đạo - Bến Bạch Đằng	Trùng Ninh Kiều, Cái Răng

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	GHI CHÚ
11	Nguyễn Du	105	7,5	12,7	2	III	Nguyễn Trãi - Lưu Hữu Phước	Trùng Ninh Kiều
12	Nguyễn Trãi	172	7.5	12.7	2	III	3 Tháng 2 - Châu Văn Liêm	Trùng Ninh Kiều, Cái Răng
13	Nguyễn Trung Trực	185	7	11	2	III	26 Tháng 3 - Chợ Ô Môn	Trùng Thốt Nốt
14	Phan Đình Phùng	90	6	12	2	III	Trần Quốc Toàn - Cách Mạng Tháng 8	Trùng Ninh Kiều
15	Trần Hưng Đạo	220	9-10	12-20	2	III	Kim Đồng - Cầu Quận đội Ô Môn	Trùng Ninh Kiều, Cái Răng
	Trần Hưng Đạo (nối dài)	844					Cầu Quận Đội - Quốc lộ 91 (cổng chào cũ)	Sử dụng Trần Hưng Đạo cho toàn tuyến
16	Trần Nguyên Hân	450	6	14	2	III	26 Tháng 3 - Bến Bạch Đằng	
17	Trần Quốc Toàn	185	10	18	2	III	26 Tháng 3 - Châu Văn Liêm	Trùng Ninh Kiều

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	GHI CHÚ
18	Trung Nữ Vương	250	6	9	2	III	Trần Hưng Đạo - Nhà máy Liên Hiệp	Trùng Thốt Nốt, Cái Răng
E QUẬN THỐT NỐT								
I ĐỊA DANH								
1	Bạch Đằng	246	11	11	2	IV	Cầu Thốt Nốt - Bến dò Tân Lộc	Trùng Ô Môn
II MỸ TỪ								
1	Hòa Bình	71	4,5	4,5	2	IV	Nguyễn Thái Học - Lê Lợi	Trùng Ninh Kiều
2	Tự do	71	4		2	IV	Nguyễn Thái Học - Lê Lợi	
III SỰ KIỆN LỊCH SỬ								
1	30 Tháng 4	162	5	5	2	IV	Quốc lộ 91 - Nguyễn Kim	Trùng Ninh Kiều, Ô Môn Sử dụng tên 30 tháng 4 cho toàn tuyến
	(nối) 30 Tháng 4	108	3	5	2	IV	30 tháng 4 - Trưng Nữ Vương	

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	GHI CHÚ
IV	DANH NHÂN							
1	Lê Lợi	287	8	8	2	IV	Quốc lộ 91 - Bến đò Tân Lộc	Trùng Ninh Kiều, Ô Môn
	Lê Lợi (nối dài)	170	7	7	2	IV	Quốc lộ 91 - Cầu Chùa	
2	Lê Thị Tào	804	5-10,5-3	6	2	IV	Mũi Tàu - Lê Lợi	
3	Nguyễn Công Trứ	271	7	5	2	IV	Quốc lộ 91 - Lê Thị Tào	
4	Nguyễn Thái Học	215	3-7,5-3	7	2	IV	Quốc lộ 91 - Lê Thị Tào	Trùng Ninh Kiều
	Nguyễn Thái Học (nối dài)	151	5-7-5	7	2	IV	Quốc lộ 91 - 30 Tháng 4	Sử dụng tên Nguyễn Thái Học cho toàn tuyến
5	Nguyễn Trung Trực	235	5	5	2	IV	Quốc lộ 91 - Lê Thị Tào	Trùng Ô Môn
6	Nguyễn Kim	330	3	5	2	IV	30 Tháng 4 - Lê Lợi	
7	Trưng Nữ Vương	155	2	5	2	IV	Quốc lộ 91 - 30 Tháng 4	Trùng Ô Môn, Cái Răng

Phần III

NGHỊ QUYẾT ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TỪ NĂM 2009 ĐẾN 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc đặt tên đường trên địa bàn thành phố Cần Thơ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 22 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Theo Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc đặt tên một số tuyến đường trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Đặt tên 21 tuyến đường trên địa bàn thành phố Cần Thơ, cụ thể như sau:

Số TT	Tên đường	Chiều dài (m)	Giới hạn (đường)	Ghi chú
01	Nguyễn Bình	570	Lê Lợi - tạm gọi Trục B1, quận Ninh Kiều	
02	Nguyễn Đức Cảnh	339	Trần Phú - Trần Văn Khéo, quận Ninh Kiều	Trục A2 cũ
03	Lương Định Của	297	Trần Văn Khéo - cuối đường giáp khu chuyên gia, quận Ninh Kiều	Đường số 1 cũ
04	Vòng Cung	2.400	Quốc lộ 1 (quận Ninh Kiều) - đến giáp ranh xã Mỹ Khánh (huyện Phong Điền)	
05	Nguyễn Văn Cừ	3.774	Mậu Thân - Hoàng Quốc Việt, quận Ninh Kiều	Sau khi nối dài, đường Nguyễn Văn Cừ dài 4.848m
06	Trần Quang Khải	586	Lê Lợi - Trần Quang Khải, quận Ninh Kiều	Sau khi nối dài, đường Trần Quang Khải dài 876m
07	Ung Văn Khiêm	436	Trần Phú - bờ kè Cái Khế, quận Ninh Kiều	
08	Trần Vĩnh Kiết	600	Quốc lộ 1 - cầu Ngã Cày, quận Ninh Kiều	

Số TT	Tên đường	Chiều dài (m)	Giới hạn (đường)	Ghi chú
09	Võ Văn Kiệt	6.902	Nguyễn Văn Cừ (quận Ninh Kiều) - sân bay Cần Thơ (quận Bình Thủy)	
10	Nguyễn Văn Linh	16.533	Tầm Vu (quận Ninh Kiều) - cuối đường thuộc phường Phước Thới (quận Ô Môn)	
11	Lê Lợi	1.450	Trần Phú - quanh vòng xuyên cồn Cái Khế, quận Ninh Kiều	
12	Hồ Tùng Mậu	342	Trần Phú - Trần Văn Khéo, quận Ninh Kiều	Trục A1 cũ
13	Trần Đại Nghĩa	237	Trần Văn Khéo - tạm gọi đường số 4, quận Ninh Kiều	
14	Trần Ngọc Quế	279	Tầm Vu - Trần Ngọc Quế, quận Ninh Kiều	Sau khi nối dài, đường Trần Ngọc Quế dài 1.109m
15	Lý Hồng Thanh	491	Khu chung cư - bờ kè Cái Khế, quận Ninh Kiều	
16	Phạm Ngọc Thạch	298	Trần Văn Khéo - cuối đường giáp khu chuyên gia, quận Ninh Kiều	Đường số 3 cũ
17	Mậu Thân	180	Nguyễn Thị Minh Khai - Mậu Thân, quận Ninh Kiều	Sau khi nối dài, đường Mậu Thân dài 2.550m

Số TT	Tên đường	Chiều dài (m)	Giới hạn (đường)	Ghi chú
18	Võ Trường Toàn	478	Nguyễn Văn Cừ - tạm gọi đường Vành Đai Phi Trường, quận Ninh Kiều	
19	Trần Bình Trọng	395	Lý Tự Trọng - Trần Hưng Đạo, quận Ninh Kiều	
20	Tôn Thất Tùng	263	Cách Mạng Tháng Tám - bờ sông, quận Ninh Kiều	Đường cấp Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ
21	Hoàng Quốc Việt	3.300	Nguyễn Văn Linh - đường tỉnh 923, quận Ninh Kiều	

(kèm theo phụ lục)

Điều 2.

Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai và thực hiện việc gắn biển tên đường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực sau mười ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa VII, kỳ họp thứ mười sáu thông qua và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./.

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nguyễn Tấn Quyền

Phụ lục 1

THUYẾT MINH VỊ TRÍ ĐƯỜNG

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2009/NQ-HĐND
 ngày 26 tháng 6 năm 2009
 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)*

Số TT	Tên đường	Chiều dài (m)	Giới hạn	Tên tạm gọi hiện nay
01	Nguyễn Bình	570	Từ đường Lê Lợi (trước khán đài A sân vận động) đến Trục B1, Trung tâm Thương mại Cái Khế, quận Ninh Kiều	Trục 20 - 25 và Trục E4 - D4
02	Nguyễn Đức Cảnh	339	Từ đường Trần Phú đến đường Trần Văn Khéo, Trung tâm Thương mại Cái Khế, quận Ninh Kiều	Trục A2
03	Lương Định Của	297	Từ đường Trần Văn Khéo đến cuối đường giáp khu chuyên gia, khu dân cư Miền Tây, quận Ninh Kiều	Đường số 1
04	Vòng Cung	2.400	Từ Quốc lộ 1 (quận Ninh Kiều) đến cổng giáp ranh tại xã Mỹ Khánh (huyện Phong Điền)	Đường tỉnh 923 hoặc Lộ Vòng Cung

Số TT	Tên đường	Chiều dài (m)	Giới hạn	Tên tạm gọi hiện nay
05	Nguyễn Văn Cừ	3.774	Từ đường Mậu Thân (tiếp giáp đường Nguyễn Văn Cừ hiện nay) đến đường Hoàng Quốc Việt (tên cũ Cái Sơn - Hàng Bàng), quận Ninh Kiều	- Đường nối dài đường Nguyễn Văn Cừ; - Đường Nguyễn Văn Cừ (mới) dài 4.848m
06	Trần Quang Khải	586	Từ đường Lê Lợi (trước khán đài A sân vận động) đến Trục B1 (tiếp giáp đường Trần Quang Khải hiện nay), quận Ninh Kiều	- Trục 14 - 19; Trục B1 - B2. - Đường Trần Quang Khải (mới) dài 876m
07	Ung Văn Khiêm	436	Từ đường Trần Phú đến bờ kè Cái Khế, quận Ninh Kiều	Trục B1
08	Trần Vĩnh Kiệt	600	Từ Quốc lộ 1 đến cầu Ngã Cạy, quận Ninh Kiều	Đường Đầu Sấu - Hàng Bàng
09	Võ Văn Kiệt	6.902	Từ đường Nguyễn Văn Cừ (quận Ninh Kiều) đến cuối đường, giáp sân bay Cần Thơ (quận Bình Thủy)	Đường Mậu Thân đến sân bay Trà Nóc
10	Nguyễn Văn Linh	16.533	Từ đường Tầm Vu (quận Ninh Kiều) đến cuối đường thuộc phường Phước Thới (quận Ô Môn)	Quốc lộ 91B và đường mới mở (từ đường 3 Tháng 2 đến đường Tầm Vu)

Số TT	Tên đường	Chiều dài (m)	Giới hạn	Tên tạm gọi hiện nay
11	Lê Lợi	1.450	Từ đường Trần Phú đến quanh vòng xuyên cồn Cái Khế, quận Ninh Kiều	Đường qua khán đài A sân vận động Cần Thơ
12	Hồ Tùng Mậu	342	Từ đường Trần Phú đến đường Trần Văn Khéo, quận Ninh Kiều	Trục A1
13	Trần Đại Nghĩa	237	Từ đường Trần Văn Khéo đến đường số 4, khu dân cư Miền Tây, quận Ninh Kiều	Đường số 2
14	Trần Ngọc Quế	279	Từ đường Tầm Vu đến đường 30 Tháng 4 (tiếp giáp đường Trần Ngọc Quế hiện nay), quận Ninh Kiều	Đường Trần Ngọc Quế; đường Trần Ngọc Quế (mới) dài 1.109m
15	Lý Hồng Thanh	491	Từ khu chung cư đến bờ kè Cái Khế, Trung tâm Thương mại Cái Khế, quận Ninh Kiều	Trục B2
16	Phạm Ngọc Thạch	298	Từ đường Trần Văn Khéo đến cuối đường giáp khu chuyên gia, khu dân cư Miền Tây, quận Ninh Kiều	Đường số 3

Số TT	Tên đường	Chiều dài (m)	Giới hạn	Tên tạm gọi hiện nay
17	Mậu Thân	180	Từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường 30 Tháng 4 (tiếp giáp đường Mậu Thân hiện nay), quận Ninh Kiều	- Đường nối dài đường Mậu Thân; - Đường Mậu Thân dài 2.550m
18	Võ Trường Toàn	478	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Vành Đai Phi Trường (tên tạm gọi), quận Ninh Kiều	Hẻm 256, đường Nguyễn Văn Cừ
19	Trần Bình Trọng	395	Từ đường Lý Tự Trọng đến đường Trần Hưng Đạo, quận Ninh Kiều	Hẻm Thời Trang đường Lý Tự Trọng; Hẻm 227 đường Trần Hưng Đạo
20	Tôn Thất Tùng	263	Từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến bờ sông, quận Ninh Kiều	Đường cặp Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ
21	Hoàng Quốc Việt	3.300	Từ đường Nguyễn Văn Linh (tên cũ Quốc lộ 91B) đến đường Vòng Cung (tên cũ Tỉnh lộ 923), quận Ninh Kiều	Đường Cái Sơn - Hàng Bàng

Phụ Lục II

**TÓM TẮT TIỂU SỬ NHÂN VẬT LỊCH SỬ,
SỰ KIỆN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA DANH
ĐƯỢC ĐẶT TÊN ĐƯỜNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2009/NQ-HĐND
ngày 26 tháng 6 năm 2009
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)*

1. NGUYỄN BÌNH (1909 - 1951)

Tên chính là Nguyễn Phương Thảo, quê ở Bần Yên Nhân, tỉnh Hưng Yên. Ông tham gia Việt Nam Quốc dân Đảng. Khi khởi nghĩa Yên Bái thất bại, năm 1936 bị giặc Pháp bắt đày ra Côn Đảo. Đầu năm 1945 về Hải Phòng xây dựng cơ sở cách mạng, tập hợp lực lượng chỉ huy đánh một số trận và tuyên bố thành lập chiến khu Đông Triều, đem quân chiếm tỉnh lỵ Quang Yên (Quảng Ninh). Ngày 23 tháng 8 năm 1945 dẫn lực lượng từ chiến khu về tham gia khởi nghĩa giành chính quyền tại Hải Phòng.

Tháng 10 năm 1945 ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh cử vào mặt trận Nam bộ giữ chức Ủy viên Ủy ban Quân sự Nam bộ, trực tiếp làm tư lệnh. Ông có công lớn trong việc thống nhất các lực lượng vũ trang của các giáo phái ở miền Nam để đánh Pháp. Tháng 01 năm 1948 ông được Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa phong Trung tướng. Ngày 29 tháng 9 năm 1951 ông hy sinh trên đường đi công tác. Ông được truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh.

2. NGUYỄN ĐỨC CẢNH (1908 - 1932)

Liệt sĩ, quê xã Thụy Hà, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình.

Thuở nhỏ, ông tham gia các hoạt động chống Pháp tại địa phương. Năm 1925, 1926 ông tham gia tổ chức truy điệu nhà yêu nước Phan Chu Trinh, đòi ân xá Phan Bội Châu nên bị Pháp đuổi khỏi trường học. Từ đó, ông lên Hà Nội sinh sống và hoạt động. Tháng 9 năm 1927, ông được Việt Nam Quốc dân Đảng cử sang Trung Quốc gặp Tổng bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội để thống nhất hành động. Ông gặp Nguyễn Ái Quốc và bắt đầu từ đó đã chuyển hướng hoạt động. Năm 1928, ông được cử vào kỳ bộ Bắc Kỳ; năm 1929, đứng ra thành lập Tổng Công hội Bắc Kỳ. Ngày 03 tháng 02 năm 1930, ông tham gia thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương; cuối năm 1930, được Trung ương Đảng cử đi công tác ở Trung Kỳ, được bầu vào Ban Thường vụ Xứ ủy Trung Kỳ, phụ trách tuyên huấn. Cuối năm 1931, ông bị địch bắt ở Vinh; ngày 31 tháng 7 năm 1932, bị Pháp xử chém tại Hải Phòng.

3. LƯƠNG ĐỊNH CỬA (1920 - 1975)

Giáo sư, tiến sĩ nông học, quê quán xã Đại Ngải, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Là giáo sư tài ba, giàu lòng yêu nước, có nhiều công trình nghiên cứu khoa học ứng dụng thành công trong nông nghiệp, tạo ra một số giống lúa và một số giống cây trồng (như dưa hấu không hạt, dưa lê, khoai lang, rau muống, đu đủ, xương rồng,...) và đề ra một số mô hình canh tác như bờ vùng, bờ thửa,... Là đại biểu Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Mặt

trận Tổ quốc Việt Nam, Viện trưởng Viện Cây lương thực thực phẩm. Được tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, Giải thưởng Hồ Chí Minh.

4. VÒNG CUNG

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 diễn ra trên khắp chiến trường miền Nam có sự đóng góp quan trọng của mặt trận Vòng Cung - Cần Thơ, một trong những trọng điểm ác liệt gian khổ nhưng quân và dân Cần Thơ bằng niềm tin sắt đá, ý chí tự lực tự cường, bí mật bất ngờ, kết hợp sức mạnh tổng hợp của ba mũi giáp công, tấn công vào tận đầu não và sào huyệt của Mỹ - ngụy, góp phần đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ và tay sai, có ý nghĩa quan trọng tạo đà liên tiếp đánh bại các chiến lược chiến tranh khác của đế quốc, giành độc lập dân tộc.

Địa danh Vòng Cung là dấu ấn gắn chặt với truyền thống lịch sử hào hùng và là niềm tự hào của Đảng bộ, quân dân Cần Thơ cũng như đồng bằng sông Cửu Long trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

5. NGUYỄN VĂN CỪ (1912 - 1941)

Nguyễn Văn Cừ quê ở làng Phù Khê, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh, xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo, có truyền thống yêu nước. Anh là học sinh xuất sắc ở Trường Bưởi (tức Trường Chu Văn An, Hà Nội ngày nay). Năm 1927, anh bị đuổi khỏi trường vì tham gia phong trào yêu nước.

Tháng 6/1929, anh được kết nạp vào chi bộ đầu tiên của Đông Dương Cộng sản Đảng. Sau ngày thành lập Đảng (03/02/1930), anh được bầu làm Bí thư đặc khu ủy Hòn Gai -

Uông Bí, sau đó bị địch bắt kết án tù khổ sai, đày đi Côn Đảo. Trong nhà tù, anh vẫn tiếp tục tổ chức anh em đồng chí đấu tranh, học tập lý luận.

Năm 1936, Mặt trận nhân dân lên cầm quyền ở Pháp, anh được ra tù và hoạt động tích cực cho Xứ ủy Bắc Kỳ trên mọi mặt công tác. Năm 1937, anh được cử vào Ban thường vụ Trung ương Đảng, năm sau làm Tổng Bí thư của Đảng (3/1938). Nguyễn Văn Cừ là tác giả cuốn “Tự chỉ trích” có tác dụng to lớn trong đấu tranh nội bộ Đảng và chống bọn Tờrốtkít phá hoại cách mạng.

Mùa thu năm 1939, Nguyễn Văn Cừ vào Sài Gòn họp Hội nghị Trung ương lần thứ VI, đề ra nhiệm vụ tập hợp toàn dân đấu tranh giải phóng dân tộc.

Tháng 6 năm 1940 anh bị địch bắt. Bọn đế quốc đã dùng mọi thủ đoạn tra tấn cực hình để khai thác tài liệu, nhưng trước sau anh vẫn kiên cường bất khuất, giữ vững khí tiết của người cộng sản. Sau khởi nghĩa Nam Kỳ (1940), chúng khép anh vào tội là “người có trách nhiệm tinh thần trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ” để kết án tử hình. Nguyễn Văn Cừ cùng một số đồng chí khác đã bị xử bắn tại trường bắn Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) ngày 28 tháng 8 năm 1941.

6. TRẦN QUANG KHẢI (1241 - 1294)

Danh tướng thời Trần. Ông là con thứ hai vua Trần Thái Tông và Hoàng hậu Thuận Thiên. Thuở nhỏ, ông chăm học, võ giỏi, làm thơ hay nên rất được vua yêu mến. Năm 1259, Trần Thánh Tông phong ông làm Thái úy, tước Chiêu Minh Vương, kiêm cai quản châu Nghệ An. Năm 1271, ông được phong Tướng quốc thái úy.

Năm 1282, trước nguy cơ xâm lược của nhà Nguyên, Trần Thánh Tông cử ông làm Thượng tướng thái sư chuẩn bị chống giặc. Tháng 5/1285, quân ta mở cuộc tổng phản công, ông cùng các tướng đánh tan giặc ở Chương Dương (Thường Tín - Hà Tây), rồi nhân đà thắng lợi tiến về giải phóng Thăng Long. Sau chiến tranh ông xin từ chức, về Phúc Hưng viên (Nam Định) sống đến cuối đời. Ông có viết tập thơ “Lạc đạo”.

7. UNG VĂN KHIÊM (1910 - 1993)

Quê ở làng Tấn Đức, quận Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên (nay là xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang). Trong thời gian học tại Trường Collège de Cần Thơ, ông đã tham gia mítting truy điệu để tang cụ Phan Chu Trinh, bãi khóa phản đối bọn Pháp. Năm 1927, ông được kết nạp vào “Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội”, phụ trách công nhân. Năm 1929, ông được bầu làm Bí thư Đặc ủy An Nam Cộng sản Đảng. Sau đó được bầu vào Xứ ủy lâm thời Nam Kỳ và giữ chức vụ Bí thư trong một thời gian (từ sau khi Ngô Gia Tự bị bắt đến tháng 02 năm 1931). Năm 1931, ông bị thực dân Pháp bắt kết án 5 năm tù và đày đi Côn Đảo. Năm 1945, ông tham gia vào Xứ ủy Nam Kỳ. Cuối năm 1945, ông được cử làm Bí thư Xứ ủy Nam bộ. Sau đó được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, lần lượt đảm nhiệm các chức vụ: Ủy viên Trung ương Cục miền Nam, Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Bạc Liêu, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Nội Vụ. Ông được Đảng và Nhà nước trao tặng: Huân chương Lênin, Huân chương Hồ Chí Minh.

8. TRẦN VĨNH KIẾT (1942 - 1971)

Liệt sĩ, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, quê quán xã An Bình, thành phố Cần Thơ. Sinh ra trong một gia đình có truyền thống cách mạng, năm 18 tuổi đã thoát ly gia đình gia nhập lực lượng biệt động thành phố Cần Thơ. Là chiến sĩ biệt động, thường xuyên bám địa bàn, diệt ác, phá kiềm, kiên cường vượt qua khó khăn đánh địch ngay trong thị xã, xây dựng trên 70 cơ sở ở nội ô thành phố và hàng trăm cơ sở quanh vùng ngoại thành, tích cực vận động quần chúng, động viên trên 150 thanh niên tham gia lực lượng biệt động và du kích, xây dựng cơ sở nội tuyến trong lòng địch; là một chiến sĩ kiên cường trong chiến đấu, trực tiếp tham gia đánh địch trên 60 trận, diệt 45 tên. Sau Mậu Thân 1968, ông chỉ huy đơn vị phối hợp lực lượng quân sự khu phục kích trên tuyến ven thành phố diệt tiểu đoàn Bảo an của địch. Tháng 10 năm 1971, đi công tác nội thành, bị rơi vào ổ phục kích của địch, đã chiến đấu và hy sinh anh dũng.

9. VÕ VĂN KIẾT (1922 - 2008)

Tên thật là Phan Văn Hòa, bí danh Sáu Dân, sinh ngày 23 tháng 11 năm 1922 tại xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Năm 1938, tham gia phong trào “Thanh niên phản đế”. Tháng 11 năm 1939, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, làm Bí thư Chi bộ, Huyện ủy viên và tham gia cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ ở Vũng Liêm. Từ năm 1944 đến năm 1945, là thành viên Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Rạch Giá. Sau Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 đến năm 1955, ông giữ các chức vụ: Ủy viên Chính trị dân quân cách mạng liên tỉnh Tây Nam bộ, Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu,

Ủy viên Xứ ủy Nam bộ, Phó Bí thư liên Tỉnh ủy Hậu Giang. Từ năm 1959 đến năm 1972, làm Bí thư Khu ủy T.4 (Sài Gòn - Gia Định), Bí thư Khu ủy khu 9 (Khu Tây Nam bộ) và được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Cục miền Nam rồi Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III. Từ năm 1973 đến năm 1975, ông là Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục miền Nam, Bí thư đảng ủy đặc biệt trong Ủy ban Quân quản thành phố Sài Gòn. Từ năm 1976, ông làm Phó Bí thư, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và là Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị. Từ năm 1982 đến năm 2001, ông giữ các chức vụ: ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V, VI, VII, VIII; Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Năm 1996, được cử làm Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị. Tại kỳ họp thứ I Quốc hội khóa IX (1992 - 1997) được bầu làm Thủ tướng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và an ninh. Từ tháng 12 năm 1997 đến tháng 4 năm 2001, ông được cử làm cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Ông là đại biểu Quốc hội các khóa VI, VII, VIII. Ông được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng; Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng.

10. NGUYỄN VĂN LINH (1915 - 1998)

Tên chính là Nguyễn Văn Cúc, quê ở xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Từ năm 1929, ông đã tham gia Học sinh đoàn do Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

lãnh đạo. Tháng 5 năm 1930, ông bị địch bắt, kết án chung thân đày ra Côn Đảo. Năm 1936, ông được trả tự do, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, tham gia hoạt động trong công nhân lao động ở Hải Phòng, Hà Nội. Năm 1939, ông tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố. Cuối năm 1939, được phân công tham gia lập lại Xứ ủy Trung Kỳ. Đầu năm 1941, ông bị bắt ở Vinh, địch đưa ông về Sài Gòn xử án 5 năm tù và đày ra Côn Đảo lần thứ hai.

Cách mạng Tháng Tám thành công, ông về hoạt động ở Sài Gòn trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến với các chức vụ Bí thư Thành ủy, Bí thư Đặc khu Sài Gòn - Gia Định. Từ năm 1949 đến năm 1960, ông là Ủy viên và quyền Bí thư Xứ ủy Nam bộ. Năm 1960, ông là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được chỉ định làm Bí thư Trung ương Cục Miền Nam. Năm 1976, làm Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh.

Tháng 12 năm 1976, ông được bầu vào Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng được phân công giữ nhiều trọng trách. Tháng 12 năm 1981, ông làm Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 3 năm 1982, ông được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tháng 6 năm 1985, ông được bầu vào Bộ Chính trị. Đại hội Đảng toàn quốc lần VI, ông được bầu làm Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam. Tháng 6/1987, ông là đại biểu Quốc hội khoá VIII. Từ Đại hội Đảng lần VII (6/1991) và Đại hội VIII (6/1996), ông được tôn vinh làm cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ông được tặng thưởng Huân chương Sao vàng, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng.

11. LÊ LỢI (1385 - 1433)

Ông quê ở Lam Sơn (xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa) là anh hùng dân tộc, vị lãnh tụ cao nhất của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và là người sáng lập nhà Hậu Lê. Khi giặc Minh xâm chiếm nước ta, ông tập hợp lực lượng, mở hội thề Lũng Nhai và dựng cờ khởi nghĩa xưng là “Bình Định Vương” vào năm 1418. Cuối năm 1427, khởi nghĩa Lam Sơn hoàn toàn thắng lợi. Đầu năm 1428, Lê Lợi lên ngôi vua lấy niên hiệu là Thuận Thiên, đóng đô ở Thăng Long. Về chính trị, ông tổ chức lại bộ máy nhà nước, định lại các đơn vị hành chính, chia cả nước thành 5 đạo: Đông Đạo (Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh), Tây Đạo (Phú Thọ và vùng Tây Bắc), Bắc Đạo (Bắc Ninh đến Lạng Sơn), Nam Đạo (Hà Nam, Nam Định, Thái Bình), Hải Tây Đạo (Thanh Hóa, Nghệ An trở vào). Ông cho tổ chức lại việc học tập và thi cử, lập lại trường Quốc Tử Giám, mở các khoa thi tuyển lựa nhân tài. Về quân sự và quốc phòng, Lê Lợi thực hiện phép “ngụ binh ư nông”, giảm bớt quân thường trực, cho một số lớn binh sĩ về quê sản xuất. Lê Lợi còn mở cuộc hành quân đánh dẹp cuộc phản loạn của Đèo Cát Hãn ở miền Tây Bắc. Về nông nghiệp, ông kêu gọi nhân dân nhanh chóng phục hồi sản xuất, thực hiện phép quân điền, chia ruộng đất cho nông dân, binh sĩ để ai cũng có ruộng cày cấy. Lê Lợi mất ngày 22 tháng 8 năm 1433. Triều đình suy tôn miếu hiệu là Lê Thái Tổ.

12. HỒ TÙNG MẬU (1896 - 1951)

Chí sĩ, liệt sĩ cách mạng, quê huyện Quỳnh Đôi, tỉnh Nghệ An.

Năm 1916, ông cùng với một số chiến sĩ cách mạng sang Xiêm, Trung Quốc lo việc cứu nước. Năm 1925, qua

những lần tiếp xúc với Nguyễn Ái Quốc, ông trở thành một cán bộ xuất sắc có chân trong tổ chức “Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội”. Năm 1930, ông là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương. Ngày 26 tháng 6 năm 1931, ông bị bọn Tưởng Giới Thạch bắt ở Thượng Hải, giải về nước và kết án khổ sai chung thân. Từ năm 1931 đến năm 1943, suốt 12 năm tù đầy trải qua các nhà lao: Hòa Lò, Vinh, Lao Bảo, Kon Tum; tháng 3 tháng 1943, ông vượt ngục về hoạt động ở Trung bộ. Năm 1946, ông được cử làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính liên khu IV; năm 1949, làm Tổng Thanh tra Chính phủ; năm 1951, là Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Hội trưởng Hội Việt - Trung hữu nghị. Ngày 23 tháng 7 năm 1951, ông hy sinh trên đường đi công tác tại Liên khu IV.

13. TRẦN ĐẠI NGHĨA (1913 - 1997)

Tên thật Phạm Quang Lễ, quê ở xã Chánh Hiệp, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Giữa năm 1933, Phạm Quang Lễ thi đỗ đầu hai bằng tú tài (Việt và Pháp), nhưng vì nhà nghèo, không có tiền đi Hà Nội để học tiếp, ông quyết định đi làm giúp đỡ gia đình. Năm 1935, ông đi du học ở Pháp, tốt nghiệp kỹ sư và cử nhân toán học tại các trường đại học ở Pháp. Sau đó, ông ở lại Pháp, rồi sang Đức làm việc trong Viện nghiên cứu, Xưởng chế tạo máy bay, Viện nghiên cứu vũ khí. Tháng 5 năm 1946, ông theo Bác Hồ về nước (khi Bác sang Pháp), tham gia cách mạng, chế tạo nhiều loại vũ khí cho quân đội. Ngày 05 tháng 12 năm 1946, được Bác Hồ đặt tên mới là Trần Đại Nghĩa và trực tiếp giao cho ông làm Cục trưởng Cục Quân giới kiêm Giám đốc Nha nghiên cứu Quân giới.

Ông từng giữ các chức vụ: Cục trưởng Cục pháo binh, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật, Chủ nhiệm Ủy ban Kiến thiết Cơ bản Nhà nước, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước, Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Công thương, Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, đại biểu Quốc hội khóa II, III. Ông được phong quân hàm thiếu tướng năm 1948, được bầu làm viện sĩ nước ngoài của Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô năm 1966; được tặng Huân chương Hồ Chí Minh, danh hiệu Anh hùng Lao động năm 1952, Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1996.

14. TRẦN NGỌC QUẾ (1902 - 1974)

Trần Ngọc Quế (có tên khác là Trần Quốc Đình), quê ở làng Tân An, tổng Định Bảo, tỉnh Cần Thơ (nay là phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ). Ông là một trong những người học trò đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc và trở thành cán bộ cốt cán của Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội. Trần Ngọc Quế là một trong những người đầu tiên gây dựng cơ sở cách mạng, chuẩn bị cho việc thành lập Đảng ở Cần Thơ. Năm 1928, giữ chức Bí thư Tỉnh bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội Cần Thơ. Năm 1929, tham gia Ban Chấp hành Kỳ bộ Nam Kỳ phụ trách các tỉnh miền Tây Nam bộ chuẩn bị tiến tới thành lập Đảng. Cuối năm 1929, ông bị giặc Pháp bắt tuyên án 5 năm cấm cố ở nhà tù Côn Đảo. Năm 1935, Trần Ngọc Quế ra tù tiếp tục liên lạc hoạt động cách mạng. Năm 1945, được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ, là đại biểu nhân dân tại Quốc hội khóa đầu tiên, khóa II, khóa III của nước

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ năm 1946 đến năm 1974. Trần Ngọc Quế mất ngày 03 tháng 10 năm 1974 vì bệnh nặng, được an táng tại nghĩa trang Văn Điển, Hà Nội.

15. LÝ HỒNG THANH (1916 - 1941)

Lý Hồng Thanh (có tên khác là Lê Văn Nhung), quê làng Tân Huê, huyện Hồng Ngự, tỉnh Châu Đốc.

Sống trong gia đình có truyền thống, nên ông sớm giác ngộ cách mạng. Năm 1930, ông làm liên lạc cho chi bộ làng Tân Huê; năm 1932, bị địch bắt, bị tra tấn dã man nhưng vẫn giữ vững khí tiết người cộng sản; tháng 5 năm 1933, ông bị Pháp kết án 1 năm tù; tháng 5 năm 1934, được kết nạp vào Đảng, nhận nhiệm vụ xây dựng cơ sở cách mạng ở vùng biên giới Campuchia. Năm 1936, tham gia diễn thuyết trong các cuộc mít-tinh của Ủy ban hành động làng Tân Huê; tháng 8 năm 1936, được điều về công tác tại Tỉnh ủy Châu Đốc; năm 1938, được cử vào Ban Chấp hành Liên Tỉnh ủy Cần Thơ; năm 1939, được điều về công tác tại quận Châu Thành, Rạch Giá, sau đó được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Châu Đốc; tháng 9 năm 1940, được cử giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ. Chuẩn bị khởi nghĩa Nam Kỳ tại Cần Thơ, ông được phân công trực tiếp chỉ đạo cuộc khởi nghĩa tại thị xã Cần Thơ. Sau khởi nghĩa Nam Kỳ, thực dân Pháp khủng bố ác liệt các cơ sở cách mạng, nhưng ông quyết bám trụ để chỉ đạo phong trào. Cuối tháng 11 năm 1940, ông và một số đồng chí khác bị địch bắt; sáng ngày 04 tháng 6 năm 1941 ông và đồng chí Ngô Hữu Hạnh bị xử bắn tại Cần Thơ.

16. PHẠM NGỌC THẠCH (1909 - 1968)

Bác sĩ y khoa, nhà hoạt động cách mạng, Anh hùng Lao động, ông sinh năm 1909 tại Quảng Nam. Trước Cách

mạng Tháng Tám, ông đóng góp nhiều công sức trong việc xây dựng cơ sở cách mạng ở Sài Gòn, là thủ lĩnh thanh niên Tiền phong ở Nam bộ. Trong Cách mạng Tháng Tám, ông giữ chức Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, cuộc kháng chiến bùng nổ, ông giữ chức Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chánh khu Sài Gòn - Gia Định, sau đó ông vào chiến khu, ra Bắc vào Nam, tích cực hoạt động trên cương vị Bộ trưởng Bộ Y tế, có nhiều cống hiến cho y học và nền y tế cách mạng thật xuất sắc, đặc biệt trong việc chống bệnh sốt rét. Ngày 07 tháng 11 năm 1968, ông mất, hưởng dương 59 tuổi.

17. MẬU THÂN

Tại Hội nghị tháng 10 năm 1967, Đảng ta chủ trương tổng công kích và tổng khởi nghĩa. Bộ Chính trị quyết định thời gian bắt đầu mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy vào dịp Tết Mậu Thân 1968. Ngày 21 tháng 01 năm 1968, đúng vào giờ giao thừa Tết Mậu Thân là thời điểm mở màn cuộc tổng tấn công. Chiến trường chính là Sài Gòn, Nam bộ, Trị - Thiên - Huế, trọng điểm là Sài Gòn, Huế và các thành phố lớn. Đây là một đòn quyết liệt giáng vào ý chí xâm lược của Mỹ. Chiến thắng của quân và dân ta trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 là sự kiện có ý nghĩa lịch sử to lớn, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta; làm phá sản chiến lược “chiến tranh cục bộ”, góp phần chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc, buộc đế quốc Mỹ phải chấp nhận đàm phán với ta tại Hội nghị Pa-ri về việc lập lại hòa bình tại Việt Nam.

18. VÕ TRƯỜNG TOẢN (..... - 1792)

Hiệu là Sùng Đức, quê ở huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh). Là người học rộng, có đức hạnh hơn người. Thời loạn lạc, ông không cầu danh, ở ẩn dạy học, đào tạo rất nhiều nhân tài cho đất nước. Không theo Tây Sơn, cũng không theo Nguyễn Ánh, ẩn cư tại quê nhà dạy học... Giới trí thức đương thời đều cảm phục, tôn kính ông. Học trò của ông có nhiều người giỏi như Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định; tác phẩm văn Nôm còn lại có “Hoài cổ ngâm” Ông mất ngày 27 tháng 7 năm 1792. Nguyễn Ánh ban hiệu cho ông là “Gia Định xử sĩ Sùng Đức Võ tiên sinh”.

Sau khi giặc Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (1862), Phan Thanh Giản cùng Nguyễn Thông và nhiều sĩ phu yêu nước đã dời mộ ông về làng Bảo Thạnh, tỉnh Vĩnh Long (nay thuộc Bến Tre) là vùng đất còn tự do.

19. TRẦN BÌNH TRỌNG (1259 - 1285)

Danh tướng đời Trần Nhân Tông, quê xã Bảo Thái, huyện Thanh Liêm (nay thuộc tỉnh Nam Định), được phong tước Bảo Nghĩa Vương.

Khi quân Nguyên sang cướp nước ta, kinh đô Thăng Long thất thủ, ông lãnh nhiệm vụ ở lại Thiên Trường để ngăn chặn quân của Thoát Hoan, trong khi Hưng Đạo Vương rước vua Trần và Thái Thượng hoàng ra Hải Dương chuẩn bị lực lượng chống ngoại xâm. Ngày 21 tháng 01 năm Ất Dậu (1285), ông chỉ huy một cánh quân chống với quân Nguyên, thế cùng ông bị giặc bắt, quân Nguyên khuyên ông đầu hàng sẽ được phong tước Vương, nhưng ông khẳng khái đáp “*Thà làm quỷ nước Nam hơn làm Vương đất Bắc*”. Giặc giết ông lúc mới 26 tuổi.

20. TÔN THẤT TÙNG (1912 - 1982)

Ông sinh ra tại Huế, sau khi tốt nghiệp xuất sắc Đại học Y Khoa Hà Nội (1939) ông được giữ lại làm bác sĩ nội trú tại Bệnh viện Phủ Doãn (nay là Bệnh viện hữu nghị Việt - Đức). Sau Cách mạng Tháng Tám, ông được Chính phủ cử làm Giám đốc Bệnh viện Phủ Doãn. Kháng chiến bùng nổ, ông ra vùng tự do giữ chức cố vấn phẫu thuật cho Bộ Quốc phòng kiêm Thứ trưởng Bộ Y tế.

Hòa bình lập lại ông được cử làm Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt - Đức, Chủ nhiệm bộ môn Ngoại của Trường Đại học Y Hà Nội. Ông có nhiều đề tài khoa học về gan được giới y khoa quốc tế đánh giá cao, được tặng Huy chương phẫu thuật quốc tế (Pháp) và là Viện sĩ nước ngoài của Liên Xô, Cộng hòa dân chủ Đức (trước kia). Năm 1970, ông công bố công trình nghiên cứu về chất độc màu da cam (dioxin) của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam. Ông là đại biểu Quốc hội từ khóa II đến khóa VII, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh và Giải thưởng Hồ Chí Minh.

21. HOÀNG QUỐC VIỆT (1905 - 1994)

Ông tên chính là Hạ Bá Cang, quê ở Đáp Cầu, huyện Võ Giàng (nay là phường Đáp Cầu, thị xã Bắc Ninh). Khi học Trường Kỹ nghệ thực hành Hải Phòng, ông đã bị đuổi học vì tham gia bãi khóa đấu tranh đòi thực dân Pháp thả nhà yêu nước Phan Bội Châu (1925). Ông tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên năm 1928, làm công nhân mỏ than Thái Nguyên, Quảng Ninh, nhà máy cơ khí Carông

Hải Phòng. Đầu năm 1930, ông bị bắt, bị kết án đày ra Côn Đảo. Được trả tự do vào cuối năm 1936, ông về Hà Nội cùng Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Trần Huy Liệu, hoạt động báo chí công khai.

Ông đã giữ những trọng trách của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể: Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ, Ủy viên Thường vụ Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam, Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ông mất năm 1994 ở Hà Nội.

NGHỊ QUYẾT

Về việc đặt tên đường và tên công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ **KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ MƯỜI BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng, ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Theo Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc đặt tên đường và công trình công cộng trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Đặt tên đường và tên công trình công cộng trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, cụ thể như sau:

1. Tên đường

Số TT	Tên đường	Chiều dài (m)	Giới hạn
1	Huỳnh Cường	1.578,7	Điểm đầu đường Hoàng Văn Thụ - xung quanh Hồ Xáng Thối - điểm cuối đường Hoàng Văn Thụ

2. Tên công trình công cộng

Số TT	Tên công trình công cộng	Địa điểm
1	Công viên Sông Hậu	Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
2	Hồ Xáng Thối	Phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

(Kèm theo phụ lục)

Điều 2.

Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai và thực hiện gắn biển tên đường và tên công trình công cộng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực sau mười ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII, kỳ họp thứ mười bảy thông qua và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./.

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nguyễn Tấn Quyền

Phụ lục
TÓM TẮT TIỂU SỬ NHÂN VẬT LỊCH SỬ
VÀ ĐỊA DANH

*(Kèm theo Nghị quyết số 19/2009/NQ-HĐND
ngày 09 tháng 12 năm 2009
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)*

1. HUỖNH CƯỜNG (1925 - 1997)

Ông quê xã Vĩnh Phước, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Năm 1949, ông là Tổng Thư ký phân viện Phật học Khmer Nam bộ. Năm 1953, ông tham gia hoạt động bí mật trong phong trào sinh viên, trí thức, sư sãi yêu nước tại Sóc Trăng. Ông đã từng bị bọn Mỹ - Diệm lên kế hoạch ám sát nhưng không thành, sau đó ông vào khu giải phóng.

Năm 1961, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng Khu Tây Nam bộ. Ông cũng được Trung ương tín nhiệm cử làm Ủy viên Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Ủy viên Hội đồng cố vấn Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Từ năm 1976 - 1997, ông giữ nhiều chức vụ khác nhau: Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hậu Giang, Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hậu Giang, đại biểu Quốc hội - khóa VI, Ủy viên Ban Thường vụ Quốc hội, Ủy viên Hội đồng dân tộc của Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - khóa VII, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Hậu Giang, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng - khóa VII, Phó Trưởng Ban Dân tộc

Trung ương, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc Quốc hội, Trưởng phân ban Ban Dân tộc Trung ương Nam bộ, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên tổ đặc phái viên I của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chính phủ.

Ông là một vị lãnh đạo cao cấp, người dân tộc Khmer, đã cống hiến cả cuộc đời cho Phật học và cho sự nghiệp cách mạng. Ông có nhiều công lao sáng lập ra trường Pali trung cấp đầu tiên ở Nam bộ. Ông đã được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng nhất và nhiều Huân chương, Huy chương, bằng khen các loại.

2. CÔNG VIÊN SÔNG HẬU

Sông Hậu là một trong hai chi lưu của hệ thống sông Mekong. Ở phần hạ lưu từ Phnôm pênh (Campuchia), sông Mekong chia thành hai nhánh chảy vào Việt Nam được gọi là sông Tiền và sông Hậu, rồi đổ ra biển Đông theo 9 cửa. Phần sông Hậu chảy qua thành phố Cần Thơ dài khoảng 65km. Sông Hậu có hàm lượng phù sa lớn, có tác dụng tưới nước, tiêu úng và có vai trò quan trọng trong giao thông đường thủy.

Công viên Sông Hậu nằm bên bờ sông Hậu thuộc địa bàn phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ có chiều dài 1.958,6m được xây dựng và hoàn thành vào tháng 9 năm 2009 nhân kỷ niệm 64 năm Cách mạng tháng 8, Quốc khánh 02 tháng 9 và chào mừng sự kiện thành phố Cần Thơ là đô thị loại I trực thuộc Trung ương. Công viên Sông Hậu góp phần làm tăng vẻ đẹp đô thị “thành phố vùng sông nước” của Cần Thơ.

3. HỒ XÁNG THỐI

Hồ Xáng Thối nằm trên địa bàn phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Tên gọi Hồ Xáng Thối xuất xứ cùng với sự hình thành của hồ. Đây là một hồ nước được hình thành vào khoảng năm 1940 do chính quyền Pháp thuộc cho xáng thối từ bờ sông Cái Khế vào sâu trong đất liền dùng làm nơi đóng quân của hải quân Pháp. Xung quanh hồ lúc bấy giờ là nơi làm việc và lưu trú của gia đình những người làm cho hải quân Pháp. Con rạch từ bờ sông Cái Khế dẫn vào hồ được người dân gọi là rạch Xáng Thối hoặc kênh Xáng Thối. Hồ Xáng Thối cũng còn được gọi là Bùn Bình Xáng. Sau khi Pháp rút khỏi Việt Nam và đến chế độ Mỹ ngụy, hồ Xáng Thối trở nên hoang tàn là nơi cư trú của người dân tứ xứ trôi dạt đến. Xung quanh bờ hồ là những nhà sàn lụp xụp, dưới hồ được người dân trồng rau muống lâu ngày trở thành nơi ao tù nước đọng là túi rác lớn giữa lòng đô thị Cần Thơ.

Ngày 20 tháng 10 năm 2006 công trình cải tạo nâng cấp khu vực kênh và hồ Xáng Thối được khởi công. Các hạng mục như: nạo vét chất hữu cơ, bùn đất trong kênh, làm bờ kè dọc kênh, công viên cây xanh,... đã được hoàn thành vào ngày 26 tháng 8 năm 2009. Hồ Xáng Thối giờ đây đã trở thành một trong những công trình góp phần làm nên vẻ mỹ quan và mang đậm bản sắc văn hóa “thành phố vùng sông nước” của Cần Thơ.

NGHỊ QUYẾT

Về việc đặt tên đường trên địa bàn thành phố Cần Thơ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ **KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ MƯỜI TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Theo Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đặt tên, đổi tên đường trên địa bàn quận Ninh Kiều và quận Bình Thủy;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Đặt tên 11 tuyến đường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
(kèm theo Phụ lục I và Phụ lục II).

Điều 2.

Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai và thực hiện việc gắn biển tên đường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành;

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực sau mười ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII, kỳ họp thứ mười tám thông qua và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Quyền

Phụ lục I
THUYẾT MINH VỊ TRÍ ĐƯỜNG
(Kèm theo Nghị quyết số 06/2010/NQ-HĐND
ngày 25 tháng 6 năm 2010
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Số TT	Tên đường	Chiều dài (m)	Giới hạn	Tên tạm gọi hiện nay
1	Phan Huy Chú	699,64	Có điểm đầu phía sau trụ sở UBND phường An Khánh, điểm cuối đến hết đường.	Trục B của Khu dân cư Thới Nhứt 1, quận Ninh Kiều
2	Huỳnh Mẫn Đạt	500	Từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến rạch Khai Luông.	Đường vào trụ sở UBND phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy
3	Trần Bạch Đằng	555	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến cuối đường.	Đường số 7A của Khu tái định cư dự án Nâng cấp đô thị, quận Ninh Kiều
4	Lê Thị Hồng Gấm	1.035	Từ đường Lê Hồng Phong đến đường Nguyễn Viết Xuân.	Tuyến đường A, khu vực 2, phường Trà An, quận Bình Thủy
5	Sông Hậu	1.443	Từ đường Lê Lợi đến đường Trần Phú.	Đường Hàng Dương, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều
6	Ngô Thì Nhậm	697,06	Có điểm đầu là mặt sau trụ sở Công an phường An Khánh, điểm cuối đến cuối đường.	Trục D của Khu dân cư Thới Nhứt 1, quận Ninh Kiều

Số TT	Tên đường	Chiều dài (m)	Giới hạn	Tên tạm gọi hiện nay
7	Nguyễn Tri Phương	699,64	Có điểm đầu mặt trước trụ sở UBND phường An Khánh, điểm cuối đến cuối đường.	Trục C của Khu dân cư Thới Nhứt 1, quận Ninh Kiều
8	Nguyễn Thanh Sơn	2.900	Từ đường tỉnh 918 đến đường Võ Văn Kiệt.	Đường từ cầu Rạch Cam đến đường Mậu Thân đi Sân bay, quận Bình Thủy
9	Nguyễn Thị Tạo	1.200	Từ đường Nguyễn Văn Linh đến cầu Mương Mấu, phường Long Hòa.	Từ Quốc lộ 91B đến cầu Mương Mấu, quận Bình Thủy
10	Nguyễn Truyền Thanh	1.200	Từ đường Lê Hồng Phong đến đường Bùi Hữu Nghĩa.	Đường nối hẻm 12 Lê Hồng Phong đến hẻm 2 Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy
11	Nguyễn Viết Xuân	1.100	Từ đường Lê Hồng Phong đến đường Lê Thị Hồng Gấm.	Hẻm 88 đường Lê Hồng Phong, phường Trà An, quận Bình Thủy

Phụ lục II
TÓM TẮT TIỂU SỬ NHÂN VẬT LỊCH SỬ
VÀ ĐỊA DANH ĐƯỢC ĐẶT TÊN ĐƯỜNG
(Kèm theo Nghị quyết số 06/2010/NQ-HĐND
ngày 25 tháng 6 năm 2010
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

1. PHAN HUY CHÚ (1782 - 1840)

Nhà bác học, nhà thơ, hiệu là Mai Phong. Ông là con trai thứ ba của Phan Huy Ích, sinh ở xã Thụy Khuê (làng Thầy), huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây. Lớn lên trong buổi loạn lạc, ông không tham gia các hoạt động xã hội, chỉ ở nhà chăm chỉ học hành. Ông hai lần thi Hương nhưng chỉ đỗ Tú tài, đương thời vẫn gọi là ông Tú Thầy.

Năm 1821, vua Minh Mệnh triệu ông vào Kinh đô Huế làm biên tu ở Viện Hàn lâm, rồi làm Phủ Thừa phủ Thừa Thiên, sau thăng lên làm Hiệp trấn Quảng Nam. Được ít lâu, ông bị giáng chức triệu về Huế làm Thị độc ở Viện Hàn Lâm. Cũng thời Minh Mệnh, ông được cử đi sứ nhà Thanh hai lần với cương vị là Phó sứ. Cuối năm 1832, ông lại được cử đi công cán ở Indônêxia, rồi chuyển về làm công việc ở Bộ Công. Được một thời gian, ông chán cảnh quan trường, lấy cớ bị đau chân xin về quê dạy học và viết sách.

Cống hiến chủ yếu của ông là tập bách khoa thư đương thời: bộ “Lịch triều hiến chương loại chí” gồm 49 quyển, biên soạn liên tục từ năm 1809 đến năm 1819, được phân thành 10 bộ môn là “Địa dư chí”; “Nhân vật chí”; “Quan chức chí”; “Khoa mục chí”; “Quốc dụng chí”;

“Hình luật chí”; “Bình chế chí”; “Lễ nghi chí”; “Văn tịch chí” và “Bang giao chí”. Ngoài ra, ông còn có tác phẩm địa lý học là “Hoàng Việt dư địa chí” và hai tập văn thơ là “Hoa thiều ngâm lục” và “Dương trình kí kiến” làm trong thời gian đi sứ Trung Quốc và Ấnôxêxia.

2. HUỖNH MÃN ĐẠT (1807 - 1883)

Ông quê ở làng Tân Hội, huyện Tân Long, tỉnh Gia Định, nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh. Ông thi hương đỗ cử nhân khoa Tân Mão (1831), làm quan đến chức Tuần phủ tỉnh An Giang.

Khi thực dân Pháp đánh chiếm Nam Kỳ, tân công Định Tường, ông đang là Án sát tỉnh này, đã cùng với binh sĩ kiên quyết chống giặc. Định Tường thất thủ, ông lui về ở ẩn và sống cuộc sống thanh bạch cho đến lúc mất.

Ông là người học rộng, thơ hay, là bạn xướng họa với Bùi Hữu Nghĩa, có giúp Bùi Hữu Nghĩa trong việc soạn vở tuồng “Kim Thạch kỳ duyên”.

Khi Tôn Thọ Tường ra làm tay sai cho Pháp, ông đã dùng ngòi bút vạch mặt hắn, và ca ngợi những chiến công của nghĩa quân chống Pháp.

3. TRẦN BẠCH ĐẰNG (1926 - 2007)

Tên thật là Trương Gia Triều, quê huyện Giồng Riềng, tỉnh Rạch Giá. Sớm tham gia cách mạng, năm 1945 ông là một trong những người tích cực vận động thanh niên, sinh viên, nhân sĩ trí thức Nam bộ tham gia lực lượng kháng chiến chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Trong kháng chiến chống Pháp, ông ra chiến khu và là cây viết chủ lực của báo Thông tin kháng chiến - Tiếng nói của Mặt trận Việt Minh Sài Gòn - Chợ Lớn.

Từ năm 1947 ông giữ các chức vụ: Tổng Thư ký Mặt trận Việt Minh Nam bộ, Phó Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam, chủ bút báo Nhân dân miền Nam - Cơ quan ngôn luận của Trung ương Cục miền Nam.

Ông là một nhà báo cách mạng xuất sắc; đồng thời, ông còn sáng tác nhiều tác phẩm, kịch bản văn học có giá trị. Sau ngày giải phóng, ông là nhà nghiên cứu khoa học thuộc Hội đồng Khoa học thành phố Hồ Chí Minh.

4. LÊ THỊ HỒNG GẮM (1951 - 1970)

Liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng. Quê xã Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Từ cuối năm 1967 - tháng 5 năm 1968 chị làm giao liên xã, cùng với Ban lãnh đạo xã đội, xã đoàn xây dựng 5 trung đội dân quân tự vệ, 5 tổ du kích xã, chiến đấu 49 trận, tiêu diệt và làm bị thương 217 tên địch.

Tháng 8 năm 1969 chị là Trung đội phó du kích vành đai liên xã. Tháng 3 năm 1970 trung đội sát nhập vào bộ đội địa phương huyện Châu Thành. Hơn 8 tháng chiến đấu, chị cùng đơn vị đánh 10 trận diệt 63 tên địch, bắn rơi 11 máy bay.

Trong một lần chị cùng 2 đồng chí đang trên đường thực hiện nhiệm vụ thì bị máy bay địch phát hiện và quyết bắt sống. Chị đã dũng cảm một mình chiến đấu với địch, thu hút hỏa lực của chúng về phía mình để đồng đội rút an toàn và chiến đấu cho đến lúc hết đạn rồi anh dũng hy sinh.

Chị đã được phong danh hiệu: “Dũng sĩ diệt Mỹ”, “Dũng sĩ diệt máy bay”. Được tặng thưởng “Huân chương Chiến công giải phóng” hạng nhì, “Huân chương Quân công” hạng nhì.

5. SÔNG HẬU

Sông Hậu là một trong hai chi lưu của hệ thống sông Mekong. Ở phần hạ lưu từ Phnôm pênh (Campuchia), sông Mekong chia thành hai nhánh chảy vào Việt Nam được gọi là sông Tiền và sông Hậu, rồi đổ ra biển Đông theo 9 cửa. Phần sông Hậu chảy qua thành phố Cần Thơ dài khoảng 65km. Sông Hậu có hàm lượng phù sa lớn, có tác dụng tưới nước, tiêu úng và có vai trò quan trọng trong giao thông đường thủy.

6. NGÔ THỊ NHẬM (1746 - 1803)

Ông là danh sĩ cuối đời Hậu Lê - Tây Sơn, tự là Hi Doãn, hiệu Đạt Hiên, về sau nghiên cứu thiên học lại có hiệu là Hải Lượng. Ông là con Ngô Thị Sĩ, sinh ngày 11 tháng 9 âm lịch (25/10/1746) tại làng Thanh Oai (tục gọi làng Tó) huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông. Năm 1765, ông đỗ đầu thi Hương, năm 1769 đỗ khoa sĩ vọng, được bổ làm Hiến sát phó sứ Hải Dương. Năm 1775, ông đỗ tiến sĩ, được bổ làm Hộ khoa cấp sự trung, rồi thăng Giám sát Ngự sử đạo Sơn Nam, sau đổi làm Đốc đồng trấn Kinh Bắc. Năm 1782, Trịnh Sâm mất, kiêu binh nổi loạn, ông về quê vợ ở Sơn Nam ẩn náu. Đến năm 1788, Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc lần 2, ông được tiến cử và trọng dụng phong làm Tả thị lang bộ Lại, tước Trình Phái Hầu.

Năm 1792, vua Quang Trung mất, tình hình chính trị cuối triều đại Tây Sơn rối ren, ông lui về quê lập Thiên viện tại phường Bích Câu. Năm 1802, triều đại Tây Sơn sụp đổ. Ông và Phan Huy Ích bị Gia Long đem ra kê tội và đánh đòn ở Văn Miếu, sau đó ông mất vào ngày 09 tháng 3 năm 1803.

7. NGUYỄN TRI PHƯƠNG (1800 - 1873)

Ông là đại thần triều Nguyễn, tên thật là Nguyễn Văn Chương, tự Hàm Trinh, hiệu là Đường Xuyên, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1800, quê làng Đường Long, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên.

Ông được Thượng thư Nguyễn Đăng Tuân tiến cử lên triều đình được vua Minh Mạng thu dụng. Từ năm 1823 - 1839 ông được đề bạt nhiều chức vụ quan trọng như: Hồng Lô tự khanh, Thị lang, Tham tri làm việc ở nội các. Năm 1840, ông được vua Thiệu Trị cử làm Tổng đốc An Hà (An Giang, Hà Tiên), sau đó được cải bổ Tổng đốc Long Tường (Vĩnh Long, Định Tường) kiêm Khâm sai quân thứ đại thần, Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Công, tước Tráng Liệt Tử, được chép công trạng vào bia đá ở Tòa Võ miếu Huế.

Năm 1848, vua Tự Đức phong ông tước Tráng Liệt Bá và năm 1850 chuẩn phê cải tên ông là Nguyễn Tri Phương. Sau đó được sung chức Khâm sai Tổng đốc quân vụ đại thần kiêm lãnh Tổng đốc các tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên. Năm 1853 được thăng thực thụ Điện hàm Đông các đại học sĩ, lãnh chức Kinh lược sứ Nam Kỳ. Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược nước ta, vua Tự Đức cử ông làm Quân thứ tổng thống đại thần trực tiếp chỉ huy quân đội chống Pháp lập nhiều chiến công lớn.

Ngày 19 tháng 11 năm 1873 Pháp đánh úp thành Hà Nội, ông bị trọng thương. Sau đó ông tuyệt thực gần một tháng và mất ngày 20 tháng 12 năm 1873.

8. NGUYỄN THANH SƠN (Nguyễn Văn Tây) (1910 - 1996)

Bí danh Tư Hải, quê xã Trà Côn, quận Trà Ôn, tỉnh Cần Thơ (nay là xã Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long). Khi học ở Trường Collège de Cần Thơ ông đã tham gia nhiều phong trào yêu nước trong học sinh, sinh viên.

Đầu năm 1927, ông được kết nạp vào Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội. Tháng 2 năm 1928 là Ủy viên Tỉnh bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội Long Xuyên. Năm 1929, ông chuyển công tác ở Mỹ Tho và tham gia xuất bản tờ báo cách mạng bí mật đầu tiên của Liên tỉnh miền Trung Nam bộ lấy tên là “Dân cày”.

Tháng 9 năm 1929 ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Sau đó là Ủy viên Đặc ủy An Nam Cộng sản Đảng Hậu Giang. Năm 1930, ông được điều về Gia Định, làm Bí thư Đảng bộ Gia Định, Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ. Cuối tháng 4 năm 1931, ông bị địch bắt và kết án tù chung thân đầy đi Côn Đảo.

Năm 1936 ông được trả tự do nhưng sau đó lại bị bắt với án 20 năm lưu đầy biệt xứ không được quay trở lại Sài Gòn. Ông về Mỹ Tho tiếp tục hoạt động công khai và đổi tên là Nguyễn Thanh Sơn.

Tháng 3 năm 1945, ông là Xứ ủy viên Xứ ủy Chợ Đêm. Sau đó lần lượt giữ các chức vụ: Ủy viên Ủy ban Hành chánh Nam bộ, Xứ ủy viên Nam bộ kiêm Trưởng ban quân sự và ngoại vụ Nam bộ, Trưởng phân ban Ủy ban kháng chiến Miền Tây Nam, Bí thư Ban cán sự toàn Miền của Đảng Cộng sản Đông Dương kiêm chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự cách mạng Campuchia, Tư lệnh quân tình nguyện

Việt Nam tại Campuchia, Thứ trưởng Bộ Tài chính, Phó Tổng giám đốc Nha Tài chính Chánh phủ cách mạng lâm thời miền Nam.

9. NGUYỄN THỊ TẠO (1916 - 1994)

Mẹ Việt Nam anh hùng, quê ấp Bình Nhứt A, xã Long Hòa, thành phố Cần Thơ (nay là khu vực Bình An, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ).

Trong thời kháng chiến chống Mỹ cứu nước, mẹ Nguyễn Thị Tạo hăng hái tham gia hoạt động cách mạng, mẹ tích cực bảo vệ, nuôi chứa và vận động quần chúng ủng hộ giúp đỡ cán bộ, bộ đội; lãnh đạo đội quân chính trị đấu tranh trực diện với địch tại thị xã Cần Thơ và có 03 người con đã hy sinh dũng cảm.

Ngày 20 tháng 4 năm 1963 mẹ chính thức đứng vào hàng ngũ Đảng Cộng sản Việt Nam và luôn là tấm gương tiêu biểu. Mẹ đảm nhận Ban Cán sự Phụ nữ khóm VI, phường Bình Thủy đến tháng 6 năm 1976, mẹ nghỉ hưu.

Mẹ được khen tặng “Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước” hạng nhì và danh hiệu cao quý “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”.

10. NGUYỄN TRUYỀN THANH (1907 - 1971)

Bí danh Ba Lê, quê làng Trà Côn, quận Trà Ôn (nay là xã Trà Côn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long). Năm 1936 được kết nạp vào tổ chức “Nông hội đỏ” của làng Trà Côn. Tháng 01 năm 1937 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 1941 ông hoạt động tại Cần Thơ, bị giặc Pháp bắt giam nhưng nhờ mưu trí ông đã tìm cách ra khỏi nhà tù.

Tháng 8 năm 1946, ông làm Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ sau đó tự nguyện đề cử đồng chí khác làm Bí thư, ông làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Cuối năm 1949, ông được bầu lại làm Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ rồi được Trung ương chọn đi học Trường Chính trị phương Đông (Trung Quốc).

Năm 1954, ông trở về miền Nam hoạt động ở Cần Thơ, là Ủy viên Thường vụ Ban chấp hành Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Cần Thơ. Năm 1960 ông phụ trách công tác tuyên huấn tỉnh.

Ngày 04 tháng 3 năm 1971 ông mất tại Bệnh viện khu Tây Nam bộ (tỉnh Cà Mau).

11. NGUYỄN VIẾT XUÂN (1934 - 1966)

Quê xã Ngũ Kiên, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay là tỉnh Vĩnh Phúc). Nguyễn Viết Xuân đã có đóng góp quan trọng trong chiến dịch Điện Biên Phủ 1954. Nguyễn Viết Xuân là Chính trị viên đại đội pháo phòng không, làm nhiệm vụ ở khu vực Tây Quảng Bình. Trong trận chiến đấu ngày 18 tháng 11 năm 1966, mặc dù bị thương nặng anh vẫn không rời vị trí chỉ huy, bình tĩnh yêu cầu y tá cắt đứt phần chân bị địch bắn nát và tiếp tục động viên cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị bằng khẩu hiệu: “Nhằm thẳng quân thù! Bắn!”. Nguyễn Viết Xuân đã được Nhà nước truy tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”./.

NGHỊ QUYẾT
Về việc đặt tên đường trên địa bàn thành phố Cần Thơ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005, của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006, của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Theo Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đặt tên đường trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Đặt tên 03 tuyến đường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

(Kèm theo 2 phụ lục:

- Phụ lục I: Thuyết minh vị trí đường;
- Phụ lục II: Tóm tắt tiểu sử nhân vật lịch sử).

Điều 2.

Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai và thực hiện việc gắn biển tên đường trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực sau mười ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ hai thông qua và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Lợi

Phụ lục I
THUYẾT MINH VỊ TRÍ ĐƯỜNG
(Kèm theo Nghị quyết số 06/2011/NQ-HĐND
ngày 19 tháng 7 năm 2011
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Số TT	Tên đường	Chiều dài (m)	Giới hạn	Tên tạm gọi hiện nay
01	Nguyễn Văn Cừ	2.520	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến rạch Xẻo Lá (hết ranh giới quận Ninh Kiều)	- Đường nối dài đường Nguyễn Văn Cừ; - Đường Nguyễn Văn Cừ (mới) toàn tuyến dài 7.718m
		350	Từ đường Cách mạng Tháng Tám đến cầu Cồn Khương	
02	Bế Văn Đàn	385	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến cuối đường (tạm gọi đường Vành Đai)	Hẻm 188, Nguyễn Văn Cừ
03	Trần Văn Ôn	240	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến cuối đường (tạm gọi đường Vành Đai)	Hẻm 140B, Nguyễn Văn Cừ

Phụ lục II
TÓM TẮT TIỂU SỬ NHÂN VẬT LỊCH SỬ
(Kèm theo Nghị quyết số 06/2011/NQ-HĐND
ngày 19 tháng 7 năm 2011
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

1. NGUYỄN VĂN CỪ (1912 - 1941)

Nguyễn Văn Cừ quê ở làng Phù Khê, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh, xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo, có truyền thống yêu nước. Anh là học sinh xuất sắc ở Trường Bưởi (tức Trường Chu Văn An, Hà Nội ngày nay). Năm 1927, anh bị đuổi khỏi trường vì tham gia phong trào yêu nước.

Tháng 6 năm 1929, anh được kết nạp vào chi bộ đầu tiên của Đông Dương Cộng sản Đảng. Sau ngày thành lập Đảng (03/02/1930), anh được bầu làm Bí thư Đặc khu ủy Hòn Gai - Uông Bí, sau đó bị địch bắt kết án tù khổ sai, đày đi Côn Đảo. Trong nhà tù, anh vẫn tiếp tục tổ chức anh em đồng chí đấu tranh, học tập lý luận.

Năm 1936, Mặt trận nhân dân lên cầm quyền ở Pháp, anh được ra tù và hoạt động tích cực cho Xứ ủy Bắc Kỳ trên mọi mặt công tác. Năm 1937, anh được cử vào Ban thường vụ Trung ương Đảng, năm sau làm Tổng Bí thư của Đảng (3/1938). Nguyễn Văn Cừ là tác giả cuốn “Tự chỉ trích” có tác dụng to lớn trong đấu tranh nội bộ Đảng và chống bọn Tờrôtkít phá hoại cách mạng.

Mùa thu năm 1939, Nguyễn Văn Cừ vào Sài Gòn họp Hội nghị Trung ương lần thứ VI, đề ra nhiệm vụ tập hợp toàn dân đấu tranh giải phóng dân tộc.

Tháng 6 năm 1940 anh bị địch bắt. Bọn đế quốc đã dùng mọi thủ đoạn tra tấn cực hình để khai thác tài liệu, nhưng trước sau anh vẫn kiên cường bất khuất, giữ vững khí tiết của người cộng sản. Sau khởi nghĩa Nam Kỳ (1940), chúng khép anh vào tội là “người có trách nhiệm tinh thần trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ” để kết án tử hình. Nguyễn Văn Cừ cùng một số đồng chí khác đã bị xử bắn tại trường bắn Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) ngày 28 tháng 8 năm 1941.

2. BÉ VĂN ĐÀN (1931 - 1954)

Liệt sĩ Bé Văn Đàn dân tộc Tày, quê ở xã Quang Vinh, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng. Sớm mồ côi cha, sống cô cút cực khổ. Năm 1949 anh gia nhập bộ đội. Anh đã tham gia hầu hết các chiến dịch lớn trong kháng chiến chống Pháp. Năm 1954, trên đường đi chiến dịch, đơn vị anh nhận được lệnh cấp tốc lên Lai Châu chặn địch đang chuẩn bị rút về Điện Biên Phủ. Đại đội anh đã kịp thời tiêu diệt địch ở Mường Pồn. Nhưng ngay sau đó, máy bay địch kéo tới oanh tạc, phối hợp với quân bộ của chúng bao vây nơi ta đóng quân.

Khi bọn giặc xông lên, khẩu trung liên của một chiến sĩ do tầm súng quá thấp nên không bắn tới địch, anh đã vọt nhảy đến, quỳ rạp xuống kê súng lên lưng và hai tay nắm chắc hai càng súng, miệng hét lớn giục đồng đội bắn chặn địch. Bị địch bắn trúng vai ngã nhào, khi tỉnh dậy anh lại kêu đồng đội kê súng lên lưng anh tiếp tục bắn. Anh ngã xuống chiến trường, quân ta thừa thắng xông lên tiêu diệt địch. Anh được Quốc hội và Chính phủ truy tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”.

3. TRẦN VĂN ƠN (1931 - 1950)

Anh Trần Văn ƠN là con một công chức nghèo ở xóm lao động Bàn Cờ nằm giữa Sài Gòn - Chợ Lớn (nay là thành phố Hồ Chí Minh). Khi thực dân Pháp gây chiến ở Nam Bộ (23/9/1945), anh mới 14 tuổi. Chứng kiến biết bao tội ác của chúng đối với đồng bào, nên dù ít tuổi anh đã sục sôi bầu máu nóng giết giặc cứu nước. Năm 1949, giặc Pháp thua to trên chiến trường, càn ra sức khủng bố nhân dân các vùng tạm chiếm. Chúng thẳng tay bắt bớ, giam cầm nhiều người trong đó có cả học sinh, sinh viên. Anh đang học trường Trung học Pêtruyt Ký (Sài Gòn) đã gia nhập đoàn thể học sinh kháng chiến hơn một năm, bí mật hoạt động nội thành.

Ngày 09 tháng 01 năm 1950, anh hướng dẫn đoàn biểu tình của học sinh, sinh viên, cha mẹ học sinh kéo đến dinh Thủ hiến của chính quyền tay sai. Anh và nhiều bạn khác đứng đầu đoàn biểu tình, tố cáo tội ác của bè lũ cướp nước và bán nước. Trong lúc cứu một nữ sinh bị cảnh sát hành hung, anh bị trúng đạn giặc. Tin anh chết nhanh chóng truyền đi khắp nơi. Ngày 12 tháng 01 năm 1950, đông đảo nhân dân Sài Gòn - Gia Định xuống đường tiễn đưa anh. Cái chết của Trần Văn ƠN đã tiếp thêm ngọn lửa đấu tranh của phong trào học sinh, sinh viên Nam bộ.

NGHỊ QUYẾT
Về việc đặt tên đường trên địa bàn thành phố Cần Thơ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 59/TTr-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đặt tên đường trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Báo cáo thẩm tra số 56/BC-HĐND-VHXXH ngày 29 tháng 11 năm 2011 của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Đặt tên 11 tuyến đường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Kèm theo:

- Phụ lục 1: Thuyết minh vị trí các tuyến đường;
- Phụ lục 2: Tóm tắt tiểu sử nhân vật, sự kiện, địa danh lịch sử.

Điều 2.

Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai và thực hiện việc gắn biển tên đường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành;

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau mười ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2011 và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./.

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nguyễn Hữu Lợi

Phụ lục I
THUYẾT MINH VỊ TRÍ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG
(Kèm theo Nghị quyết số 16/2011/NQ-HĐND
ngày 08 tháng 12 năm 2011
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

STT	Tên đường	Chiều dài (m)	Mặt cắt ngang đường (m)			Phân nhóm	Giới hạn	Tên đường hiện trạng (tên tạm gọi)
			Mặt đường	Vĩa hè	Lộ giới			
1	Lê Văn Sô	1.000	10		10	IV	Từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến đường Trần Quang Diệu (phường An Thới, quận Bình Thủy)	Hẻm 93 đường Cách Mạng Tháng Tám (phường An Thới, quận Bình Thủy)
2	Lê Quang Chiêu	500	4		4	IV	Từ hẻm 93 đường Cách Mạng Tháng Tám đến đường Nguyễn Thông	Đường nối hẻm 93 đường Cách Mạng Tháng Tám và đường Nguyễn Thông (phường An Thới, quận Bình Thủy)
3	Thái Thị Nhạn	800	4		6	IV	Từ Trần Quang Diệu đến đường Nguyễn Thông	Hẻm 127 đường Trần Quang Diệu nối qua phường An Thới (quận Bình Thủy)
4	Đinh Công Chánh	1.500	4		8	IV	Tuyến đường từ Quốc lộ 91B đến Trại Cua	Tuyến đường vào chùa Long Quang (phường Long Hòa, quận Bình Thủy)
5	Lê Văn Bi	400	4		7	IV	Từ hẻm 93 đến hẻm 91 đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường nối hẻm 93 và hẻm 91 đường Cách Mạng Tháng Tám (phường An Thới, quận Bình Thủy)

STT	Tên đường	Chiều dài (m)	Mặt cắt ngang đường (m)			Phân nhóm	Giới hạn	Tên đường hiện trạng (tên tạm gọi)
			Mặt đường	Vĩa hè	Lộ giới			
6	Mai Văn Bộ	3.200	4		14,75	IV	Từ Quốc lộ 91 đến chợ Thuận Hưng	Tuyến Hương lộ phường Thuận Hưng, quận Thốt Nốt.
7	Phan Đình Giót	279	4		6,5	IV	Từ Quốc lộ 91 đến đường Lê Thị Tạo	Đường cặp cống rạch Chùa (phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt)
8	Sư Vạn Hạnh	170	4,5	2	4	IV	Từ Quốc lộ 91 đến Tịnh xá Ngọc Trung Tăng.	Đường rạch Chùa nối dài (phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt)
9	Nguyễn Trọng Quyền	3.300	4,5		30,5	IV	Từ Quốc lộ 91 đến Bắc Đường	Đường phường Trung Kiên - phường Trung Thành (quận Thốt Nốt) (đường đi xã Trung An, huyện Cờ Đỏ)
10	Nguyễn Hồng	460	5,5	1,5	20	IV	Từ Quốc lộ 1A đến điểm cuối bờ sông Ba Láng	Lộ Ông Chệt (phường Ba Láng, quận Cái Răng)
11	Nhật Tảo	1.137	5,5		15	IV	Từ điểm giáp đường Võ Tấn, điểm cuối giáp lộ Trường Chính trị	Lộ Bà Cai (phường Lê Bình, quận Cái Răng)

Phụ lục II
TÓM TẮT TIỂU SỬ
NHÂN VẬT, SỰ KIỆN, ĐỊA DANH LỊCH SỬ
(Kèm theo Nghị quyết số 16/2011/NQ-HĐND
ngày 08 tháng 12 năm 2011
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

1. LÊ VĂN SÔ (1904 - ...)

Còn gọi là Hòa, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1904 tại làng Thới An Đông, quận Ô Môn, tỉnh Cần Thơ. Năm 1926, ông được kết nạp vào “Việt Nam phục quốc Đảng” - Một tổ chức yêu nước đầu tiên ở tỉnh Cần Thơ. Năm 1927, ông được đưa sang Trung Quốc dự lớp học của Nguyễn Ái Quốc và được kết nạp vào “Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội”.

Cuối năm 1927, về nước ông hoạt động ở Cần Thơ, phát triển các cơ sở Đảng và lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng. Năm 1931, ông bị địch bắt và đày đi Côn Đảo, dù bị tra tấn dã man nhưng ông vẫn giữ vững khí tiết. Tháng 7 năm 1936, ông được ra tù và tiếp tục hoạt động. Tháng 9 năm 1945, ông làm quyền Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ, sau đó làm Thủ quỹ Xứ ủy Nam bộ, Ủy viên Ban Kinh tài Trung ương Cục miền Nam. Từ sau năm 1962, do tuổi tác và sức khỏe, ông được tổ chức phân công ở lại Thủ Đức sinh sống và nuôi chứa cán bộ và là nơi hội họp của cơ quan thành Sài Gòn - Gia Định. Lê Văn Sô là một trong những hạt giống đỏ gieo mầm và khơi ngọn lửa cách mạng bùng cháy trên mảnh đất Cần Thơ anh hùng.

(Theo nguồn dữ liệu Ngân hàng tên đường: Những viên ngọc quý: Tập II - Cần Thơ: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, 1999 - 226tr; 19cm).

2. LÊ QUANG CHIỂU (1853 - 1924)

Ông quê ở làng Nhơn Ái, huyện Phong Điền, tỉnh Cần Thơ (nay thuộc quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ). Ông là học trò của Cử nhân Phan Văn Trị nên chịu ảnh hưởng tinh thần yêu nước của Cụ. Sau khi Cai tổng Nguyễn Văn Vĩnh bị nghĩa quân Đinh Sâm giết chết, thực dân Pháp đưa Lê Quang Chiêu lên làm Cai tổng Định Bảo. Trong thời gian làm cai tổng, ông đã tham gia làm 10 bài Tôn hạo thơ tự thuật của Tôn Thọ Tường, góp phần với Phan Văn Trị vạch mặt, lên án tên phản nước, hại dân.

Ngoài ra ông còn làm nhiều bài thơ chỉ trích các tên tay sai khác như Trần Bá Lộc, Huỳnh Công Miêng, tên Đốc phủ Nhuận,... Vì thế, thực dân Pháp và bọn tay sai tìm cách ám hại. Không thể tiếp tục chịu đựng được nên ông làm tờ tự thuật giải chức. Năm 1903, ông xuất bản tập “Quốc âm thi hiệp tuyển” gồm nhiều bài thơ của các sĩ phu yêu nước ở Nam Kỳ trong đó có thơ của ông, do ông dịch và in bằng chữ Quốc ngữ. Có lẽ đây là tác phẩm văn học viết bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên ở Cần Thơ được xuất bản và cũng là một trong những tác phẩm ra đời sớm nhất ở Nam bộ vào đầu thế kỷ XX.

(Theo nguồn dữ liệu Ngân hàng tên đường: Địa chỉ Cần Thơ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ - Cần Thơ, 2002 - 935tr; 27cm).

3. THÁI THỊ NHẬN (1906 - 2003)

Quê làng Nhơn Ái (tỉnh Cần Thơ). Sớm có lòng yêu nước, năm 1929 bà được kết nạp vào Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội làng Bình Thủy (là nữ cán bộ đầu tiên của tỉnh lúc bấy giờ được kết nạp vào Hội).

Tháng 2 năm 1930, bà được kết nạp vào Đảng cộng sản Việt Nam. Năm 1931, bà bị địch bắt, kết án 5 năm tù giam tại khám lớn Sài Gòn. Năm 1936, bà ra tù tiếp tục hoạt động. Năm 1945, bà lên Sài Gòn hoạt động hợp pháp, là Thành ủy viên, Phó Bí thư Quận ủy Quận III, thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn. Năm 1949, bà bị địch bắt lần thứ 2 nhưng không khai thác được gì.

Năm 1955, bà bị giặc bắt lần thứ 3 và đày ra Côn Đảo. Năm 1961 bà ra tù. Sau đó giữ các nhiệm vụ: Hội phó Hội Phụ nữ giải phóng thành phố Sài Gòn - Gia Định, Ủy viên Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng khu Sài Gòn - Gia Định.

Năm 1963, bà bị địch bắt lần thứ 4, trong tù bà vẫn giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản kiên cường.

Sau ngày miền Nam giải phóng, bà là Ủy viên Ban chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh phụ trách Hội mẹ chiến sĩ. Năm 1979, bà nghỉ hưu.

(Theo nguồn dữ liệu Ngân hàng tên đường: Những viên ngọc quý: Tập I).

4. ĐÌNH CÔNG CHÁNH (1839 - 1899)

Đình Công Chánh là con của ông Đình Công Điền và bà Huỳnh Thị Hiệu. Lúc nhỏ ông học tại gia, khi lên 7 tuổi ông theo học trường chữ Nho ở xóm Bà Đồ do Nguyễn Thị Nguyệt dạy. Không bao lâu, bà giáo qua đời, ông trở về tiếp tục học tại gia.

Ông là người tham gia vào Tao đàn văn học đầu tiên của làng Bình Hưng (tên trước của làng Bình Thủy). Ông được Bùi Hữu Nghĩa dạy làm thơ. Ông cũng là bạn tâm giao với Bùi Hữu Sanh nên ông được truyền dạy nghề thuốc

Bắc, thuộc Nam. Ông được vị Lão sư Nguyễn Giác Nguyên tin yêu rồi được hướng dẫn theo con đường của các sĩ phu yêu nước thời bấy giờ. Ông tham gia phong trào vận động Đông Du (do Phan Bội Châu khởi xướng và lãnh đạo) tại làng Bình Thủy. Ông được Ban Tế tự Đình thần Bình Thủy giao cho công việc dọn dẹp khu vực xung quanh Đình để cất miếu thờ Thần Nông ở Tả ban, miếu thờ Sơn Quân ở Hữu ban, cất nhà Võ Ca làm sân khấu. Ông đã hoàn thành tốt công việc và được nhân dân khen ngợi.

Đương thời ông được xem là nhà Nho, thường kêu gọi nhân dân hãy làm điều lành, tránh làm điều dữ. Ông là một danh y có tiếng, tu hành đức độ và giỏi về thiên văn, địa lý.

Năm 1887, ông là Trưởng Ban Bảo tự chùa Long Quang. Sau đó ông được Ban Tế tự Đình thần Bình Thủy - Long Tuyên bầu giữ chức Bồi Bái - chức việc này được xem như hộ vệ của thần. Những người giữ chức việc này phải là người am hiểu công việc đình chùa, có đạo đức tốt, có uy tín trong nhân dân.

Ông mất năm 1899, sau một tai nạn khi tham gia thả đèn nóc trong lần trùng hưng chùa Long Quang. Ông mất đi để lại niềm thương cảm vô hạn trong nhân dân làng cổ Bình Thủy - Long Tuyên, người ta thường nhắc đến ngày mất của ông bằng câu ca dao: Ngày ba, tháng tỵ, giờ thìn/ Nhâm năm Kỷ Hợi, để kinh triệu hồi.

(Theo nguồn dữ liệu Ngân hàng tên đường: Nguồn trích dẫn: Chuyện làng cổ Bình Thủy - Long Tuyên/Nguyễn Sương - Cần Thơ: Nxb Đại học Cần Thơ, 2011 - 150tr).

5. LÊ VĂN BÌ (1934 - 1971)

Liệt sĩ. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.
Cán bộ Điện báo - Ban An ninh tỉnh Cần Thơ.

Quê xã Long Tuyền, nay thuộc quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Khi hy sinh, anh là Đảng viên, cán bộ Điện báo Ban An ninh tỉnh Cần Thơ.

Từ năm 1960 - 1963, anh tham gia du kích xã, sau đó được tuyển vào công tác điện báo tỉnh Cần Thơ. Sau tổng tiến công tết Mậu Thân, Ban An ninh tỉnh Cần Thơ cử anh về làm Bí thư Đảng ủy xã Long Tuyền. Đây là địa bàn chiến lược quan trọng trong thế phòng thủ Vùng 4 chiến thuật nhằm bảo vệ các cơ quan đầu não của Mỹ - Ngụy tại thành phố Cần Thơ. Anh đã vượt qua nhiều thử thách và nguy hiểm, ban ngày sống dưới hầm bí mật, ban đêm đến từng nhà dân vận động quần chúng bám đất, tham gia đấu tranh. Sau 3 năm kiên trì bám dân, anh đã xây dựng được hàng chục cơ sở thu thập tin tức, tiếp tế lương thực, thuốc men cho cách mạng.

Ngày 10 tháng 4 năm 1971, trong một trận càn quét địch phát hiện nơi ẩn nấp và bắt anh đưa về Ty cảnh sát, chúng dùng mọi cực hình tra tấn và dụ dỗ hòng tìm tài liệu điện báo, vũ khí và cơ sở nội thành. Ngày 11 tháng 4 năm 1971, anh dẫn địch vào một bãi mìn, lừa chúng đến gần vị trí quả mìn rồi đạp cho mìn nổ làm chết 9 tên, bị thương 14 tên và anh đã anh dũng hy sinh.

Anh được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất. Ngày 22 tháng 7 năm 1988, anh được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

(Theo nguồn dữ liệu Ngân hàng tên đường: Nguồn trích dẫn: “Những đơn vị, cá nhân anh hùng Công an nhân dân” - Nxb Công an nhân dân).

6. MAI VĂN BỘ (1918 - 2002)

Quê huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Năm 1940, được gia đình đưa ra Hà Nội học đại học và tham gia vào phong trào cách mạng của sinh viên. Ông đã sáng tác bài hát Bạch Đằng Giang và Ải Chi Lăng được Lưu Hữu Phước phổ nhạc và trở thành những bài hát truyền thống được hát vang trong thời kỳ tiền khởi nghĩa. Năm 1942, ông được bầu vào Ban Chấp hành Tổng hội Sinh viên Đông Dương. Năm 1944, ông trở về miền Nam kháng chiến, tham gia phong trào Thanh niên Tiền phong phụ trách công tác báo chí. Sau Cách Mạng Tháng Tám, ông giữ chức vụ Giám đốc Báo chí Nam bộ, rồi phụ trách báo Quyết Chiến, báo Liên Việt. Ông còn tham gia xây dựng gánh hát Nam Châu thành cơ sở kháng chiến bí mật ở nội thành Sài Gòn, là địa điểm tập hợp, liên lạc an toàn cho anh chị em trí thức kháng chiến nội và ngoại thành. Năm 1949, ông được Trung ương Cục miền Nam cử phụ trách Đài Phát thanh Tiếng nói Nam bộ.

Năm 1954, ông được cử làm thành viên của phái đoàn quân sự nước ta cùng với Ủy ban quốc tế giám sát đình chiến ở Sài Gòn theo tinh thần Hiệp định Genève.

(Theo nguồn dữ liệu Ngân hàng tên đường: Trí thức Nam bộ trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)/ Hồ Sơn Diệp - TP. Hồ Chí Minh: Đại học quốc gia, 2003 - 358tr; 21cm).

7. PHAN ĐÌNH GIÓT (1920 - 1954)

Anh quê huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Nhà rất nghèo, bố mất sớm, anh phải đi ở đợ, làm thuê từ năm 13 tuổi.

Cách Mạng Tháng Tám thành công, anh tham gia tự vệ chiến đấu, đến năm 1950 xung phong vào bộ đội chủ lực. Trong chiến đấu, anh luôn luôn nêu cao tinh thần quả cảm, kiên quyết vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Mùa Đông năm 1953, đơn vị anh tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Chiều ngày 13 tháng 3 năm 1954, có lệnh nổ súng tiêu diệt vị trí Him Lam, sau nhiều loạt pháo bắn dọn đường, các chiến sĩ ta xông lên liên tiếp đánh bộc phá. Mặc dù bị thương ở đùi, Phan Đình Giót vẫn ôm bộc phá lao lên đánh tiếp. Lợi dụng thời cơ địch đang hoang mang, anh vọt lên bám chắc lô cốt, ném thủ pháo, bắn kiểm chế cho đơn vị tiến vào. Bị thương vào vai, máu chảy đầm đìa, anh cố gắng nhích dần người đến sát lô cốt số 3, rồi dùng hết sức còn lại lao cả thân mình vào bịt kín lỗ châu mai địch. Hỏa điểm của địch bị dập tắt, toàn đơn vị ào ạt xông lên như vũ bão, tiêu diệt gọn cứ điểm Him Lam.

Anh được Quốc hội và Chính phủ truy tặng Huân chương Quân công hạng Hai và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

(Theo nguồn dữ liệu Ngân hàng tên đường: Từ điển nhân vật lịch sử/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên; Phan Đại Doãn... - H: Giáo dục, 2006 - 648tr; 24cm).

8. SƯ VẠN HẠNH (929 - 1018)

Nhà sư nổi tiếng thời Tiền Lê, quê ở châu Cổ Nháp (Tứ Sơn - Bắc Ninh). Thuở nhỏ thông minh, chăm học, nổi tiếng giỏi cả ba đạo Nho, Phật, Lão.

Năm 21 tuổi, ông xuất gia đầu Phật, tu ở chùa Lục Tổ, rất được mọi người hâm mộ. Năm 981, quân Tống xâm lược

nước ta, ông đã từng đóng góp nhiều ý kiến về việc chống giặc. Nhà sư Lý Khánh Văn nhờ ông nuôi dạy Lý Công Uẩn. Thấy cậu bé khác thường, ông rất quý và hết lòng dạy dỗ.

Truyền rằng, vào cuối đời Lê Ngọa Triều, ở vùng Duyên Uẩn châu Cổ Nháp, xuất hiện lời sấm: “*Thụ căn diểu diểu, Mộc biểu thanh thanh, Hòa đao mộc lạc, Thập bát tử thành...*”. Mấy câu này ý nói là “vua thì non yếu, bề tôi thì cường thịnh, họ Lê mất, họ Lý nổi lên, thiên tử ở phương Đông mọc ra thì thứ nhân ở phương tây lặn mất, trải qua 6, 7 năm thì thiên hạ thái bình”. Ông nghe được, biết là thiên hạ sắp có sự đổi thay, ý trời dành ngôi cho nhà Lý..., bèn tìm Lý Công Uẩn, khuyên nhân cơ hội này lên làm vua.

Năm 1009, Lê Long Đĩnh chết, triều thần theo ý Đào Cam Mộc đưa Lý Công Uẩn lên ngôi. Nhà Lý thành lập, ông được phong Quốc sư. Khi ông mất, vua đã đích thân đến chùa làm lễ siêu độ.

(Theo nguồn dữ liệu Ngân hàng tên đường: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên; Phan Đại Doãn....- H: Giáo dục, 2006 - tr;24cm).

9. NGUYỄN TRỌNG QUYỀN (1876 - 1953)

Nguyễn Trọng Quyền (Bút danh: Mộc Quán, Thốc Sơn, Hưng Hoàn) sinh năm 1876 tại làng Thanh Hòa, Trung Nhứt, tổng Định Mỹ, quận Thốt Nốt, tỉnh Long Xuyên (nay là phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ).

Tuổi trẻ ông học ở Thốt Nốt, Cần Thơ rồi gia nhập làng báo, cộng tác viết bài cho các báo Nông Cổ mín đàm, Lục tỉnh Tân văn.

Năm 1916, ông làm thầy tuồng cho gánh hát “Tập Ích ban” và bắt đầu sự nghiệp sáng tác kịch bản. Trong suốt 50 năm sáng tác, ông đã để lại cho sân khấu cải lương Nam bộ 85 kịch bản cải lương, 7 truyện thơ, 12 tập và trên 100 bài thơ về răn dạy lớp trẻ.

Đặc biệt, hai vở “San Hậu” và “Phụng Nghi Đình” của ông đã được Trường Nghệ thuật sân khấu thành phố Hồ Chí Minh đưa vào chương trình giảng dạy của nhà trường, được coi là mẫu mực của cải lương Việt Nam.

Ông mất ngày 21 tháng 9 năm 1953 tại Châu Đốc.

(Theo nguồn dữ liệu Ngân hàng tên đường: Địa chỉ Cần Thơ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ - Cần Thơ, 2002 - 935tr; 27cm).

10. NGUYỄN HỒNG (1918 - 1982)

Nhà văn. Ông xuất thân trong một gia đình Công giáo ở Nam Định. Bố mất sớm, mẹ phải đi làm xa, cảnh nhà nghèo túng, ông phải thôi học, năm 1934, trốn nhà ra Hải Phòng dạy học tư để kiếm sống. Thời kỳ Mặt trận dân chủ, chịu ảnh hưởng của các chiến sĩ cộng sản và sách báo cách mạng, ông tham gia Đoàn thanh niên dân chủ do Đảng lãnh đạo và bắt đầu viết báo phục vụ cách mạng. Từ 1939 - 1942, ông bị thực dân Pháp bắt giam ở Bắc Mê (Hà Giang). Năm 1943 ra tù, ông tham gia Hội Văn hóa cứu quốc. Từ 1947 - 1970, ông công tác ở Hội Nhà văn Việt Nam. Ông mất ở Yên Thế (Bắc Giang) năm 1982.

Ông là một nhà văn nổi tiếng rất sớm. Năm 1936, tiểu thuyết đầu tay Bĩ Vỡ của ông được hoan nghênh nhiệt liệt. Trước Cách Mạng Tháng Tám ông đã khẳng định vị trí một nhà văn hiện thực phê phán với nhiều tác phẩm

như: Những ngày thơ ấu, Bảy Hựu, Qua những màn tối, Ngọn lửa, Miếng bánh... Chủ nghĩa nhân đạo là nét xuyên suốt sáng tác của ông. Hai tập truyện ngắn đánh dấu bước chuyển biến cách mạng của ngòi bút ông là Địa ngục và Lò lửa. Ông còn viết bộ trường thiên tiểu thuyết Cửa biển 4 tập, là bức tranh hoành tráng về xã hội Việt Nam những năm 1939 - 1945 với hàng chục nhân vật, hàng trăm sự kiện lịch sử, tạo nên tiếng nói mới của tiểu thuyết Việt Nam. Ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, đợt 1 năm 1996.

(Theo nguồn dữ liệu Ngân hàng tên đường: Nguồn trích dẫn: Từ điển nhân vật lịch sử Việt/Nam Đình Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên; Phan Đại Doãn, Chương Thâu...- H: Giáo dục, 2006 - 647tr; 24cm).

11. NHẬT TẢO

Địa danh lịch sử chống Pháp tại tỉnh Long An, Nhật Tảo là con sông nhánh về hữu ngạn sông Vàm Cỏ Đông thuộc làng Nhật Tảo, Tổng Cửu Hạ, phủ Tân An (nay là xã Nhựt Tân, huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An).

Tại con sông này vào ngày 11 tháng 12 năm 1891, Nguyễn Trung Trực cùng Hồ Quang Chiêu, Nguyễn Học chỉ huy một toán nghĩa quân dùng mưu đốt tàu chiến “Hy Vọng” của thực dân Pháp, diệt bọn lính trên tàu. Trận chiến trên sông Nhật Tảo thể hiện tinh thần yêu nước của nhân dân Nam bộ từ những ngày đầu giặc Pháp xâm lược nước ta.

(Theo nguồn dữ liệu Ngân hàng tên đường: Từ điển địa danh văn hóa và thắng cảnh Việt Nam: Nguyễn Như Ý, Nguyễn Thành Chương, Bùi Thiết - H: KHXH, 2004 1223 tr; 24cm)./.

NGHỊ QUYẾT

Về việc đặt tên đường và công trình công cộng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006, của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng; Báo cáo thẩm tra số 91/BC-HĐND-VHXXH ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Đặt tên 17 tuyến đường và 03 công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Kèm theo:

- Phụ lục I: Thuyết minh vị trí tên đường và công trình công cộng;

- Phụ lục II: Tóm tắt tiểu sử nhân vật lịch sử, địa danh và sự kiện.

Điều 2.

Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai và thực hiện việc gắn biển tên đường và công trình công cộng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2012; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./.

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nguyễn Hữu Lợi

Phụ lục I
THUYẾT MINH VỊ TRÍ TÊN ĐƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
(Kèm theo Nghị quyết số 17/2012/NQ-HĐND
ngày 07 tháng 12 năm 2012
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

TT	Danh mục tên	Chiều dài, diện tích (m, m ²)	Giới hạn	Tên tạm gọi hiện nay
A	TÊN ĐƯỜNG			
I	Quận Ninh Kiều			
1	Nguyễn Văn Cừ	950	Cầu Cồn Khương đến sông Hậu (thuộc quận Ninh Kiều)	Chưa có tên
		2.000	Giáp ranh quận Ninh Kiều đến đường Trường Tiền (thuộc huyện Phong Điền)	Đường nối dài đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn huyện Phong Điền)
			Đường Nguyễn Văn Cừ (mới) toàn tuyến dài 10.668m	
2	Trần Văn Giàu	982	Đầu đường khu dân cư Linh Thành đến cuối đường	Đường trục chính khu dân cư Linh Thành
3	Xuân Thủy	1.350	Đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Hoàng Quốc Việt	Đường Số 7, khu dân cư Hồng Phát
4	Tú Xương	1.180	Đường số 7 đến cuối đường	Đường Số 6, khu dân cư Hồng Phát
II	Quận Cái Răng			
5	Quang Trung	718	Cầu Quang Trung đến nút giao thông IC3	Tạm gọi là đường Quang Trung
6	Nguyễn Thị Sáu	2.039	Quốc lộ Nam Sông Hậu đến đường Số 15, Khu dân cư 586	Đường Số 6, Khu dân cư 586
7	Bùi Quang Trinh	939	Quốc lộ Nam Sông Hậu đến đường Số 15, Khu dân cư 586	Đường Số 8, Khu dân cư 586

TT	Danh mục tên	Chiều dài, diện tích (m, m ²)	Giới hạn	Tên tạm gọi hiện nay
III Quận Bình Thủy				
8	Đỗ Trọng Văn	763	Đường Lê Hồng Phong đến đường Số 13, khu dân cư Ngân Thuận	Đường Số 24, khu dân cư Ngân Thuận
9	Nguyễn Chánh Tâm	695	Đường Lê Hồng Phong đến đường Số 41, khu dân cư Ngân Thuận	Đường Số 6, khu dân cư Ngân Thuận
10	Bùi Hữu Nghĩa	10.000	Từ cổng Tư Nhanh đến cầu Bông Vang	- Đường tỉnh 918; - Đường Bùi Hữu Nghĩa mới toàn tuyến dài 11.000m.
11	Nguyễn Chí Thanh	4.200	Đường Lê Hồng Phong đến cầu Trà Nóc 2	Đường tỉnh 917
IV Quận Ô Môn				
12	Đắc Nhẫn	500	Quốc lộ 91 đến rạch Sáu Thước	Đường vào Trường Dân tộc nội trú
V Quận Thốt Nốt				
13	Thoại Ngọc Hầu	600	Đường chính vào Trung tâm thương mại Thốt Nốt	Chưa có tên
14	Võ Duy Dương	500	Quốc lộ 91 đến đường Vành đai khu tái định cư Long Thạnh	Đường Số 7, khu tái định cư Long Thạnh
15	Nguyễn Hữu Cảnh	600	Quốc lộ 91 đến đường Vành đai khu TĐC Long Thạnh	Đường số 1, khu tái định cư Long Thạnh
16	Trịnh Hoài Đức	500	Đường số 2 đến đường Vành đai khu tái định cư Long Thạnh	Đường Số 3, khu tái định cư Long Thạnh
IV Huyện Phong Điền				
17	Lộ Vòng Cung	18.000	Từ giáp phường An Bình đến giáp phường Trường Lạc, quận Ô Môn.	Đường tỉnh 923

TT	Danh mục tên	Chiều dài, diện tích (m, m ²)	Giới hạn	Tên tạm gọi hiện nay
B CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG				
1	Cầu Bình Thủy 2	293,8	Ranh phường Long Hòa với phường Bình Thủy	Cầu Bình Thủy 2 đường Võ Văn Kiệt
2	Cầu Bình Thủy 3	108	Ranh phường Long Tuyền với phường Long Hòa	Cầu Bình Thủy 3 đường Nguyễn Văn Linh
3	Quảng trường 3 tháng 2	13.000m ²	Khu hành chính huyện Vĩnh Thạnh	Quảng trường huyện

Phụ Lục II
TÓM TẮT TIỂU SỬ
NHÂN VẬT LỊCH SỬ, ĐỊA DANH VÀ SỰ KIỆN
(Kèm theo Nghị quyết số 17/2012/NQ-HĐND
ngày 07 tháng 12 năm 2012
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

1. NGUYỄN VĂN CỪ (1912 - 1941)

Nguyễn Văn Cừ quê ở làng Phù Khê, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh, xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo, có truyền thống yêu nước. Anh là học sinh xuất sắc ở Trường Bưởi (tức Trường Chu Văn An, Hà Nội ngày nay). Năm 1927, anh bị đuổi khỏi trường vì tham gia phong trào yêu nước.

Tháng 6 năm 1929, anh được kết nạp vào chi bộ đầu tiên của Đông Dương Cộng sản Đảng. Sau ngày thành lập Đảng (03/02/1930), anh được bầu làm Bí thư Đặc khu ủy Hòn Gai - Uông Bí, sau đó bị địch bắt kết án tù khổ sai, đày đi Côn Đảo. Trong nhà tù, anh vẫn tiếp tục tổ chức anh em đồng chí đấu tranh, học tập lý luận.

Năm 1936, Mặt trận nhân dân lên cầm quyền ở Pháp, anh được ra tù và hoạt động tích cực cho Xứ ủy Bắc Kỳ trên mọi mặt công tác. Năm 1937, anh được cử vào Ban thường vụ Trung ương Đảng, năm sau làm Tổng Bí thư của Đảng (3/1938). Nguyễn Văn Cừ là tác giả cuốn “Tự chỉ trích” có tác dụng to lớn trong đấu tranh nội bộ Đảng và chống bọn Tờ-rốt-kít phá hoại cách mạng. Mùa thu năm 1939, anh vào Sài Gòn họp Hội nghị Trung ương lần thứ VI, đề ra nhiệm vụ tập hợp toàn dân đấu tranh giải phóng dân tộc.

Tháng 6 năm 1940 anh bị địch bắt. Bọn đế quốc đã dùng mọi thủ đoạn tra tấn cực hình để khai thác tài liệu, nhưng trước sau anh vẫn kiên cường bất khuất, giữ vững khí tiết của người cộng sản. Sau khởi nghĩa Nam Kỳ (1940), giặc khệp anh vào tội là “người có trách nhiệm tinh thần trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ” để kết án tử hình. Nguyễn Văn Cừ cùng một số đồng chí khác đã bị xử bắn tại trường bắn Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) ngày 28 tháng 8 năm 1941.

2. TRẦN VĂN GIÀU (1911 - 2010)

Giáo sư Trần Văn Giàu là nhà hoạt động cách mạng, nhà khoa học, nhà nghiên cứu lịch sử, triết học và là nhà giáo Việt Nam.

Quê quán tại xã An Lục Long, Tầm Vu, tỉnh Tân An (nay là tỉnh Long An). Thuở nhỏ ông học ở Tân An, Sài Gòn, sau du học ở Pháp. Năm 1930 đang học ở Pháp thì ở nước nhà, Pháp khủng bố các phong trào yêu nước, trong đó có vụ xử trăm 13 chiến sĩ Việt Nam Quốc dân Đảng tại Yên Bái. Sinh viên Việt Nam tại Paris tổ chức biểu tình trước điện Elysée đòi hủy án tử hình đối với các thủ lĩnh cuộc Khởi nghĩa Yên Bái. Do việc này, ông bị cảnh sát bắt giam cùng 18 sinh viên khác và bị trục xuất về nước. Về nước, ông dạy ở trường Lê Bá Cang, vài tháng sau được Đảng Cộng sản (Xứ ủy Nam kỳ) cử sang Nga học ở trường Đại học Phương Đông. Tốt nghiệp, năm 1933, từ Nga trở về Việt Nam đang lúc thoái trào (1933), các cơ sở Đảng đã tan vỡ qua nhiều vụ bạo động ở Bắc bộ nhất là Xô Viết Nghệ Tĩnh, các vụ biểu tình rầm rộ ở Nam Bộ. Ông cùng một số đồng chí lập lại Xứ ủy Nam Kỳ và được cử làm Bí thư. Năm 1934, ông bị bắt và bị đày ra Côn Đảo.

Năm 1936, hết hạn tù ông lại bị đưa đi tập trung ở Tà Lài cho đến 1941. Sau khi Khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, ông cùng 7 đồng chí vượt ngục. Tháng 3 năm 1945 Nhật đảo chính Pháp, ông cùng một số nhân vật lợi dụng IDA (sĩ quan cao cấp Nhật) cho tổ chức Thanh niên lấy tên Thanh niên Tiền phong, thu hút đông đảo quần chúng, chuẩn bị lực lượng khởi nghĩa ở Sài Gòn.

Ngày 25 tháng 8 năm 1945, Sài Gòn và các tỉnh Nam bộ khởi nghĩa thắng lợi, ông được cử làm Chủ tịch Ủy ban hành chính lâm thời Nam Bộ, nhưng đến ngày 23 tháng 9 năm 1945, Pháp gây hấn tại Sài Gòn, tái chiếm Việt Nam, Ông được Trung ương triệu tập ra Bắc.

Đến toàn quốc kháng chiến, Ông làm giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam. Sau 1954, Ông về Hà Nội làm giáo sư dạy sử ở trường đại học tại Hà Nội, giáo sư Viện sử học thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. Ông là nhà nghiên cứu rộng và sâu, đã viết nhiều sách về giai cấp công nhân và phong trào cách mạng Việt Nam.

Danh hiệu và Giải thưởng: Huân chương Hồ Chí Minh, Nhà giáo Nhân dân (1992), Anh hùng Lao động thời kì đổi mới (2003). Toàn bộ công trình về Lịch sử Việt Nam gồm 5 bộ, 18 tập của Giáo sư Trần Văn Giàu được Nhà nước trao Giải thưởng Hồ Chí Minh.

3. XUÂN THỦY (1912 - 1985)

Tên thật là Nguyễn Trọng Nhân, người thôn Hòe Thị, tổng Phương Canh, huyện Hoài Đức, thuộc tỉnh Hà Đông (cũ), nay là xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Ông tham gia cách mạng từ rất sớm.

Năm 1938, ông bị giặc Pháp bắt giam ở các nhà tù Hà Giang, Sơn La.

Năm 1943, ông phụ trách cơ quan Tuyên truyền của Tổng bộ Việt Minh rồi làm Chủ bút Báo Cứu quốc. Từ 1951 - 1981, ông là Ủy viên Trung ương Đảng; năm 1968, ông ở trong Ban Bí thư, là Trưởng ban Đối ngoại; năm 1963 là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao; năm 1968, là Trưởng đoàn đại biểu Việt Nam tại Hội nghị Pari, là Phó Chủ tịch Quốc hội.

Ông mất ngày 18 tháng 6 năm 1985 tại nhà riêng số 36 đường Lý Thường Kiệt (nay là trụ sở của Bảo tàng Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam).

4. TÚ XƯƠNG (1870 - 1907)

Ông có nhiều tên: Trần Duy Uyên, Trần Tế Xương, Trần Cao Xương nhưng được gọi một cách quen thân là Tú Xương. Quê làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc (nay thuộc tỉnh Nam Định). Đỗ tú tài cuối bảng (1894) rồi liên tiếp thi nhiều khóa khác nhưng không đỗ được cử nhân.

Ông sống cuộc đời nghèo nàn, nay đây mai đó theo thú phong lưu. Ông làm thơ nhiều, toàn thơ Nôm (nay còn khoảng 150 bài), nổi bật vì chất trào phúng sắc sảo, mãnh liệt mà đầy chất trữ tình, tha thiết. Ông đã kích bọn mua danh trục lợi, bọn hãnh tiến xu thời cùng những trò dõm đời trong nhân tình thế thái. Tiếng cười trong thơ Ông quyết liệt, thẳng thừng, nhiều góc cạnh. Ông cũng có nhiều bài thơ ca ngợi quê hương, thương đời, thương vận nước,...

Thơ của Ông đạt đến trình độ cao về sử dụng ngôn ngữ, đó là một thiên tài “thần thơ thánh chữ”. Tú Xương là một trong những tác giả hàng đầu trong văn học trào phúng Việt Nam. Ông mất ngày 29 tháng 01 năm 1907.

5. QUANG TRUNG - NGUYỄN HUỆ (1753 - 1792)

Nguyễn Huệ là thủ lĩnh của phong trào Tây Sơn, anh hùng dân tộc, hoàng đế lấy hiệu Quang Trung (1788 - 1792). Ông quê gốc ở Nghệ An, sinh tại Phú Lạc, sau dời sang Kiên Mỹ, huyện Tuy Viễn (nay thuộc huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định).

Thuở nhỏ Ông theo học Giáo Hiến. Năm 1771, Ông cùng anh là Nguyễn Nhạc và em là Nguyễn Lữ phát cờ khởi nghĩa chống Trương Phúc Loan ở đất Tây Sơn Thượng Đạo (An Khê thuộc tỉnh Gia Lai). Năm 1773 - 1783, Ông trực tiếp chỉ huy nhiều trận đánh có ý nghĩa quyết định trong cuộc đấu tranh lật đổ chế độ chúa Nguyễn ở Đàng trong.

Đêm ngày 18 tháng 01 năm 1785, chỉ trong một đêm, bằng tài năng thủy chiến, Ông đã chỉ huy nghĩa quân Tây Sơn tiêu diệt 5 vạn quân Xiêm ra khỏi bờ cõi. Tháng 6 năm 1786, ông kéo quân ra đánh chiếm Phú Xuân (Huế) - trị sở và là đại bản doanh của các chúa Nguyễn Đàng trong. Tháng 7 năm 1786, ông dẫn đại quân vượt sông Gianh tiêu diệt tập đoàn phong kiến chúa Trịnh ở Đàng ngoài. Cuối năm 1797, Nguyễn Huệ ra Bắc lần 2, bắt giết kẻ phản loạn, thu phục người hiền tài, lập lại trật tự ở Bắc Hà.

Ngày 22 tháng 12 năm 1788, chỉ sau 5 ngày quân Thanh kéo vào Thăng Long, tại Phú Xuân, Nguyễn Huệ chính thức lên ngôi hoàng đế, đặt niên hiệu là Quang Trung và tổ chức lực lượng tiến quân ra Bắc. Chỉ trong 5 ngày, vào mùng 5 tết Kỷ Dậu 1789, ông đã chỉ huy đại quân đánh bại hoàn toàn 29 vạn quân Thanh và tổ chức lễ mừng chiến thắng tại thành Thăng Long. Sau đó, Nguyễn Huệ chủ trương hòa hiếu với nhà Thanh, ra chiếu khuyến nông, giảm thuế khóa, đúc tiền để lưu thông hàng hóa.

Ngày 16 tháng 9 năm 1792, Ông đột ngột qua đời trong khi mọi cải cách còn đang thực hiện dở dang. Mặc dù thời gian trị vì không dài nhưng Nguyễn Huệ đã bước đầu đạt được một số thành công trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, kinh tế, ngoại giao.

6. NGUYỄN THỊ SÁU (1944 - 1960)

Nguyễn Thị Sáu - liệt sĩ, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Quê xã Long Trị, huyện Long Mỹ, tỉnh Cần Thơ (nay là tỉnh Hậu Giang). Gia nhập du kích năm 1956, đội viên du kích, đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, hy sinh ngày 10 tháng 12 năm 1960.

Cha mẹ của Chị là những người có công nuôi chứa và bảo vệ cán bộ, chiến sĩ cách mạng sau năm 1954. Năm 12 tuổi, Chị đã làm liên lạc cho tổ chức tuyên truyền tin bảo mật ở xã. Đến năm 16 tuổi, Chị trở thành đoàn viên Thanh niên lao động Hồ Chí Minh, đội viên đội du kích xã. Chị đã cùng đồng đội bao vây, chống địch càn quét và bẻ gãy nhiều cuộc hành quân của địch trên địa bàn xã.

Tháng 12 năm 1960, chị đã vận động trên 500 chị em phụ nữ tham gia biểu tình, cùng lực lượng du kích xã cướp đồn Vàm Đĩnh (xã Long Phú) bắt 24 tên, thu toàn bộ vũ khí. Phát huy thắng lợi, thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, chị xung phong dẫn đầu đoàn biểu tình gồm 1.000 người kéo đến phân chi khu Cái Nai. Địch hoảng sợ đóng chặt cửa chi khu và đe dọa sẽ nổ súng vào đoàn biểu tình. Trước tình hình đó, chị đã hiên ngang bước tới mở cửa đồn và ra hiệu đoàn biểu tình tiến lên. Ngay sau đó, Chị bị trúng đạn và anh dũng hy sinh khi tuổi đời vừa tròn 16.

Ngày 28 tháng 4 năm 2000, Chị được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

7. BÙI QUANG TRINH (1923 - 1945)

Liệt sĩ Bùi Quang Trinh quê gốc ở Chợ Mới, tỉnh An Giang. Năm 1940 gia đình anh về sống ở Cần Thơ. Cụ thân sinh là người lao động giỏi, biết nhiều nghề. Anh được đồng chí Ung Văn Khiêm - một trong những đồng chí lãnh đạo An Nam Cộng sản Đảng giác ngộ cách mạng.

Anh là con lớn nhất trong gia đình gồm 10 anh em. Sau khi đỗ bằng Thành Chung ở Cần Thơ, Anh lên Sài Gòn học hội họa ở Trường Mỹ thuật Gia Định, đồng cảm với nỗi khổ của người dân, có ý thức phản kháng cường quyền, bất công xã hội và trước thái độ của quyền, hách dịch, hà khắc của viên Bố Chánh, Anh quyết định bỏ việc khi đang làm “Quan phán” ở tòa Bố chánh Hà Tiên.

Trước Cách mạng tháng 8 năm 1945, anh về Cần Thơ tham gia cướp chính quyền. Sau đó gia nhập lực lượng Quốc gia tự vệ cuộc (tiền thân của Công an Nam bộ). Ít ngày sau khi tái chiếm thị xã Cần Thơ, giặc Pháp đổ quân về Cái Răng, âm mưu từ “bàn đạp” này để có thể “nổ” ra đánh phá các cơ sở kháng chiến, các cơ quan đầu não của Cần Thơ. “Nhà việc” của xã Thường Thạnh được chúng chọn làm trụ sở của Ban chỉ huy quân sự Pháp do tên quan ba Ru-ăng làm chỉ huy trưởng.

Ngày 12 tháng 11 năm 1945, anh là Phó chỉ huy trưởng chỉ huy trận đánh Cái Răng, là một trong 5 chiến sĩ của “Đội cảm tử Quốc gia tự vệ cuộc” do đồng chí Lê Bình chỉ huy đã “Hóa trang kỳ tập” vào Ban Chỉ huy cánh quân Pháp đặt tại Cái Răng, giết hơn 20 tên giặc. Đây là trận đánh có tiếng vang lớn rất đáng ghi nhớ của quân dân Cần Thơ kể từ khi quân Pháp tái chiếm Cần Thơ được ít ngày. Anh đã anh dũng hy sinh trong trận đánh này.

8. ĐỖ TRỌNG VĂN (1947 - 1972)

Liệt sĩ - Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Đỗ Trọng Văn còn có tên là Mai Văn Sinh, quê xã Thới An Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (nay là thành phố Cần Thơ). Năm 1959, Anh tham gia Đội du kích mật xã Thới An Đông. Năm 1964, gia nhập bộ đội địa phương huyện Ô Môn, huyện Châu Thành. Năm 1970 - 1972, là huyện ủy viên, Huyện đội phó Châu Thành. Anh hy sinh năm 1972, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngày 15 tháng 2 năm 1965, anh cùng đặc công nhận nhiệm vụ mang mìn bêta vào đánh đồn Mã Tiên (xã Định Môn, Ô Môn). Trận này ta diệt gọn quân địch, anh thu được một máy truyền tin PRC10.

Tháng 6 năm 1965, anh tham gia tập kích diệt một trung đội bảo an trên Quốc lộ 91. Năm 1966, anh chỉ huy đơn vị đặc công huyện Châu Thành tiêu diệt đồn Tắc Cà Di. Năm 1967, anh cùng đồng đội đánh trả đẩy lùi 4 đợt tấn công của địch. Đến đợt thứ 5, đơn vị quyết định rút lui, anh vừa chỉ huy đơn vị đánh trả với địch, vừa truy tìm thương binh. Trận này anh bị thương rất nặng. Sau 2 năm điều trị, anh trở về giữ chức Huyện ủy viên Huyện đội Châu Thành và tiếp tục lập nhiều thành tích xuất sắc. Ngày 20 tháng 10 năm 1972, chuẩn bị cho trận diệt đồn Chệt Xôi (ngã tư Một Ngàn), trên đường đi nghiên cứu thực địa bị địch phục kích, Anh cùng đồng đội chiến đấu rất quyết liệt và đã anh dũng hy sinh.

Anh được tặng thưởng: Huân chương Kháng chiến hạng nhất, Huân chương Chiến sĩ giải phóng Nhất, Nhì, Ba; nhiều bằng khen, giấy khen và huy hiệu “Dũng sĩ diệt Mỹ”.

Ngày 28 tháng 4 năm 2000, anh được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

9. NGUYỄN CHÁNH TÂM (1935 - 1968)

Liệt sĩ, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Chánh Tâm quê xã Long Xuyên (nay là phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ). Năm 1954, Anh tập kết ra Bắc.

Thực hiện quyết tâm chi viện cho chiến trường miền Nam tổng tấn công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968, Chỉ huy Đoàn 125 (Đoàn tàu không số) cử bốn tàu đi làm nhiệm vụ đặc biệt gồm: Tàu 43, Tàu 56, Tàu 165 và Tàu 235. Tàu 165 có 18 cán bộ, thủy thủ do Nguyễn Chánh Tâm làm thuyền trưởng, Nguyễn Ngọc Lương làm chính trị viên có nhiệm vụ vận chuyển hơn 64 tấn vũ khí vào bên Cà Mau chi viện cho chiến trường Tây Nam bộ.

Tàu xuất phát ngày 25 tháng 02 đến đêm 29 tháng 02 năm 1968, tàu vào Vàm Lũng (huyện Năm Căn, Cà Mau) bị địch phát hiện. Cán bộ, thủy thủ tàu 165 đã chiến đấu anh dũng trong vòng vây của tàu chiến và máy bay địch. Cuộc chiến đấu không cân sức, khi nhận thấy tàu 165 không còn khả năng an toàn, để đảm bảo bí mật cho con đường vận chuyển chiến lược trên biển Đông, ông đã cho hủy tàu theo kế hoạch. Thuyền trưởng Nguyễn Chánh Tâm và 17 cán bộ, thủy thủ đã anh dũng hy sinh và yên nghỉ trên vùng biển Cà Mau.

Năm 2006, Tàu 165 đã được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang, thuyền trưởng Nguyễn Chánh Tâm được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

10. BÙI HỮU NGHĨA (1807 - 1872)

Nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa, hiệu Nghi Chi, Liễu Lâm chủ nhân, người làng Long Tuyền, trước thuộc Vĩnh Định, trấn Vĩnh Thanh (Vĩnh Long) sau thuộc tỉnh Cần Thơ (nay là phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ). Thân phụ ông là Bùi Hữu Vi, xuất thân nghề chài lưới.

Thuở trẻ Ông lên Biên Hòa ngụ nơi nhà ông Hộ trưởng Nguyễn Văn Lý, học với ông đồ Hoành. Sau được ông Lý gả con gái. Năm 1835, ông đỗ giải Nguyên trường thi Gia Định. Do đó, ông còn được gọi là Thủ khoa Nghĩa hoặc Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa. Sau đó, ông được sơ bổ Tri huyện Phước Long, tỉnh Biên Hòa, rồi chuyển bổ Tri huyện Trà Vang (tức Trà Vinh, nay thuộc tỉnh Trà Vinh).

Vì tính cương trực, Ông đương đầu với bọn cường hào ác bá tại Trà Vinh, bị quan trên tham nhũng cáo gian, tìm cách hãm hại. Vợ ông là Nguyễn Thị Tồn ra tận kinh đô kêu oan với triều đình, ông mới thoát cảnh lao tù, nhưng phải sung quân, đóng đồn ở Vĩnh Thông (Châu Đốc). Đóng quân ở Tịnh Biên ít lâu, ông xin giải ngũ, về quê quán Long Tuyền sống đời ẩn dật, sinh nhai với nghề thuốc và dạy học, ôm ấp chí cao khiết. Tài đức của ông được sĩ phu và nhân dân trọng vọng, mến yêu. Tại chùa Nam Nhã (quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ) còn bài vị thờ vợ chồng ông.

Ngoài các bài thơ, văn tế, Ông còn để lại một bản tuồng Kim thạch kỳ duyên có giá trị văn chương cao, được đời truyền tụng. Ông có nhiều bài họa thơ đã kích Tôn Thọ Tường theo Pháp, kêu gọi đồng bào nhất tề đứng lên chống giặc Pháp. Khu mộ của Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa tại quận Bình Thủy (thành phố Cần Thơ) đã được Nhà

nước công nhận là Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia vào ngày 25 tháng 01 năm 1994.

11. NGUYỄN CHÍ THANH (1914 - 1967)

Đồng chí Nguyễn Chí Thanh sinh ra trong một gia đình nông dân ở thôn Niệm Phò, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Năm 17 tuổi, Ông đã cùng một số thanh niên tá điền đấu tranh chống lại bọn cường hào địa phương. Ông tham gia phong trào Mặt trận Bình dân, được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông dương tháng 7 năm 1937, sau đó được cử làm Bí thư Chi bộ. Năm 1938, ông làm Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên. Cuối năm 1938, ông bị địch bắt. Sau khi ra tù, ông tiếp tục hoạt động và được tiếp tục cử làm Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên. Giữa năm 1939, ông lại bị giặc Pháp bắt và giam ở các nhà lao: Huế, Lao Bảo, Buôn Ma Thuột,...

Năm 1941, ông vượt ngục và tham gia thành lập Tỉnh ủy lâm thời Thừa Thiên, ra sức xây dựng cơ sở cách mạng nhiều nơi trong tỉnh. Năm 1943, ông lại bị bắt. Năm 1945 ông ra tù, tháng 3 năm 1945 tại Hội nghị toàn quốc của Đảng tổ chức ở Tân Trào (Tuyên Quang), ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được chỉ định làm Bí thư Xứ ủy Trung kỳ.

Năm 1947, ông được chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên, sau đó làm Bí thư Phân khu ủy Bình - Trị - Thiên. Từ cuối năm 1948 đến năm 1950, ông làm Bí thư Liên khu ủy Khu IV. Năm 1950, ông là Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam và Phó Bí thư Tổng Quân ủy. Năm 1959 ông được phong quân hàm Đại tướng Quân đội nhân dân. Ông là Ủy viên Bộ Chính trị - BCH Trung ương Đảng khóa II , khóa III.

Trong kháng chiến chống Mỹ, ông được Đảng điều động trở lại quân đội. Năm 1965, ông vào chiến trường miền Nam. Ông còn là Ủy viên Hội đồng quốc phòng. Ông được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều huân chương cao quý. Sau khi mất, ông được truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh và Huân chương Quân công hạng Nhì.

12. ĐẮC NHẪN (1923 - 1989)

Tên thật là Phạm Đắc Nhẫn, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1923 tại Thới Thạnh, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (nay là thành phố Cần Thơ). Ông nội của Ông từ đất Nghệ An lưu lạc vào trấn Biên Hòa sinh sống, theo nghĩa quân Trương Định, sau khi khởi nghĩa thất bại, Ông phải tạm lánh về vùng Ô Môn. Cha ông giỏi chữ Nho, thích kéo đàn cò. Mẹ ông thường kể cho con cái nghe truyện Tàu với những nhân vật đầy nghĩa khí, trung liệt.

Thuở nhỏ Ông học đàn kìm do chú Hai Cừ dạy và học văn hóa với thân sinh của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước. Ông tham gia cách mạng từ những năm đầu kháng chiến chống Pháp trong Ban Tuyên truyền Phòng chính trị Phân Liên khu miền Tây Nam bộ. Để phục vụ cho nhu cầu của cách mạng, trong những năm đó Ông hăng say sáng tác với nhiều bài hát như: Sáp chiến (1946), Việt Nam ngàn dặm (1948), Nhẫn về Thành (1949). Đặc biệt là bài hát “Tầm Vu” ông viết năm 1948 ở vùng Cái Sắn do Quốc Hương đặt lời. Bài hát được phổ biến rất nhanh. Đến nay bài hát vẫn luôn tồn tại mãi với thời gian. Hiện là nhạc hiệu của Đài Phát thanh Cần Thơ.

Trong những năm tháng sống ở miền Bắc, ông luôn nhớ về quê nhà, nơi ấy có dòng sông Hậu hiền hòa tắm mát tuổi thơ ông.

Gần 50 năm cống hiến cho nền âm nhạc cách mạng Việt Nam, Ông đã để lại trên 50 ca khúc có giá trị, một số khối lượng lớn nhạc cho các vở sân khấu cải lương và nhiều công trình nghiên cứu, dịch thuật âm nhạc nước ngoài và cải lương Nam bộ. Nhạc sĩ Đắc Nhẫn xứng đáng là một tấm gương lao động nghệ thuật không mệt mỏi vì một nền âm nhạc dân tộc Việt Nam hiện đại. Ông mất năm 1989.

13. THOẠI NGỌC HẦU (1761 - 1829)

Danh thần, nhà doanh điền triều Nguyễn, tên thật là Nguyễn Văn Thoại, quê làng An Hải Tây, tổng An Lưu Hạ, huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng). Cuối thời chúa Nguyễn, Ông cùng gia đình di cư vào tỉnh Vĩnh Long. Năm 1777, Ông đầu quân với chúa Nguyễn Ánh, lập được nhiều chiến công, từng phò giá Nguyễn Ánh, làm đến Khâm sai Thượng đạo Bình Tây tướng quân, được phong tước Hầu (Thoại Ngọc Hầu).

Sau khi Nguyễn Ánh lên ngôi vua, Ông được cử làm Thống quản biên binh bảo hộ Cao Miên. Năm 1818, Ông thiết kế và đốc suất dân binh đào kinh Đông Xuyên ở Long Xuyên (còn gọi là kênh Thoại Hà). Năm 1820, Ông cho đào một con kinh nối liền Châu Đốc - Hà Tiên, năm 1824 hoàn thành, vua Minh Mạng khen ngợi, sắc ban đặt tên cho ngọn núi nhìn xuống con kinh là Thoại Sơn và con kinh này được mang tên vợ Ông là kinh Vĩnh Tế, rất tiện lợi cho việc giao thông vận tải đường sông, cung cấp nước ngọt cho diện tích rộng lớn ở Hà Tiên, Rạch Giá, là ranh giới Việt Nam - Campuchia. Ông mất tại Châu Đốc ngày 06 tháng 6 năm Kỷ Sửu 1829 khi đang tại chức.

14. VÕ DUY DƯƠNG (1827 - 1866)

Võ Duy Dương quê ở thôn Cù Lâm Nam, thuộc phủ Tuy Viễn, trấn Bình Định (nay là thôn Nam Tượng, xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định). Ông được triều đình phong chức Thiên hộ nên tục gọi là Thiên hộ Dương.

Ông có mặt trong hàng ngũ chống Pháp rất sớm. Đội nghĩa binh của Ông phối hợp với nghĩa quân Trương Định hoạt động mạnh trên một vùng rộng lớn giữa các sông Tiền Giang và Vàm Cỏ, kéo dài từ biển Đông lên tới biên giới Việt Nam - Campuchia. Sau khi Trương Định hy sinh (8/1864), Ông trở thành người lãnh đạo chính của phong trào kháng chiến Nam bộ. Căn cứ của nghĩa quân lúc này là Đồng Tháp Mười. Tháng 4 năm 1866, căn cứ bị giặc Pháp bao vây, tấn công ác liệt buộc nghĩa quân rút khỏi căn cứ sau đó tan rã dần. Tháng 11 năm 1866, Thiên hộ Dương vượt biển về kinh, đến cửa Thần Mẫu (Cần Giờ), bất ngờ bị cướp biển giết chết.

Đề tưởng nhớ người anh hùng có công giữ nước, ngày nay nhân dân Đồng Tháp Mười xây dựng đền thờ tưởng niệm ông tại Gò Tháp, hàng năm có hàng chục ngàn người về kính bái. Di tích khảo cổ và kiến trúc nghệ thuật Gò Tháp được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt năm 2012.

15. NGUYỄN HỮU CẢNH (KÍNH) (1650 - 1700)

Nguyễn Hữu Cảnh còn gọi là Nguyễn Hữu Kính, danh tướng của chúa Nguyễn ở Đàng trong, người có công thành lập các dinh Trấn Biên (Biên Hòa), Phiên Trấn (Gia Định). Ông là con thứ của Chiêu Vũ hầu Nguyễn Hữu Dật. Tổ tiên của Ông là người Gia Miêu, huyện Tống Sơn (Hà Trung, Thanh Hóa).

Năm 1692, Ông làm Tổng binh đánh dẹp cuộc nổi dậy của Bà Tranh và lập trấn Thuận Thành (thuộc Ninh Thuận, Bình Thuận ngày nay), sau đó lại dẹp cuộc nổi dậy của A Ban cầu kết với Ốc Nha Thát. Nhờ đó, Ông được làm trấn thủ dinh Bình Khang (vùng Khánh Hòa và Bình Thuận). Năm 1698, ông được chúa Nguyễn cử làm Thống suất chương cơ kinh lược vùng Gia Định (Đồng bằng sông Cửu Long). Hơn một năm sau, Ông đã tổ chức được các đơn vị hành chính, xây dựng chính quyền các dinh, huyện, xã và chiêu tập dân nghèo khai hoang định cư lập làng xóm.

Sau khi Ông mất, chúa Nguyễn phong tặng là Hiệp tán công thần, đặc tiến Chương dinh tướng quân, Lễ Tài hầu, an táng tại Cù lao Phố (Biên Hòa, Đồng Nai). Nhiều làng, ấp ở Gia Định thờ Ông làm thành hoàng.

16. TRỊNH HOÀI ĐỨC (1765 - 1825)

Trịnh Hoài Đức là một nhà văn, nhà địa lý - lịch sử. Ông làm quan thời Nguyễn, tự là Chỉ Sơn, hiệu là Cẩn Trai, tổ tiên vốn là Hoa kiều, lập nghiệp ở Trấn Biên (Biên Hòa).

Năm 1788, Ông theo Nguyễn Ánh làm Hàn lâm viện Chế cáo, rồi chuyển sang làm Điền tuần quan, tổ chức việc khai hoang. Năm 1795, Ông được cử đi sứ sang Trung Quốc. Từ năm 1812 đến 1820, Ông làm hiệp Tổng trấn, rồi làm Phó Tổng trấn Gia Định thành. Ông cùng với Ngô Nhân Tịnh, Lê Quang Định được người đời ca ngợi là “Gia Định tam gia”. Ông có những tác phẩm nổi tiếng và giá trị cao là cuốn “Cẩn Trai thi tập” và “Gia Định thành thông chí”. Thơ văn cũng như sách biên soạn của Ông phản ánh tình hình Gia Định đầu thế kỉ XIX.

17. LỘ VÒNG CUNG

Tuyến lộ Vòng Cung dài gần 30km, bắt đầu từ Quốc lộ 1 (quận Ninh Kiều) đến Quốc lộ 91 (quận Ô Môn), là vành đai án ngữ để bảo vệ thành phố Cần Thơ trong thời kỳ chiến tranh. Như tên gọi, tuyến lộ này đi qua các địa bàn: phường An Bình (quận Ninh Kiều), phường Long Tuyền, phường Thới An Đông (quận Bình Thủy), xã Mỹ Khánh, xã Nhơn Ái, thị trấn Phong Điền, xã Tân Thới, xã Giai Xuân (huyện Phong Điền - 18km) và phường Phước Thới (quận Ô Môn), tạo thành một vòng cung bao bọc nội ô thành phố Cần Thơ.

Vì con đường này có vị trí chiến lược quân sự đặc biệt quan trọng, nên cuối năm 1967, Mỹ - Ngụy đã triển khai xây dựng tuyến phòng thủ với hệ thống đồn bót và bộ máy kèm kẹp quần chúng, đánh phá phong trào cách mạng.

Mặt trận Vòng Cung trở thành một trong những trọng điểm ác liệt gian khổ, là bàn đạp đứng chân của các lực lượng ta tấn công vào tận đầu não và sào huyệt của địch ở thành phố Cần Thơ. Nó có ý nghĩa quan trọng tạo đà cho lực lượng cách mạng đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, giành độc lập dân tộc.

Địa danh Vòng Cung là dấu ấn khó phai mờ, gắn chặt với truyền thống lịch sử hào hùng của Đảng bộ, quân dân Cần Thơ, cũng như đồng bằng sông Cửu Long và cả nước trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước.

18. BÌNH THỦY

Giai thoại về địa danh Bình Thủy cũng tràn đầy cảm hứng lịch sử. Tương truyền, năm Nhâm Tý 1852, Tuần phủ Huỳnh Mẫn Đạt trong một lần đi tuần thú bằng thuyền trên sông Hậu gặp sóng to gió lớn bất ngờ nổi lên. Ngay lúc đó

viên quan hầu cận nhìn thấy một vàm rạch rồi khẽ bầm với quan Tuần phủ, cho quân chèo thuyền vào đó, qua được cơn thịnh nộ của thủy thần. Quan Tuần phủ cho neo thuyền lại, gọi dân làng đến gạn hỏi mới biết rằng, con rạch này từ trước tới giờ chưa từng có sóng to gió lớn, người dân trong vùng sống an cư lạc nghiệp, hoa màu tươi tốt quanh năm. Quan Tuần phủ tuyên bố: “Nay ta nhờ theo dòng nước đến đây mà được bình an vô sự. Vậy ta đặt tên cho chỗ này là Bình Thủy”. Tên làng Bình Thủy có từ đó và còn lưu giữ đến ngày nay.

19. 3 THÁNG 2

Sau khi phong trào Cần Vương chống Pháp tan rã, tiếp đến các phong trào Đông Du, Duy Tân lần lượt thất bại thì ở nước Nga nổ ra cuộc cách mạng vô sản năm 1917. Một số chiến sĩ cách mạng Việt Nam hướng về Liên Xô, tự vạch cho mình con đường đánh đuổi thực dân phong kiến.

Từ đó ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam lần lượt ra đời ở ba kỳ: Đông Dương Cộng sản liên đoàn, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Đảng. Tuy cùng lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin làm kim chỉ nam và mục tiêu đấu tranh là giải phóng dân tộc, mỗi đảng đều hoạt động riêng, điều này sẽ làm suy yếu tiềm lực cách mạng của quần chúng.

Đứng trước tình hình này, ngày 3 tháng 2 năm 1930 lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã đứng ra triệu tập cuộc họp ở Quảng Châu (Trung Quốc) kêu gọi đoàn kết, thống nhất ba đảng làm một, lấy tên là Đông Dương Cộng sản Đảng, tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày nay.

Ngày 3 tháng 2 được chính thức xem là ngày thành lập Đảng cộng Việt Nam.

NGHỊ QUYẾT

Về đặt tên đường và đổi tên công trình công cộng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ **KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đặt tên đường và đổi tên công trình công cộng; Báo cáo thẩm tra số 58/BC-HĐND-VHXXH ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Ban văn hóa - xã hội; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Đặt tên 11 tuyến đường và đổi tên 01 công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Kèm theo:

- Phụ lục I: Thuyết minh vị trí tên đường và công trình công cộng;

- Phụ lục II: Tóm tắt tiểu sử nhân vật lịch sử, địa danh.

Điều 2.

Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai và thực hiện việc gắn biển tên đường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành;

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau mười ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 05 tháng 7 năm 2013 và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Lợi

Phụ lục I
THUYẾT MINH VỊ TRÍ TÊN ĐƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
(Kèm theo Nghị quyết số 05/2013/NQ-HĐND
ngày 05 tháng 7 năm 2013
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

STT	Danh mục tên	Chiều dài, diện tích (m, m ²)	Giới hạn	Tên tạm gọi hiện nay
A	TÊN ĐƯỜNG			
I	Quận Cái Răng			
1	Lê Nhựt Tảo	875	Đường số 1 - Đường số 9, Khu Dân cư 586	Đường số 14, Khu Dân cư 586
2	Trần Chiên	1.319	Cầu Cái Răng Bé - cầu Nước Vặn	Lộ Hậu Thạnh Mỹ
3	Cao Minh Lộc	875	Đường số 46 - Đường số 61, Khu Dân cư 586	Đường số 10, Khu Dân cư 586
II	Quận Bình Thủy			
1	Đình Công Chánh	2.400	Quốc lộ 91B - chợ Phó Thọ (đường Đình Công Chánh (mới) có chiều dài toàn tuyến 3.900m)	Đường Phó Thọ - Quốc lộ 91B
2	Nguyễn Đệ	1.600	Đường Cách Mạng Tháng Tám - đường Võ Văn Kiệt	Đường Vành đai Phi trường
3	Phạm Hữu Lầu	600	Đường Trần Quang Diệu - Hẻm 162 Trần Quang Diệu	Hẻm T80 đường Trần Quang Diệu
III	Quận Thốt Nốt			
1	Nguyễn Thị Lưu	618	Quốc lộ 91 - Kinh Sườn	Đường vào Trung tâm Dạy nghề quận

STT	Danh mục tên	Chiều dài, diện tích (m, m ²)	Giới hạn	Tên tạm gọi hiện nay
IV Huyện Phong Điền				
1	Nguyễn Thái Bình	624	Lộ Vòng Cung - hết đoạn trái nhựa	Trục số 1, Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện
2	Chiêm Thành Tấn	520	Trục số 3 - Trục số 10, Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện	Trục số 7, Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện
V Huyện Cờ Đỏ				
1	Hà Huy Giáp	2.653	Ranh xã Thạnh Phú và thị trấn Cờ Đỏ - cầu KH5 (đoạn đi qua thị trấn)	Đường tỉnh 919 (Bồn Tổng - Một Ngàn)
2	Lê Đức Thọ	1.067	Đường tỉnh 919 - ranh thị trấn Cờ Đỏ và xã Đông Thắng (đoạn đi qua thị trấn)	Đường tỉnh 922 (Cờ Đỏ - Thới Lai)
B CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG				
1	Trường Tiểu học Trà An	3.723m ²	Phường Trà An, quận Bình Thủy	Trường Tiểu học Trà Nóc 1

Phụ lục II
TÓM TẮT TIỂU SỬ
NHÂN VẬT LỊCH SỬ, ĐỊA DANH
(Kèm theo Nghị quyết số 05/2013/NQ-HĐND
ngày 05 tháng 7 năm 2013
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

1. LÊ NHỰT TẢO (? - 1945)

Quê xã Vĩnh Xuân, huyện Cầu Kè, tỉnh Cần Thơ (nay thuộc tỉnh Trà Vinh). Cha mất sớm khi mới 3 tuổi, anh sống cùng cha kế - Một chiến sĩ cách mạng từng tham gia hoạt động trong phong trào Đông Du và nhiều lần vào tù, ra khám, về sau hy sinh ngoài Côn Đảo, do đó anh sớm được giác ngộ cách mạng.

Ngày 29 tháng 9 năm 1939, anh bị địch ra lệnh quản thúc ở xã Vĩnh Xuân. Năm 1940, sau khi cuộc khởi nghĩa ở Cầu Kè không thành, anh bị thực dân Pháp đày đi Bà Rá. Từ “Trường học lớn” này, anh được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Cuối năm 1943, mãn hạn tù anh trở về Vĩnh Xuân. Trong Cách mạng tháng Tám 1945, anh cùng với Nguyễn Việt Tĩnh tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa tại đây.

Chính quyền cách mạng ở huyện được thành lập, anh là Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban hành chính huyện Cầu Kè (thời gian này do còn đợi ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy Cần Thơ nên huyện chưa có Chủ tịch). Ít lâu sau, anh được Tỉnh ủy Cần Thơ điều về Quốc gia tự vệ cuộc tại Cần Thơ (tiền thân của Công an Nam bộ).

Ngày 12 tháng 11 năm 1945, anh là một trong 5 chiến sĩ của “Đội cảm tử Quốc gia tự vệ cuộc” do Lê Bình chỉ huy

đã “Hóa trang kỳ tập” vào Ban chỉ huy cánh quân Pháp đặt tại Cái Răng, giết hơn 20 tên giặc. Đây là trận đánh có tiếng vang lớn rất đáng ghi nhớ của quân dân Cần Thơ kể từ khi quân Pháp tái chiếm Cần Thơ được ít ngày. Lê Nhựt Tảo cùng đồng đội đối mặt với quân Pháp, chiến đấu tới viên đạn cuối cùng và anh dũng hy sinh trong trận đánh này.

2. TRẦN CHIÊN (1914 - 1945)

Quê gốc ở Hà Nội. Trước Cách mạng tháng Tám 1945, anh vào Cần Thơ, sống gần nhà Bùi Quang Trinh (nay thuộc phường Cái Khế, quận Ninh Kiều); là bạn bè thân thiết với Bùi Quang Trinh. Anh sớm giác ngộ cách mạng và tham gia Quốc gia tự vệ cuộc (tiền thân của Công an Nam bộ).

Ngày 12 tháng 11 năm 1945, anh là một trong 5 chiến sĩ của “Đội cảm tử Quốc gia tự vệ cuộc” do Lê Bình chỉ huy đã “Hóa trang kỳ tập” vào Ban chỉ huy quân Pháp đặt tại Cái Răng, giết hơn 20 tên giặc. Đây là trận đánh có tiếng vang lớn đáng ghi nhớ của quân dân Cần Thơ kể từ khi quân Pháp tái chiếm Cần Thơ được ít ngày.

Trần Chiên đã cùng đồng đội đối mặt với quân Pháp, chiến đấu tới viên đạn cuối cùng và anh dũng hy sinh trong trận đánh này.

3. CAO MINH LỘC (? - 1945)

Quê xã Thường Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (nay thuộc quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ). Cha là Cao Minh Phước, trước năm 1945 dạy học ở Cần Thơ, sau Cách mạng tháng Tám, làm Tổng thư ký Ủy ban hành chính tỉnh Cần Thơ.

Anh là con trưởng trong gia đình có 7 anh em. Sau khi đỗ thành chung, anh học Trường Pétrus Ký (Sài Gòn). Là một thanh niên trí thức giàu lòng yêu nước, anh gia nhập Quốc gia tự vệ cuộc Cần Thơ (tiền thân của Công an Nam bộ).

Ngày 12 tháng 11 năm 1945, anh là một trong 5 chiến sĩ của “Đội cảm tử Quốc gia tự vệ cuộc” do Lê Bình chỉ huy đã “Hóa trang kỳ tập” vào Ban chỉ huy cánh quân Pháp đặt tại Cái Răng, giết hơn 20 tên giặc. Đây là trận đánh có tiếng vang lớn đáng ghi nhớ của quân dân Cần Thơ kể từ khi quân Pháp tái chiếm Cần Thơ được ít ngày.

Cao Minh Lộc cùng đồng đội đối mặt với quân Pháp, chiến đấu tới viên đạn cuối cùng và anh dũng hy sinh trong trận đánh này.

4. ĐÌNH CÔNG CHÁNH (1839 - 1899)

Đình Công Chánh là con của ông Đình Công Điền và bà Huỳnh Thị Hiệu. Lúc nhỏ, ông học tại gia, khi lên 7 tuổi, ông theo học trường chữ Nho ở xóm Bà Đồ do bà giáo Nguyễn Thị Nguyệt dạy, không lâu sau, bà giáo qua đời, ông trở về tiếp tục học tại gia.

Ông là người tham gia vào Tao đàn văn học đầu tiên của làng Bình Hưng (tên trước của làng Bình Thủy). Ông được Bùi Hữu Nghĩa dạy làm thơ, Bùi Hữu Sanh truyền dạy nghề thuốc Bắc, thuốc Nam và được vị lão sư Nguyễn Giác Nguyên tin yêu, hướng dẫn đi theo con đường của các sĩ phu yêu nước thời bấy giờ. Ông tham gia phong trào vận động Đông Du (do Phan Bội Châu khởi xướng và lãnh đạo) tại làng Bình Thủy. Ông được Ban Tế tự Đình thần Bình Thủy giao việc trông coi Đình và cất miếu thờ Thần Nông,

Sơn Quân và nhà Võ Ca (sân khấu). Ông đã hoàn thành tốt các công việc được giao và được nhân dân hết lòng khen ngợi.

Đương thời, ông được xem là nhà Nho, thường kêu gọi nhân dân làm điều lành, tránh làm điều dữ; đồng thời, ông cũng là một danh y, tu hành đức độ và giỏi về thiên văn, địa lý. Năm 1887, ông là Trưởng Ban Bảo tự chùa Long Quang. Sau đó, ông được bầu giữ chức Bồi Bái ở Đình thần Bình Thủy - Long Xuyên (chức việc này được xem như hộ vệ của thần).

Ông mất năm 1899, sau một tai nạn khi tham gia trùng hưng chùa Long Quang. Ông mất đi để lại niềm thương cảm vô hạn trong nhân dân làng cổ Bình Thủy - Long Xuyên, người ta thường nhắc đến ngày mất của ông bằng câu ca dao: *Ngày ba, tháng tỵ, giờ thìn/Nhằm năm Kỷ Hợi, để kinh triệu hồi.*

(Theo nguồn dữ liệu Ngân hàng tên đường, Nguồn trích dẫn: Chuyện làng cổ Bình Thủy - Long Xuyên/ Nguyễn Sương - Cần Thơ, Nxb Đại học Cần Thơ, năm 2011 - 150 trang).

5. NGUYỄN ĐỆ (1928 - 1998)

Trung tướng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Nguyễn Đệ, tên thường gọi Ba Trung, sinh năm 1928 ở làng Võ Liệt (Bân Thạch), huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Ông là vị tướng tài ba, phần lớn cuộc đời binh nghiệp gắn với vùng đất Chín Rồng.

Ông là con một gia đình nghèo đi làm mướn kiếm sống. Thuở nhỏ, ông cùng gia đình vào sống ở miền Nam. Năm 17 tuổi (1945), ông sớm giác ngộ cách mạng, tham gia

và làm Đội trưởng Đội Thiếu niên Tiền phong xã Phước Thiện (Biên Hòa). Trong Cách mạng tháng Tám 1945, ông chỉ huy Đội Thiếu niên Tiền phong tham gia cướp chính quyền ở Sài Gòn.

Năm 1946, ông là Đội trưởng Đội Cảm tử Bà Rịa chống giặc Pháp tái chiếm, vào Đảng Cộng sản ngày 8 tháng 10 năm 1947. Từ năm 1950 đến 1954, ông là Thường vụ Huyện ủy Long Điền (Biên Hòa), Chính trị viên Huyện đội Long Điền.

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc học Trường Lục quân (khóa 9), làm Chính trị viên Tiểu đoàn 3, Bí thư Đảng ủy Tiểu đoàn; sau đó là Tiểu đoàn Trưởng kiêm Chính trị viên Tiểu đoàn 307 (Sư đoàn 330) rồi làm Bí thư Đảng ủy Tiểu đoàn 307.

Năm 1960, ông trở về Nam, từng giữ các chức vụ: Phó Ban Quân sự miền Tây, Tham mưu Trưởng Quân khu 9, Tiểu đoàn Trưởng Tiểu đoàn U Minh, Tiểu đoàn Trưởng Tiểu đoàn 306. Ông hoạt động ở chiến trường 2 tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh; tham gia cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân trên chiến trường Vĩnh Trà, góp phần giành thắng lợi lớn. Tháng 2 năm 1968, ông là Trung đoàn Trưởng Trung đoàn 3, Chỉ huy Trưởng Mặt trận Vĩnh Trà chống địch bình định tái chiếm.

Từ năm 1970 đến 1975, ông là Phó Tư lệnh Quân khu 9, Khu ủy viên Khu 9, Quân khu Ủy viên Tư lệnh tiền phương Quân khu Vĩnh Trà trong Chiến dịch Hồ Chí Minh. Từ năm 1976 đến năm 1977, ông là Tỉnh đội Trưởng, Thường vụ Tỉnh ủy Hậu Giang, Sư trưởng Sư đoàn 330 và Sư đoàn 4.

Sau 2 năm học ở Học viện Quân sự cấp cao (từ năm 1978 đến năm 1979), đồng chí được phân công làm Phó Tư lệnh Quân khu 9, kiêm Tư lệnh Mặt trận 979 (Biên giới Tây Nam). Tháng 4 năm 1984, ông được phong quân hàm Thiếu tướng.

Từ năm 1987 đến năm 1994, ông làm Tư lệnh Quân khu 9, được thăng quân hàm Trung tướng (tháng 5 năm 1988), đắc cử Ủy viên Trung ương Đảng khóa VII, Đảng ủy viên Đảng ủy Quân sự Trung ương.

Ông chiến đấu trên khắp các chiến trường miền Tây Nam Bộ và chiến trường Campuchia, chỉ huy trên 300 trận đánh, nhiều lần bị thương. Với thành tích và công lao cống hiến to lớn, ông được Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (ngày 25 tháng 6 năm 1998) và được khen thưởng 22 Huân chương Quân công, Chiến công và Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

Ông từ trần ngày 8 tháng 6 năm 1998, hưởng thọ 70 tuổi.

6. PHẠM HỮU LẦU (1905 - 1959)

Là nhà hoạt động cách mạng, quê xã Hòa An, huyện Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp).

Năm 1928, ông gia nhập Thanh niên cách mạng Đồng chí hội ở Cao Lãnh, năm 1929 vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1930, ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Lâm thời của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Từ năm 1938 đến năm 1939, ông phụ trách và viết bài cho báo Dân chúng ở Sài Gòn, cổ vũ cho phong trào cách mạng Việt Nam và thế giới, lấy bút danh là Racosi, 02 lần bị địch bắt và đày đi Côn Đảo (năm 1930 và năm 1939).

Sau Cách mạng tháng Tám, ông từ Côn Đảo trở về, được phân công làm Bí thư Tỉnh đảng bộ Sa Đéc, Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho, Phó Bí thư Khu ủy khu 8, rồi làm Ủy viên Thường vụ Xứ ủy, kiêm Giám đốc Công an Nam Bộ.

Sau Hiệp định Genève, ông được phân công ở lại miền Nam, làm Bí thư Xứ ủy Nam Bộ và Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng. Ông từ trần ngày 16 tháng 10 năm 1959 tại Campuchia.

7. NGUYỄN THỊ LƯU (1901 - 1947)

Liệt sĩ, Mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Cần Thơ, có chồng và 2 con là liệt sĩ.

Lúc sinh thời, Mẹ sống ở xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Trong kháng chiến chống Pháp, Mẹ tham gia công tác Phụ nữ xã và Hội Mẹ chiến sĩ. Mẹ hy sinh ngày 05 tháng 5 năm 1947 trong lúc đang làm nhiệm vụ.

Chồng của Mẹ là Trần Cao Chằm, sinh năm 1897, là Phó Chủ tịch Mặt trận Việt minh xã Phước Hưng, hy sinh ngày 5 tháng 5 năm 1947.

Mẹ có 2 con là liệt sĩ: Trần Thị Xuân, sinh năm 1928, hy sinh năm 1966; Trần Thế Trân, sinh năm 1931, là đội viên du kích xã Phước Hưng, hy sinh ngày 5 tháng 5 năm 1947. Mẹ được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 17 tháng 12 năm 1994.

8. NGUYỄN THÁI BÌNH (1948 - 1972)

Anh sinh năm 1948, tại thôn Trường Bình, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, trong một gia đình công chức. Thông minh, học giỏi, năm 1966 sau khi đỗ Tú tài, cơ quan phát triển quốc tế của Mỹ (USAID) cấp học bổng đặc biệt

cho anh sang Mỹ học. Thời gian học tại Mỹ, anh đã gửi thư cho Tổng thống Mỹ Ních-xon vạch trần những luận điệu hòa bình giả dối, xảo trá và tố cáo tội ác dã man của Mỹ ở Việt Nam. Anh tham gia các cuộc biểu tình ở Mỹ chống chiến tranh Việt Nam, viết báo, làm thơ cổ vũ những người Việt lưu vong trên đất Mỹ hướng về Tổ quốc, ra sức thuyết phục những người Mỹ yêu chuộng hòa bình và công lý phản đối cuộc chiến tranh Việt Nam.

Ngày 10 tháng 02 năm 1972, anh và sáu sinh viên khác bị chính quyền Mỹ trục xuất về nước vì kéo đến Lãnh sự quán Ngụy quyền miền Nam ở San Francisco phản đối Mỹ - Thiệu đàn áp phong trào đấu tranh chính trị ở miền Nam, đòi trả lại tự do cho những người tham gia phong trào hòa bình ở Sài Gòn, chống Mỹ - Thiệu, chống Việt Nam hóa chiến tranh.

Khi máy bay vừa hạ cánh xuống sân bay Tân Sơn Nhất, chúng dùng súng bắn chết anh (tháng 7 năm 1972). Cuộc đời yêu nước và cái chết bi hùng của anh đã chấn động dư luận báo chí đương thời, làm bùng lên ngọn lửa đấu tranh của học sinh, sinh viên miền Nam Việt Nam và cả sinh viên Mỹ.

9. CHIÊM THÀNH TẤN (1948 - 1985)

Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Quê xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Cần Thơ (cũ). Nhập ngũ tháng 4 năm 1964. Khi được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh là Thượng úy, Chính trị viên Tiểu đoàn 1 (Tây Đô) thuộc bộ đội địa phương tỉnh Cần Thơ, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ ngày nhập ngũ đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, anh tham gia chiến đấu trên 100 trận, bắt và diệt 56 tên, thu 57 súng các loại và 7 máy thông tin. Tiêu biểu là trận phá cầu Cái Răng, anh bí mật mang thuốc nổ vượt qua nhiều trạm gác, tàu tuần tiễu của địch trên sông, khéo léo đặt thuốc nổ vào trụ cầu, phá sập ba nhịp, tiêu diệt một số tên, gây ách tắc, cản trở giao thông của địch trên tuyến đường này.

Từ năm 1978 - 1979, anh giữ chức vụ Tham mưu Trưởng, sau đó là Phó Trung đoàn Trưởng quân sự Trung đoàn bộ binh 9, Sư đoàn 339 của Quân khu 9. Năm 1980, anh giữ chức vụ Phó Tham mưu Trưởng kiêm Trưởng Ban Tác chiến của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hậu Giang (cũ). Năm 1984, anh là Phó Tham mưu Trưởng Đoàn 9902 tham gia chiến trường biên giới Tây - Nam.

Anh đã được tặng thưởng: Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Nhất, 02 Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Nhì, nhiều huân, huy chương, bằng khen, giấy khen các loại; 06 lần được bình chọn Chiến sĩ thi đua và Dũng sĩ diệt Mỹ - Ngụy. Ngày 06 tháng 11 năm 1978, anh được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

10. HÀ HUY GIÁP (1908 - 1995)

Ông quê xã Sơn Thịnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, tốt nghiệp thành chung ở trường Quốc học Vinh, sau ra học Tú tài tại trường Bưởi, nhưng năm 1926 bị đuổi học vì tham gia phong trào bãi khóa để tang cụ Phan Châu Trinh.

Năm 1927, ông được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, từ năm 1928 đến năm 1929 vào Nam Kỳ dạy học tại Sa Đéc học đường và tiếp tục hoạt động cách mạng,

tham gia chủ trương “vô sản hóa” ở Đồng Tháp Mười, Cần Thơ. Năm 1930, ông được bầu vào Xứ ủy Nam kỳ, rồi Ủy viên Thường vụ Xứ ủy phụ trách tuyên huấn. Năm 1931, bị địch bắt tại Sài Gòn và bị xử án chung thân đày ra Côn Đảo. Năm 1936, ông được trả tự do, trở về hoạt động ở nhà máy xe lửa Trường Thi (Vinh), lãnh đạo công nhân đấu tranh, đình công đòi quyền lợi kinh tế. Ông bị Pháp bắt lại và xử 3 năm tù ngồi và 3 năm quản thúc.

Năm 1951, tại Đại hội Đảng lần thứ hai, ông được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban chấp hành Trung ương Đảng, phụ trách tuyên huấn của Trung ương cục miền Nam. Từ năm 1956 đến năm 1987, ông đã giữ các chức vụ: Phó Trưởng Ban Tuyên huấn Trung ương, Thứ trưởng Bộ Giáo dục, Ủy viên Trung ương Đảng khóa III, Bí thư Đảng đoàn Bộ Văn hóa và Hội Văn nghệ, Phó Trưởng Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, Viện trưởng Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh. Năm 1982, ông được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương Hồ Chí Minh.

11. LÊ ĐỨC THỌ (1911 - 1990)

Tên thật là Phan Đình Khải, quê ở làng Dịch Lễ, huyện Mỹ Lộc, nay là xã Nam Vân, thành phố Nam Định. Năm 1926, ông tham gia bãi khóa và dự lễ truy điệu nhà yêu nước Phan Châu Trinh. Ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương từ rất sớm, bị thực dân Pháp bắt và đày nhiều nơi như: Côn Đảo, Hà Nội, Sơn La và Hòa Bình.

Cuối năm 1944, sau khi ra tù, ông liên tục đảm nhiệm nhiều trọng trách của Đảng. Từ năm 1948 đến năm 1954, ông công tác tại miền Nam, giữ những cương vị chủ chốt ở Xứ ủy Nam Bộ, Trung ương cục miền Nam. Năm 1955, ông

tập kết ra Bắc và được bổ sung vào Bộ Chính trị, phụ trách công tác tổ chức của Trung ương Đảng, kiêm chức Giám đốc Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương, vào Quân ủy Trung ương. Tháng 5 năm 1968, ông làm Cố vấn đặc biệt của Đoàn đại biểu Chính phủ ta tại Hội nghị Paris, sau đó ông được cử làm Trưởng Ban miền Nam của Trung ương.

Tại Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, ông được cử làm Cố vấn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Nhà nước ta và Chính phủ một số nước đã tặng ông nhiều huân chương cao quý: Huân chương Sao vàng, Huân chương Cách mạng tháng Mười, Huân chương Ăngco.

12. TRÀ AN

Phường Trà An được thành lập ngày 02 tháng 01 năm 2008, theo Nghị định số 162/2007/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã, phường; thành lập xã, phường thuộc quận Bình Thủy, quận Ô Môn, huyện Thốt Nốt và huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Phường Trà An thuộc quận Bình Thủy trên cơ sở điều chỉnh 565,67ha diện tích tự nhiên và 5.339 nhân khẩu của phường Trà Nóc.

Phường Trà An có diện tích tự nhiên là 565,67ha và có 5.339 nhân khẩu.

Địa giới hành chính phường Trà An: Phía Đông giáp phường Bình Thủy, phường Bùi Hữu Nghĩa và tỉnh Vĩnh Long; phía Tây giáp phường Thới An Đông; phía Nam giáp phường Bình Thủy, phường Long Hòa; phía Bắc giáp phường Trà Nóc và tỉnh Vĩnh Long./.

NGHỊ QUYẾT
Về việc đặt tên đường và công trình công cộng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ,

Sau khi xem xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đặt tên đường và công trình công cộng; Báo cáo thẩm tra số 123/BC-HĐND-VHXX của Ban văn hóa - xã hội; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đặt tên 07 tuyến đường và 01 công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Kèm theo:

- Phụ lục I: Thuyết minh vị trí tên đường và công trình công cộng;

- Phụ lục II: Tóm tắt tiểu sử nhân vật lịch sử và mỹ từ.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai và thực hiện việc gắn biển tên đường và công trình công cộng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa VIII, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2013 và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Lợi

Phụ lục I
THUYẾT MINH VỊ TRÍ TÊN ĐƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
(Kèm theo Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2013
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

TT	Danh mục tên	Chiều dài, diện tích (m, m²)	Giới hạn	Tên tạm gọi hiện nay
A	TÊN ĐƯỜNG			
I	Quận Ninh Kiều			
1	Phạm Công Trứ	915	Đường Trần Văn Giàu - cuối đường	Đường số 2, khu dân cư Vạn Phát
2	Phạm Thế Hiến	698	Đường số 24 - cuối đường	Đường 11A, khu nâng cấp đô thị,
3	Tô Hiến Thành	500	Đường Ngô Thị Nhậm - đường Trần Bạch Đằng	Đường 5A, khu nâng cấp đô thị
4	Nguyễn Hiến	675	Đường Nguyễn Văn Linh - cuối đường	Đường số 1, khu dân cư 91B
5	Nguyễn Tri Phương	185	Đường Nguyễn Tri Phương (hiện hữu) - đường Nguyễn Văn Cừ	Trục A12 - D12, khu dân cư Thới Nhứt
			Đường Nguyễn Tri Phương (mới) toàn tuyến dài 885 m	
II	Quận Cái Răng			
1	Võ Nguyên Giáp	7.670	Cầu Hưng Lợi - Cái Cui (hết địa phận thành phố)	Đường Nam sông Hậu

TT	Danh mục tên	Chiều dài, diện tích (m, m ²)	Giới hạn	Tên tạm gọi hiện nay
III Huyện Phong Điền				
1	Phan Văn Trị	1.800	Lộ Vòng Cung - Trung tâm y tế dự phòng huyện	Trục số 2, Trung tâm thương mại - hành chính huyện
B CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG				
1	Chợ An Cư	4.790 m ²	Phường An Cư, quận Ninh Kiều	(Xây dựng mới)

Phụ lục II
TÓM TẮT TIỂU SỬ
NHÂN VẬT LỊCH SỬ VÀ MỸ TỪ
(Kèm theo Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 12 năm 2013
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

1. PHẠM CÔNG TRÚ (1600 - 1675)

Nhà chính trị danh tiếng, nhà sử học. Ông người làng Liêu Xuyên, huyện Đường Hòa (tỉnh Hưng Yên), đậu Tiến sĩ năm 1628, làm Hàn lâm hiệu thảo rồi giữ nhiều chức vụ trọng yếu trong triều như Đô ngự sử, Thượng thư Bộ Lễ, Thượng thư Bộ Lại, Tham tụng trong phủ Chúa, tước Yên quận công.

Ông không những đóng góp nhiều cho việc triều chính mà còn đóng góp nhiều cho giáo dục. Năm 1665, ông được giao trách nhiệm sửa và duyệt bộ Đại Việt sử ký toàn thư. Ông đã cùng với Hồ Sĩ Dương, Nguyễn Quốc Khôi... khảo chính lại toàn bộ sách này chép từ thời Hồng Bàng đến thời Lê Cung Hoàng (1522 - 1527) và biên soạn tiếp từ Lê Trang Tông (1533 - 1548) đến Lê Thần Tông (1649 - 1662), khắc in năm Chính Hòa thứ 18 (1697).

(Theo dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng, nguồn trích dẫn: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên, Phan Đại Doãn...- H.: Giáo dục, 2006.- 648 tr.; 24 cm).

2. PHẠM THẾ HIỂN (1803 - 1861)

Quê làng Luyện Khuyết (nay là xã Thụy Phong) huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Năm 1828 Ông đỗ Đệ tam giáp Tiến sĩ được triều đình trọng dụng, đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng trong triều cũng như ngoài địa phương suốt ba triều vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức. Ông được vua Tự Đức rất trọng dụng đúng với tài năng. Ông được cử làm Tham tán quân thứ Gia Định, rồi Tuần phủ Gia Định, Tổng đốc hai tỉnh Gia Định - Biên Hòa, kiêm tham biện kinh lược, cùng Thống đốc quân vụ Đại thần Nguyễn Tri Phương lo liệu mọi việc trong sáu tỉnh Nam Kỳ.

Trước âm mưu xâm lược Việt Nam của tư bản Pháp ngày càng lộ rõ, ông cùng với Nguyễn Tri Phương, Tổng đốc An - Hà Cao Hữu Sung ra sức huy động binh lính và nhân dân củng cố các công trình phòng thủ, xây đắp thành lũy bảo vệ các cửa sông quan yếu ở Hà Tiên, Biên Hòa, Gia Định.

Năm 1858, Pháp nổ súng công phá Đà Nẵng. Vua Tự Đức điều ông từ Nam kỳ ra Quảng Nam lo việc chống giặc. Ông cho xây đồn, đắp lũy dọc bờ biển chặn không cho địch vào nội địa. Giặc Pháp cứ mỗi lần đánh vào đều bị quân dân ta đánh bật trở lại, thiệt hại rất nặng. Trong chiến thắng Đà Nẵng - Quảng Nam có công lao không nhỏ của ông.

Năm 1861, ông mất vì ốm nặng trên đường về kinh đô Huế báo cáo tình hình chống giặc.

(Theo dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng, nguồn trích dẫn: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam /Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên; Phan Đại Doãn, Chương Thâu... -H.: Giáo dục, 2006. -647 tr.; 24cm).

3. TÔ HIỀN THÀNH (? - 1179)

Ông là vị đại thần nổi tiếng của Nhà Lý, quê ở làng Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng (Hà Tây), làm quan đời Lý Anh Tông đến chức Thái Phó, trông coi việc binh. Năm 1141, Thân Lợi khởi nghĩa ở vùng Thái Nguyên, rồi tiến đánh các nơi. Ông được cử cầm quân đi đánh, bắt được Thân Lợi. Năm 1159, các tộc người ở miền Nam nổi dậy, ông đem quân dẹp yên và tiếp tục lập nhiều công lớn. Năm 1167, quân Champa xâm lấn biên giới phía Nam, ông đem quân đi đánh. Vua Champa xin rút và tiếp tục giữ lệ phiên thần như cũ. Sau đó, ông được giao trách nhiệm đảm đương việc nước, rèn luyện quân sĩ, mọi việc nhất nhất đều được chấn chỉnh.

Năm 1175, Lý Anh Tông lập Long Trát làm Thái tử, phong ông làm Nhập nội Thái phó, tước vương, giúp đỡ Thái tử. Năm đó, Lý Anh Tông mất. Trước khi mất, vua đã di chiếu giao cho ông giúp việc vua mới. Năm 1177, vua mới 3 tuổi lên ngôi, một mình ông phải lo nước. Mọi việc đều nghiêm chỉnh, công bằng, mọi người đều quy phục. Năm 1179, ông mất.

(Theo dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng, nguồn trích dẫn: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên, Phan Đại Doãn....- H.: Giáo dục, 2006.- 648 tr.; 24 cm).

4. NGUYỄN HIỀN (1234 - ?)

Danh sĩ đời Trần Thái Tông, quê làng Dương A, huyện Thượng Hiền, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội). Ông nổi tiếng thông minh, từ nhỏ đã được người đời khen là thần đồng. Vào năm Thiên Ứng Chánh Bình thứ 16 (năm 1247) triều đình mở đại khoa lấy các Thái học sinh (Tiến sĩ), ông vào ứng thí lúc ấy mới 13 tuổi. Đây là khoa

thi đỗ Tam khôi đầu tiên và ông là người đỗ Trạng nguyên khai khoa của khoa cử Việt Nam: Trạng nguyên là ông lúc ấy mới 13 tuổi, thứ nhì là Bảng nhãn Lê Văn Hưu 17 tuổi, thứ ba là Thám hoa Đặng Ma La cũng 13 tuổi.

Về tổ chức khoa cử đời nhà Trần, đây là khoa thứ ba mà cũng là khoa đầu tiên lấy đỗ Tam khôi. Như vậy ông nghiễm nhiên là Tam khôi thứ nhất trong lịch sử thi cử đời nhà Trần mà cũng là người đỗ Trạng nguyên đầu tiên và sớm nhất, trẻ nhất của nền khoa cử nước nhà. Ông làm quan đến chức Thượng thư, có lúc trông coi Quốc sử quán và mất khi còn tại chức.

(Theo dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng, nguồn trích dẫn: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế. - Tài bản lần thứ VIII có sửa chữa và tăng bổ. - TP. Hồ Chí Minh: Tổng hợp, 1690 tr.; 24cm).

5. NGUYỄN TRI PHƯƠNG (1800 - 1873)

Ông là đại thần triều Nguyễn, tên thật là Nguyễn Văn Chương, tự Hàm Trinh, hiệu là Đường Xuyên, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1800, quê làng Đường Long, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên.

Ông được Thượng thư Nguyễn Đăng Tuân tiến cử lên triều đình được vua Minh Mạng thu dụng. Từ năm 1823 - 1839 ông được đề bạt nhiều chức vụ quan trọng như: Hồng Lô tự khanh, Thị lang, Tham tri làm việc ở nội các. Năm 1840, ông được vua Thiệu Trị cử làm Tổng đốc An Hà (An Giang, Hà Tiên), sau đó được cải bổ Tổng đốc Long Tường (Vĩnh Long, Định Tường) kiêm Khâm sai quân thứ đại thần, Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Công, tước Tráng Liệt Tử, được chép công trạng vào bia đá ở Tòa Võ miếu Huế.

Năm 1848, vua Tự Đức phong ông tước Tráng Liệt Bá và năm 1850 chuẩn phê cải tên ông là Nguyễn Tri Phương. Sau đó được sung chức Khâm sai Tổng đốc quân vụ đại thần kiêm lãnh Tổng đốc các tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên. Năm 1853 được thăng thực thụ Điện hàm Đông các đại học sĩ, lãnh chức Kinh lược sứ Nam Kỳ. Năm 1858, Thực dân Pháp xâm lược nước ta, vua Tự Đức cử ông làm Quân thứ tổng thống đại thần trực tiếp chỉ huy quân đội chống Pháp lập nhiều chiến công lớn. Ngày 19 tháng 11 năm 1873 Pháp đánh úp thành Hà Nội, ông bị trọng thương. Sau đó ông tuyệt thực gần một tháng và mất ngày 20 tháng 12 năm 1873.

(Theo dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng, nguồn trích dẫn: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế.- H.: Văn hóa, 1997.- 1419 tr.; 21cm).

6. VÕ NGUYỄN GIÁP (1911 - 2013)

Đại tướng Võ Nguyên Giáp, tên khai sinh là Võ Giáp, bí danh là Văn, sinh ngày 25 tháng 8 năm 1911, tại xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, trong một gia đình nhà nho, giàu truyền thống yêu nước. Năm 14 tuổi, Đồng chí đã giác ngộ và tham gia hoạt động cách mạng. Ngay từ khi còn là học sinh, được tiếp thu những tư tưởng cách mạng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Đồng chí đã tích cực tham gia các phong trào đấu tranh bãi khóa ở Trường Quốc học Huế. Năm 1927, gia nhập Đảng Tân Việt cách mạng - một tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Đông Dương, nay là Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1930, tham gia phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh. Năm 1940, được kết nạp vào Đảng.

Đầu những năm bốn mươi của thế kỷ XX, được Chủ tịch Hồ Chí Minh điều遣, giao nhiệm vụ, Đồng chí đã tích cực hoạt động cách mạng, bám dân, bám địa bàn, xây dựng cơ sở, mở lớp huấn luyện quân sự tại căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng. Tháng 12 năm 1944, Đồng chí được Chủ tịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, tổ chức tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Trên các cương vị là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, thành viên Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, thành viên Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam, Tư lệnh Việt Nam giải phóng quân, Đồng chí đã có những đóng góp quan trọng vào thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đồng chí đã trực tiếp chỉ huy nhiều chiến dịch quan trọng. Đặc biệt, năm 1954, Đồng chí được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh tin tưởng trao quyền trực tiếp chỉ huy Chiến dịch Điện Biên Phủ. Đồng chí đã chỉ huy các đại đoàn của Quân đội và các lực lượng tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, đánh bại đội quân nhà nghề của thực dân Pháp, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta làm nên Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Sau khi miền Bắc được giải phóng, Đồng chí đã tham gia cùng Trung ương Đảng lãnh đạo toàn dân, toàn quân tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, lần lượt đánh bại

các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, làm nên những thắng lợi vẻ vang mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thu non sông về một mối, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đất nước hòa bình, thống nhất, trên cương vị là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Đồng chí đã cùng tập thể lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quân đội lãnh đạo toàn dân, toàn quân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tiến hành công cuộc đổi mới đất nước.

(Theo dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng, nguồn trích dẫn: Lời Diếu do Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đọc tại lễ truy điệu Đại tướng Võ Nguyên Giáp).

7. PHAN VĂN TRỊ (1830 - 1910)

Sĩ phu yêu nước, nhà thơ Việt Nam. Quê xã Thạnh Phú Đông, huyện Bảo An (nay thuộc huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre).

Ông đỗ cử nhân năm 1849 nhưng không thích ra làm quan, về ở ẩn, dạy học trò ở làng Bình Cách (Tân An) rồi ở Phong Điền (Cần Thơ).

Ông là một trong những sĩ phu đề xướng phong trào tị địa, được các sĩ phu và nhân dân Nam Kỳ ủng hộ. Ông có 100 bài thơ vịnh vật sáng tác vào giai đoạn trước khi Pháp xâm lược nước ta, đều ngụ ý yêu nước, thương dân, phê phán bọn ham danh lợi.

Đặc biệt là 10 bài họa thơ “Tự thuật” của Tôn Thọ Tường, người bạn trong Thi xã Bạch Mai, kẻ đầu tiên theo Pháp làm đến chức Đốc phủ sứ ở Nam Kỳ. Ông là người đi

tiên phong trong cuộc bút chiến giữa giới sĩ phu yêu nước với Tôn Thọ Tường. Trong cuộc bút chiến này ông tỏ ra sắc sảo, quyết liệt, nêu cao chính nghĩa, xác định rõ lập trường của những người kháng chiến, phơi trần bộ mặt bọn bán nước cầu vinh, lôi cuốn được sự chú ý rộng rãi của dư luận.

(Theo dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng, nguồn trích dẫn: Từ điển bách khoa đất nước con người Việt Nam: Tập 2/Nguyễn Văn Chiến, Trịnh Tất Đạt đồng chủ biên. - H.: Từ điển bách khoa, 2010. - 1014 tr.; 27cm).

8. AN CƯ

An Cư là mỹ từ được lấy từ câu thành ngữ “An cư lạc nghiệp” nói đến việc có nơi ở ổn định và yên tâm, vui vẻ làm ăn để đời sống được bảo đảm. Đó là mong muốn chính đáng của mọi người trong cuộc sống (an: yên; cư: ở; lạc: vui; nghiệp: nghề). Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Nhân dân ta yêu chuộng hòa bình, chính phủ ta muốn cho dân được an cư lạc nghiệp”. Qua đó thể hiện tư tưởng nhân văn sâu sắc của Người về an sinh xã hội và chăm lo phát triển con người. Ngày nay, sự nghiệp cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam tiếp tục vận dụng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh để đem lại cuộc sống “an cư lạc nghiệp” cho nhân dân. Đó là nền tảng để đất nước phát triển bền vững./.

(Theo dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng, nguồn trích dẫn: Từ điển thành ngữ Việt Nam /Nguyễn Như Ý, Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành. - H.: Văn hóa, 1993. - 679 tr.; 21cm. Mã số tại Thư viện TP Cần Thơ: TC.1009).

NGHỊ QUYẾT
Về đặt tên đường và công trình công cộng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 82/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về đặt tên đường và công trình công cộng; Báo cáo thẩm tra số 617/BC-HĐND-VHXXH ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Ban văn hóa - xã hội; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Đặt tên 18 tuyến đường và 02 công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, kèm theo:

- Phụ lục I: Thuyết minh quy mô, vị trí các tuyến đường và công trình công cộng;

- Phụ lục II: Tóm tắt tiểu sử danh nhân, ý nghĩa sự kiện.

Điều 2.

Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai và thực hiện việc gắn biển tên đường và công trình công cộng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau mười ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa VIII, kỳ họp thứ mười bốn thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2014, và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Văn Hiểu

Phụ lục I
THUYẾT MINH QUY MÔ, VỊ TRÍ
CÁC TUYẾN ĐƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
(Kèm theo Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND
ngày 05 tháng 12 năm 2014
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. ĐƯỜNG (18 TUYẾN ĐƯỜNG)

TT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
I QUẬN NINH KIỀU									
1	Nguyễn Hữu Trí	590	9	21	2	IV	Đường Nguyễn Văn Cừ - đường số 7, khu dân cư Vạn Phát, phường Cái Khế	Đường số 5, khu dân cư Cồn Khương	
2	Tô Hiến Thành	320	7	15	2	IV	Nối tiếp đường Tô Hiến Thành hiện hữu - đường số 6, khu dân cư Thới Nhứt 2, phường An Khánh	Đường số 11, khu dân cư Thới Nhứt 2	Đường Tô Hiến Thành (mới) có chiều dài toàn tuyến là 820m
3	3 Tháng 2	825	15 x 2	40	4	I	Nối tiếp đường 3 tháng 2 hiện hữu, từ cầu Đầu Sấu - cầu Cái Răng, phường An Bình	Quốc lộ 1 (cũ)	Đường 3 tháng 2 (mới) có chiều dài toàn tuyến là 4.010m

TT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
II QUẬN CÁI RĂNG									
1	Vũ Đình Liệu	500	7 x 2	24	4	III	Đường Võ Nguyên Giáp - giáp dự án khu dân cư Nam Long - Hồng Phát, phường Hưng Thạnh	Đường số 10, khu dân cư Nam Long	
2	Nguyễn Văn Quang	500	14	24	4	IV	Đường Võ Nguyên Giáp - giáp dự án khu dân cư Nam Long - Hồng Phát, phường Hưng Thạnh	Đường số 7B, khu dân cư Nam Long	
3	Phạm Văn Nhờ	600	9,5	15,5	2	IV	Đường Võ Nguyên Giáp - giáp dự án khu hành chính quận Cái Răng, phường Phú Thứ - Hưng Thạnh	Đường số 9A, khu dân cư Diệu Hiền (giáp khu dân cư Công an)	
4	Phan Trọng Tuệ	600	7,5 x 2	25	4	III	Đường Võ Nguyên Giáp - giáp dự án khu hành chính quận Cái Răng, phường Phú Thứ - Hưng Thạnh	Đường số 1, khu dân cư Diệu Hiền	

TT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
5	Trần Văn Sắc	800	8	14	2	IV	Đường Võ Nguyên Giáp - giáp dự án khu hành chính quận Cái Răng, phường Phú Thứ	Đường số 1, khu dân cư Nông Thổ sản (giáp khu dân cư Diệu Hiền) (đường vào Cục Thi hành án dân sự thành phố)	
6	Lâm Văn Phận	600	7,5	13,5	2	IV	Đường Võ Nguyên Giáp - đường Lê Nhứt Tảo, khu dân cư 586, phường Phú Thứ	Đường số 9, khu dân cư 586 (cặp rạch Cái Sầu)	
7	Mai Chí Thọ	1.600	14 x 2	40	6	II	Đường Võ Nguyên Giáp - sông Hậu, phường Phú Thứ	Đường số 1, khu dân cư 586 (đường vào Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ)	
8	Lê Tấn Quốc	700	8	14	2	IV	Đường Võ Nguyên Giáp - đường số 15, khu dân cư Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8, phường Hưng Thạnh	Đường số 29, khu dân cư Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	

TT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
III QUẬN BÌNH THỦY									
1	Đặng Thị Nhường	550	6	12	2	IV	Đường Cách Mạng Tháng 8 - rạch Khai Luông, phường Bùi Hữu Nghĩa	Hẻm 300 đường Cách Mạng Tháng 8	
2	Tạ Thị Phi	1.032	4	6	2	IV	Đường Nguyễn Văn Trường - khu dân cư đường Nguyễn Văn Cừ, phường Long Xuyên	Đường vào khu di tích Vườn Mận	
IV QUẬN Ô MÔN									
1	Trương Văn Diễn	2.450	7	42	2	IV	Quốc lộ 91 - Nhà máy xi-măng Tây Đô, phường Phước Thới	Đường tỉnh 920C	
2	Đặng Thanh Sửu	2.800	7	38	2	IV	Quốc lộ 91 - Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn, phường Phước Thới	Đường số 2 Nhà máy Nhiệt điện	
3	Trần Kiệt Tường	6.500	7	38	2	III	Quốc lộ 91 - Đình Thới An, phường Thới An	Đường tỉnh 920B	
4	Thái Thị Hạnh	6.059	5,5	23,5	2	III	Quốc lộ 91 - kinh Thủy Lợi Lò Gạch, phường Thới Long	Lộ Bằng Tăng	

TT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
V HUYỆN CỜ ĐỎ									
1	Nguyễn Văn Nhung	1.740	7	20	2	III	Đường Hà Huy Giáp - cầu Năm Châu, thị trấn Cờ Đỏ	Đường tỉnh 921	

B. CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (02 CÔNG TRÌNH)

TT	TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	ĐỊA CHỈ	QUY MÔ	PHÂN NHÓM	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY
I HUYỆN PHONG ĐIỂN					
1	Công viên Nguyễn Phương Danh	Thị trấn Phong Điền	Tổng diện tích: 10.000 m ²	II	Công viên bờ kè chợ Phong Điền
II HUYỆN THỐI LAI					
1	Công viên 19 Tháng 5	Thị trấn Thới Lai	Tổng diện tích: 8.200 m ²	II	Công viên trụ sở Huyện ủy - UBND huyện

Phụ lục II
TÓM TẮT TIỂU SỬ
DANH NHÂN, Ý NGHĨA SỰ NGHIỆP
(Kèm theo Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND
ngày 05 tháng 12 năm 2014
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. TÊN ĐƯỜNG (18 TÊN)

I. QUẬN NINH KIỀU

1. Nguyễn Hữu Trí (1933 - 1968)

Liệt sĩ, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng.

Quê xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Cần Thơ (nay là tỉnh Hậu Giang); Tiểu đoàn phó đặc công - Đoàn 429 Bộ Tư lệnh Miền; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhập ngũ năm 1949, hy sinh năm 1968.

Năm 13 tuổi, anh tham gia lực lượng dân quân ở địa phương, 16 tuổi vào bộ đội, làm chiến sĩ trinh sát trên chiến trường miền Tây và Nam Trung bộ. Năm 1951, anh được điều động sang một đơn vị đặc công tham gia chiến đấu ở Sài Gòn - Gia Định cho đến năm 1954 tập kết ra Bắc. Năm 1960, được cử làm nghĩa vụ Quốc tế tại Lào; tháng 3 năm 1967, anh được phân công vào chiến trường miền Đông Nam bộ.

Qua hơn 20 năm chiến đấu liên tục, anh đã tham gia trên 60 trận đánh, tiêu diệt hàng trăm tên địch và thu nhiều vũ khí. Đêm ngày 17 tháng 8 năm 1968, anh nhận nhiệm vụ chỉ huy đánh Trung tâm Truyền tin trên núi Bà Đen lần thứ 2, anh đã anh dũng hy sinh trong khi cùng đồng đội diệt hỏa điểm cuối cùng của địch.

Anh được tặng thưởng: Dũng sĩ diệt Mỹ cấp ưu tú, Dũng sĩ diệt máy bay, Huân chương Chiến công hạng Nhì. Ngày 10 tháng 02 năm 1970, anh được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân đất Cần Thơ - Tây Đô/ Đảng ủy - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cần Thơ - H: Quân đội nhân dân, 2004 - 160 tr; 21 cm).

2. Tô Hiến Thành (1102 - 1179)

Ông là vị Đại thần nổi tiếng của Nhà Lý, quê ở làng Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội). Ông làm quan đời Lý Anh Tông đến chức Thái Phó, trông coi việc binh.

Năm 1141, Thân Lợi khởi nghĩa ở vùng Thái Nguyên, rồi tiến đánh các nơi. Ông được cử cầm quân đi đánh, bắt được Thân Lợi. Năm 1159, các tộc người ở miền Nam nổi dậy, ông đem quân dẹp yên và tiếp tục lập nhiều công lớn. Năm 1167, quân Chăm-pa xâm lấn biên giới phía Nam, ông đem quân đi đánh. Vua Chăm-pa xin rút và tiếp tục giữ lệ phiên thần như cũ. Sau đó, ông được giao trách nhiệm đảm đương việc nước, rèn luyện quân sĩ, mọi việc nhất nhất đều được chấn chỉnh.

Năm 1175, Lý Anh Tông lập Long Trát làm Thái tử, phong ông làm Nhập nội Thái phó, tước Vương, giúp đỡ Thái tử. Năm đó, Lý Anh Tông mất. Trước khi mất, vua đã di chiếu giao cho ông giúp việc vua mới. Năm 1177, Vua mới 3 tuổi lên ngôi, một mình ông phải lo việc nước.

Mọi việc đều nghiêm chỉnh, công bằng, mọi người đều quy phục. Năm 1179, ông mất.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên, Phan Đại Doãn....- H: Giáo dục, 2006 - 648 tr; 24 cm).

3. 3 Tháng 2

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Nhân dân Việt Nam rơi vào cảnh lầm than, cùng cực dưới ách cai trị của Thực dân Pháp. Nhiều phong trào yêu nước của nông dân và sĩ phu yêu nước liên tục diễn ra nhưng không thành công và bị đàn áp dã man như các phong trào Cần Vương, Đông Du, Duy Tân,... Trước cảnh nước mất, nhà tan và tình hình khủng hoảng về đường lối cứu nước diễn ra sâu sắc. Năm 1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã rời đất nước ra đi tìm đường cứu nước và gặp được học thuyết Mác - Lênin. Năm 1924, Người xác định: Học thuyết Mác - Lênin là học thuyết cách mạng nhất, đúng đắn nhất và đó cũng là học thuyết duy nhất có thể soi đường cho cách mạng Việt Nam. Từ đó, Người không ngừng hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về nước. Vào nửa cuối năm 1929 đầu năm 1930, ở Việt Nam ba tổ chức Cộng sản lần lượt ra đời là Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Tuy cùng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm kim chỉ nam và mục tiêu là đấu tranh giải phóng dân tộc, nhưng mỗi đảng đều hoạt động riêng nên không tránh khỏi sự chia rẽ về lực lượng và tổ chức, không thể thống nhất về tư tưởng và hành động.

Đáp ứng yêu cầu về một chính đảng thống nhất lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước, mùa Xuân năm 1930, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản diễn ra từ ngày 06 tháng 01 đến ngày 07 tháng 02 ở bán đảo Cửu Long (Hương Cảng) với sự tham dự của hai đại biểu Đông Dương Cộng sản Đảng, hai đại biểu An Nam Cộng sản Đảng và hai đại biểu ngoài nước. Vào ngày 03 tháng 02, Hội nghị nhất trí thành lập một đảng lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam với tổng số đảng viên của Đảng cho tới Hội nghị hợp nhất là 310 đồng chí. Hội nghị thông qua Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình làm việc vắn tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo. Sau Hội nghị hợp nhất, ngày 24 tháng 02 năm 1930, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn của gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng nước ta, chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước trong những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, là cơ sở dẫn đến những thắng lợi oanh liệt và những bước nhảy vọt lớn trong lịch sử dân tộc những năm về sau.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9 năm 1960) đã quyết định lấy ngày 03 tháng 02 năm 1930 làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/Nguyễn Văn Phùng, Kiều Xuân Bá, Vũ Văn Bân.... (Hội đồng Trung ương chỉ

đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn Khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh) - Tài bản có sửa chữa, bổ sung - H: Chính trị Quốc gia, 2013 - 515 tr; 21cm).

II. QUẬN CÁI RĂNG

1. Vũ Đình Liệu (1918 - 2005)

Đồng chí Vũ Đình Liệu, bí danh Tú Đình, tức đồng chí Tư Bình, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1918 tại xã Khánh Thôn, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Tham gia cách mạng năm 1940.

Tháng 7 năm 1945, đồng chí trực tiếp tham gia cướp chính quyền ở xã Đa Lộc và thị xã Trà Vinh. Tháng 12 năm 1945 làm nhân viên Quốc gia Tự vệ cuộc tỉnh Trà Vinh, tháng 10 năm 1946, đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ tháng 3 năm 1946 đến tháng 10 năm 1947, đồng chí được cử giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm, rồi Chủ nhiệm Việt Minh huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tháng 10 năm 1947 đến tháng 9 năm 1948, là Huyện ủy viên huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tháng 9 năm 1948 đến tháng 10 năm 1949 làm cán bộ Ban Tuyên huấn tỉnh Trà Vinh. Từ năm 1950 - 1951, là Tỉnh ủy viên và Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh phụ trách Quân sự, sau đó phụ trách Tuyên huấn. Từ năm 1951 - 1952, làm Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Từ năm 1952 - 1954, là Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Vĩnh Trà (nay là tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Trà Vinh). Từ năm 1954 - 1957, là Phó Bí thư Tỉnh ủy bí mật tỉnh Trà Vinh.

Từ năm 1957 - 1960, Phó Bí thư Tỉnh ủy, rồi Bí thư Tỉnh ủy Cà Mau (nay là tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu).

Từ năm 1961 - 1975, đồng chí được chỉ định làm nhiệm vụ Liên tỉnh Ủy viên, rồi Khu ủy viên, Ủy viên Thường vụ Khu ủy và Bí thư Khu ủy Khu 9, kiêm Chính ủy Quân khu.

Năm 1976, là Phó Ban Tuyên huấn Trung ương; Ủy viên Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 12 năm 1976, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, đồng chí được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, trực tiếp làm nhiệm vụ Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tháng 3 năm 1979 đến tháng 3 năm 1982, làm Bí thư Tỉnh ủy Hậu Giang (nay là thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang).

Tháng 3 năm 1982, đồng chí được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và được cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Đồng chí đã được Đảng, Nhà nước cho nghỉ hưu từ tháng 5 năm 1991.

Đồng chí từ trần năm 2005 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do những công lao và thành tích to lớn đối với sự nghiệp cách mạng, đồng chí Vũ Đình Liễn được Đảng, Nhà nước trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh, huy hiệu 60 năm tuổi Đảng và nhiều huân chương, huy chương cao quý khác.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cần Thơ; T.3: 1954 - 1975/Ban Thường vụ Thành ủy Cần Thơ - Cần Thơ: Ban Thường vụ Thành ủy, 2006 - 418 tr; 22cm).

2. Nguyễn Văn Quang (1942 - 1966)

Liệt sĩ, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Quê ở xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ (nay là tỉnh Hậu Giang). Nhập ngũ tháng 7 năm 1964, hy sinh năm 1966, chức vụ Tiểu Đội phó thuộc Đại đội 2, Tiểu đoàn 303 bộ đội chủ lực Tây Nam bộ.

Với tinh thần chiến đấu quên mình cho lý tưởng, Nguyễn Văn Quang đã cùng đồng đội chiến đấu ngoan cường và lập nhiều thành tích trên các chiến trường.

Ngày 08 tháng 02 năm 1966, ba tiểu đoàn địch tràn vào khu vực kinh xáng Cò Tuất, anh cùng Đại đội 2 chia lực lượng ngăn chặn địch. Trận chiến diễn ra vô cùng ác liệt, Tiểu đội trưởng hy sinh, mặc dù bị thương nhưng anh vẫn bình tĩnh chỉ huy đẩy lùi cuộc tấn công thứ hai của địch. Cánh tay trái bị thương giập nát, anh nhờ đồng đội chặt giúp để dễ dàng chiến đấu. Ba vết thương trên người ra máu nhiều, nhiều lần ngất đi nhưng tỉnh lại anh vẫn tiếp tục chiến đấu.

Sau nhiều giờ chiến đấu, Tiểu đội chỉ còn có 2 người nhưng phải chống trả với gần hai tiểu đoàn địch, anh quyết định cử đồng đội về xin chi viện, còn một mình cầm chân địch. Anh bị thương lần thứ tư và đã dừng cảm hy sinh đúng lúc lực lượng ta vừa tới chi viện.

Anh được tặng thưởng: Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba, nhiều bằng khen và giấy khen. Ngày 17 tháng 9 năm 1967, anh được truy tặng Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân đất Cần Thơ - Tây Đô/ Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cần Thơ - H: Quân đội nhân dân, 2004 - 160 tr; 21 cm).

3. Phạm Văn Nhò (1939 - 1975)

Liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Đại đội trưởng C.2012 Đơn vị bảo vệ Tỉnh ủy Cần Thơ - Ban An ninh tỉnh Cần Thơ.

Quê xã Long Bình, huyện Long Mỹ, tỉnh Cần Thơ (nay là tỉnh Hậu Giang), xuất thân trong một gia đình nông dân lao động nghèo. Năm 1960, anh tham gia đội du kích xã Long Bình trong Phong trào “Đồng Khởi”, lập nhiều thành tích. Năm 1962, anh được kết nạp vào Đoàn thanh niên lao động Việt Nam.

Năm 1963, anh được điều về công tác tại C.2012 làm nhiệm vụ bảo vệ Tỉnh ủy. Từ năm 1963 đến năm 1975, anh được giao các chức vụ từ Tiểu đội phó đến Đại đội trưởng, cùng tập thể chiến đấu và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, với nhiều thành tích tiêu biểu.

Tháng 5 năm 1965, hơn 2.000 quân địch có máy bay, xe tăng đại bác yểm trợ đánh vào vùng căn cứ của tỉnh Cần Thơ. Đơn vị của anh phối hợp bộ đội huyện và du kích tổ chức đánh địch tại xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp. Anh là một cán bộ chỉ huy dũng cảm, mưu trí đã cùng đồng đội bẻ gãy hàng chục đợt tiến công của địch, giữ vững trận địa, bảo vệ an toàn cán bộ lãnh đạo và khu căn cứ.

Tháng 4 năm 1970, một cuộc họp của Tỉnh ủy bất ngờ bị một tiểu đoàn biệt động tập kích vào căn cứ

(Kênh Ngang, xã Hiệp Hưng), anh đã kịp thời bố trí đưa đại biểu đến nơi khác an toàn đồng thời cùng đồng đội dũng cảm tiêu diệt và làm bị thương 15 tên địch, khiến địch hoang mang rút chạy.

Năm 1972, cơ quan Tỉnh ủy đóng ở huyện Long Mỹ, anh đã chỉ huy lực lượng An ninh vũ trang và du kích đánh đồn Cây Me, đồn Cái Sắn và đồn Cà Huyện, giải phóng hơn 1.000 đồng bào bị giặc kìm kẹp. Sau khi phát hiện khu căn cứ, địch tiến công nhằm bắt sống cán bộ chủ chốt của ta nhưng do nắm được tình hình, anh đã báo cáo Tỉnh ủy và tổ chức di chuyển cơ quan trước khi địch đổ quân, hạn chế được thiệt hại.

Tháng 3 năm 1975, trong khi anh đang làm nhiệm vụ nghiên cứu trận địa trên tuyến lộ 40 (Cầu Móng - Kinh Cù) để chuẩn bị cho chiến dịch Hồ Chí Minh, anh bị pháo địch bắn bị thương nặng và hy sinh.

Anh được tặng thưởng: Huân chương Chiến thắng hạng Nhất, Huân chương Giải phóng hạng Ba. Ngày 28 tháng 8 năm 1981, anh được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Những đơn vị, cá nhân anh hùng Công an nhân dân -H: Công an nhân dân).

4. Phan Trọng Tuệ (1920 - 1989)

Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán huyện Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây (nay thuộc Hà Nội).

Sinh năm 1920 tại Lào. Từ năm 1936 - 1939, ông từ Lào về nước tham gia Thanh niên Dân chủ rồi gia nhập

Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1940 - 1943, ông là Xứ ủy viên Bắc Kỳ. Tháng 7 năm 1943, ông bị giặc Pháp bắt, kết án khổ sai chung thân, năm 1944 đày ra Côn Đảo.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, ông về đất liền, được cử làm Chính ủy Quân khu 9. Năm 1950, làm Chính ủy Quân khu 7. Năm 1954, ông tham gia trong Ban thi hành Hiệp định đình chiến đóng tại Sài Gòn. Năm 1956, ông ra Bắc được phong hàm Thiếu tướng và được chỉ định vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Năm 1970, làm Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải kiêm Phó Thủ tướng Chính phủ. Sau 1975, ông sống tại Thành phố Hồ Chí Minh và mất năm 1989.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Nguyễn Quang Thắng, Nguyễn Bá Thế - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp, 2006 - 1690 tr; 24 cm).

5. Trần Văn Sắc (1911 - 1949)

Liệt sĩ, Họa sĩ, Chiến sĩ cách mạng thời kỳ 1930. Tên thật là Trần Văn Nghiêm. Sinh ngày 27 tháng 10 năm 1911. Nguyên quán Trường Long, Cần Thơ.

Năm 1931, ông là học sinh trường Họa - Gia Định, tham gia phong trào cách mạng. Ngày 01 tháng 4 năm 1931, ông bị địch bắt tại trụ sở Ẩn loát của Xứ ủy Nam Kỳ (tại Chợ Lớn) cùng với 3 đảng viên Cộng sản là: Ung Văn Khiêm, Phan Hữu Trinh, Lê Hiên. Ngày 13 tháng 4 năm 1932, ông được địch thả.

Sau khi ra tù, ông tiếp tục hoạt động cách mạng và bị mật thám Pháp nhận xét là một trong số những nhà hoạt

động tích cực ở Long Xuyên và Cần Thơ. Ông đã từng thọ giáo cụ Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Bác Hồ) vào năm 1928 khi tham gia Tổ chức Thanh niên cách mạng đồng chí hội.

Ngày 27 tháng 11 năm 1938, Hội nghị tổ chức tại Chợ Gạo, Mỹ Tho để bầu Ban Thường vụ Xứ ủy Nam Kỳ, ông là một trong số 11 đồng chí được bầu vào Ban Thường vụ lâm thời Xứ ủy Nam Kỳ.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông đã từng nhiều lần bị địch bắt giam. Ông là tác giả của tác phẩm hội họa nổi tiếng “Nông dân và trâu mùa nước nổi Đồng bằng sông Cửu Long” vẽ năm 1930.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Công văn số 588/A27(P3) ngày 18/8/2006 của Cục Hồ sơ nghiệp vụ an ninh, Tổng cục An ninh và các tài liệu liên quan).

6. Lâm Văn Phận (1894 - 1983)

Nhà yêu nước, quê quán tỉnh Cần Thơ, là một trong số các giáo viên đầu tiên của trường Collège de Cantho (nay là Trường THPT Châu Văn Liêm), sớm có tinh thần yêu nước.

Trước Cách mạng tháng Tám, ông tham gia phong trào Thanh niên Tiền phong, Mặt trận Việt Minh tại Cần Thơ. Sau đó ông ra vùng giải phóng tham gia kháng chiến. Năm 1947, ông là Hội trưởng đầu tiên của Hội Liên Việt tỉnh Cần Thơ. Trong thời gian giữ trọng trách lãnh đạo, ông luôn là tấm gương mẫu mực, đoàn kết tập hợp các thành viên trong Hội phục vụ công cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện ở tỉnh nhà. Năm 1954, ông tập kết ra Bắc và được cử làm Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

Ủy viên Ủy ban Bảo vệ hòa bình thế giới Việt Nam, Ủy viên Ủy ban đoàn kết Á - Phi và tham gia công tác trong Tổng Cục binh vận. Năm 1959, ông được kết nạp vào Đảng cộng sản Việt Nam.

Sau ngày đất nước thống nhất, ông trở về quê hương Cần Thơ và làm Cố vấn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hậu Giang (từ năm 1975 - 1983). Ông là một nhà giáo yêu nước, một đảng viên trung kiên, một cán bộ lãnh đạo cao cấp của Mặt trận Tổ quốc luôn kiên định chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam tỉnh Cần Thơ: 1930 - 2003/Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Cần Thơ - H: Chính trị quốc gia, 2008 - 632 tr; 23cm).

7. Mai Chí Thọ (1922 - 2007)

Mai Chí Thọ (tên thật là Phan Đình Đồng, bí danh Năm Xuân, Tám Cao) sinh ngày 15 tháng 7 năm 1922, mất ngày 28 tháng 5 năm 2007 tại Hà Nội. Ông sinh tại thôn Địch Lễ, xã Nam Vân, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Nay là xã Nam Vân, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Ông tham gia cách mạng từ năm 1936 trong phong trào sinh viên Huế và Hà Nội, vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1939. Từ năm 1938 đến năm 1940, ông tham gia Tổ chức thanh niên dân chủ, rồi Thanh niên phản đế ở trường Trung học Nam Định, là Bí thư Đoàn Thanh niên phản đế Nam Định.

Ông từng bị thực dân Pháp bắt giam vài năm (từ năm 1940 - 1945), bị giam giữ tại các nhà tù ở Nam Định, Hỏa Lò (Hà Nội), Sơn La, Khám Lớn (Sài Gòn), Côn Đảo.

Ông là Bí thư Thanh niên cứu quốc, sau đó là Trưởng ty Công an, Phó Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ. Từ năm 1948 - 1949, ông là Trưởng ty Công an, sau đó là Phó Bí thư, rồi Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho.

Từ năm 1950 - 1954, ông là Phó Giám đốc Sở Công an Nam bộ, ban đầu (1950 - 1952) làm Phó Bí thư, Bí thư liên chi chính quyền Nam bộ, sau đó (1952 - 1954) phụ trách Công an miền Đông Nam bộ.

Từ năm 1954 - 1960, ông là Phó Trưởng Ban, sau đó là Trưởng Ban địch tình Xứ ủy Nam bộ, Xứ ủy viên dự khuyết Xứ ủy Nam bộ (1958 - 1960).

Từ năm 1960 - 1965, ông là Bí thư Khu ủy miền Đông Nam bộ, Chính ủy Quân khu miền Đông Nam bộ.

Từ năm 1965 - 1975, ông là Ủy viên Thường vụ, Phó Bí thư, Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Gia Định, Chính ủy Quân khu Sài Gòn - Gia Định.

Sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, ông lần lượt làm Phó Bí thư, Phó Chủ tịch Ủy ban Quân quản Sài Gòn - Gia Định, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Sở Công an Thành phố Hồ Chí Minh (1975 - 1976), Phó Bí thư thứ nhất Thành ủy, rồi Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó ông làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (tháng 3 năm 1979 - tháng 6 năm 1985). Tháng 6 năm 1985, ông làm Phó Bí thư Thường trực, rồi làm Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh trong một thời gian ngắn năm 1986, khi Bí thư Thành ủy Nguyễn Văn Linh ra Hà Nội nhậm chức Thường trực Ban Bí thư, chuẩn bị cho Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 11 năm 1986, ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Thứ trưởng thứ nhất Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) và đến tháng 02 năm 1987, ông làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Sau đó, ông được phong là Đại tướng (tháng 5 năm 1989) và trở thành Bộ trưởng đầu tiên của Ngành Công an Việt Nam mang hàm Đại tướng.

Ông là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV, V và VI (1978 - 1991), Ủy viên Bộ Chính trị khóa VI (1986 - 1991), là đại biểu Quốc hội các khóa VI, VII, VIII; Ủy viên Hội đồng Quốc phòng khóa VIII.

Ngày 12 tháng 01 năm 2007, ông được trao tặng Huân chương Sao Vàng - huân chương cao quý nhất của Nhà nước Việt Nam.

Ông còn được tặng thưởng các huân chương, huy hiệu cao quý khác: Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Quân công hạng Nhất, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, Huân chương Lao động hạng Nhất.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Hồi ức/Mai Chí Thọ - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb Trẻ, 2001 - 2 tập; 19cm).

8. Lê Tấn Quốc (1919 - 1968)

Liệt sĩ, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Còn có tên là Lê Thanh Tông. Quê xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Nhập ngũ năm 1945, hysinh năm 1968, lúc hy sinh là Đại đội trưởng lực lượng biệt động Sài Gòn, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Suốt 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp trên đất Tây Nam bộ, anh đã tham gia nhiều trận đấu, lập nhiều thành tích xuất sắc.

Sau năm 1954, do yêu cầu công tác anh được điều về chỉ huy đơn vị biệt động Sài Gòn đánh địch trong nội thành. Anh đã làm ba hầm bí mật nuôi chứa cán bộ, cất giấu vũ khí, tổ chức đường dây liên lạc từ Sài Gòn đến Cà Mau gồm 8 đầu mối, 12 cơ sở mật. Đã đưa hơn 200 lượt cán bộ ra vào nội thành kịp thời và an toàn.

Tháng 6 năm 1956, anh bị địch bắt nhưng vẫn kiên cường giữ vững khí tiết dù bị tra tấn dã man cho đến ngày ra tù. Ngày 03 tháng 01 năm 1968, anh đã anh dũng hy sinh trong khi đang đánh địch giữa lòng thành phố Sài Gòn. Ba người con của anh cũng lần lượt hy sinh.

Anh được tặng thưởng: Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhì và hạng Ba. Ngày 06 tháng 11 năm 1978, anh được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân đất Cần Thơ - Tây Đô Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cần Thơ - H: Quân đội nhân dân, 200 - 160 tr; 21 cm).

III. QUẬN BÌNH THỦY

1. Đặng Thị Nường (1912 - 1975)

Liệt sĩ - Mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Cần Thơ.
Có chồng và 1 con là liệt sĩ.

Mẹ quê ấp Nhơn Bình, xã Nhơn Ái, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ). Trong kháng chiến chống Mỹ, Mẹ làm nhiệm vụ giao liên huyện Châu Thành.

Ngày 27 tháng 3 năm 1975, giữa lúc cả nước bước vào Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Mẹ bị địch bắt. Mẹ bị đưa về giam tại Sở 4 An ninh quân đội, giặc dùng mọi thủ đoạn, cực hình tra tấn hòng khai thác tìm ra đường dây liên lạc các cơ sở cách mạng. Với lòng kiên trinh bất khuất, mẹ đã giữ trọn khí tiết cho đến khi trút hơi thở cuối cùng. Ngày 24 tháng 4 năm 1995, Mẹ được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Chồng mẹ - ông Nguyễn Văn Sơn hy sinh năm 1964. Con trai là Nguyễn Văn Đậm hy sinh năm 1968.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Cần Thơ/Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cần Thơ - Cần Thơ, 1998 - 693 tr; 28cm).

2. Tạ Thị Phi (1921 - 1974)

Liệt sĩ - Mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Cần Thơ. Có chồng và 1 con là liệt sĩ.

Quê ấp Bình Phó, xã Long Xuyên, thành phố Cần Thơ. Gia đình mẹ là cơ sở nuôi chứa, bảo vệ cán bộ cách mạng. Mẹ tham gia cách mạng từ phong trào Đồng khởi năm 1960, là chiến sĩ của Thành đội Cần Thơ. Ngày 09 tháng 11 năm 1974, lực lượng vũ trang Thành đội về địa phương hoạt động, địch phát hiện, mẹ hiên ngang chặn trước mũi súng của địch để bảo vệ Thành đội rút lui an toàn và mẹ đã hy sinh. Mẹ được tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba và danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Chồng mẹ - ông Lê Văn Tiểu và con trai - Lê Văn Thông cùng tham gia cách mạng năm 1967 và hy sinh trong đợt Tổng tấn công Xuân Mậu Thân 1968.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Cần Thơ/Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cần Thơ - Cần Thơ, 1998 - 693 tr; 28cm).

IV. QUẬN Ô MÔN

1. Trương Văn Diễn (1920 - 1970)

Bí danh Thanh Bình, Tư Dân. Quê ở Cần Thơ. Sinh ra và lớn lên trong một gia đình trung nông ít con nên có điều kiện học tập. Ông lại có học lực tốt nên việc trở thành giáo chức (một địa vị hiếm người có thời ấy) gần như nghiêm nhiên. Tuổi trẻ, có nghề nghiệp ổn định, được ưu ái trọng vọng nhưng chiến tranh đã đảo lộn tất cả. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra năm 1940, chứng kiến thực dân Pháp xử bắn 2 nhà yêu nước (trong đó có Ngô Hữu Hạnh) đã thức tỉnh giới trí thức như ông.

Cuối tháng 10 năm 1945, quân Pháp tái chiếm Cần Thơ. Ông bỏ nghề dạy học theo cách mạng. Năm 1947, ông được đứng vào hàng ngũ của Đảng. Năm 1949, ông lần lượt được giao giữ các chức vụ quan trọng như: Giảng viên trường Chính trị miền Tây Nam bộ, Trường Văn Chánh (khu 9), Trường Chính trị Lê Duẩn (Trung ương Cục), Hiệu trưởng Trường Trung học kháng chiến Nguyễn Văn Tố (khu Tây Nam bộ),...

Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, ông được phân công ở lại miền Nam công tác, vận động trí thức, tư sản, binh sĩ đấu tranh đòi thực hiện Hiệp định hòa bình. Nhiều lần ông bị địch giăng bẫy bắt nhưng không thành công.

Năm 1957, ông về công tác tại Ban Tuyên huấn tỉnh Cần Thơ. Cuối 1959, ông làm Chủ nhiệm, kiêm Chủ bút Báo “Tranh đấu” của Đảng bộ tỉnh Cần Thơ.

Năm 1961, ông được Tỉnh ủy phân công làm Trưởng Ban Tổ chức Đại hội thành lập và ra mắt Ủy ban Mặt trận Giải phóng tỉnh Cần Thơ và được bầu giữ chức Phó Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh. Năm 1964, ông được điều lên công tác tại Ban Tuyên huấn Khu Tây Nam bộ. Năm 1967, ông lại được điều về Cần Thơ giữ chức Phó Trưởng Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Cần Thơ.

Ngày 25 tháng 6 năm 1970, ông hy sinh trên đường đi công tác để lại ấn tượng tốt đẹp về một người trí thức cách mạng sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam: Sơ thảo (1930 - 2003)/ Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam tỉnh Cần Thơ - H: Chính trị Quốc gia, 2008 - 632 tr; 23 cm).

2. Đặng Thanh Sử (1913 - 2000)

Ông sinh tại làng Hiếu Nghĩa, Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long trong một gia đình bần nông, bị bóc lột ông đã trốn sang Phụng Hiệp (nay thuộc tỉnh Hậu Giang) làm tá điền. Năm 1931, ông cùng với cha theo học đạo Cao Đài và được cử giữ chức Chánh trị sự (năm 1943) và được Đức Chí Tôn phong Giáo hữu phái Minh Chơn Đạo (năm 1948) và phong chức Giáo sư (năm 1955), đắc cử đầu họ đạo, hành đạo trong 12 Thánh tịnh trong tỉnh Cần Thơ.

Từ năm 1945, ông đã gia nhập Thanh niên Tiền phong, vận động chức sắc, tín đồ tham gia giành chính quyền ở làng Hòa Mỹ. Từ năm 1948 - 1951, được bầu vào Hội đồng nhân dân xã Hòa Mỹ và Ủy viên Ban Chấp hành Cao Đài cứu quốc tỉnh Cần Thơ.

Từ năm 1964 - 1976, giữ chức Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh Cần Thơ. Trong 12 năm liền ông đã bám trụ địa bàn ác liệt để tuyên truyền, vận động chức sắc và tín đồ Cao Đài hoạt động cách mạng ở địa phương.

Ông có nhiều đóng góp cho họ đạo và địa phương lập thành tích trong hai cuộc kháng chiến. Chỉ tính riêng họ đạo có 520 tín đồ, đã có 35 gia đình liệt sĩ với 45 liệt sĩ và 6 Mẹ Việt Nam anh hùng. Gia đình ông có 3 con trai là liệt sĩ và vợ ông được phong tặng Mẹ Việt Nam anh hùng.

Ông được tặng thưởng: Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Giải phóng hạng Nhì, Huân chương Độc lập hạng Ba.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam (1930 - 2003): Sơ thảo/Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam tỉnh Cần Thơ-H: Chính trị Quốc gia, 2008 - 632 tr).

3. Trần Kiết Tường (1924 - 1999)

Nhạc sĩ Trần Kiết Tường sinh ngày 10 tháng 02 năm 1924, tại huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ. Là người sinh ra trong một gia đình yêu thích âm nhạc, từ nhỏ ông đã quen thuộc với tiếng đàn ca của các cụ thân sinh và những điệu hò thân thương trên dòng sông Ô Môn quê nhà. Ông biết chơi đàn Măng-đô-lin từ lúc 12 tuổi. Năm 21 tuổi, tham gia hoạt động cách mạng công tác ở Phòng Tuyên truyền huyện Ô Môn, sau chuyển về Châu Đốc. Cây đàn Măng-đô-lin theo ông trên khắp nẻo đường

kháng chiến, giúp ông sáng tác và biểu diễn phục vụ chiến sĩ và Nhân dân. Ông được mọi người gọi bằng cái tên thân thương “Tuồng Măng-đô-lin”. Các sáng tác của ông trong thời gian này như: Chiến sĩ vô danh, Nhớ anh vệ quốc, Anh Ba Hưng,... được chiến sĩ và Nhân dân rất yêu thích.

Năm 1954, Trần Kiết Tường tập kết ra Bắc. Trong Đại hội thành lập Ban Nhạc Vũ Trung ương (nay là Hội Nhạc sĩ Việt Nam) năm 1957, Trần Kiết Tường là một trong số 9 nhạc sĩ miền Nam tham gia đại hội này. Những năm tháng này, ông sáng tác nhiều tác phẩm có chất lượng cao như: Áo bà ba, Cánh tay miền Nam trên đất Bắc, Bánh xe lăn, Đàn bò của tôi, Quê hương ơi! Ta sẽ về, Bài ca Chiến thắng,... Đặc biệt, tác phẩm Hồ Chí Minh đẹp nhất tên Người là một ca khúc tiêu biểu, có giá trị. Chất liệu hò Cần Thơ được ông khai thác khá rõ trong bài gọi nên không gian bao la của vùng Đồng bằng Nam bộ. Sâu sắc hơn, chất liệu ấy đã gọi lên sự bao la trong tình cảm của người dân miền Nam với Bác Hồ kính yêu. Những năm sau đó, ông đã tiếp tục cho ra đời một số ca khúc khác như: Hoa mi-mô-za, Tình yêu, Mùa xuân ước vọng, Em đi chơi thuyền,... Ngoài ca khúc, ông còn viết một số tác phẩm khí nhạc: Sonate cho violon và piano; biến tấu trên chủ đề dân ca Nam bộ; Rondo cho vi-ô-lon và pi-a-no Rừng mơ ước. Ông còn biên soạn phần âm nhạc cho một số vở cải lương và một số bộ phim: Ngày tàn của bạo chúa, Tìm lại cuộc đời (cải lương), Khói, Mười tám thôn Vườn Trầu, Miền đất Cửu Long... (phim).

Trần Kiết Tường đã có các tác phẩm đã xuất bản như: Tự học Măng-đô-lin (1975); Tuyển tập ca khúc Bài ca

Chiến thắng (1980); Tuyển chọn ca khúc Trần Kiết Tường (1995), Album Hồ Chí Minh đẹp nhất tên Người (1996).

Năm 1999, nhạc sĩ Trần Kiết Tường mất tại thành phố Hồ Chí Minh.

Với những đóng góp cho nền âm nhạc cách mạng, ông đã vinh dự được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học - Nghệ thuật đợt I năm 2001.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Nhạc sĩ sáng tác Việt Nam/Nhiều tác giả - H: Hội nhạc sĩ Việt Nam, 1986 - 194tr; 21cm; Website Hội nhạc sĩ Việt Nam <http://hoinhacsi.org.vn>).

4. Thái Thị Hạnh (1889 - 1960)

Mẹ Việt Nam anh hùng Thái Thị Hạnh, sinh năm 1889, tại phường Thới Long, quận Ô Môn, mất năm 1960. Mẹ có chồng và 3 con là liệt sĩ.

Mẹ Thái Thị Hạnh đã về côi vĩnh hằng cùng với sự hy sinh cao quý cho Tổ quốc của chồng và 3 người con của Mẹ. Những cống hiến lớn lao cho cách mạng của gia đình Mẹ đã được Tổ quốc ghi công. Ngày 28 tháng 4 năm 1997, Chủ tịch nước đã truy tặng Mẹ danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Chồng mẹ, ông Đặng Văn Có, công tác tại Công an quận Ô Môn, ông hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Các con của mẹ, anh Đặng Văn Hi, công tác tại Công an huyện Ô Môn, hy sinh ngày 05 tháng 11 năm 1946. Chị Đặng Thị Tám, công tác trong ngành Công an, hy sinh

ngày 06 tháng 02 năm 1947. Anh Đặng Văn Chính, tham gia công tác cách mạng và hy sinh trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Hiện nay, Mẹ và các liệt sĩ được một người cháu họ thờ phụng tại phường Thới Long, quận Ô Môn.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Cần Thơ - Cần Thơ: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, 1998 - 693 tr; 28cm).

V. HUYỆN CỜ ĐỎ

1. Nguyễn Văn Nhung (1903 - 1982)

Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long, ông quê làng Long Đức (nay là khóm 5), thị trấn Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Năm 1927, ông gia nhập tổ chức Việt Nam cách mạng Thanh niên tại Nam Vang (Campuchia). Năm 1928, ông được phân công về hoạt động ở chi bộ Ngã tư Long Hồ. Năm 1929, ông được phân công làm Bí thư Chi bộ An nam Cộng sản Đảng Ngã tư Long Hồ. Ngày 10 tháng 11 năm 1929, đồng chí Ung Văn Khiêm, Bí thư Đặc ủy An Nam Cộng sản Đảng Hậu Giang phân công đồng chí Hà Huy Giáp cùng đồng chí Nguyễn Văn Nhung và đồng chí Bảy Núi về đồn điền Cờ Đỏ thuộc làng Thới Đông, tổng Thới Bảo, quận Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (nay là ấp Thới Hòa, thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ) thành lập Chi bộ Cờ Đỏ - Chi bộ Đảng đầu tiên của Cần Thơ). Tháng 11 năm 1930, ông làm Bí thư Quận ủy Tam Bình. Ông tích cực vận động quần chúng đấu tranh chống áp bức, chống thuế, đòi dân sinh dân chủ, ông còn tích cực viết báo Công - Nông - Binh và Báo Lao khổ tuyên truyền về

Đảng. Năm 1945, ông được phân công làm Bí thư Tỉnh ủy Long Xuyên và đã lãnh chỉ đạo cướp chính quyền thành công ở Thị xã Long Xuyên ngày 25 tháng 8 năm 1945. Tháng 9 năm 1949, ông về Long Châu Tiền làm Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách Tuyên huấn và làm Hiệu trưởng Trường Chính trị. Tháng 11 năm 1949, ông được rút lên làm Ủy viên Khu ủy Khu 8 Nam bộ phụ trách Mặt trận. Cuối năm 1950, ông giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Thương binh xã hội Nam bộ. Từ năm 1951 - 1964, ông được phân công làm Phó Bí thư liên tỉnh một số tỉnh Đông Nam Campuchia; Phó Chủ nhiệm Tổng hội Việt kiều yêu nước; Vụ phó Tổ chức cán bộ y tế; Phó Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Xô. Ông mất ngày 01 tháng 11 năm 1982.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Kỷ yếu Hội thảo “Vai trò lịch sử và ảnh hưởng của Chi bộ Đảng đầu tiên đối với phong trào cách mạng ở Cần Thơ và trong vùng” - Cần Thơ: Thành ủy, 2009 - 235 tr; 27 cm).

B. TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (02 TÊN)

I. HUYỆN PHONG ĐIỀN

Nguyễn Phương Danh (1902 - 1976)

Nguyễn Phương Danh - soạn giả Tám Danh quê ở xã Nhơn Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Ông là một trong những con chim đầu đàn của sân khấu cải lương Nam bộ, người đặt nền móng cho ngành nghệ thuật cải lương cách mạng, có gần 60 năm tuổi nghề.

Vào những năm 20 - 30 của thế kỷ XX, tên ông đã xuất hiện ở khắp các gánh cải lương nổi tiếng của Nam bộ. Ông đã sáng tạo ra nhiều vai tuồng đặc sắc như Bao Công

(trong vở Bao Công xử án Bàng Quý Phi), Vương Tư Đồ (trong vở Phụng Nghi Đình), Tần Hán (trong vở Phàn Lê Hoa)...; đặc biệt những vai Tề Thiên đại thánh (trong vở Mẫu Đơn Tiên) do ông sáng tạo ra, đến nay vẫn chưa có một nghệ sĩ nào sánh kịp.

Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, ông theo kháng chiến, vừa làm chiến sĩ, vừa làm nghệ sĩ tại chiến trường Đông Nam bộ.

Từ sau 1954, ông đã có công xây dựng Đoàn cải lương Nam bộ, đào tạo lớp diễn viên trẻ và sau 1975 đã góp phần xứng đáng vào việc xây dựng Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang thành phố Hồ Chí Minh.

Ông là đại biểu Quốc hội (khóa II), được thưởng Huân chương Độc lập và tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên, Phan Đại Doãn....- H: Giáo dục, 2006 - 648 tr; 24 cm).

II. HUYỆN THỜI LAI

19 Tháng 5

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ngày 19 tháng 5 năm 1890 với tên gọi là Nguyễn Sinh Cung tại làng Hoàng Trù nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Thân phụ là Nguyễn Sinh Sắc tức Nguyễn Sinh Huy (sinh năm 1862) và thân mẫu là Hoàng Thị Loan (sinh năm 1868).

Từ buổi thiếu niên cho đến phút cuối cùng, Hồ Chủ tịch đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng

của nhân dân ta và nhân dân thế giới. Người đã trải qua một cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ... (trích Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam). Năm 1990, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO đã ra nghị quyết công nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam và là một Nhà văn hóa kiệt xuất của thế giới.

Tư tưởng, sự nghiệp và nhân cách Hồ Chí Minh đã trở thành một hệ giá trị văn hóa không chỉ của dân tộc Việt Nam mà còn là của cả loài người.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hóa thế giới/Trần Đình Huỳnh, Hoàng Chí Bảo, Đặng Quốc Bảo... biên soạn - TP. Hồ Chí Minh: Văn nghệ, 2002 - 364 tr; 26 cm)./.

NGHỊ QUYẾT
Về đặt tên đường, đổi tên đường

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về đặt tên đường, đổi tên đường; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

- Đặt tên 04 tuyến đường: Lộ Vòng Cung, Trần Văn Trà, Phạm Hùng, Phạm Thị Ban;

- Đổi tên 01 tuyến đường: Đường Vòng Cung đổi tên thành đường Lộ Vòng Cung;

Kèm theo:

- Phụ lục I: Thuyết minh quy mô, vị trí các tuyến đường;

- Phụ lục II: Tóm tắt tiểu sử danh nhân, ý nghĩa địa danh.

Điều 2.

Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai và thực hiện việc gắn biển tên đường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa VIII, kỳ họp thứ mười sáu thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2015, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2015 và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Văn Hiểu

Phụ lục I
THUYẾT MINH QUY MÔ, VỊ TRÍ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG
(Kèm theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐND
ngày 10 tháng 7 năm 2015
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. ĐẶT TÊN ĐƯỜNG (04 tuyến đường)

TT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
I QUẬN CÁI RĂNG									
1	Phạm Hùng	1.710	15	40	4	I	Từ cầu Cái Răng đến nút giao IC4	Quốc lộ 1 cũ	
2	Trần Văn Trà	900	18	28	4	III	Từ đường Quang Trung đến đường A6, khu dân cư Hưng Phú 1	Đường A3, khu dân cư Hưng Phú 1	
II QUẬN BÌNH THỦY									
1	Phạm Thị Ban	2.400	4	6	2	IV	Từ cầu Trà Nóc 2 đến cầu Giáo Dấn	Đường Ngã 3 Ông Tư Lợi	
III QUẬN Ô MÔN									
1	Lộ Vòng Cung	7.200	5,5	42	2	III	Từ Lộ Vòng Cung, huyện Phong Điền đến Quốc lộ 91	Đường tỉnh 923	Toàn tuyến Lộ Vòng Cung đi qua 03 quận, huyện: Ninh Kiều, Phong Điền và Ô Môn có chiều dài 27.600m

B. ĐỔI TÊN ĐƯỜNG (01 tuyến đường)

TT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	TÊN GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
I	QUẬN NINH KIỀU								
1	Lộ Vòng Cung	2.400	5,5	42	2	III	Từ cầu Cái Răng đến Lộ Vòng Cung, huyện Phong Điền	Vòng Cung	

Phụ lục II
TÓM TẮT TIỂU SỬ
DANH NHÂN, Ý NGHĨA ĐỊA DANH
(Kèm theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐND
ngày 10 tháng 7 năm 2015
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

1. Phạm Hùng (1912 - 1988)

Chính danh là Phạm Văn Thiện, quê ở xã Long Hồ, huyện Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long. Sớm giác ngộ cách mạng, từ những năm 1928 - 1929, ông tham gia tổ chức Nam Kỳ Học sinh Liên hiệp hội và Thanh niên Cộng sản đoàn.

Năm 1930, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, hoạt động ở Mỹ Tho. Năm 1931, ông bị Pháp bắt và kết án tử hình. Do phong trào đấu tranh trong nước và ở Pháp dâng cao, Chính phủ Pháp buộc phải rút mức án xuống khổ sai chung thân và đày ông ra Côn Đảo. Cách mạng tháng Tám thành công, ông trở về và được bầu làm Bí thư Xứ ủy lâm thời Nam Bộ. Năm 1951, ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Từ năm 1952, ông đảm nhiệm những chức vụ lãnh đạo quan trọng ở Trung ương Cục miền Nam và Ủy ban Kháng chiến hành chính miền Đông Nam Bộ.

Năm 1954, ông được cử làm Trưởng đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam trong Ban Liên hiệp đình chiến tại Nam Bộ, rồi Trưởng phái đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam bên cạnh Ủy ban Quốc tế tại Sài Gòn. Từ năm 1956 - 1988, ông liên tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị, là đại biểu Quốc hội liên tục từ khóa II đến

khóa VIII. Giữ các chức vụ: Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Chính ủy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam. Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, ông là Chính ủy Bộ Chỉ huy chiến dịch. Năm 1987, ông giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ông đã được Nhà nước Việt Nam và các nước trên thế giới tặng nhiều huân chương cao quý.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên; Phan Đại Doãn....- H: Giáo dục, 2006 - 648 tr; 24 cm).

2. Trần Văn Trà (1919 - 1996)

Thượng tướng Quân đội nhân dân Việt Nam. Tên thật là Nguyễn Chân, quê xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Tham gia cách mạng từ năm 1936, từ sau Cách mạng tháng Tám, ông giữ các chức vụ Ủy viên Kỳ bộ Việt Minh ở Sài Gòn, Khu trưởng Khu 8, Phó Tư lệnh Nam Bộ. Sau năm 1954, ông tập kết ra Bắc, giữ chức Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Giám đốc Học viện Quân sự. Sau đó, vào Nam làm Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam. Năm 1973 là Trưởng đoàn đại biểu Quân sự Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hiệp Quân sự bốn bên.

Sau ngày đất nước giải phóng, ông giữ các chức vụ Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam, đại biểu Quốc hội khóa VI. Ông được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Nguyễn Quốc Thắng, Nguyễn Bá Thế - Thành phố Hồ Chí Minh: Tổng hợp - Tái bản lần thứ VIII có sửa chữa và tăng bổ, 2006 - 1690 tr; 24cm).

3. Phạm Thị Ban (1920 - 1985)

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, quê quán phường Thới An Đông, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, có chồng và hai con trai là liệt sĩ.

Mẹ Phạm Thị Ban nay không còn nữa, nhưng với những cống hiến lớn lao cho Tổ quốc, mẹ được Chủ tịch nước tặng Bằng vàng danh dự và truy tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng, ngày 17 tháng 12 năm 1994.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, gia đình mẹ là cơ sở nuôi chứa cán bộ, bộ đội. Đến kháng chiến chống đế quốc Mỹ, chồng và hai con trai của mẹ đều tham gia cách mạng và hy sinh anh dũng.

Chồng của mẹ, ông Trần Văn Học, sinh năm 1920, là Trưởng Ban Kinh Tài tỉnh Cần Thơ, hy sinh năm 1963.

Các con trai của mẹ: anh Trần Văn Luông, sinh năm 1942, vào du kích xã năm 1963, hy sinh năm 1968; anh Trần Văn Thảo, sinh năm 1948, nhập ngũ năm 1966, hai năm sau anh hy sinh tại Kinh Chệt Thợ, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Cần Thơ - Cần Thơ: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, 1998 Tr.20).

4. Lộ Vòng Cung

Địa danh Lộ Vòng Cung là dấu ấn khó phai mờ, gắn chặt với truyền thống lịch sử hào hùng của Đảng bộ, quân và dân Cần Thơ cũng như Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Tuyến Lộ Vòng Cung dài gần 30km, bắt đầu từ phường An Bình (quận Ninh Kiều), đi qua các xã Mỹ Khánh, thị trấn Phong Điền, xã Tân Thới (huyện Phong Điền) và phường Trường Lạc, phường Phước Thới (quận Ô Môn) ngày nay. Lộ Vòng Cung là vành đai án ngữ để bảo vệ nội ô thành phố Cần Thơ. Vì thế, cuối năm 1967, Mỹ - Ngụy đã triển khai xây dựng tuyến phòng thủ này với hệ thống đồn bót và bộ máy kiểm kẹp quần chúng Nhân dân, đánh phá phong trào cách mạng. Mặt trận Lộ Vòng Cung trở thành một trong những trọng điểm ác liệt gian khổ, là bàn đạp đứng chân của các lực lượng ta tấn công tận vào đầu não và sào huyệt của địch ở Cần Thơ.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Vòng Cung, Cần Thơ Xuân 1968; Ban Chỉ đạo và tổ chức các ngày lễ lớn tỉnh Hậu Giang xuất bản 1992; trang 19).

NGHỊ QUYẾT
Về đặt tên đường và công trình công cộng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về đặt tên đường và công trình công cộng; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Thông nhất đặt tên 13 tuyến đường và 05 công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, cụ thể:

1. Đặt tên 13 tuyến đường trên địa bàn 04 quận, huyện

a) Quận Ninh Kiều (03 tuyến đường): (1) Lê Anh Xuân; (2) Nguyễn Hữu Cầu; (3) Mạc Thiên Tích.

b) Quận Cái Răng (05 tuyến đường): (1) Trương Vĩnh Nguyên; (2) Nguyễn Văn Quy; (3) Chí Sinh; (4) Nguyễn Thị Trâm; (5) Huỳnh Thị Nở.

c) Quận Bình Thủy (02 tuyến đường): (1) Nguyễn Viêt Xuân; (2) Trần Thị Mười.

d) Huyện Thới Lai (03 tuyến đường): (1) Võ Thị Diệp; (2) Nguyễn Thị Huỳnh; (3) Hồ Thị Thuởng.

2. Đặt tên 05 công trình công cộng trên địa bàn hai quận, huyện

a) Quận Ninh Kiều (04 công trình công cộng): (1) Cầu Ninh Kiều; (2) Công viên Bến Ninh Kiều; (3) Công viên Hùng Vương; (4) Trường Tiểu học Tô Hiến Thành.

b) Quận Cái Răng (01 công trình công cộng): Chợ nổi Cái Răng

Kèm theo:

- Phụ lục I: Thuyết minh quy mô, vị trí các tuyến đường và công trình công cộng;

- Phụ lục II: Tóm tắt tiểu sử danh nhân, ý nghĩa địa danh.

Điều 2.

Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai và thực hiện việc gắn biển tên đường và công trình công cộng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau mười ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa VIII, kỳ họp thứ mười tám thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2015 và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Văn Hiếu

Phụ lục I
THUYẾT MINH QUY MÔ, VỊ TRÍ
CÁC TUYẾN ĐƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
(Kèm theo Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND
ngày 04 tháng 12 năm 2015
của Hội đồng nhân dân thành phố)

A. ĐƯỜNG (13 tuyến)

TT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
I QUẬN NINH KIỀU (03 tuyến)									
1	Lê Anh Xuân	950	5	6	2	IV	Từ cầu Nhị Kiều đến cầu Rạch Ngỗng 1	Hẻm 132 đường Hùng Vương	
2	Nguyễn Hữu Cầu	880	10,5	18,5	2	IV	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến cuối Đường số 17	Đường số 17, khu dân cư Hoàn Mỹ	
3	Mạc Thiên Tích	1.420 (x 2)	4	8	2	IV	Từ đường 3 tháng 2 đến đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường cặp rạch Tham Tướng	Đặt cùng một tên đường cho cả hai bên bờ rạch
II QUẬN CÁI RĂNG (05 tuyến)									
1	Trương Vĩnh Nguyên	8.000	5,5	20	2	IV	Từ đường dẫn cầu Cần Thơ đến sông Cái Tắc	Đường Lê Bình - Phú Thứ	

TT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
2	Nguyễn Văn Quy	1.985	7	20	2	IV	Từ đường Lê Bình - Phú Thứ đến lộ Hậu Tân Phú	Đường Phú Thứ - Tân Phú	
3	Chí Sinh	1.408	5,5	20	2	IV	Từ đường Võ Nguyên Giáp đến sông Bến Bạ	Lộ Hậu Tân Phú	
4	Nguyễn Thị Trâm	760	5,5	10	2	IV	Từ Quốc lộ 1 đến đường Lê Bình - Thường Thạnh	Đường Quốc lộ 1 - Lê Bình, Thường Thạnh	
5	Huỳnh Thị Nở	2.970	5,5	20	2	IV	Từ rạch Chùa đến Đường tỉnh 925	Đường Lê Bình - Thường Thạnh	
III QUẬN BÌNH THỦY (02 tuyến)									
1	Nguyễn Viết Xuân	1.942	5	6	2	IV	Nối tiếp đường Nguyễn Viết Xuân hiện hữu đến rạch Chùa	Đường Hẻm 88 - Rạch Chùa	Đường Nguyễn Viết Xuân (mới) có chiều dài toàn tuyến là 3.042m
2	Trần Thị Mười	650	4	6	2	IV	Từ đường Nguyễn Văn Linh (QL91B) đến cầu Út Khê		

TT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
IV HUYỆN THỐI LAI (03 tuyến)									
1	Võ Thị Diệp	2.000	6	8	2	IV	Từ cầu Thối Lai đến cầu Tắc Cà Đi	Đường tỉnh 922 (hướng đi quận Ô Môn)	
2	Nguyễn Thị Huỳnh	1.500	6	8	2	IV	Từ cầu Thối Lai đến cầu Cồn Chen	Đường tỉnh 922 (hướng đi huyện Cờ Đỏ)	
3	Hồ Thị Thuởng	1.000	6	8	2	IV	Từ Đường tỉnh 922 đến Trường Trung cấp nghề Thối Lai	Đường đi xã Trường Xuân	

B. CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (05 công trình)

TT	TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	ĐỊA CHỈ	QUY MÔ	PHÂN NHÓM	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
I QUẬN NINH KIỂU (04 công trình)						
1	Cầu Ninh Kiều	Phường Tân An	Dài 200m, rộng 7,2m (phần bộ hành 5,8m; gờ và lan can 0,7m x 2)	IV	Cầu đi bộ từ bến Ninh Kiều qua cồn Cái Khế	
2	Công viên Ninh Kiều	Phường Tân An	Diện tích 2.686,6m ² (giới hạn từ khách sạn Ninh Kiều 1 đến phà Xóm Chài; đường Hai Bà Trưng đến bờ sông Cần Thơ)	II	Công viên bến Ninh Kiều	

TT	TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	ĐỊA CHỈ	QUY MÔ	PHÂN NHÓM	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
3	Công viên Hùng Vương	Phường Thới Bình	Diện tích 4.200m ² (giới hạn bởi 04 tuyến đường: Hùng Vương, Nguyễn Trãi, Bùi Thị Xuân và Phan Đăng Lưu)	II	Công viên Hùng Vương	Công viên mới xây dựng tại bến xe đường Hùng Vương đã di dời
4	Trường Tiểu học Tô Hiến Thành	Phường Xuân Khánh	Diện tích 2.768,4m ² ; 12 lớp học, tại đường cặp rạch Tham Tướng	III	Trường Tiểu học An Phú	Trường Tiểu học An Phú chuyển qua xây dựng mới tại phường Xuân Khánh
II QUẬN CÁI RĂNG (01 công trình)						
1	Chợ nổi Cái Răng	Phường Lê Bình	Khoảng 250 ghe, tàu neo đậu thường xuyên (trong đó, khoảng 150 chiếc đậu cố định) trên đoạn sông Cần Thơ dài khoảng 1.500m	IV	Chợ nổi Cái Răng	

Phụ lục II
TÓM TẮT TIỂU SỬ
DANH NHÂN, Ý NGHĨA ĐỊA DANH
(Kèm theo Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND
ngày 04 tháng 12 năm 2015
của Hội đồng nhân dân thành phố)

A. TÊN ĐƯỜNG (13 tuyến)

I. QUẬN NINH KIỀU (03 tuyến đường)

1. Lê Anh Xuân (1940 - 1968)

Nhà văn, liệt sĩ. Tên thật Ca Lê Hiến, thân sinh là cụ Ca Văn Thỉnh, quê ở Vàm Nước Trong, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre. Năm 1952, Anh tham gia công tác tại Nhà in Trịnh Đình Trọng của Sở Giáo dục Nam Bộ. Năm 1954, Anh tập kết ra miền Bắc, học Trường Học sinh miền Nam, Trường Nguyễn Trãi (Hà Nội) và Khoa Sử - Đại học tổng hợp Hà Nội rồi làm cán bộ phụ giảng. Sau đó, được cử đi học ở nước ngoài, nhưng Anh xin được về quê hương chiến đấu.

Năm 1964, Anh về Nam công tác ở Tiểu ban Giáo dục thuộc Ban Tuyên huấn Trung ương cục, rồi chuyển về công tác ở ngành Văn, Hội Văn nghệ Giải phóng. Trong cuộc tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968, Anh hy sinh ngày 25/5/1968 ở vùng phụ cận Sài Gòn, ấp Phước Quảng, xã Phước Lợi, huyện Cần Đức, tỉnh Long An. Anh có 03 tập thơ đã xuất bản: Tiếng gà gáy, Hoa dừa và Trường ca Nguyễn Văn Trỗi. Trong đó có bài thơ nổi tiếng Dáng Đứng Việt Nam. Năm 2001, Lê Anh Xuân được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Nguyễn Q. Thắng - Nguyễn Bá Thế. -H.: Văn hóa - 1997).

2. Nguyễn Hữu Cầu (1931 - 1990)

Đồng chí Nguyễn Hữu Cầu quê quán phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân theo Quyết định số 1480/2007/QĐ-CTN ngày 05/12/2007 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đồng chí Nguyễn Hữu Cầu xin gia nhập vào lực lượng vũ trang từ khi mới 14 tuổi (1945), lúc này đồng chí đã giác ngộ cách mạng và tình nguyện làm giao liên cho các đồng chí lãnh đạo cấp cao ở địa phương xã An Bình. Trong khoảng thời gian năm 1954 - 1975, đồng chí Nguyễn Hữu Cầu được chỉ huy tin tưởng, tin nhiệm giao giữ nhiều chức vụ khác nhau. Dù ở cương vị nào, đồng chí cũng đã chỉ huy đơn vị chiến đấu giành được nhiều thắng lợi trên các mặt trận, cụ thể như:

- Chỉ huy đơn vị đánh trên 170 trận lớn nhỏ, bắt sống 25 tên, tiêu diệt và làm bị thương trên 200 tên địch (trong đó có 6 cố vấn Mỹ), phá hủy trên 70 máy bay các loại, thu được khoảng 200 khẩu súng các loại và nhiều đồ dùng quân sự khác, bắn cháy 04 xe bọc thép trên đại lộ Hòa Bình (cá nhân đồng chí diệt được 02 xe bọc thép), tiêu diệt 30 tên địch, 20 tên bình định, 09 tên tề điệp, 04 cảnh sát ác ôn, đánh tiêu diệt bao vây bức rút 20 đồn bót, gài hàng trăm trái nổ tự tạo diệt trên 20 tên địch, làm tan rã 01 đoàn bình định, gây hoang mang trong hàng ngũ của địch về tài bắn tỉa rất chuẩn xác.

- Ngoài việc đánh địch, diệt ác, phá kiềm, đồng chí còn tích cực xây dựng căn cứ ở cơ sở để bộ đội chủ lực và cán bộ lãnh đạo về hoạt động ở xã An Bình. Cá nhân Nguyễn Hữu Cầu đã xây dựng được 20 cơ sở mật, đào 20 hầm bí mật, vận động hàng chục thanh niên ở địa phương tham gia vào lực lượng vũ trang.

- Đặc biệt, tại địa bàn Lộ Vòng Cung vào tháng 5/1968, đây là thời kỳ ác liệt nhất, Nguyễn Hữu Cầu được trên giao nhiệm vụ ở lại kiên trì bám trụ địa bàn để xây dựng lại cơ sở và kết hợp cùng lực lượng địa phương tiếp tục đánh địch trên địa bàn Lộ Vòng Cung. Đối với gia đình Nguyễn Hữu Cầu, ai cũng theo cách mạng và làm nhiệm vụ giao liên, tiếp tế lương thực cho lực lượng ta và báo cáo tình hình địch. Hai con trai mới 20 tuổi đã hy sinh trong lúc chưa kịp về báo tin do đập trúng bom mìn của địch, vợ thì bị địch bắt và tra tấn dã man khi mới sinh con được 02 tháng. Trước tình cảnh khốc liệt đó, Nguyễn Hữu Cầu vẫn bình tĩnh, quyết tâm bám trụ đánh địch, xây dựng cơ sở cách mạng ở địa bàn Lộ Vòng Cung đến cuối năm 1973. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đồng chí giữ các chức vụ: Quận Đội trưởng Quận 3, thành phố Cần Thơ (thành phố trực thuộc Quân khu 9) (12/1974 - 1976); Chính trị viên Huyện đội Phụng Hiệp (1977 - 1978); Chính trị viên Tiểu đoàn 3, Sư đoàn 978, Quân khu 9 sang làm nhiệm vụ giúp nước bạn Campuchia ở tỉnh Công - pong - chur - năng (1979 - 1981); năm 1982 đồng chí nghỉ hưu; đến ngày 08/9/1990 do vết thương tái phát, đồng chí đã từ trần.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Lịch sử

Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam: Tóm tắt thành tích đề nghị tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho đồng chí Nguyễn Hữu Cầu do Bộ Chỉ huy Quân sự TP. Cần Thơ cung cấp).

3. Mạc Thiên Tích (1706 - 1780)

Danh sĩ, danh tướng thời Chúa Nguyễn mở cõi, tự là Sĩ Lân, con Tổng binh Mạc Cửu (1655 - 1736). Còn gọi là Mạc Thiên Tứ. Khi cha qua đời, ông nối nghiệp văn võ, mở mang đất Hà Tiên, được chúa Nguyễn phong Tổng binh Đại đô đốc. Chính ông đã giúp chúa Nguyễn thu phục và khai khẩn miền Tây Nam kỳ, do công lao của ông mà đất Hà Tiên trở thành đất văn hiến, phồn vinh. Tại đây ông thành lập nhóm Chiêu Anh Các, đóng góp cho văn học Việt Nam nhiều tác phẩm văn chương có giá trị.

Năm Đinh Dậu (1777), Định vương và Tân Chính vương Nguyễn Phúc Vương bị quân Tây Sơn giết, ông chạy sang Xiêm (Thái Lan). Về sau bị giam pha, ông bị ghép tội làm gián điệp. Phần chí ông tự tử chết năm 1780. Mạc Thiên Tứ là một danh tướng, một quan cai trị, một nhà dinh điền và cũng là một danh sĩ có tiếng đã làm rạng rỡ đất Phương Thành (Hà Tiên) và cả khu vực Tây Nam kỳ ở nửa thế kỷ XVIII.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế. - Tài bản lần thứ VIII có sửa chữa và tăng bổ. - TP. Hồ Chí Minh: Tổng hợp, 1690 tr.; 24cm).

II. QUẬN CÁI RĂNG (05 tuyến đường)

1. Trương Vĩnh Nguyên (1938 - 1967)

Liệt sĩ. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Quê phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Là con cả trong gia đình gồm 8 anh em.

Lúc nhỏ, ngoài giờ đi học anh còn tiếp mẹ chăm sóc các em, đem cơm cho cha và các chú bác hoạt động bí mật vào những năm sau Hiệp định Genève.

Tham gia kháng chiến ngày 15/02/1958, Anh luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Năm 1959, Anh được kết nạp vào Đoàn. Ngày 30/9/1960, Anh tình nguyện gia nhập du kích xã. Tháng 4/1962, Anh gia nhập lực lượng Địa phương quân huyện Phụng Hiệp. Tháng 3/1963, là chiến sĩ thuộc Đại đội 3, Tiểu đoàn 303, Trung đoàn 1, Sư đoàn 330, Anh được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 26/01/1962. Gần 07 năm rèn luyện trong quân đội, Anh tham gia chiến đấu 207 trận, cùng đồng đội tiêu diệt và làm bị thương hơn 1.500 tên địch, diệt 08 đồn bót, tiêu diệt gọn 02 đại đội, 04 trung đội, làm thiệt hại nặng 02 tiểu đoàn và 03 đại đội địch, bắn rơi và làm bị thương 08 máy bay trực thăng, bắn cháy 07 xe M.113, bắn hỏng 05 xe quân sự, thu hơn 300 súng các loại và nhiều đạn dược đồ dùng quân trang, quân dụng khác.

Riêng cá nhân anh tiêu diệt và làm bị thương 192 tên địch, bắt sống 06 tên, bắn cháy 02 xe M.113, bắn hỏng 01 xe M.113 và 01 xe quân sự, bắn rơi 01 máy bay trực thăng, thu 42 súng các loại. Anh hy sinh ngày 15/2/1967.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Ban Tuyên giáo huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang).

2. Nguyễn Văn Quy (1926 - 1967)

Liệt sĩ, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Quê xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (nay thuộc tỉnh Hậu Giang). Nhập ngũ năm 1951, hy sinh ngày 13/3/1967. Chức vụ Tiểu đội trưởng bộ đội địa phương huyện Châu Thành, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hơn 10 năm tham gia du kích địa phương, anh đã chế tạo ra nhiều loại vũ khí chiến đấu như: Trái gài, hầm chông và đặc biệt là nuôi ong vò vẽ đánh địch.

Ngày 12/3/1960, địch càn quét bị lọt vào ổ phục kích bằng ong vò vẽ của anh. Chúng bị ong đốt chạy tán loạn, vướng vào hầm chông, mìn và chất nổ. Trận này, anh đã diệt tại chỗ 50 tên, thu nhiều vũ khí và đồ quân dụng.

Từ năm 1960 đến lúc hy sinh năm 1967, anh đã nuôi và thuần hóa 95 tổ ong vò vẽ, tham gia đánh địch 95 trận, diệt 50 tên, làm bị thương 300 tên, thu 15 súng các loại, 10 lựu đạn.

Anh được tặng thưởng nhiều huân, huy chương các loại và bằng khen, giấy khen. Ngày 28/4/2000, anh được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân đất Cần Thơ - Tây Đô/ Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cần Thơ. - H.: Quân đội nhân dân, 2004.- 160 tr.; 21 cm).

3. Chí Sinh (1931 - 1971)

Liệt sĩ, soạn giả Chí Sinh tên thật là Nguyễn Văn Dế, sinh năm 1931, tại làng Thường Thạnh, tổng Định Bảo, quận Châu Thành, tỉnh Cần Thơ, nay thuộc phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Năm 1947, ông tham gia Ban Chấp hành Thiếu nhi cứu quốc huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ; năm 1950, ông được tổ chức đưa đi học văn hóa.

Sau Hiệp định Genève năm 1954, ông được tổ chức phân công ở lại miền Nam cùng đồng bào đấu tranh chống Mỹ - Diệm. Ông đã góp phần với Đảng bộ xã Đông Phước lãnh đạo phong trào quần chúng làm cuộc Đồng khởi năm 1960 thắng lợi, giải phóng xã nhà.

Sau Đồng khởi 1960, ông được giao nhiệm vụ làm Trưởng Ban Tuyên Văn Giáo xã Đông Phước. Ông đã tập hợp anh em đồn ca tài tử và số có năng khiếu để thành lập đội văn nghệ xã do Ông làm Trưởng đoàn. Các tiết mục của đoàn do Ông sáng tác lấy bí danh Chí Sinh.

Năm 1962, Ông đảm nhiệm Phó Tiểu ban Văn nghệ. Với trách nhiệm được giao, ông đã đi các huyện, xã đề chỉ đạo xây dựng phong trào văn nghệ, đồng thời đi thực tế sáng tác để cung cấp các tiết mục văn nghệ cho Đoàn Văn công tỉnh Cần Thơ lúc bấy giờ.

Vào năm 1968 - 1969, Ban Tuyên huấn phân công Ông vừa là Phó Tiểu ban Văn nghệ, vừa trực tiếp làm Trưởng Đoàn.

Ông đã sáng tác nhiều bài ca cổ, chập ngắn cải lương, ca cảnh như: Bài Tây Thi bức thư xuân, Hoa mùa xuân, Chiếc áo vá, Hoa Phượng đỏ, Giấc ngủ trầm tư, Cùng ra hỏa tuyến,...

Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của ông không dài. Ông hy sinh ngày 20/10/1971, trong một chuyến đi công tác tại xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu:

Cuộc đời và sự nghiệp văn nghệ sĩ Tám Danh, Bảy Nhiêu, Diêu Huyền, Quốc Thanh, Chí Sinh/Huỳnh Thanh Sơn. - Cần Thơ; Sở Văn hóa - Thông tin, 2006).

4. Nguyễn Thị Trâm (1905 - 1993)

Sinh tại làng Thường Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (nay là phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ). Thuở nhỏ, Bà học Trường Nữ tiểu học Cần Thơ, đến lớp 5 vì hoàn cảnh riêng đã thôi học về nhà, sau đó lấy chồng. Bà có một con gái và hai con trai.

Tháng 10/1945, Pháp tấn công chiếm thị xã Cần Thơ, mặc dù chồng can ngăn nhưng Bà quyết tham gia kháng chiến chống Pháp. Đầu tiên, Bà làm Phó ban ủng hộ kháng chiến xã, sau làm Hội trưởng Hội phụ nữ xã. Về sau, cuộc đấu tranh nội bộ gia đình ngày càng gay gắt, Bà lại tiếp tục thoát ly gia đình đi công tác và đưa ba đứa con cùng đi kháng chiến. Người con gái lớn làm liên lạc cho Hội Phụ nữ xã, người con trai kế đi bộ đội và hy sinh năm 1952, người con trai út cũng tham gia quân đội và năm 1954 đi tập kết.

Năm 1954, Hiệp định Genève được ký kết, chồng bà một mực buộc bà phải trở về gia đình. Cuối cùng Bà đành chấp nhận cho Ông cưới vợ lẽ và tiếp tục thoát ly gia đình làm cách mạng.

Tháng 6/1961, Bà được bầu là Ủy viên Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Cần Thơ. Bà đảm trách công tác phụ vận và vừa làm công tác mặt trận, vừa vận động trí thức tham gia kháng chiến. Bà đã giáo dục cháu ngoại là Nguyễn Ngọc Trai theo kháng chiến. Người thiếu niên 14 tuổi này đã dũng cảm đốt cháy Thư viện của Phòng Thông tin Mỹ tại Cần Thơ, bị bắt và tra tấn tàn nhẫn, giam cầm

trong 03 năm. Trong cuộc tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, Nguyễn Ngọc Trai đã anh dũng hy sinh.

Từ sau năm 1968, Bà vẫn tiếp tục công tác vận động tư sản trí thức cho đến ngày giải phóng. Tháng 8/1975, Bà được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng thành phố Cần Thơ (cũ), đến 1983 Bà nghỉ hưu.

Bà được tặng thưởng: 03 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, nhì, ba; Huân chương Giải phóng hạng nhất, Huân chương Quyết thắng hạng nhất, Huân chương Độc lập hạng Ba, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam: Sơ thảo (1930 - 2003)/Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam tỉnh Cần Thơ. - H.: Chính trị Quốc gia, 2008. - 632 tr.; 23 cm).

5. Huỳnh Thị Nữ (1920 - 1968)

Liệt sĩ - Mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Cần Thơ. Có 3 con là liệt sĩ.

Mẹ quê xã Hòa Lự, huyện Vị Thanh, tỉnh Cần Thơ (nay thuộc tỉnh Hậu Giang). Sau Luật 10/59 địch khủng bố ác liệt, gia đình Mẹ chuyển về sống ở xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ.

Năm 1962, Mẹ tham gia công tác phụ nữ ấp và là cơ sở nuôi chứa cán bộ cách mạng. Trong một trận càn của địch vào ấp Trường Thọ, Mẹ bị bọn chỉ điểm bắt cùng một đồng chí giao liên. Mặc dù bị tra tấn dã man nhưng mẹ một lòng không khai báo cơ sở cách mạng. Mẹ bị địch giết ngày 13/7/1968.

Mẹ có 7 người con, 6 người tham gia kháng chiến chống Mỹ, trong đó có 3 con là liệt sĩ: Anh Nguyễn Ngọc Hà, ấp đội trưởng ấp Trường Phước, hy sinh năm 1969; anh Nguyễn Ngọc Danh, Đại đội trưởng Trung đoàn pháo cao xạ Quân khu 9, hy sinh năm 1970 tại Long Mỹ; anh Nguyễn Ngọc Chính, trung sĩ công an huyện Châu Thành hy sinh tháng 9/1970.

Ngày 24/4/1995, Mẹ được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Cần Thơ/Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cần Thơ. - Cần Thơ, 1998. - 693 tr.; 28cm).

III. QUẬN BÌNH THỦY (02 tuyến đường)

1. Nguyễn Viết Xuân (1934 - 1966)

Quê xã Ngũ Kiên, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay là Vĩnh Phúc). Nguyễn Viết Xuân đã có đóng góp quan trọng trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954. Nguyễn Viết Xuân là Chính trị viên Đại đội pháo phòng không, làm nhiệm vụ ở khu vực Tây Quảng Bình. Trong trận chiến đấu ngày 18/11/1966, mặc dù bị thương nặng anh vẫn không rời vị trí chỉ huy, bình tĩnh yêu cầu y tá cắt đứt phần chân bị địch bắn nát và tiếp tục động viên cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị bằng khẩu hiệu: “Nhằm thẳng quân thù! Bắn!”. Nguyễn Viết Xuân đã được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển nhân vật lịch sử/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên; Phan Đại Doãn....- H.: Giáo dục, 2006. - 648 tr.; 24 cm).

2. Trần Thị Mười (1917 - 1987)

Bà mẹ Việt Nam anh hùng, quê quán khu vực Thới Ninh, phường Thới An Đông, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ; có ba người con là liệt sĩ.

Trong cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc ta, mẹ đã hiến dâng 3 người con trai thân yêu cho Tổ quốc. Anh Ngô Minh Hảo sinh năm 1938, tại Thới An Đông, thành phố Cần Thơ. Anh tham gia cách mạng năm 1960, đến năm 1968 hy sinh tại quê nhà, lúc hy sinh anh giữ chức vụ Ấp đội phó. Anh Ngô Minh Ngừ sinh năm 1943, gia nhập đơn vị Tây Đô năm 1959, hy sinh tại Hỏa Lựu, huyện Vị Thanh, tỉnh Cần Thơ, năm 1963. Anh Ngô Minh Truyền sinh năm 1944, là Trung đội trưởng đơn vị Tây Đô, hy sinh tại huyện Vị Thanh, tỉnh Cần Thơ.

Ghi nhận sự hy sinh to lớn đó, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Cần Thơ. - Cần Thơ: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cần Thơ, 1998. - Tr. 60).

IV. HUYỆN THỚI LAI (03 tuyến đường)

1. Võ Thị Diệp (1908 - 1971)

Liệt sĩ - Mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Cần Thơ. Có 3 người con là Liệt sĩ.

Tên thường gọi là Sáu Diệp, tham gia cách mạng từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Từ năm 1945 - 1960, Mẹ tham gia Tổ Phụ nữ cứu quốc rồi vào Ban chấp hành phụ nữ

xã Trường Thành, huyện Ô Môn. Năm 1960, Mẹ là Huyện ủy viên phụ trách công tác giao bưu huyện Ô Môn. Ngày 21/6/1971, Mẹ hy sinh trong một chuyến đi công tác.

Mẹ có 3 người con hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ: Anh Nguyễn Văn Thân (Trung đội trưởng H37, hy sinh tháng 12/1968, tại huyện Ô Môn), anh Nguyễn Hùng Cường (Trung đội trưởng H37) và anh Nguyễn Bình Phục (chiến sĩ Công an huyện Ô Môn) cùng hy sinh năm 1971.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Cần Thơ/Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cần Thơ. - Cần Thơ, 1998. - 693 tr.; 28cm).

2. Nguyễn Thị Huỳnh (1914 - 1975)

Liệt sĩ - Mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Cần Thơ. Có 4 người con là liệt sĩ.

Mẹ tham gia cách mạng từ năm 1945. Trong những năm đầu cách mạng, Mẹ làm giao liên rồi công tác phụ nữ cứu quốc xã Trường Thành, huyện Ô Môn. Năm 1973, Mẹ bị địch bắt, tra tấn dã man nhưng Mẹ vẫn giữ khí tiết cách mạng. Đầu năm 1975, Mẹ ra tù, mang bệnh nặng và mất ngày 03/4/1975. Mẹ có 4 người con là Liệt sĩ: Trần Văn Tám (hy sinh ngày 13/02/1968), Trần Văn Tao (hy sinh ngày 21/9/1970), Trần Văn Tui, Trần Văn Ba.

Ngày 24/4/1995, Mẹ được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Cần Thơ/Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cần Thơ. - Cần Thơ, 1998. - 693 tr.; 28cm).

3. Hồ Thị Thuởng (1928 - 1961)

Liệt sĩ - Mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Cần Thơ. Có 2 người con là liệt sĩ.

Quê xã Trường Xuân, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ. Mẹ tham gia cách mạng trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, làm Hội trưởng Phụ nữ xã Trường Xuân. Năm 1961, Mẹ hy sinh tại xã Trường Xuân.

Mẹ có 2 người con là liệt sĩ: Trần Văn Tính, Trung đội trưởng Đơn vị địa phương quân huyện Phụng Hiệp, hy sinh năm 1968 tại Phụng Hiệp; Trần Chiên, Tiểu đội trưởng Đơn vị địa phương quân huyện, hy sinh tại huyện Phụng Hiệp.

Mẹ được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 17/12/1994.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Cần Thơ/Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cần Thơ. - Cần Thơ, 1998. - 693 tr.; 28cm).

B. CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (05 công trình)

I. QUẬN NINH KIỀU (04 công trình)

1. Ninh Kiều

Sau khi chiếm Cần Thơ, người Pháp cho xây dựng một bến dọc theo sông Cần Thơ, gần Sở Giám Binh, cho tàu, thuyền neo đậu. Lần hồi bến sung túc trở thành bến thương mại, dân gian quen gọi bến Hàng Dương vì nơi đây có trồng hàng cây dương. Khoảng năm 1954, sau khi quân Pháp rút lui, chính quyền Việt Nam Cộng hòa cho chỉnh trang, nâng cấp đổi tên thành bến Lê Lợi. Những năm sau đó, mở rộng thành công viên có vườn chơi giải trí.

Bến còn được cấn đá xanh kiên cố. Năm 1958, đổi tên thành bến Ninh Kiều (cạnh đường Lê Lợi) để ghi nhớ địa danh, chiến tích oanh liệt của vị anh hùng Lê Lợi trên bến Ninh Kiều thuộc tỉnh Hà Tây năm xưa. Từ đó, bến Ninh Kiều dần trở thành thắng cảnh của Cần Thơ - Tây Đô, đại diện cho vẻ đẹp, cảnh sắc hữu tình của một thành phố ven sông.

Thế rồi, từ tên một thắng cảnh - hai tiếng Ninh Kiều được chọn đặt tên cho đơn vị hành chánh mới của thành phố Cần Thơ: Quận Ninh Kiều.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Bước đầu tìm hiểu địa danh thành phố Cần Thơ/Nhâm Hùng. - TP.HCM: Trẻ, 2013. - Tr. 57).

2. Hùng Vương

Tên chung chỉ 18 đời vua nước Văn Lang. 18 đời vua Hùng bắt đầu từ khoảng cuối thế kỷ VII TCN cho đến năm 258 TCN. 18 đời vua Hùng theo thứ tự là: 1. Hùng Dương Vương (Kinh Dương Vương); 2. Hùng Hiền Vương; 3. Hùng Lân Vương; 4. Hùng Việp Vương; 5. Hùng Hy Vương; 6. Hùng Huy Vương; 7. Hùng Chiêu Vương; 8. Hùng Vĩ Vương; 9. Hùng Định Vương; 10. Hùng Hy Vương (Cùng âm nhưng khác với chữ Hy thứ 5); 11. Hùng Trinh Vương; 12. Hùng Võ Vương; 13. Hùng Việt Vương; 14. Hùng Anh Vương; 15. Hùng Triều Vương; 16. Hùng Tạo Vương; 17. Hùng Nghị Vương; 18. Hùng Huệ Vương.

Ngày nay ở núi Hy Cương, tỉnh Phú Thọ còn lăng mộ Hùng Vương và là nơi thờ các đời vua Hùng. Hàng năm vào ngày 10 tháng 3 âm lịch là ngày Giỗ tổ Hùng Vương. Nhà nước ta tổ chức quốc lễ và nhân dân khắp mọi miền

Tổ quốc về dâng hương tưởng niệm ghi nhớ các vua Hùng đã có công dựng nước.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển bách khoa đất nước con người Việt Nam: Tập 1/Nguyễn Văn Chiển, Trịnh Tất Đạt đồng chủ biên. - H.: Từ điển bách khoa, 2010. – 969 tr; 27cm).

3. Tô Hiến Thành (1102 - 1179)

Ông là vị Đại thần nổi tiếng của Nhà Lý, quê ở làng Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng (Hà Tây), làm quan đời Lý Anh Tông đến chức Thái Phó, trông coi việc binh. Năm 1141, Thân Lợi khởi nghĩa ở vùng Thái Nguyên, rồi tiến đánh các nơi. Ông được cử cầm quân đi đánh, bắt được Thân Lợi. Năm 1159, các tộc người ở miền Nam nổi dậy, Ông đem quân dẹp yên và tiếp tục lập nhiều công lớn. Năm 1167, quân Champa xâm lấn biên giới phía Nam, Ông đem quân đi đánh. Vua Champa xin rút và tiếp tục giữ lệ phiên thần như cũ. Sau đó, Ông được giao trách nhiệm đảm đương việc nước, rèn luyện quân sĩ, mọi việc nhất nhất đều được chấn chỉnh.

Năm 1175, Lý Anh Tông lập Long Trát làm Thái tử, phong Ông làm Nhập nội Thái phó, tước vương, giúp đỡ Thái tử. Năm đó, Lý Anh Tông mất. Trước khi mất, vua đã di chiếu giao cho ông giúp việc vua mới. Năm 1177, vua mới 3 tuổi lên ngôi, một mình Ông phải lo nước. Mọi việc đều nghiêm chỉnh, công bằng, mọi người đều quy phục. Năm 1179, Ông mất.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển

nhân vật lịch sử Việt Nam/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh chủ biên, Phan Đại Doãn.... -H.: Giáo dục, 2006. - 648 tr.; 24 cm).

II. QUẬN CÁI RĂNG (01 công trình)

1. Cái Răng

Theo các nguồn tư liệu, địa danh Cái Răng có các lời giải thích:

- Theo học giả Vương Hồng Sển trong sách “Tự vị Tiếng nói miền Nam (Nxb Trẻ TP. HCM - 1998): Cái Răng do tiếng Khmer “Kran”, là “Cà ràng - ông Táo”! Tức một thứ lò đun, nấu bằng đất do người Khmer sáng chế. Đây là loại lò được các ghe buôn người Khmer chở bán nhiều tại chợ Cái Răng thuở xưa. Chữ Karan lâu ngày dân gian đọc trại thành Cái Răng.

- Một lời giải thích nôm na, khôi hài khác theo câu chuyện truyền miệng: Thời khẩn hoang, một ghe đám cưới đi ngang qua khúc sông nọ, bị con sấu nhấn chìm, cô dâu bị sấu ăn thịt, chàng rể hận con sấu mới lập kế dụ sấu trường vào bãi sông xem hát bội, rồi xốc trụ ngăn lại bao quanh, khi nước cạn, sấu kẹt lại bị đám thanh niên trong làng giết chết, xẻ thịt. Phần đầu thả trôi tấp vào mộ vằm rạch, dân gian đặt là Đầu Sấu, bộ rằng sấu trôi tới chợ, dân gian đặt gọi chợ Cái Răng.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Bước đầu tìm hiểu địa danh thành phố Cần Thơ/Nhâm Hùng. - TP.HCM: Trẻ, 2013. - Tr. 87)./.

NGHỊ QUYẾT

Về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất đặt tên 08 tuyến đường, đổi tên 01 tuyến đường và 01 công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, cụ thể:

1. Đặt tên 08 tuyến đường trên địa bàn 05 quận, huyện

a) Quận Ninh Kiều (03 tuyến đường): Lê Chân, Ngô Sĩ Liên, Lý Chính Thắng

b) Quận Cái Răng (01 tuyến đường): Bùi Quang Trinh

c) Quận Bình Thủy (02 tuyến đường): Nguyễn Thị Tạo, Đinh Công Chánh

d) Quận Ô Môn (01 tuyến đường): Trần Ngọc Hoàng

đ) Huyện Vĩnh Thạnh (01 tuyến đường): Phù Đồng Thiên Vương

2. Đổi tên đường, tên công trình công cộng trên địa bàn 02 quận, huyện

a) Quận Bình Thủy: 01 tuyến đường

Đường Hồ Trung Thành (tên cũ: Đường Công Bình)

b) Huyện Phong Điền: 01 công trình công cộng

Cầu Tây Đô (tên cũ: Cầu Phong Điền)

Kèm theo:

- Phụ lục I: Thuyết minh vị trí các tuyến đường và công trình công cộng;

- Phụ lục II: Tóm tắt tiểu sử danh nhân và ý nghĩa địa danh.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai và thực hiện việc gắn biển tên đường và công trình

công cộng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa IX, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 22 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2016./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Văn Hiểu

Phụ lục I
THUYẾT MINH QUY MÔ, VỊ TRÍ
CÁC TUYẾN ĐƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
(Kèm theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND
ngày 22 tháng 7 năm 2016
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. ĐƯỜNG (09 tuyến)

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
I QUẬN NINH KIỂU (03 tuyến)									
1	Lê Chân	460	9	20	2	IV	Đường số 39 - Đường số 23, khu dân cư 91B	Đường A2, khu dân cư 91B	
2	Ngô Sĩ Liên	380	9	20	2	IV	Đường Nguyễn Văn Linh - Đường số 3, khu dân cư Metro	Đường số 1, khu dân cư Metro	
3	Lý Chính Thắng	355	4 - 7	4 - 19	2	IV	Đường 3 tháng 2 - Đường Nguyễn Văn Linh	Đường nội bộ khu dân cư 178, đường 3 tháng 2	
II QUẬN CÁI RĂNG (01 tuyến)									
1	Bùi Quang Trinh	500	8 x 2	28	4	IV	Đường Võ Nguyên Giáp (đầu nối với đường Bùi Quang Trinh hiện hữu) - Đường A5, khu đô thị Phú An	Đường A2, khu đô thị Phú An	Đường Bùi Quang Trinh (mới) có chiều dài toàn tuyến 1.439 m

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LÒNG ĐƯỜNG (m)	LỘ GIỚI (m)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
III QUẬN BÌNH THỦY (03 tuyến)									
1	Hồ Trung Thành	1.200	8	16	2	IV	Đường Lê Hồng Phong - Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Công Bình	Đổi tên đường
2	Nguyễn Thị Tạo	1.192	4	4	1	IV	Nối tiếp đường Nguyễn Thị Tạo hiện hữu - Đường Võ Văn Kiệt	Đoạn đường Nguyễn Thị Tạo - Võ Văn Kiệt	Đường Nguyễn Thị Tạo (mới) có chiều dài toàn tuyến là 2.392 m
3	Đình Công Chánh	1.465	4	4	1	IV	Nối tiếp đường Đình Công Chánh hiện hữu - Đường Võ Văn Kiệt	Đoạn đường Đình Công Chánh - Đường Võ Văn Kiệt	Đường Đình Công Chánh (mới) có chiều dài toàn tuyến là 5.365 m
IV QUẬN Ô MÔN (01 tuyến)									
1	Trần Ngọc Hoàng	1.000	5	6	2	IV	Quốc lộ 91 - Giáp ranh xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ	Đoạn đường vào Nông trường Sông Hậu	
V HUYỆN VĨNH THẠNH (01 tuyến)									
1	Phù Đồng Thiên Vương	3.083	12	42	2	II	Quốc lộ 80 - Cầu Láng Chim	Đoạn đường Bốn Tổng - Một Ngàn	

B. CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (01 công trình)

TT	TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	ĐỊA CHỈ	QUY MÔ (Thông số mô tả quy mô theo quy định chuyên môn đối với từng loại công trình cụ thể)	PHÂN NHÓM	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
I HUYỆN PHONG ĐIỂN (01 công trình)						
1	Cầu Tây Đô	Thị trấn Phong Điền - Xã Nhơn Ai	Bê tông cốt thép, dài 85m, rộng 5m, tải trọng 13 tấn	IV	Cầu Phong Điền	Đổi tên cầu

Phụ lục II
TÓM TẮT TIỂU SỬ
DANH NHÂN VÀ Ý NGHĨA ĐỊA DANH
(Kèm theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND
ngày 22 tháng 7 năm 2016
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. ĐƯỜNG (09 tuyến)

I. QUẬN NINH KIỀU (03 tuyến)

1. Lê Chân (20 - 43)

Lê Chân là nữ tướng thời Trung Vương, quê ở làng An Biên, huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương. Thân phụ của Bà bị Thái thú Tô Định giết, vì quyết báo thù nhà nợ nước, Bà cùng các nữ tướng theo giúp Hai Bà Trưng khởi nghĩa. Trong các trận đánh, Bà thường được cử đi tiên phong, dũng cảm có tiếng.

Đuổi được quân xâm lược, Trưng Nữ Vương rất trọng vọng Bà, giao cho Bà coi việc quốc phòng. Để nung chí chiến đấu của dân quân, Bà thường mở cuộc thi võ và diễn võ hai, ba ngày liên tiếp, tương truyền Bà là người nghĩ ra môn thể thao đánh phết còn lưu truyền đến ngày nay. Năm Tân Sửu 41, nhà Hán sai Mã Viện sang xâm chiếm nước ta, Bà quyết chiến với giặc nhiều trận ác liệt, cuối cùng Bà tử trận tại cánh đồng làng Mai Động. Về sau, dân làng lập đền thờ Bà, các triều vua đều có ban sắc, phong Bà là Thượng đẳng phúc thần công chúa. Hàng năm, Nhân dân vẫn mở hội tưởng niệm Bà vào các ngày 4, 5, 6 tháng Giêng.

(Cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển nhân

vật lịch sử Việt Nam/Nguyễn Quang Thắng, Nguyễn Bá Thế - Thành phố Hồ Chí Minh: Tổng hợp, 2006 - 1690 tr; 24 cm).

2. Ngô Sĩ Liên (thế kỷ XV)

Ngô Sĩ Liên là nhà Sử học lớn, quê ở làng Chúc Lý, huyện Chương Đức (Chương Mỹ, Hà Tây), đỗ Tiến sĩ năm 1442, làm quan ở Viện Hàn lâm, sau thăng Đô ngự sử, thọ 99 tuổi.

Vào thời Hồng Đức (1470 - 1497), Ông làm việc ở Viện Quốc sử, được giao biên soạn bộ Đại Việt sử ký toàn thư (15 quyển). Trong bộ sử, Ông đề cao tinh thần dân tộc, chủ nghĩa yêu nước, song cũng khẳng định tư tưởng phong kiến Nho giáo trong tiến trình phát triển lịch sử.

(Cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên, Phan Đại Doãn....- H.: Giáo dục, 2006- 648 tr; 24 cm).

3. Lý Chính Thắng (1917 - 1946)

Lý Chính Thắng tên thật là Nguyễn Đức Huỳnh, quê ở huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Ông có thời gian theo học Trường Trung học tỉnh Thanh Hóa, sau vào hoạt động trong Nam, tham gia Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn và gây cơ sở Đảng ở khu vực Đa Kao (Đất Hộ).

Tháng 3/1945, Ông được phái ra Bắc để bắt liên lạc với Trung ương, sau đó lên đường vào Nam đem theo quyết định khởi nghĩa vũ trang cho Xứ ủy Nam Kỳ. Cách mạng tháng Tám thành công, rồi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông hoạt động trong ngành giao thông liên lạc tại vùng Sài Gòn bị giặc chiếm. Bị giặc Pháp bắt và tra tấn dã man, ông mất tại bệnh viện Chợ Rẫy ngày 30/9/1946.

Ông đã được truy tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì.

(Cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên, Phan Đại Doãn....- Hương.- H.: Giáo dục, 2006- 648 tr; 24 cm).

II. QUẬN CÁI RĂNG (01 tuyến)

1. Bùi Quang Trinh (1923 - 1945)

Liệt sĩ Bùi Quang Trinh quê gốc ở Chợ Mới, tỉnh An Giang. Năm 1940 gia đình anh về sống ở Cần Thơ. Cụ thân sinh là người lao động giỏi, biết nhiều nghề. Anh được đồng chí Ung Văn Khiêm - một trong những đồng chí lãnh đạo An Nam Cộng sản Đảng giác ngộ cách mạng.

Anh là con lớn nhất trong gia đình gồm 10 anh em. Sau khi đỗ bằng Thành Chung ở Cần Thơ, Anh lên Sài Gòn học hội họa ở Trường Mỹ thuật Gia Định, đồng cảm với nỗi khổ của người dân, có ý thức phản kháng cường quyền, bất công xã hội và trước thái độ của quyền, hách dịch, hà khắc của viên Bố Chánh, Anh quyết định bỏ việc khi đang làm “Quan phán” ở tòa Bố chánh Hà Tiên.

Trước Cách mạng tháng 8 năm 1945, anh về Cần Thơ tham gia cướp chính quyền. Sau đó gia nhập lực lượng Quốc gia tự vệ cuộc (tiền thân của Công an Nam bộ). Ít ngày sau khi tái chiếm thị xã Cần Thơ, giặc Pháp đổ quân về Cái Răng, âm mưu từ “bàn đạp” này để có thể “nóng” ra đánh phá các cơ sở kháng chiến, các cơ quan đầu não của Cần Thơ. “Nhà việc” của xã Thường Thạnh được chúng chọn làm trụ sở của Ban chỉ huy quân sự Pháp do tên quan ba Ru-ăng làm chỉ huy trưởng.

Ngày 12 tháng 11 năm 1945, anh là Phó chỉ huy trưởng chỉ huy trận đánh Cái Răng, là một trong 5 chiến sĩ của “Đội cảm tử Quốc gia tự vệ cuộc” do đồng chí Lê Bình chỉ huy đã “Hóa trang kỳ tập” vào Ban Chỉ huy cánh quân Pháp đặt tại Cái Răng, giết hơn 20 tên giặc. Đây là trận đánh có tiếng vang lớn rất đáng ghi nhớ của quân dân Cần Thơ kể từ khi quân Pháp tái chiếm Cần Thơ được ít ngày. Anh đã anh dũng hy sinh trong trận đánh này.

(Cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Bình Minh - Tiếng súng Cái Răng: Ký sự - Lịch sử/Phương Hạnh - Cần Thơ, 1992 - 35tr).

III. QUẬN BÌNH THỦY (03 tuyển)

1. Hồ Trung Thành (1952 - 1978)

Hồ Trung Thành là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, còn được gọi là Hồ Thành Lân, quê ở xã Phú Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Ông nhập ngũ năm 1970, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1972. Từ năm 1970 - 1972, Ông là chiến sĩ đặc công Quân khu 9, tham gia đánh 10 trận, diệt nhiều địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh. Trong hai trận đánh sân bay Trà Nóc (Cần Thơ) đêm 16/5/1972 và đêm 11/9/1972, Ông điều tra nghiên cứu và chỉ huy tổ đặc công phá hủy 15 máy bay; trong đó, Ông trực tiếp phá hủy 09 máy bay. Còn trong hai trận đánh kho Vị Thanh và Rạch Giá đêm 15/10/1972 và đêm 14/11/1972, Hồ Trung Thành sử dụng mìn hẹn giờ phá hủy 27 xe quân sự, 03 kho đạn (15.000 tấn), 01 kho xăng (1.000 tấn), diệt 47 tên địch.

Qua nhiều trận chiến đấu, Ông được tặng thưởng 01 Huy chương Chiến công hạng Nhì, 03 Huy chương Chiến công hạng Ba. Ông được phong quân hàm Thượng úy năm 1978. Khi được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Ông là Đại đội trưởng Đại đội đặc công 19, Đoàn 8, quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

(Cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam/Bộ Quốc phòng.- H.: Quân đội nhân dân, 2004.- 1295 tr; 27 cm).

2. Nguyễn Thị Tạo (1916 - 1994)

Mẹ Nguyễn Thị Tạo quê ở Long Hòa, thành phố Cần Thơ, có 03 con là liệt sĩ. Bằng Luật 10/59, Mỹ - Diệm lê máy chém khắp miền Nam tàn sát đồng bào, căm thù quân cướp nước, Mẹ Nguyễn Thị Tạo hăng hái tham gia hoạt động cách mạng và lần lượt tiễn 03 người con lên đường nhập ngũ, các anh chiến đấu và hy sinh rất dũng cảm.

Ngày 20/4/1963, Mẹ chính thức đứng vào hàng ngũ Đảng Cộng sản Việt Nam. Không ngại khó khăn, nguy hiểm, Mẹ tích cực bảo vệ, nuôi chứa và vận động quần chúng ủng hộ, giúp đỡ cán bộ, bộ đội. Mẹ còn lãnh đạo đội quân chính trị đấu tranh trực diện với địch tại thành phố Cần Thơ.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Mẹ tuy tuổi cao nhưng là tấm gương tiêu biểu, cùng với các đồng chí cán bộ trẻ ở địa phương lao vào công tác không mệt mỏi, giải quyết, khắc phục mọi hậu quả chiến tranh để lại. Mẹ đảm nhận Ban Cán sự Phụ nữ Khóm VI, phường Bình Thủy. Tháng 6/1976, Mẹ được Đảng, Nhà nước cho về hưu, cư ngụ ấp Bình Nhứt A, xã Long Hòa.

Với thành tích của Mẹ và sự hy sinh các con của Mẹ cho Tổ quốc, Chủ tịch nước đã khen tặng Mẹ Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì và danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

(Cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Cần Thơ/Ban Tuyên Giáo tỉnh ủy Cần Thơ.- 2008.- tr. 79 -Sách dày 693 trang khổ giấy 19,5 x 27,5 cm).

3. Đình Công Chánh (1839 - 1899)

Đình Công Chánh là con của ông Đình Công Điền và bà Huỳnh Thị Hiệu. Lúc nhỏ, ông học tại gia, khi lên 7 tuổi, ông theo học trường chữ Nho ở xóm Bà Đồ do bà giáo Nguyễn Thị Nguyệt dạy, không lâu sau, bà giáo qua đời, ông trở về tiếp tục học tại gia.

Ông là người tham gia vào Tao đàn văn học đầu tiên của làng Bình Hưng (tên trước của làng Bình Thủy). Ông được Bùi Hữu Nghĩa dạy làm thơ, Bùi Hữu Sanh truyền dạy nghề thuốc Bắc, thuốc Nam và được vị lão sư Nguyễn Giác Nguyên tin yêu, hướng dẫn đi theo con đường của các sĩ phu yêu nước thời bấy giờ. Ông tham gia phong trào vận động Đông Du (do Phan Bội Châu khởi xướng và lãnh đạo) tại làng Bình Thủy. Ông được Ban Tế tự Đình thần Bình Thủy giao việc trông coi Đình và cất miếu thờ Thần Nông, Sơn Quân và nhà Võ Ca (sân khấu). Ông đã hoàn thành tốt các công việc được giao và được nhân dân hết lòng khen ngợi.

Đương thời, ông được xem là nhà Nho, thường kêu gọi nhân dân làm điều lành, tránh làm điều dữ; đồng thời, ông cũng là một danh y, tu hành đức độ và giỏi về thiên văn,

địa lý. Năm 1887, ông là Trưởng Ban Bảo tự chùa Long Quang. Sau đó, ông được bầu giữ chức Bồi Bái ở Đình thần Bình Thủy - Long Xuyên (chức việc này được xem như hộ vệ của thần).

Ông mất năm 1899, sau một tai nạn khi tham gia trùng hưng chùa Long Quang. Ông mất đi để lại niềm thương cảm vô hạn trong nhân dân làng cổ Bình Thủy - Long Xuyên, người ta thường nhắc đến ngày mất của ông bằng câu ca dao: Ngày ba, tháng tỵ, giờ thìn/Nhằm năm Kỷ Hợi, để kinh triệu hồi.

(Theo nguồn dữ liệu Ngân hàng tên đường, Nguồn trích dẫn: Chuyện làng cổ Bình Thủy - Long Xuyên/ Nguyễn Sương - Cần Thơ, Nxb Đại học Cần Thơ, năm 2011 - 150 trang).

IV. QUẬN Ô MÔN (01 tuyến)

1. Trần Ngọc Hoàng (1925 - 2000)

Trần Ngọc Hoàng là Anh hùng Lao động, sinh ngày 06/8/1925, tại phường An Hòa, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ.

Tham gia cách mạng tháng 7/1944, đến tháng 8/1945, tham gia cướp chính quyền tại thị xã Bạc Liêu. Ngày 02/9/1945, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 09 năm kháng chiến chống Pháp kiên cường, Ông sống trong lòng địch. Năm 1954, Ông tập kết ra Bắc và được đi học tại Học viện Quân chính cấp cao khóa I tại Hà Nội. Năm 1963, Ông là Thượng úy, Bí thư Đảng ủy chính trị viên Tiểu Đoàn H27, vượt Trường Sơn vào Nam đánh Mỹ.

Năm 1975, Ông mang Quân hàm Thiếu tá, giữ chức Chính ủy Trường Quân chính quân khu 9. Năm 1976, Ông chuyển ngành về làm Phó Trưởng ty Nông nghiệp Hậu Giang (nay là thành phố Cần Thơ). Tháng 4/1979, Ông tình nguyện xây dựng nông trường và làm Giám đốc Nông trường Sông Hậu, kiêm Giám đốc Nông trường 30 tháng 4, tỉnh Sóc Trăng. Nông trường Sông Hậu do Ông xây dựng từ vùng đất hoang hóa đã trở thành đơn vị 02 lần đạt Anh hùng Lao động (năm 1985 và 1999).

Với công lao to lớn, thành tích đặc biệt xuất sắc, ông Trần Ngọc Hoàng đã được khen thưởng: Huy hiệu Thành đồng Tô quốc; Huân chương Chiến công hạng Nhất; Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Nhì, Ba; Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; Huân chương Độc lập hạng Nhì; Anh hùng Lao động; Chiến sĩ thi đua toàn quốc; Chiến sĩ hai giỏi toàn quốc; Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương chuyên ngành các loại.

Ông từ trần vào 19 giờ 20 phút, ngày 15/7/2000. Ghi nhận công lao to lớn của Ông với việc khai mở phát triển sự nghiệp giáo dục trong Nông trường Sông Hậu, Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ đã ký Quyết định số 885/QĐ-CTUB ngày 16/4/2001 đổi tên Trường THPT Nông trường Sông Hậu thành Trường THPT Trần Ngọc Hoàng.

(Cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu do Trường THPT Trần Ngọc Hoàng, huyện Cờ Đỏ cung cấp).

V. HUYỆN VĨNH THẠNH (01 tuyển)

1. Phù Đồng Thiên Vương

Phù Đồng Thiên Vương là người anh hùng nhỏ tuổi thời Hùng Vương, có tên Thánh Gióng. Theo truyền thuyết,

Thánh Gióng xuất thân từ một gia đình nghèo ở làng Gióng (Gia Lâm - Hà Nội), ba tuổi vẫn chưa biết nói, biết cười. Bấy giờ, vào đời Vua Hùng Vương thứ 6, giặc Ân từ phương Bắc tràn xuống đánh phá nước Văn Lang, quân ta chống đỡ rất khó khăn. Vua Hùng lo lắng, cho người đi các nơi cầu người tài giỏi đánh giặc. Sứ của vua đến làng Gióng, rao lời cầu. Cậu bé Gióng ba tuổi bỗng biết nói, nhờ mẹ gọi sứ vào và nhờ sứ về đóng cho mình 01 con ngựa sắt, 01 cái nón sắt và 01 chiếc roi sắt để đi đánh giặc. Sứ về tâu vua, vua Hùng liền sai người rèn ngựa, nón, roi sắt chở đến làng. Cậu bé làng Gióng bỗng vươn mình đứng dậy thành người khổng lồ. Dân làng nấu cơm, cậu đã ăn liền một lúc hết “bảy nong cơm, ba nong cà - Uống một hớp nước, cạn cả khúc sông”. Sau đó, cậu nhảy lên mình ngựa sắt, đội nón, cầm roi, thúc ngựa lên đường. Ngựa sắt bỗng hí vang, phun lửa cháy cả một vùng rồi phi nhanh về phía giặc. Cậu vung roi sắt quật chết nhiều tên giặc, chẳng may roi gãy, cậu bèn nhổ các bụi tre ngà ven đường để đánh. Thây giặc ngổn ngang, đất nước sạch bóng quân thù. Cậu quay ngựa, phi về núi Sóc ở quê nhà, cởi áo sắt treo trên cành cây rồi bay về trời.

Ghi nhớ công ơn người anh hùng nhỏ tuổi, quên mình vì nước, Nhân dân đã lập đền thờ cậu bé Gióng, tôn làm Phù Đổng Thiên Vương. Hàng năm, ngày cậu bé Gióng ra đi, dân làng lại tổ chức Hội Gióng, diễn lại cuộc chiến ngày xưa, ghi nhắc chiến tích anh hùng của cậu bé Gióng.

(Cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên, Phan Đại Doãn....- H.: Giáo dục, 2006.- 648 tr.; 24 cm).

B. CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (01 công trình)

I. HUYỆN PHONG ĐIỀN (01 công trình)

1. Tây Đô

Tây Đô là tên gọi của Cần Thơ xưa. Trước nay chưa có một văn bản nhà nước nào chính thức gọi Cần Thơ là Tây đô (thủ đô miền Tây). Tuy nhiên, do vị trí địa lý thuận lợi về giao thông, thương mại, công kỹ nghệ và cả quân sự đều ở trung tâm khu vực châu thổ sông Cửu Long nên từ trước đến nay Cần Thơ được coi là vị trí trung tâm của vùng.

Từ tháng 02/1919, trên tạp chí Nam Phong đã đăng loạt bài du ký Một tháng ở Nam kỳ của ông Phạm Quỳnh. Đây là nhà văn, nhà báo đầu tiên ở miền Bắc vào viếng miền Nam. Bài báo có đoạn viết “Cần Thơ có cái vẻ mỹ miều xinh xắn, sạch sẽ phong quang, thật xứng tên làm tỉnh đầu miền Tây (La capitale de L'Ouest - Tây Đô). Đường phố thênh thang, nhà cửa san sát, các nhà buôn Tây cũng nhiều hơn, có chỗ coi xinh đẹp hơn ở Sài Gòn” (Theo bài báo “Cần Thơ xưa” của nhà nghiên cứu Sơn Nam đăng liên tiếp nhiều kỳ trên báo Cần Thơ năm 1994).

Chính hoàn cảnh địa lý, lịch sử, kinh tế, văn hóa, chính trị, văn hóa, xã hội của Cần Thơ đã từng tồn tại, phát triển qua các thời kỳ, tạo cơ sở để trước nay không ai bảo ai mà nhiều người ở nhiều nơi vẫn thường gọi Cần Thơ là Tây Đô.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, trọng tâm là giai đoạn cuối của chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ, nhu cầu tác chiến và quy mô tác chiến rất cao, tỉnh Cần Thơ cần phải có đơn vị tập trung cấp tiểu đoàn để tiêu diệt,

tiêu hao sinh lực địch, làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc. Ngày 24/6/1964, giữa lúc cuộc chiến đấu của Nhân dân ta chống Mỹ xâm lược ngày một trở nên quyết liệt thì tại xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ tiểu đoàn bộ binh đầu tiên mang tên Tây Đô được thành lập. Tiểu đoàn Tây Đô, một bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân Cần Thơ đã đóng góp nhiều công lao, xương máu, lập nhiều chiến công tạo nên Vòng Cung rực lửa, Xà No dậy sóng, đánh thắng nhiều đơn vị sừng sỏ của Mỹ - ngụy. “Ra đi là chiến thắng, đánh là tiêu diệt” là truyền thống, là niềm tự hào của các thế hệ cán bộ, chiến sĩ, là niềm tin của Đảng bộ và nhân dân Cần Thơ. Tiểu đoàn Tây Đô đã được Đảng, Nhà nước tuyên dương hai lần danh hiệu Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Ngày 20/6/1995, Tiểu đoàn Tây Đô chính thức đóng tại doanh trại thuộc xã Nhơn Ái (gần chợ Phong Điền), huyện Châu Thành A (nay là huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ).

(Cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Địa chí Cần Thơ/Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ - Cần Thơ, 2002).

NGHỊ QUYẾT
về việc đặt tên đường và công trình công cộng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn một số điều của Quy chế đặt tên đường, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đặt tên đường và công trình công cộng; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất đặt tên 10 tuyến đường và 01 công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ

1. Đặt tên 10 tuyến đường trên địa bàn 04 quận

a) Quận Ninh Kiều (01 tuyến đường): Yết Kiêu;

b) Quận Cái Răng (01 tuyến đường): Trần Văn Việt;

c) Quận Bình Thủy (07 tuyến đường): Đồng Văn Cống, Đặng Văn Dầy, Tô Vĩnh Diện, Phạm Ngọc Hưng, Đồng Ngọc Sứ, Nguyễn Chí Thanh, Nguyễn Thị Tính;

d) Quận Ô Môn (01 tuyến đường): Tôn Đức Thắng.

2. Đặt tên 01 công trình công cộng

Cầu Thới An Đông trên địa bàn quận Bình Thủy.

(Kèm theo:

- Phụ lục I: Thuyết minh quy mô, vị trí các tuyến đường và công trình công cộng;

- Phụ lục II: Tóm tắt tiểu sử danh nhân và ý nghĩa địa danh).

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai và thực hiện gắn biển tên đường, công trình công cộng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa IX, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2017./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Văn Hiếu

Phụ lục I
THUYẾT MINH QUY MÔ, VỊ TRÍ
CÁC TUYẾN ĐƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
(Kèm theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND
ngày 07 tháng 7 năm 2017
của Hội đồng nhân dân thành phố)

A. ĐƯỜNG (10 tuyến đường)

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (mét)	LÒNG ĐƯỜNG (mét)	LỘ GIỚI (mét)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - Điểm cuối)	TÊN TAM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
I QUẬN NINH KIỀU (01 tuyến đường)									
1	Yết Kiêu	230	3,5x2	15	2	IV	Đường Phạm Ngũ Lão - đường Lê Anh Xuân (phường Thới Bình)	Đường cặp Rạch Sơn	
II QUẬN CÁI RĂNG (01 tuyến đường)									
1	Trần Văn Việt	500	8	16	2	IV	Đường Võ Nguyên Giáp - Đường số 5, khu dân cư Công an (phường Hưng Thạnh và phường Phú Thứ)	Đường số 7, khu dân cư Công an	
III QUẬN BÌNH THỦY (07 tuyến đường)									
1	Đổng Văn Cống	1.400	11	20	2	IV	Đường Trần Quang Diệu - Đường Võ Văn Kiệt (phường An Thới)	Hẻm 162 đường Trần Quang Diệu và đường Vành đai phi trường nhánh B	

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (mét)	LÒNG ĐƯỜNG (mét)	LỘ GIỚI (mét)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - Điểm cuối)	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
2	Đặng Văn Dãy	1.850	15-20	36	2-4	III	Đường Lê Hồng Phong - Đường Võ Văn Kiệt (phường Bình Thủy)	Đường trục chính khu hành chính quận Bình Thủy	
3	Tô Vĩnh Diện	1.800	4	6	1	IV	Đường Bùi Hữu Nghĩa - Khu tái định cư phường Long Tuyền (phường Long Tuyền)	Đường Bùi Hữu Nghĩa - Khu tái định cư phường Long Tuyền	
4	Phạm Ngọc Hưng	400	4	10	1	IV	Đường Võ Văn Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (phường An Thới)	Đường Vành đai phi trường 400 mét	
5	Đổng Ngọc Sứ	450	5-8	16	1	IV	Đường Trần Quang Diệu - Đường Phạm Hữu Lầu (phường An Thới)	Hẻm 162/60 - 56 - 38 đường Trần Quang Diệu (đường LIA 10 - Rạch Phụng)	
6	Nguyễn Chí Thanh	1.400	11	30	2	III	Đường Nguyễn Chí Thanh (hiện hữu) - Quốc lộ 91B (phường Thới An Đông)	Tuyến đường từ cầu Trà Nóc 2 đến Quốc lộ 91B	Đường Nguyễn Chí Thanh (mới) có chiều dài toàn tuyến là 5.740 mét

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (mét)	LÒNG ĐƯỜNG (mét)	LỘ GIỚI (mét)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - Điểm cuối)	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
7	Nguyễn Thị Tíh	280	6	10	1	IV	Đường Cách Mạng Tháng 8 đến cuối Hẻm 116 (phường Bùi Hữu Nghĩa)	Hẻm 116 đường Cách Mạng Tháng 8	
IV QUẬN Ô MÔN (01 tuyến đường)									
1	Tôn Đức Thắng	9.600	11-24	42	2-4	I	Cầu Sang Trắc 1 - cầu Ô Môn (phường Phước Thới và phường Châu Văn Liêm)	Quốc lộ 91	

B. CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (01 công trình)

TT	TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	ĐỊA CHỈ	QUY MÔ <i>Thông số mô tả quy mô theo quy định chuyên môn đối với từng loại công trình cụ thể</i>	CẤP	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
I QUẬN BÌNH THỦY						
1	Cầu Thới An Đông	Phường Thới An Đông	Bê tông cốt thép, dài 300 mét, rộng 11 mét, tải trọng 30 tấn	I	Cầu Trà Nóc 2	

Phụ lục II
TÓM TẮT TIỂU SỬ
DANH NHÂN VÀ Ý NGHĨA ĐỊA DANH
(Kèm theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND
ngày 07 tháng 7 năm 2017
của Hội đồng nhân dân thành phố)

A. ĐƯỜNG (10 tuyến)

I. QUẬN NINH KIỀU (01 tuyến)

1. Yết Kiêu (1242 - 1301)

Yết Kiêu là tùy tướng của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, quê làng Hạ Bì, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Ông là một trong những tùy tướng tài giỏi và trung liệt của Hưng Đạo Vương. Vốn là người thiện thủy chiến, trong cuộc chiến chống quân Mông Nguyên, ông đã dùng tài lặn mà đánh đắm thuyền giặc và chính ông đã bắt sống tên phù thủy tay sai giặc lợi hại là Nguyễn Bá Linh.

Khi ông mất, vua Trần truyền lập đền thờ ông ở bờ sông Hạ Bì là nơi quê ông. Đời sau có thơ vịnh:

Hồ hải xông pha tỏ chí mình.

Không nề lặn lội cứu sinh linh.

Giữa sông cung kiếm trừ yêu quái.

Đáy nước khoan thuyền bắt Bá Linh.

Cướp vía Thoát Hoan khi đắc báo.

Giúp oai Hưng Đạo lúc hành binh.

Một mai phá giặc thành công lớn.

Rạng vẽ trời Nam một tướng tinh.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên; Phan Đại Doãn, Chương Thâu...-H. : Giáo dục, 2006.-647 tr.; 24cm).

II. QUẬN CÁI RĂNG (01 tuyến)

1. Trần Văn Việt (1950 - 1980)

Liệt sĩ, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Trần Văn Việt sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo tại xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau). Năm 1969, ông bắt đầu tham gia du kích tại xã, sau đó được bổ sung vào bộ đội chủ lực thuộc Quân khu 9. Ông đã vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong những năm tháng tham gia chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1969 - 1975, ông đã chỉ huy đơn vị chiến đấu 17 trận lớn nhỏ, diệt hàng chục tên địch, bắn chìm 04 tàu chiến; riêng ông đã tiêu diệt 06 tên, thu 02 súng, 08 lựu đạn và một số quân trang và nhiều quân dụng khác của địch.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, năm 1976, ông được điều động về công tác trong lực lượng công an, được tổ chức phân công về đại đội Cảnh sát bảo vệ, Công an thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ. Trong quá trình công tác, ông luôn phát huy tinh thần trách nhiệm, dũng cảm mưu trí trong chiến đấu, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được lãnh đạo giao, góp phần tích cực cùng đơn vị truy quét bọn tàn quân địch, bọn tội phạm hình sự, bắt hàng trăm tên tội phạm, trong đó có nhiều tên giết người cướp của, góp phần giữ vững an ninh trật tự ở địa phương. Ông đã anh dũng

hy sinh trong cuộc trấn áp bọn cướp có vũ khí tại số nhà 54, đường Phạm Ngũ Lão, thành phố Cần Thơ vào ngày 10 tháng 7 năm 1980.

Ngày 28 tháng 8 năm 1981, ông được Đảng và Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Qua hơn 10 năm chiến đấu và công tác, ông đã được tặng thưởng 01 Huân chương Chiến thắng hạng nhất, 01 Huân chương Chống Mỹ, cứu nước hạng Ba và nhiều bằng khen khác.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Đội Nghiên cứu lịch sử - Công an thành phố Cần Thơ cung cấp).

III. QUẬN BÌNH THỦY (07 tuyến)

1. Đồng Văn Cống (1918 - 2005)

Đồng Văn Cống sinh năm 1918, quê xã Tân Hào, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Ông nhập ngũ năm 1946 và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1944.

Trong kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ, ông tham gia chiến đấu tại chiến trường Nam Bộ. Từ năm 1946 - 1954, ông làm Trung đoàn trưởng, Tỉnh đội trưởng Bến Tre. Từ năm 1954 - 1959, ông làm Ủy viên Ban Liên hiệp đình chiến Trung ương, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 330. Năm 1962, ông làm Phó Tư lệnh Quân khu Hữu Ngạn. Từ năm 1963 - 1969, ông làm Tư lệnh Quân khu 9. Từ năm 1969 - 1972, ông làm Phó Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam Việt Nam, kiêm Tư lệnh bộ đội Việt Nam tại khu Đông Bắc Cam-pu-chia (C40). Từ năm 1973 - 1974, ông làm Tư lệnh Quân khu 8. Từ năm 1974 - 1975, ông làm Phó Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam Việt Nam Sau năm 1975,

ông làm Phó Tư lệnh Quân khu 7. Tháng 10 năm 1982, ông làm Phó Tổng Thanh tra Quân đội. Ông còn là đại biểu Quốc hội khóa VI.

Ông được phong quân hàm Trung tướng năm 1980. Ông đã nhận được Huân chương Hồ Chí Minh, 02 Huân chương Quân công hạng I, 01 Huân chương Quân công hạng III.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Ban viết sử Cục Chính trị Quân khu 9; cổng thông tin điện tử tỉnh Bến Tre: www.bentre.gov.vn, biên tập Nguyễn Hữu Vị).

2. Đặng Văn Dầy (1944 - 1994)

Đặng Văn Dầy, bí danh Ba Dầy, sinh năm 1944, tại ấp Tân Bình, xã Phong Hòa, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Ông nhập ngũ năm 1962, được kết nạp Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1965. Tháng 01 năm 1972, trước tình hình binh định ác liệt của địch và sự thông báo của cấp trên về một số hệ thống kho bị lộ. Chấp hành mệnh lệnh của cấp trên, đồng chí Ba Dầy chỉ huy một lực lượng gồm 06 đồng chí, tổ chức tập kích hỏa lực vào chi khu Bà Thầy, khi chúng đang xem đoàn hát Cần Thơ biểu diễn, tiêu diệt hàng chục tên lính ngụy và bắn chìm 02 tàu địch.

Tháng 6 năm 1972, đồng chí Đặng Văn Dầy nhận nhiệm vụ phục kích đánh tàu chở hàng tiếp tế cho đồn Bà Thầy. Đồng chí đã nhanh chóng chỉ huy lực lượng gồm 03 đồng chí đi trinh sát thực địa chọn địa điểm, thời cơ thích hợp, nắm rõ quy luật hoạt động của chúng. Báo cáo với chi bộ và được cấp trên nhất trí, đồng chí đã chỉ huy đồng

đội cải thủy lôi và ém lực lượng hai bên sông, dùng súng B40 bắn cháy 02 tàu của địch, làm cho chúng thiệt hại về phương tiện, vật chất.

Tháng 7 năm 1972, đồng chí Đặng Văn Dầy tham gia lực lượng cán bộ, chiến sĩ kho S301A; tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được giao, tổ chức phục kích đánh Tiểu đoàn 4 thuộc Sư đoàn 21 ngự ở cây Bả Đậu, kinh đứng Biện Nhị, tiêu diệt được 30 tên địch và làm cho chúng không tiến quân vào khu vực kho của đơn vị.

Năm 1986, đồng chí đã được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương Kháng chiến hạng nhì. Ngày 06 tháng 11 năm 1987, đồng chí Đặng Văn Dầy vinh dự được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân vì đã có thành tích xuất sắc trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng dân tộc.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ Kho 301, 1962 - 2012).

3. Tô Vĩnh Diện (1924 - 1953)

Tô Vĩnh Diện sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo tại xã Nông Trường, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công, anh tham gia dân quân ở địa phương, năm 1949 xung phong vào bộ đội.

Để chuẩn bị chiến dịch Điện Biên Phủ, Tô Vĩnh Diện được điều về làm Tiểu đội trưởng một đơn vị cao xạ pháo. Trên đường đơn vị hành quân hơn 1.000 km tới vị trí tập kết để tham gia chiến dịch, anh luôn luôn gương mẫu làm mọi việc nặng nhọc, động viên giúp đỡ đồng đội đưa pháo tới

đích an toàn. Có lệnh kéo pháo ra, anh lại đi sát từng người, động viên giải thích rõ nhiệm vụ, giúp anh em quyết tâm khắc phục khó khăn.

Đêm tối, đường dốc, dây kéo pháo đứt, pháo lao nhanh xuống dốc. Trước cảnh hiểm nghèo đó, anh hô anh em: “Thà hy sinh, quyết bảo vệ pháo” và buông tay lái xông lên trước, lấy thân mình lao vào chèn bánh xe pháo. Pháo bị vướng, nghiêng tựa vào bờ, nhờ đó đơn vị giữ được pháo không rơi xuống vực. Anh đã anh dũng hy sinh.

Anh được nhà nước truy tặng Huân chương Chiến công hạng I, Huân chương Quân công hạng II và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên, Phan Đại Doãn....- H.: Giáo dục, 2006.- 648 tr.; 24 cm).

4. Phạm Ngọc Hưng (1918 - 1999)

Phạm Ngọc Hưng, bí danh Năm Hải, sinh năm 1918, tại xã Quới An, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Ông nhập ngũ năm 1945, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1946.

Trong kháng chiến chống Pháp, trưởng thành từ chiến sĩ đến Tiểu đội trưởng Vĩnh Long. Từ năm 1957 - 1960, ông làm Tham mưu phó Sư đoàn 338, Sư đoàn phó Sư đoàn 330. Năm 1961, ông làm Tham mưu phó Quân khu Hữu Ngạn. Năm 1963, ông làm Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 338. Năm 1964, ông làm Phó Tư lệnh Quân khu 9. Tháng 7 năm 1969, ông làm Tham mưu phó, kiêm Trưởng phòng Dân quân, Bộ tham mưu quân giải phóng miền Nam.

Tháng 9 năm 1971, Phó Tư lệnh, rồi Tư lệnh Quân khu 9.
Tháng 5 năm 1976, Phó Tư lệnh Quân khu 9 khi sáp nhập
Quân khu 8 và Quân khu 9.

Ông được phong quân hàm Thiếu tướng năm 1974.
Ông đã nhận được Huân chương Độc lập hạng I, Huân
chương Quân công hạng I.

*(Theo cơ sở dữ liệu nguồn từ Ban viết sử Cục Chính trị
Quân khu 9; cổng thông tin điện tử: thvl.vn, trang tin
“Người con trung hiếu”)*

5. Đồng Ngọc Sứ (1932 - 2015)

Mẹ Đồng Ngọc Sứ (còn gọi Mười Thơm) tham gia
Cách mạng năm 1946. Đến năm 1949, mẹ được kết nạp
vào Đảng Cộng sản Việt Nam, là Ủy viên Ban Chấp hành
Phụ nữ tỉnh Vĩnh Long. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ
cứu nước, mẹ lần lượt nhận các nhiệm vụ công tác phụ vận,
công tác quân y Tiểu đoàn Trần Hưng Đạo, dân y huyện
Bình Minh, Trưởng đội giao liên công khai huyện, Phó
Chủ tịch Mặt trận dân tộc giải phóng huyện Bình Minh. Từ
năm 1966 - 1973, mẹ là Ủy viên Ban Chấp hành Phụ nữ
tỉnh Vĩnh Long và Hội phó Ban Chấp hành Phụ nữ thị xã
Sa Đéc. Năm 1974 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, mẹ là
cán bộ Dân vận Thành ủy Cần Thơ.

Mẹ có một người con nuôi tên Đồng Xuân Bình -
Trung đội phó truyền tin D312/e3, hy sinh năm 1972.

Mẹ Đồng Ngọc Sứ qua đời năm 2015 vì tuổi cao,
được an táng tại số nhà 53/62 đường Nguyễn Việt Dũng,
phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
Trong kháng chiến, mẹ được tặng thưởng nhiều huân
chương và được Chủ tịch nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ
Việt Nam anh hùng.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Cần Thơ, - Cần Thơ: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, 1998. - Tr. 78).

6. Nguyễn Chí Thanh (1914 - 1967)

Ông sinh ra trong một gia đình nông dân ở thôn Niệm Phò, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Năm 17 tuổi, ông đã cùng một số thanh niên tá điền đấu tranh chống lại bọn cường hào địa phương. Ông tham gia phong trào Mặt trận Bình dân, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 7 năm 1937, sau đó được cử làm Bí thư Chi bộ. Năm 1938, ông làm Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên. Cuối năm 1938, ông bị địch bắt. Sau khi ra tù, ông tiếp tục hoạt động và được cử lại làm Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên. Giữa năm 1939, ông lại bị giặc Pháp bắt và giam ở các nhà lao: Huế, Lao Bảo, Buôn Ma Thuột...

Năm 1941, ông vượt ngục và tham gia thành lập Tỉnh ủy lâm thời Thừa Thiên, ra sức xây dựng cơ sở cách mạng nhiều nơi trong tỉnh. Năm 1943, ông lại bị bắt. Năm 1945, ông ra tù. Đến tháng 3 năm 1945, tại Hội nghị toàn quốc của Đảng tổ chức ở Tân Trào (Tuyên Quang), ông được bầu vào Ban Chấp Trung ương Đảng, được chỉ định làm Bí thư Xứ ủy Trung kỳ.

Năm 1947, ông được chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên, sau đó làm Bí thư Phân khu ủy Bình - Trị - Thiên. Từ cuối năm 1948 đến năm 1950, ông làm Bí thư Liên khu ủy Khu IV. Năm 1950, ông là Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam và Phó Bí thư Tổng Quân ủy. Năm 1959, ông được phong quân hàm

Đại tướng. Ông là Ủy viên Bộ Chính trị - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II, khóa III.

Trong kháng chiến chống Mỹ, ông được Đảng điều động trở lại quân đội. Năm 1965, ông vào chiến trường miền Nam, là Ủy viên Hội đồng quốc phòng. Ông được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều huân chương cao quý. Sau khi mất, ông được truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh và Huân chương Quân công hạng II.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên; Phan Đại Doãn, Chương Thâu...-H.: Giáo dục, 2006. - 647 tr.; 24cm.)

7. Nguyễn Thị Tính (1927 - 1971)

Liệt sĩ, Bà Mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Tính, quê quán tại xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ (nay thuộc tỉnh Hậu Giang); bản thân, chồng và 01 con là liệt sĩ. Từ năm 1945, suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, vợ chồng mẹ đều tham gia công tác cách mạng. Mẹ từng là Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã Hiệp Hưng, Thường vụ Chi ủy xã, đến ngày mẹ hy sinh năm 1971. Chồng của mẹ là liệt sĩ Lương Minh Xiếu, Đảng ủy viên Đảng ủy liên cơ, hy sinh năm 1967, ở xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành. Con trai mẹ, anh Lương Văn Hiệp, nhập ngũ vào bộ đội năm 1960, hy sinh năm 1972 tại Long Mỹ, tỉnh Cần Thơ.

Những thành tích và sự cống hiến công sức, máu xương của gia đình mẹ Nguyễn Thị Tính được Đảng và Nhà nước mãi mãi ghi ơn, ngày 24 tháng 4 năm 1995 mẹ được truy tặng danh hiệu cao quý Bà Mẹ Việt Nam anh hùng.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Cần Thơ, - Cần Thơ: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, 1998, - Tr. 392).

IV. QUẬN Ô MÔN (01 tuyến)

1. Tôn Đức Thắng (1888 - 1980)

Chủ tịch Tôn Đức Thắng sinh ngày 20 tháng 8 năm 1888 tại làng Mỹ Hòa Hưng, tỉnh Long Xuyên (nay thuộc tỉnh An Giang). Năm 1910, sau khi học xong trường dạy nghề, ông vào làm việc trong xưởng máy của hải quân Pháp tại Sài Gòn. Năm 1912, ông lãnh đạo cuộc bãi công của học sinh trường dạy nghề và công nhân nhà máy Ba Son. Bị lòng bắt ráo riết, ông phải trốn sang Pháp làm thợ máy trong hải quân Pháp.

Năm 1919, ông tham gia cuộc binh biến tại Biển Đen, bị điều động tới một đơn vị hải quân tham gia tấn công Xê-va-tô-pôn, ông đã tự tay kéo lá cờ đỏ trên đỉnh cột tàu Phơ-răng-xơ (France) để chào mừng Cách mạng tháng Mười Nga. Trở về nước năm 1920, ông ra sức xây dựng các cơ sở công hội bí mật tại khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn và lãnh đạo cuộc bãi công của công nhân Ba Son tháng 8 năm 1925 thắng lợi. Năm 1926, ông gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Năm 1927, được cử vào Ban chấp hành Kỳ bộ Thanh niên Nam kỳ. Cuối năm 1929, ông bị thực dân Pháp kết án 20 năm tù khổ sai và đày ra Côn Đảo.

Cách mạng tháng Tám thành công, ông được chính quyền cách mạng đón về. Từ năm 1945 - 1969, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Chủ tịch Mặt trận liên minh nhân dân ba nước Đông Dương, Chủ tịch Ủy ban Trung

ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ 1955, Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ 1960,... Từ năm 1969, ông được cử làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ông đã được Đảng và Nhà nước ta tặng thưởng Huân chương Sao vàng, giải thưởng “Vì hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc” do Ủy ban giải thưởng hòa bình Quốc tế Lê-nin tặng. Năm 1967, ông được Đoàn Chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô tặng Huân chương Lê-nin.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên, Phan Đại Doãn....- H.: Giáo dục, 2006.- 648 tr.; 24 cm).

B. CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (01 công trình) QUẬN BÌNH THỦY (01 cầu đường bộ)

Thới An Đông

Thới An Đông là thôn được lập nên từ triều Gia Long, thuộc huyện Vĩnh Định, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh. Sang triều Minh Mạng, thuộc tổng Định Thới, huyện Vĩnh Định, phủ Ba Xuyên, tỉnh An Giang. Trải qua triều Thiệu Trị, Tự Đức đến đầu thời Pháp thuộc vẫn tổng cũ, thuộc hạt thanh tra Ba Xuyên, rồi Sóc Trăng, sau đó là Trà Ôn. Từ ngày 05 tháng 01 năm 1876, Thới An Đông được gọi là làng, thuộc hạt tham biện Trà Ôn. Từ ngày 01 tháng 01 năm 1900, thuộc tỉnh Cần Thơ. Năm 1913 đến sau này thuộc quận Ô Môn cùng tỉnh. Từ năm 1956 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, Thới An Đông được gọi là xã, thuộc tỉnh Phong Dinh, về phía chính quyền cách mạng khi thành lập quận Ba, bao gồm xã Thới An Đông, thành phố Cần Thơ thuộc

Khu ủy Khu 9 (Tây Nam Bộ), cho đến ngày 04 tháng 3 năm 1976, thuộc thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang (mới nhập). Từ ngày 26 tháng 12 năm 1991, thuộc tỉnh Cần Thơ, do chia tách tỉnh Hậu Giang. Đến ngày 02 tháng 01 năm 2004, cải biến thành phường Thới An Đông, thuộc quận Bình Thủy (mới lập), thành phố Cần Thơ.

Địa danh Thới An Đông xuất hiện trên 200 năm, bao gồm cả phường Trà Nóc, Trà An ngày nay. Di tích đình Thới An Đông xưa vẫn còn bên vàm rạch Trà Nóc, cạnh Nhà máy nhiệt điện. Tên gọi Thới An Đông mang ý nghĩa: một vùng đất ở về phía Đông luôn thái bình, an lạc.

(Theo cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Bước đầu tìm hiểu Địa danh thành phố Cần Thơ. - Biên soạn Nhâm Hùng, 2013. - Tr. 125).

NGHỊ QUYẾT
Về việc đặt tên đường

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn một số điều của Quy chế đặt tên đường, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 49/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đặt tên đường; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất đặt tên 09 tuyến đường trên địa bàn thành phố Cần Thơ, cụ thể:

1. Quận Ninh Kiều (01 tuyến đường): Trần Vĩnh Kiệt.

2. Quận Cái Răng (02 tuyến đường): Lý Thái Tổ, Lê Hồng Nhi.

3. Quận Bình Thủy (02 tuyến đường): Trần Văn Nghiêm, Nguyễn Viết Xuân.

4. Quận Ô Môn (02 tuyến đường): Tôn Đức Thắng, Hồ Văn Tũu.

5. Quận Thốt Nốt (02 tuyến đường): Nguyễn Tuân, Lương Thế Vinh.

Kèm theo:

- Phụ lục I: Thuyết minh quy mô, vị trí các tuyến đường.

- Phụ lục II: Tóm tắt tiểu sử danh nhân.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa IX, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2018./.

CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phạm Văn Hiếu

Phụ lục I
THUYẾT MINH QUY MÔ, VỊ TRÍ
CÁC TUYẾN ĐƯỜNG
(Kèm theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 7 năm 2018
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (mét)	LÒNG ĐƯỜNG (mét)	LỘ GIỚI (mét)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
I QUẬN NINH KIẾU (01 tuyến đường)									
1	Trần Vĩnh Kiết	1.500	6	10	2	IV	Từ cầu Ngã Cay, nối tiếp đường Trần Vĩnh Kiết hiện hữu đến đường Nguyễn Văn Cừ (địa bàn phường An Bình)	Đường Trần Vĩnh Kiết	Đường Trần Vĩnh Kiết (mới) có chiều dài toàn tuyến là 2.100m
II QUẬN CÁI RĂNG (02 tuyến đường)									
1	Lý Thái Tổ	1.170	35	47	4	I	Từ đường Quang Trung đến đường A10, khu dân cư Hưng Phú	Đường A1, khu dân cư Hưng Phú	
2	Lê Hồng Nhi	1.100	5,5	13,5	2	IV	Từ đường Phạm Hùng đến cuối đường Trường Chinh trị hiện hữu (chùa Long An, phường Lê Bình)	Đường Trường Chinh trị	

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (mét)	LÒNG ĐƯỜNG (mét)	LỘ GIỚI (mét)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
III QUẬN BÌNH THỦY (02 tuyến đường)									
1	Trần Văn Nghiêm	500	6	7	2	IV	Từ đường Trần Quang Diệu đến cuối Hẻm 172 đường Trần Quang Diệu hiện hữu	Hẻm 180 đường Trần Quang Diệu	
2	Nguyễn Viết Xuân	2.848	4	6	1	IV	Từ Rạch Chùa, nối tiếp đường Nguyễn Viết Xuân hiện hữu đến đường Nguyễn Văn Linh (địa bàn phường Thới An Đông)	Đường Rạch Chùa - Năm Non - Bà Lý - 91B	Đường Nguyễn Viết Xuân (mới) có chiều dài toàn tuyến là 5.900m
IV QUẬN Ô MÔN (02 tuyến đường)									
1	Tôn Đức Thắng	9.600	11-24	42	2-4	I	Từ cầu Ô Môn, nối tiếp đường Tôn Đức Thắng hiện hữu đến cầu Bánh Tét (giáp ranh phường Tân Hưng, quận Thốt Nốt)	Quốc lộ 91	Đường Tôn Đức Thắng (mới) có chiều dài toàn tuyến là 19.200m

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (mét)	LÒNG ĐƯỜNG (mét)	LỘ GIỚI (mét)	SỐ LÀN XE	PHÂN NHÓM	GIỚI HẠN (Điểm đầu - điểm cuối)	TÊN TẠM GỌI HIỆN NAY	GHI CHÚ
2	Hồ Văn Tửu	250	6	35	2	III	Từ đường Tôn Đức Thắng đến cầu Rạch Nhum (giáp ranh xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai)	Đường tỉnh 922	
V QUẬN THỐT NỐT (02 tuyến đường)									
1	Nguyễn Tuấn	310	7	17	2	IV	Từ đường Võ Duy Dương đến đường Nguyễn Hữu Cánh	Đường số 2, khu dân cư Long Thạnh 2	
2	Lương Thế Vinh	235	7	17	2	IV	Từ đường số 5, khu dân cư Long Thạnh 2 đến đường Nguyễn Hữu Cánh	Đường số 6 khu dân cư Long Thạnh 2	

Phụ lục II
TÓM TẮT TIỂU SỬ DANH NHÂN
(Kèm theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 7 năm 2018
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

I. QUẬN NINH KIỀU (01 tuyến đường)

Trần Vĩnh Kiệt (1942 - 1971)

Trần Vĩnh Kiệt quê xã An Bình, tỉnh Cần Thơ. Xuất thân trong gia đình có truyền thống cách mạng. Lúc mới 18 tuổi đã thoát ly gia đình, gia nhập lực lượng biệt động thành phố Cần Thơ.

Là cán bộ Chính trị viên Đại đội biệt động thành phố Cần Thơ, Trần Vĩnh Kiệt là người đã xây dựng trên 70 cơ sở trong nội ô thành phố và hàng trăm cơ sở quanh vùng ngoại thành. Phục vụ tốt yêu cầu cất giấu vũ khí, nuôi dưỡng cán bộ và bộ đội đáp ứng yêu cầu đánh địch ở nội ô và ngoại thành.

Đồng chí là một chiến sĩ biệt động kiên cường, đã trực tiếp tham gia đánh trên 60 trận chiến. Trong công tác, đồng chí luôn nhận phần khó khăn về mình, đã nhiều lần cải trang, táo bạo thọc vào ấp chiến lược diệt ác, phá kềm, xây dựng cơ sở bám đất, bám dân tiếp tục chiến đấu ở các địa bàn thuộc xã An Bình, Thuận Đức vào những năm 1966 - 1968.

Tháng 10 năm 1971, trong một chuyến đi công tác xây dựng cơ sở trong nội thành, trên đường về căn cứ, đồng chí bị rơi vào ổ phục kích của giặc. Thà hy sinh chứ nhất định không để cho địch bắt, đồng chí Trần Vĩnh Kiệt đã chiến đấu dũng cảm đến hơi thở cuối cùng.

Đồng chí Trần Vĩnh Kiết được tặng thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, nhì, ba; hai lần được phong tặng danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ - Ngụy và chiến sĩ thi đua, cùng nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp.

Ngày 06 tháng 11 năm 1978, Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định truy tặng đồng chí Trần Vĩnh Kiết danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

(Cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Cần Thơ/Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cần Thơ, 2001.- tr.640).

II. QUẬN CÁI RĂNG (02 tuyến đường)

1. Lý Thái Tổ (974- 1028)

Tên thật là Lý Công Uẩn, người sáng lập nhà Lý. Quê ở châu Cổ Pháp (Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh). Năm 03 tuổi, mẹ ông phải nhờ nhà sư Lý Khánh Văn nuôi hộ. Thuở nhỏ, ông thông minh, tuấn tú, được sư cho sang chùa Lục Tổ học với sư Vạn Hạnh. Sư Vạn Hạnh rất quý trọng, từng nói rằng: “Đứa bé này không phải là người thường”.

Lớn lên ông làm một chức quan nhỏ trong Điện tiền quân của vua Lê Đại Hành. Năm 1005, vua Lê Đại Hành chết, Lê Long Đĩnh (Lê Ngọa Triều) lên ngôi đã phong ông làm Phó Chỉ huy sứ quân Tứ Sương. Cuối năm 1009, vua Lê Ngọa Triều chết, ông được Đào Cam Mộc và một số quan trong triều suy tôn lên ngôi. Lý Công Uẩn lên làm vua đặt niên hiệu là Thuận Thiên. Năm 1010, ông xuống Chiếu dời đô từ Hoa Lư về Đại La, rồi đổi tên thành Thăng Long. Kinh thành được xây dựng, nhân dân các nơi tụ về

làm ăn, sinh sống. Trong những năm trị vì, ông ổn định chính trị, củng cố nền thống nhất, phát triển sản xuất, đề cao Phật giáo,... Tháng 4 năm 1028 ông mất, miếu hiệu là Lý Thái Tổ.

(Cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên; Phan Đại Doãn.... - H.: Giáo dục, 2006.- tr.; 24cm).

2. Lê Hồng Nhi (1941 - 1975)

Liệt sĩ, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tiểu đội trưởng trinh sát vũ trang - Ban An ninh nhân dân Khu Tây Nam bộ.

Quê xã Hưng Thiện, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; vào ngành an ninh năm 1973.

Khi còn niên thiếu, anh là một đội viên tích cực của Đội thiếu niên. Năm 17 tuổi, anh tham gia dân quân vệ xóm làng, bảo vệ cán bộ cách mạng. Năm 1973, anh chính thức được tuyển vào Đội An ninh vũ trang thuộc Tiểu đoàn 1 Khu Tây Nam bộ. Sau đó, anh được phân công về Đại đội 3, Tiểu đoàn 1 An ninh vũ trang có nhiệm vụ bảo vệ cơ quan Khu ủy. Tuy ít tuổi nhưng anh rất tích cực tham gia công tác và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được phân công.

Trong quá trình làm công tác bảo vệ khu căn cứ, anh đã trực tiếp tham gia chiến đấu hàng chục trận chống càn, chống bình định, lấn chiếm của địch vào khu căn cứ, anh đã tiêu diệt 146 tên địch, phá hủy hàng trăm súng, thu nhiều phương tiện chiến tranh.

Tháng 02 năm 1975, lực lượng ta bao vây đánh đồn Vàm Xáng (huyện Vĩnh Thuận). Địch cho 01 tiểu đoàn đến hỗ trợ giải vây. Để bảo vệ an toàn khu căn cứ, anh được phân công chỉ huy 06 đồng chí khác chặn đánh lực lượng chi viện của địch. Cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt, buộc địch phải rút quân. Tuy nhiên địch tiếp tục tăng cường quân. Sự tương quan lực lượng quá chênh lệch và cuộc chiến đấu kéo dài, cả 06 đồng chí đều bị thương, một mình anh phải đương đầu và đánh trả quyết liệt cả một tiểu đoàn địch. Đạn hết, anh bị thương nặng và hy sinh anh dũng. Nhờ kéo dài trận đánh và quyết liệt này, Khu ủy đã có đủ thời gian di chuyển địa điểm bảo đảm an toàn tuyệt đối.

Anh được tặng thưởng Huân chương Huân công hạng nhì, 15 bằng khen, giấy khen. Ngày 24 tháng 01 năm 1976, anh được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

(Cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Những đơn vị, cá nhân anh hùng Công an nhân dân.- H.: Công an nhân dân).

III. QUẬN BÌNH THỦY (02 tuyến đường)

1. Trần Văn Nghiêm (1923 - 1985)

Quê quán xã Ninh Sơn, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Sớm tiếp thu những ảnh hưởng của phong trào cách mạng, nhập ngũ từ năm 1945. Trong kháng chiến chống Pháp, đồng chí trưởng thành từ chiến sĩ đến Trung đoàn trưởng.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1955 - 1963), trải qua các chức vụ Phó phòng, Trưởng phòng, Cục phó Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu. Tháng 9 năm 1964, ông giữ chức vụ Trưởng Phòng tác chiến, sau đó là Tham mưu phó Bộ tham mưu Quân giải phóng Miền Nam Việt Nam. Tháng 10 năm 1972, ông giữ chức vụ Phó Tư lệnh Quân khu 2 (T2) thuộc Chiến trường B2 (Quân khu 8). Tháng 02 năm 1975, ông giữ chức vụ Phó Tư lệnh Đoàn 232, tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Tháng 8 năm 1977, ông giữ chức vụ Phó Tư lệnh Quân khu 9, Tư lệnh Quân khu 9 (1979 - 1985). Năm 1984, ông được thăng quân hàm Trung tướng. Ông mất năm 1985.

Ông đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng nhất, Huân chương Quân công hạng nhất,...

(Cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam - Trang 1.008, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân - 2004).

2. Nguyễn Viết Xuân (1934 - 1966)

Quê xã Ngũ Kiên, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay là Vĩnh Phúc).

Nguyễn Viết Xuân đã có đóng góp quan trọng trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Nguyễn Viết Xuân là Chính trị viên đại đội pháo phòng không, làm nhiệm vụ ở khu vực Tây Quảng Bình. Trong trận chiến đấu ngày 18 tháng 11 năm 1966, mặc dù bị thương nặng anh vẫn không rời vị trí chỉ huy, bình tĩnh yêu cầu y tá cắt đứt phần chân bị địch bắn nát và tiếp tục động viên cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị bằng khẩu hiệu: “Nhằm thẳng quân thù! Bắn!”.

Nguyễn Viết Xuân đã được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

(Cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển nhân vật lịch sử/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên; Phan Đại Doãn....-H.: Giáo dục, 2006.- 648 tr.; 24cm).

IV. QUÂN Ô MÔN (02 tuyến đường)

1. Tôn Đức Thắng (1888 - 1980)

Chủ tịch Tôn Đức Thắng sinh ngày 20 tháng 8 năm 1888, tại làng Mỹ Hòa Hưng, tỉnh Long Xuyên (nay là tỉnh An Giang).

Năm 1910, sau khi học xong trường dạy nghề, ông vào làm việc trong xưởng máy của Hải quân Pháp tại Sài Gòn. Năm 1912, ông lãnh đạo cuộc bãi công của học sinh trường dạy nghề và công nhân nhà máy Ba Son. Bị lùng bắt ráo riết, ông phải trốn sang Pháp làm thợ máy trong hải quân Pháp.

Năm 1919, ông tham gia cuộc binh biến tại Biển Đen, bị điều động tới một đơn vị hải quân tham gia tấn công Xê-va-tô-pôn, ông đã tự tay kéo lá cờ đỏ trên đỉnh cột tàu Phơ-răng-xơ (France) để chào mừng Cách mạng tháng Mười Nga. Trở về nước năm 1920, ông ra sức xây dựng các cơ sở công hội bí mật tại khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn và lãnh đạo cuộc bãi công của công nhân Ba Son tháng 8 năm 1925 thắng lợi. Năm 1926, ông gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Năm 1927, được cử vào Ban Chấp hành Kỳ bộ Thanh niên Nam kỳ. Cuối năm 1929, ông bị thực dân Pháp kết án 20 năm tù khổ sai và đày ra Côn Đảo.

Cách mạng tháng Tám thành công, ông được chính quyền cách mạng đón về. Từ năm 1945 - 1969, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Chủ tịch Mặt trận liên minh nhân dân ba nước Đông Dương, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ 1955; Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ 1960,... Từ năm 1969, ông được cử làm Chủ tịch Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ông đã được Đảng và Nhà nước ta tặng thưởng Huân chương Sao vàng, giải thưởng “Vì hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc” do Ủy ban giải thưởng hòa bình Quốc tế Lê-nin tặng. Năm 1967, ông được Đoàn Chủ tịch Xô Viết tối cao Liên Xô tặng Huân chương Lê-nin.

(Cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu. Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên, Phan Đại Doãn....- H.: Giáo dục, 2006.- 648tr.; 24cm).

2. Hồ Văn Tửu (1936 - 1969)

Hồ Văn Tửu, hay còn gọi là Bành Tửu. Liệt sĩ, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Ông sinh năm 1936, tại xã Thới Thạnh, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (nay là phường Trường Lạc, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ). Tham gia cách mạng từ năm 13 tuổi và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1950 (lúc 14 tuổi), tại Chi bộ xã Thới Thạnh, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ.

Năm 1950, ông giữ chức vụ Phó Bí thư Chi bộ xã Thới Thạnh, huyện Ô Môn. Năm 1951, giữ chức vụ Bí thư Chi bộ xã Thới Thạnh, huyện Ô Môn. Từ năm 1961 - 1963, ông là Ủy viên Ban thường vụ Huyện ủy, Huyện đội trưởng Huyện đội Ô Môn.

Từ năm 1963 - 1964, ông được bổ nhiệm làm Đại đội trưởng Đại đội 20, Tiểu đoàn Tây Đô. Từ năm 1965 - 1966, ông giữ chức Tiểu đoàn phó và Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Tây Đô. Từ năm 1967 - 1968, ông là Tỉnh ủy viên, Chính trị viên trưởng Tiểu đoàn Tây Đô.

Từ năm 1968 - 1969, ông là Tỉnh ủy viên chỉ đạo mặt trận tiền phương và chỉ đạo Cụm 3 huyện Kế Sách, Châu Thành B, Châu Thành A - tỉnh Cần Thơ; Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Tây Đô - Tỉnh đội phó Chỉ huy tiền phương.

Ông là người luôn nêu cao tinh thần cách mạng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đã trực tiếp chiến đấu, lãnh đạo và chỉ huy đánh hơn 100 trận lớn nhỏ, góp phần cùng lực lượng vũ trang nhân dân Cần Thơ, mà tiêu biểu là Tiểu đoàn Tây Đô loại khỏi vòng chiến đấu hơn 2.000 tên giặc. Điển hình như các trận: Thị đội, Hòa Hưng, Cái Sắn (1964 - 1965); trận Lung Đưa, Ông Hào, Ông Cừ (1965 - 1969). Ông đã cùng đồng đội tiêu diệt 07 tiểu đoàn của Sư đoàn 20, làm thiệt hại nặng các lữ đoàn của Sư đoàn 9 Bộ binh Mỹ. Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân năm 1968, ông đã tham gia đánh chiếm nhiều vị trí quan trọng của địch tại Cần Thơ, ông hy sinh năm 1969.

Ông đã được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Kháng chiến chống Pháp hạng ba; Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, nhì, ba; Huân chương Độc lập hạng nhì; Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng nhất, nhì, ba; Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba; Huân chương Chiến công hạng nhì, ba. Ngày 30 tháng 01 năm 2011, ông được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

(Cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Báo cáo thành tích đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, do Đại tá Hồ Quốc Quang - em ruột ông Hồ Văn Tưu cung cấp).

V. QUẬN THỐT NỐT (02 tuyến đường)

1. Nguyễn Tuân (1910 - 1987)

Nhà văn. Quê làng Mọc Thượng Đình, sinh tại phố Hàng Bạc, Hà Nội. Thời trẻ sống ở miền Trung, làm báo, viết văn, đóng phim. Ông nổi tiếng với thể loại tùy bút mang phong cách riêng cả trước cách mạng, trong kháng chiến và sau hòa bình. Ông tham gia kháng chiến chống Pháp, sau đó tham gia phong trào đi Nam tiến. Ông là Thư ký Hội Văn nghệ Việt Nam, dự các chiến dịch sông Thao, Đường số 4,...

Ông đã để lại nhiều tác phẩm giá trị: Thiếu quê hương, Vang bóng một thời, Tóc chị Hoài, Sông Đà, Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi. Ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh.

(Cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Tiểu từ điển đường phố Hà Nội/Giang Quân. H.: Nxb. Từ điển Bách khoa.: Trung tâm văn hóa Tràng An. 2010.- 408 tr; . 17cm).

2. Lương Thế Vinh (1442 - 1496)

Nhà văn hóa lớn và nhà toán học. Quê làng Cao Hương, huyện Thiên Bản (Vụ Bản, Nam Định). Ông đỗ Trạng nguyên khoa thi năm 1463, thường gọi là Trạng Lường. Lúc đầu, ông giữ các chức văn thư, soạn thảo các giấy tờ giao thiệp với Nhà Minh. Thời Hồng Đức (1470 - 1497), ông giữ các chức quan phụ trách giáo dục, làm Hàn

lâm viện thi thư, Nhập thị kinh diện kiêm chức Tri huấn Sùng Văn quán và Tú Lâm cục; vua cũng cử ông làm Sái phu (sửa chữa và bình phẩm thơ văn) của hội Tao đàn.

Ông không ham công danh phú quý, dám nói thẳng và hay khôi hài. Khi về già, sống bình dị ở quê hương. Ông là nhà văn, nhà toán học, nhà nghiên cứu nghệ thuật, nghiên cứu Phật học đã để lại một số tác phẩm có giá trị như: Đại thành toán pháp, Hí phường phả lục, Thiền môn giáo khoa,...

(Cơ sở dữ liệu Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ. Nguồn tư liệu: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam/Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh chủ biên; Phan Đại Doãn, Chương Thâu...-H.: Giáo dục, 2006. -647 tr.; 24cm)./.

NGHỊ QUYẾT
Về việc đặt tên đường

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đặt tên đường; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đặt tên 10 tuyến đường trên địa bàn thành phố Cần Thơ, cụ thể như sau:

1. Quận Ninh Kiều (04 tuyến đường):

a) Đường Trần Nam Phú: Giới hạn từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường cặp hồ Bún Xáng, thuộc địa bàn phường An Khánh *(tên tạm gọi hiện nay là đường Lộ Ngân hàng)*.

b) Đường Trần Văn Long: Giới hạn từ Đường số 5 - khu dân cư Thới Nhứt 2 đến đường cặp rạch Bà Bộ, thuộc địa bàn phường An Khánh *(tên tạm gọi hiện nay là Đường số 2 - khu dân cư Thới Nhứt 2)*.

c) Đường Nguyễn Minh Quang: Giới hạn từ đường Ngô Thì Nhậm đến đường Trần Bạch Đằng, thuộc địa bàn phường An Khánh *(tên tạm gọi hiện nay là Đường số 24 - khu dân cư Thới Nhứt 1)*.

d) Đường Trần Minh Sơn: Giới hạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến Đường số 5 - khu dân cư Đại học Y Dược Cần Thơ, thuộc địa bàn phường An Khánh *(tên tạm gọi hiện nay là Đường số 4 - khu dân cư Đại học Y Dược Cần Thơ)*.

2. Quận Cái Răng (05 tuyến đường):

a) Đường Nguyễn Ngọc Bích: Giới hạn từ đường Quang Trung đến Đường B20 - khu dân cư Hưng Phú 1, thuộc địa bàn phường Hưng Phú *(tên tạm gọi hiện nay là Đường B6 - khu dân cư Hưng Phú 1)*.

b) Đường Hoàng Thế Thiện: Giới hạn từ đường Quang Trung đến Đường A5 - khu dân cư Hưng Phú 1, thuộc địa bàn phường Hưng Phú *(tên tạm gọi hiện nay là Đường B7 - khu dân cư Hưng Phú 1)*.

c) Đường Hoàng Văn Thái: Giới hạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường dân sinh cặp đường dẫn cầu Cần Thơ, thuộc địa bàn phường Hưng Phú *(tên tạm gọi hiện nay là Đường A 5 - khu dân cư Hưng Phú 1)*.

d) Đường Lê Văn Tường: Giới hạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến Đường số 12 - khu dân cư Phú An, thuộc địa bàn phường Phú Thứ *(tên tạm gọi hiện nay là Đường số 47 - khu dân cư Phú An)*.

đ) Đường Nguyễn Chánh: Giới hạn từ đường Mai Chí Thọ đến đường Nguyễn Thị Sáu, thuộc địa bàn phường Phú Thứ *(tên tạm gọi hiện nay là Đường số 12 - khu dân cư Phú An)*.

3. Quận Bình Thủy (01 tuyến đường):

Đường Xuân Hồng: Giới hạn từ đường Tô Vĩnh Diện đến Đường số 5 - khu đô thị mới hai bên đường Nguyễn Văn Cừ, thuộc địa bàn phường Long Tuyền *(tên tạm gọi hiện nay là Đường số 1 - khu tái định cư phường Long Tuyền và Đường số 36 - khu đô thị hai bên đường Nguyễn Văn Cừ)*.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.
2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa IX, kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Văn Hiếu

MỤC LỤC

PHẦN I. VĂN BẢN QUY ĐỊNH	3
1. Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.	4
2. Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin Hướng dẫn thực hiện một số Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành.	12
3. Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 15/5/2009 của UBND thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt đề án đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2020.	18
4. Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 02/5/2012 của UBND thành phố Cần Thơ về việc ủy quyền đặt tên các công trình công cộng thành phố Cần Thơ.	40
5. Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 05/12/2014 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về công trình công cộng thuộc thẩm quyền đặt tên của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ.	42
6. Quyết định số 3605/QĐ-UBND ngày 08/12/2014 của UBND thành phố Cần Thơ về việc Ban hành Quy định tiêu chí chọn tên, đưa vào Ngân hàng tên đường và công trình công cộng thành phố Cần Thơ.	47
7. Hướng dẫn số 4323/HD-SVHTTDL ngày 29/1/2018 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Cần Thơ về Mẫu biểu tên đường và bảng tóm tắt tiêu sử danh nhân.	56
8. Quyết định số 3300/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của UBND thành phố Cần Thơ về việc kiện toàn Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	59

9. Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	63
10. Quyết định số 03/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2019 của UBND thành phố Cần Thơ - Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng về việc thành lập Tổ Thư ký giúp việc cho Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	65
PHẦN II: CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐƯỢC ĐẶT TRƯỚC KHI PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN	69
1. Công văn số 2614/UBND-VX ngày 03/6/2014 của UBND thành phố Cần Thơ về việc kiểm kê các tuyến đường đã được đặt tên.	70
2. Danh sách các tuyến đường trên địa bàn thành phố Cần Thơ đã được đặt tên trước khi ban hành Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 15/5/2009 của UBND thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt đề án đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2020.	72
PHẦN III: NGHỊ QUYẾT ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TỪ NĂM 2009 ĐẾN 2019	87
1. Nghị quyết số 08/2009/ND-HĐND ngày 26/6/2009 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc đặt tên đường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	88
2. Nghị quyết số 19/2009/ND-HĐND ngày 09/12/2009 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc đặt tên đường và tên công trình công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	112
3. Nghị quyết số 06/2010/ND-HĐND ngày 25/6/2010 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc đặt tên đường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	118

4. Nghị quyết số 06/2011/ND-HĐND ngày 19/7/2011 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc đặt tên đường trên địa bàn thành phố Cần Thơ. 130
5. Nghị quyết số 16/2011/ND-HĐND ngày 08/12/2011 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc đặt tên đường trên địa bàn thành phố Cần Thơ. 136
6. Nghị quyết số 17/2012/ND-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc đặt tên đường và công trình công cộng. 150
7. Nghị quyết số 05/2013/NQ-HĐND ngày 05/7/2013 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về đặt tên đường và đổi tên công trình công cộng. 172
8. Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc đặt tên đường và công trình công cộng. 187
9. Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 05/12/2014 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về đặt tên đường và công trình công cộng. 199
10. Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về đặt tên đường, đổi tên đường. 231
11. Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND ngày 04/12/2015 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về đặt tên đường và công trình công cộng. 239
12. Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 22/7/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng. 262
13. Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc đặt tên đường và công trình công cộng. 279
14. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc đặt tên đường. 297
15. Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc đặt tên đường. 313

**SỔ TAY CÔNG TÁC ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

**SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Số 01 Ngô Văn Sở, phường Tân An,
quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

In 870 bản, khổ 13cm x 19cm, tại Công ty Cổ phần in Tổng hợp Cần Thơ. Giấy phép xuất bản số:GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Cần Thơ cấp ngày ... tháng năm 2019. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2019.